

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHI MINH

NGUYỄN THỊ HÀ

VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI HIỆN NAY

(Qua khảo sát Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học
Giao thông vận tải và Trường Đại học Ngoại thương)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: VĂN HÓA HỌC

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHI MINH

NGUYỄN THỊ HÀ

VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI HIỆN NAY
(Qua khảo sát Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học
Giao thông vận tải và Trường Đại học Ngoại thương)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: VĂN HÓA HỌC

Mã số: 9229040

Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN HUY PHÒNG

HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Tác giả



Nguyễn Thị Hà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	13
1.1. Nghiên cứu về văn hóa học đường	13
1.2. Nghiên cứu về văn hóa học đường trong trường đại học	24
1.3. Nghiên cứu về văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội	30
1.4. Đánh giá chung về các nghiên cứu liên quan đến đề tài	34
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ KHÁI QUÁT ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU	40
2.1. Một số khái niệm	40
2.2. Các quan điểm vận dụng trong luận án	47
2.3. Cấu trúc văn hóa học đường	52
2.4. Văn hóa học đường trong trường đại học	59
2.5. Khung phân tích của luận án	69
2.6. Khái quát địa bàn nghiên cứu	70
Chương 3: NHẬN DIỆN VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	77
3.1. Giá trị văn hóa học đường của trường đại học	77
3.2. Chuẩn mực văn hóa học đường	87
3.3. Hoạt động văn hóa trong học đường	117
3.4. Thực trạng biểu tượng, kiến trúc, cảnh quan học đường	131
3.5. Đánh giá chung về văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay	143
Chương 4: NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG, CÁC VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ KHUYẾN NGHỊ MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	154
4.1. Những yếu tố tác động đến văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay	154
4.2. Các vấn đề đặt ra đối với văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội	177
4.3. Khuyến nghị một số giải pháp xây dựng văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội	186
KẾT LUẬN	192
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	196
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	197
PHỤ LỤC	207

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CB, GV, NV	Cán bộ, giảng viên, nhân viên (<i>sử dụng trong bảng, biểu</i>)
ĐHGTVT	Đại học Giao thông vận tải
ĐHNT	Đại học Ngoại thương
ĐHSPHN	Đại học Sư phạm Hà Nội
NCS	Nghiên cứu sinh
SV	Sinh viên (<i>sử dụng trong bảng, biểu</i>)
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc
VHHD	Văn hóa học đường

DANH MỤC CÁC BẢNG

	<i>Trang</i>
Bảng 2.1. Tổng hợp cấu trúc của văn hóa học đường	52
Bảng 3.1. Thống kê từ khóa các giá trị cốt lõi của nhóm trường đại học chia theo khu vực	78
Bảng 3.2. Thực trạng thực hiện chuẩn mực của sinh viên trong học tập (qua khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường)	92
Bảng 3.3. Thực trạng chuẩn mực trong ứng xử giữa cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường	99
Bảng 3.4. Kết quả khảo sát thực trạng chuẩn mực trong ứng xử của sinh viên	104
Bảng 4.1. Kết quả khảo sát mức độ tác động của bối cảnh thế giới đối với VHHD trong trường đại học	154
Bảng 4.2. Kết quả khảo sát mức độ ảnh hưởng của bối cảnh trong nước đến VHHD trong trường đại học	162

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

	<i>Trang</i>
Biểu đồ 3.1. Thực trạng nhận thức về giá trị cốt lõi của sinh viên, cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường	83
Biểu đồ 3.2. Thực trạng chuẩn mực của cán bộ, giảng viên, nhân viên trường đại học trong giảng dạy - quản lý	89
Biểu đồ 3.3. Thực trạng thực hiện chuẩn mực trong ứng xử của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường với sinh viên	96
Biểu đồ 3.4. Thực trạng chuẩn mực trong ứng xử của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường đối với phụ huynh, khách, đối tác của nhà trường	101
Biểu đồ 3.5. Thực trạng chuẩn mực về tác phong của cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên trường đại học	110
Biểu đồ 3.6. Kết quả khảo sát tần suất tham gia các hoạt động văn hóa trong trường đại học của sinh viên	118
Biểu đồ 3.7. Tỷ lệ sinh viên tham gia các câu lạc bộ của trường đại học	122
Biểu đồ 3.8. Kết quả khảo sát thực trạng nội dung các hoạt động văn hóa trong trường đại học	130
Biểu đồ 3.9. Tỷ lệ mức độ nhận thức của sinh viên về ý nghĩa của logo, khẩu hiệu trường đại học	136
Biểu đồ 4.1. Xuất thân của sinh viên ở ba trường đại học	171

DANH MỤC CÁC HÌNH

	<i>Trang</i>
Hình 2.1. Ba cấp độ biểu hiện văn hóa tổ chức theo Edgar H.Schien	48
Hình 2.2. Khung phân tích của luận án	70
Hình 3.1. Logo của Trường ĐHSPHN, Trường ĐHNT và Trường ĐHGTVT	133

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nghiên cứu sinh (NCS) lựa chọn đề tài nghiên cứu “*Văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay (Qua khảo sát Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Giao thông vận tải và Trường Đại học Ngoại thương)*” xuất phát từ các lý do sau đây:

Thứ nhất, văn hóa học đường (VHHĐ) ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong sự phát triển của các trường đại học nói riêng cũng như giáo dục đào tạo nói chung. Bên cạnh việc chú trọng nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, các trường còn luôn quan tâm đến việc xây dựng VHHĐ nhằm tạo dựng giá trị, chuẩn mực, truyền thống và những nét đẹp của nhà trường, kiến tạo niềm tin trong xã hội. Xây dựng VHHĐ tạo môi trường học tập lành mạnh, nhân văn, mang đến bầu không khí tinh thần vui tươi, phấn khởi, giúp khích lệ người dạy, người học không ngừng phấn đấu, sáng tạo, cống hiến, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc nghiên cứu VHHĐ trong trường đại học giúp chúng ta nhận diện được những giá trị, những chuẩn mực trong học đường và đặc biệt là sự biến đổi các giá trị, chuẩn mực này trong bối cảnh ảnh hưởng của toàn cầu hóa hiện nay, từ đó có những dự báo và giải quyết những vấn đề tồn tại đối với văn hóa trong trường đại học hiện nay.

Thứ hai, những năm qua, Đảng, Nhà nước có nhiều quyết sách nhằm đẩy mạnh việc xây dựng VHHĐ trong các nhà trường, trong đó có trường đại học, như Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư về *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030*; Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ về *việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường*, trong đó nhấn mạnh: VHHĐ là một môi trường quan trọng để rèn luyện nhân cách và giáo dục thế hệ trẻ thành những con người phát triển toàn diện đức - trí - thể - mỹ, có lòng yêu nước,

tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, có ý thức và trách nhiệm với đất nước, cộng đồng, gia đình và bản thân. Do đó, công tác xây dựng VHHD trong các trường đại học trên địa bàn Thủ đô có nhiều chuyển biến tích cực; tạo niềm tin cho xã hội về chất lượng giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài góp phần đào tạo nên những thế hệ công dân tốt, có phẩm chất, năng lực, đạo đức, văn hóa đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, kết quả đạt được, việc xây dựng và thực hành văn hóa trong một số cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn Thủ đô vẫn còn những bất cập, hạn chế. Biểu hiện như vẫn còn một bộ phận sinh viên, nhà giáo có biểu hiện lệch chuẩn về đạo đức, lối sống văn hóa, hành vi ứng xử trên bình diện xã hội và môi trường học đường,... Những bất cập đó ảnh hưởng lớn đến chất lượng công tác dạy và học, đến hình ảnh, thương hiệu, uy tín, truyền thống của nhà trường. Đồng thời, trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội có nhiều biến đổi mạnh mẽ, do đó, VHHD cần được nghiên cứu, nhận diện, đánh giá để có những chính sách phù hợp.

Những năm qua, nghiên cứu về VHHD nói chung và VHHD trong trường đại học nói riêng được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu với một số công trình đã được xuất bản, công bố. Tuy nhiên, hiện chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, chuyên biệt về VHHD trong các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh mới.

Nhằm góp phần nhận diện và sáng rõ hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn về VHHD trong các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội qua nghiên cứu trường hợp dưới góc nhìn và tiếp cận của văn hóa học, NCS lựa chọn đề tài “*Văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay (Qua khảo sát Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Giao thông vận tải và Trường Đại học Ngoại thương)*” làm đề tài luận án thuộc ngành Văn hóa học tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận về VHHD, luận án đi vào nhận diện thực trạng, xác định những yếu tố tác động, những vấn đề đặt ra đối với VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội nhằm xây dựng, phát triển VHHD trong các trường đại học, hướng đến nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận án thực hiện các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, tổng quan những công trình nghiên cứu về VHHD và VHHD trong trường đại học để làm cơ sở cho việc xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Thứ hai, làm rõ một số vấn đề lý luận về VHHD và VHHD trong trường đại học.

Thứ ba, nhận diện thực trạng VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội qua khảo sát Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Giao thông vận tải và Trường Đại học Ngoại thương.

Thứ tư, phân tích một số yếu tố tác động, các vấn đề đặt ra và khuyến nghị một số giải pháp trong xây dựng VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Nội dung nghiên cứu*: trong phạm vi của luận án, NCS khảo sát VHHD trong trường đại học qua cảm nhận, đánh giá và thực hành VHHD của sinh viên, cán bộ, giảng viên, nhân viên đang học tập, làm việc tại các trường. Đây là những chủ thể quan trọng của VHHD trong trường đại học.

Văn hóa học đường là loại hình văn hóa đặc thù gắn liền với cơ quan, tổ chức, thiết chế đặc thù, được hợp thành bởi nhiều thành tố. Trong phạm vi đề tài, luận án tập trung nghiên cứu VHHD ở các bình diện: Hệ giá trị VHHD; Chuẩn mực VHHD; các hoạt động văn hóa trong nhà trường và các biểu tượng, kiến trúc, cảnh quan trong các trường đại học.

- *Không gian nghiên cứu*: ba trường đại học là Trường ĐHSPhN, Trường ĐHGTVT và Trường ĐHNT.

Nghiên cứu sinh lựa chọn ba trường đại học trên để nghiên cứu là vì:

+ Đây là ba trường đại diện cho ba nhóm lĩnh vực đào tạo khác nhau, có lịch sử thành lập và phát triển lâu đời, gắn với những thăng trầm của Thủ đô Hà Nội, do đó có tính đại diện cao cho các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội: Trường ĐHSPhN là một trong những trường hàng đầu của cả nước về lĩnh vực đào tạo giáo viên; Trường ĐHGTVT là trường kỹ thuật - công nghệ gắn liền với giao thông - xây dựng; còn Trường ĐHNT dẫn đầu trong các trường về kinh tế - đối ngoại. Trên cơ sở khảo sát ba trường đại học trên, NCS có thể phân tích, tổng hợp những đặc điểm chung của VHHD của các trường đại học ở Thủ đô Hà Nội.

+ Đây là ba trường đại học có sự khác biệt trong truyền thống, triết lý, sứ mạng, mục tiêu đào tạo nên có những bản sắc riêng biệt làm nên thương hiệu của nhà trường: Trường ĐHSPhN có truyền thống mô phạm với sự chuẩn mực, tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm cao của những người làm giáo dục; Trường ĐHGTVT có tính thực tiễn, kỷ luật, tính toán chính xác trong nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật - công nghệ; Trường ĐHNT mang tính năng động, sáng tạo với tinh thần khởi nghiệp và khả năng hội nhập quốc tế. Lựa chọn ba trường này giúp NCS có thể so sánh, rút ra những điểm chung và nét riêng VHHD của từng trường đại học - thể hiện được bản sắc, thương hiệu riêng của nhà trường.

+ Ba trường đại học NCS lựa chọn đều có vai trò quan trọng và tầm ảnh hưởng rộng lớn đối với hệ thống các trường đại học ở thành phố Hà Nội nói

riêng và hệ thống giáo dục đại học Việt Nam nói chung. Việc nghiên cứu VHHD ở ba trường không chỉ có ý nghĩa trong phạm vi nhà trường mà còn có những tác động lớn đến các trường đại học khác trên địa bàn và trên cả nước.

+ Ngoài ra, Trường ĐHSPHN, Trường ĐHNT và Trường ĐHGTVT là các trường có số lượng cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên lớn, có lịch sử phát triển lâu đời, tạo ra nguồn dữ liệu nghiên cứu phong phú về VHHD trong các trường đại học, vừa có tính đại diện cao và có giá trị so sánh.

- *Thời gian tiến hành nghiên cứu:* từ năm 2018 đến năm 2025. Năm 2018 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1299/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025”. Văn hóa ứng xử trong trường học là một trong những nội dung quan trọng của VHHD, sự ra đời của Đề án đã tạo bước chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của thầy và trò trong các nhà trường. Luận án lựa chọn mốc thời gian từ 2018 đến 2025 để có cái nhìn so sánh, nhận diện được những chuyển biến trong xây dựng VHHD ở các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội thời gian qua.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Đề tài được tiến hành dựa trên phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, nhìn nhận, đánh giá đối tượng nghiên cứu một cách khách quan, khoa học. Đồng thời dựa trên quan điểm, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục và vai trò của giáo dục; quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng văn hóa, về giáo dục và về VHHD trong các trường học hiện nay.

Đề tài cũng dựa trên các quan điểm nghiên cứu, lý thuyết nghiên cứu về VHHD, VHHD trong trường đại học, các nghiên cứu tiếp cận liên ngành của các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Từ góc độ tiếp cận văn hóa học, luận án sử dụng kết hợp các phương pháp, thủ pháp nghiên cứu khác nhau, trong đó có các phương pháp nghiên cứu chính sau:

4.2.1. Phương pháp phân tích - tổng hợp

Phương pháp phân tích - tổng hợp được nghiên cứu sinh sử dụng trong phân tích các dữ liệu đồng thời khái quát vấn đề nghiên cứu, đặt đối tượng nghiên cứu trong một chỉnh thể hoàn chỉnh để có những nhìn nhận, đánh giá chính xác, khách quan.

Phương pháp phân tích - tổng hợp được tiến hành xuyên suốt luận án, từ việc tổng quan các tài liệu có liên quan đến VHHD, VHHD trong trường đại học, xác định giả thuyết, câu hỏi nghiên cứu, xây dựng khung lý thuyết của luận án đến phân tích, tổng hợp các dữ liệu điều tra, đánh giá thực trạng của VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Ở chương 1 và chương 2, phương pháp phân tích - tổng hợp giúp NCS thu thập, phân loại các tài liệu đã được công bố trên thế giới và Việt Nam có liên quan đến VHHD, VHHD trong trường đại học, chia các tài liệu thành bốn nhóm chính: (i) các nghiên cứu về VHHD trên thế giới; (ii) các nghiên cứu về VHHD ở Việt Nam; (iii) các nghiên cứu về VHHD trong trường đại học và (iv) các nghiên cứu về VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội. NCS tiến hành phân tích, tổng hợp, đánh giá các dữ liệu trên để thấy được khoảng trống cần nghiên cứu, từ đó xác định mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu cũng như đề xuất khung phân tích của luận án.

Còn ở chương 3 và chương 4, NCS áp dụng phương pháp này để phân tích các dữ liệu đã khảo sát được, tổng hợp, đánh giá đặc điểm của VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội; cũng như phân tích những yếu tố tác động đến VHHD trong trường đại học để đưa ra các vấn đề đặt ra đối với VHHD trong bối cảnh hiện nay.

4.2.2. Phương pháp so sánh - đối chiếu

Phương pháp so sánh - đối chiếu là một trong những phương pháp quan trọng trong luận án. Phương pháp này cho phép tổng hợp những nét chung cũng như tách ra các nét riêng của các vấn đề nghiên cứu, trên cơ sở đó đánh giá được các mặt của vấn đề.

Trong luận án này, NCS sử dụng phương pháp so sánh - đối chiếu để so sánh các nghiên cứu của các nhà khoa học trong nước và quốc tế để có góc nhìn đối chiếu về VHHĐ; đồng thời so sánh các số liệu của bảng khảo sát thu thập được, để làm nổi bật sự khác nhau về thực trạng VHHĐ giữa ba trường đại học khảo sát, giữa các trường ở Thủ đô Hà Nội với các trường đại học trên địa bàn khác nhau. Việc so sánh, đối chiếu trên giúp NCS rút ra được đặc điểm VHHĐ trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4.2.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Dựa trên cơ sở lý luận, đối tượng nghiên cứu, luận án sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi về “văn hóa học đường trong trường đại học” và tiến hành điều tra ở ba trường đại học (Trường ĐHSPHN, Trường ĐHGTVT, Trường ĐHNT). Việc sử dụng phương pháp khảo sát định lượng bằng bảng hỏi giúp nghiên cứu có căn cứ để phân tích, đánh giá thực trạng VHHĐ trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội, nhận diện đặc điểm chung cũng như bản sắc riêng của VHHĐ ở các trường.

- *Nội dung khảo sát:* Với 19 câu hỏi dành cho đối tượng sinh viên; 16 câu hỏi dành cho cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường (bao gồm cả các thông tin cá nhân), xoay quanh các nội dung sau:

Nội dung 1: Khảo sát mức độ nhận thức về VHHĐ

Nội dung 2: Khảo sát thực trạng VHHĐ trong trường đại học thông qua: mức độ nhận thức và thực hành giá trị VHHĐ; chuẩn mực VHHĐ; hoạt động văn hóa trong nhà trường và biểu hiện của các biểu tượng, cảnh quan, kiến trúc nhà trường.

Nội dung 3: Khảo sát mức độ tác động của các yếu tố khách quan và chủ quan đối với văn hóa học đường trong trường đại học

Nội dung 4: Khảo sát ý kiến về một số vấn đề đặt ra với VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay.

Các câu hỏi được thiết kế theo mẫu thang đo Likert với 5 biến đáp án, đánh số từ 1 đến 5 với các chỉ số cụ thể:

	1	2	3	4	5
Mức độ đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Tần suất thực hiện	Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
Mức độ ảnh hưởng	Hoàn toàn không ảnh hưởng	Ảnh hưởng ít	Ảnh hưởng trung bình	Ảnh hưởng nhiều	Hoàn toàn ảnh hưởng
Và một số câu hỏi nhỏ với các mức độ an toàn, mức độ nhận thức... với thang đo từ 1-5					

(chi tiết xem tại phụ lục 02)

- *Mẫu khảo sát:*

+ Đối tượng khảo sát: NCS thiết kế thành hai mẫu phiếu khảo sát, phiếu thứ nhất dành cho đối tượng sinh viên, phiếu thứ hai dành cho cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường.

+ Số lượng phiếu: Tổng số phiếu là 804 phiếu hợp lệ

Trong đó, phiếu thứ nhất dành cho sinh viên: 640 phiếu; Phiếu thứ hai dành cho cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường: 164 phiếu. Cụ thể như sau:

STT	Trường	Sinh viên		Cán bộ, giảng viên, nhân viên	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Trường Đại học Giao thông vận tải	239	37.3	51	31.1
2	Trường Đại học Ngoại thương	205	32.0	53	32.3
3	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	196	30.6	60	36.6
	Tổng	640	100.0	164	100.0

- *Cách thức tiến hành khảo sát:* Bảng khảo sát được thực hiện online với đường link dẫn qua google form gửi chủ đích đến đối tượng sinh viên, cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường, từ ngày 15/6/2024 đến ngày 20/11/2024 và một số phiếu khảo sát trực tiếp tại địa bàn nghiên cứu.

NCS xử lý kết quả khảo sát bằng bảng hỏi sử dụng phần mềm SPSS 26 để xác định giá trị của thang đo và phân tích thực trạng VHHD.

Tùy thuộc vào nội dung, các câu hỏi chia làm 2 phần:

+ Phần câu hỏi khảo sát cung cấp thông tin: xử lý theo phần mềm SPSS ra giá trị %

+ Phần câu hỏi theo thang đo Likert 5 cấp độ từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý”; từ “không bao giờ” đến “rất thường xuyên”; từ “hoàn toàn không ảnh hưởng” đến “hoàn toàn ảnh hưởng”; một số tiêu chí khác như mức độ an toàn, mức độ tự hào... Luận án sử dụng điểm trung bình để đánh giá mức độ thực hiện/tần suất/mức độ ảnh hưởng của VHHD trong các trường đại học. Ý nghĩa cụ thể của điểm trung bình như sau:

Mức điểm Ý nghĩa	1 -1.8	1.81-2.6	2.61-3.40	3.41-4.2	4.21-5
Mức độ đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Tần suất thực hiện	Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
Mức độ ảnh hưởng	Hoàn toàn không ảnh hưởng	Ảnh hưởng ít	Ảnh hưởng trung bình	Ảnh hưởng nhiều	Hoàn toàn ảnh hưởng

Từ các kết quả khảo sát trên, NCS tiến hành phân tích, đánh giá, tổng hợp và đưa ra những kết luận của luận án. Trong quá trình tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi, NCS nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình của các em sinh viên, các thầy giáo, cô giáo, giảng viên của các trường đại học. Tuy nhiên thời điểm gửi bảng khảo sát trùng với thời điểm các em sinh viên nghỉ hè, do đó thời gian khảo sát tiến hành lâu hơn so với dự kiến ban đầu.

4.2.4. Phương pháp khảo sát thực địa và phỏng vấn sâu bán cấu trúc

Để tìm hiểu thực trạng VHHD trong trường đại học dưới góc nhìn văn hóa học thì phương pháp khảo sát thực địa và phỏng vấn sâu rất quan trọng. NCS thực hiện quan sát các hoạt động trong các trường đại học,; đồng thời nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu bán cấu trúc đối với các đối tượng: sinh viên, cán bộ, giảng viên và nhân viên trong trường đại học. Phương pháp này giúp nghiên cứu có cơ sở thực tế, nhìn nhận một cách chân thực, rõ nét các vấn đề lý luận, từ đó nhận diện thực trạng VHHD và đề xuất những vấn đề đặt ra cho VHHD trong các trường đại học.

- *Nội dung phỏng vấn sâu:* phỏng vấn sâu bán cấu trúc được thiết kế thành hai phiếu, dành cho sinh viên và dành cho cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường với các nội dung: (1) nhận thức về VHHD và vai trò của VHHD

trong trường đại học; (2) thực trạng thực hành VHHD (trên các yếu tố giá trị VHHD, chuẩn mực VHHD, hoạt động VHHD và tìm hiểu biểu tượng, cảnh quan, kiến trúc nhà trường); (3) ý kiến của người được phỏng vấn về các vấn đề đặt ra hay giải pháp đối với VHHD trong trường đại học hiện nay. (*chi tiết xem tại phụ lục 05*)

- *Mẫu phỏng vấn sâu*: NCS lựa chọn phỏng vấn sâu với 9 sinh viên, 10 cán bộ, giảng viên và nhân viên nhà trường bằng bảng câu hỏi: Mỗi trường đại học khảo sát phỏng vấn 03 cán bộ, giảng viên (trường ĐHSPHN 04 cán bộ, giảng viên) và 03 sinh viên của các năm học khác nhau: năm thứ nhất, năm thứ hai, năm thứ ba, năm thứ tư để có các góc nhìn khác nhau (*chi tiết bảng mã hóa ở phụ lục 06 kèm theo*).

- *Cách thức tiến hành*: NCS tiến hành khảo sát thực địa và phỏng vấn sâu để thu thập các thông tin, được ghi chép lại trên bản excel để tổng hợp, phân tích và trích dẫn dữ liệu khi cần thiết.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Thứ nhất, đề tài góp phần làm sáng tỏ hơn những vấn đề lý luận về VHHD và VHHD trong trường đại học.

Thứ hai, đề tài góp phần nhận diện thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay. Đề tài nghiên cứu chỉ ra sự cần thiết phải xây dựng, phát triển VHHD trong trường đại học bối cảnh mới.

Thứ ba, những kết quả nghiên cứu của đề tài là tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ sở giáo dục đại học trong việc phát triển VHHD để khẳng định bản sắc, thương hiệu của nhà trường, thể hiện triết lý, truyền thống giáo dục của dân tộc Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, từ đó cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Kết quả của đề tài cung cấp những tư liệu tham khảo cho học viên ngành Văn hóa học.

6. Đóng góp mới của luận án

- Luận án là công trình nghiên cứu hệ thống, chuyên biệt về VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội dưới góc độ tiếp cận ngành văn hóa học; luận án đã phát triển một số vấn đề lý luận về VHHD, làm rõ hơn khái niệm, cấu trúc, vai trò của VHHD trong trường đại học hiện nay, đồng thời đề xuất được khung phân tích mới trên cơ sở kế thừa và phát triển các kết quả nghiên cứu trước đây.

- Với cách tiếp cận liên ngành, sử dụng phương pháp định tính và định lượng, luận án đã nhận diện thực trạng VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay trên các khía cạnh: giá trị VHHD, chuẩn mực VHHD, hoạt động VHHD và biểu tượng, cảnh quan, kiến trúc học đường.

- Không chỉ dừng lại ở việc mô tả thực trạng, luận án đi sâu phân tích những yếu tố tác động đến VHHD trong trường đại học ở Thủ đô Hà Nội, từ đó làm rõ những vấn đề đặt ra và khuyến nghị một số giải pháp xây dựng VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay.

7. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các công trình đã công bố của tác giả liên quan đến đề tài luận án và phụ lục, luận án bao gồm 4 chương, 18 tiết.

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.

Chương 2: Cơ sở lý luận về văn hóa học đường trong trường đại học và khái quát về địa bàn nghiên cứu.

Chương 3: Nhận diện văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương 4: Những yếu tố tác động, các vấn đề đặt ra và khuyến nghị một số giải pháp xây dựng văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. NGHIÊN CỨU VỀ VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG

1.1.1. Nghiên cứu của các tác giả nước ngoài

Thuật ngữ “*văn hóa học đường*” (school culture) xuất hiện vào những năm 1932 ở các nước phương Tây, sau đó trở thành trào lưu nghiên cứu ở nhiều nước trên thế giới. Một số nước như Mỹ, Úc đã có những trung tâm nghiên cứu, khảo sát thực tiễn ở nhiều trường học để đánh giá vấn đề này.

Tác giả đầu tiên có những nghiên cứu về VHHD là nhà xã hội học, giáo dục Willard Waller trong cuốn *The Sociology of Teaching* (nghiên cứu xã hội học về hoạt động dạy học, 1932), cho rằng mỗi trường học đều có văn hóa riêng, trong đó tập hợp các nghi lễ và phong tục dân gian cũng như những quy tắc đạo đức góp phần hình thành nên hành vi và các mối quan hệ trong nhà trường [86, tr.90]. Các chủ thể, cá nhân trong môi trường học đường luôn có mối quan hệ ràng buộc với nhau, tạo nên VHHD. Nhận diện, phân tích VHHD, Willard Waller đã sử dụng hệ thống các định nghĩa xã hội học và tâm lý học xã hội để phân tích các hiện tượng của đời sống học đường. Đây chính là công trình đầu tiên tiếp cận VHHD theo góc độ xã hội học, và trở thành tác phẩm xã hội học giáo dục được trích dẫn nhiều cho đến nay.

Cùng quan điểm với Willard Waller về VHHD trong các trường học, Burton Clark với công trình *Faculty cultures* (Văn hóa chuyên khoa) cũng coi các trường đại học như một thực thể văn hóa thực thụ. VHHD là yếu tố dẫn đến sự thành công của nhà trường cũng như đóng góp rất lớn trong các thành công của sinh viên đạt được [71]. Việc coi các trường học như một thực thể văn hóa và coi văn hóa trong các trường học là tiểu văn hóa, nằm trong nền văn hóa chung là một hướng nghiên cứu đúng đắn, từ đó gợi mở cho những nghiên cứu sau này về VHHD trong trường học.

Cuốn *Life in classrooms* (Cuộc sống trong lớp học), năm 1968 của Philip W. Jackson đi sâu nghiên cứu về hoạt động và các mối quan hệ trong trường học. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ và những tương tác giữa học sinh và giáo viên, các quy tắc và nghi thức trong lớp học, ông cho rằng ngoài nội dung giảng dạy chính thức, học sinh còn được học những bài học, mà ông gọi là một “chương trình ẩn” - trong đó là các nội dung không được giảng dạy chính thức trong lớp học, giúp hình thành nên những giá trị xã hội, thái độ, kỹ năng của học sinh, các quy tắc trong lớp học. Đó chính là một phần quan trọng của VHHD, tạo nên các giá trị, chuẩn mực, quy tắc, hình thành thái độ, kỹ năng của học sinh và giáo viên [78, tr.33-35]. Cách gọi như vậy của tác giả nhằm nhấn mạnh được tầm quan trọng của việc giáo dục VHHD trong nhà trường không khác gì như chương trình dạy học tri thức trên lớp của giáo viên. Và sự song hành hai chương trình chính thức - không chính thức này mới có thể tạo nên một lớp học hoàn chỉnh.

Công trình *The Culture of the school and the Problem of Change* (Văn hóa trường học và những vấn đề thay đổi) của Seymour B. Sarason. Trong công trình này, Seymour B. Sarason dành nhiều dung lượng để bàn về văn hóa trường học. Đồng thời tác giả tập trung phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thay đổi và cải cách giáo dục, trong đó khẳng định văn hóa của một trường học không chỉ bao gồm các quy tắc, quy trình mà còn bao gồm giá trị, niềm tin, thái độ, hành vi của học sinh, giáo viên và đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường. Chính điều đó quyết định trường học có thể thành công hay không trong quá trình nỗ lực cải tiến giáo dục. Sarason cũng cho rằng sự cải tiến giáo dục thất bại vì các nhà lãnh đạo chưa hiểu hoặc chưa chú ý đủ đến văn hóa trường học - đó là yếu tố then chốt trong việc cải cách và thay đổi trường học [82, tr.361-373].

Cũng nhấn mạnh đến vai trò của yếu tố môi trường học đường, có thể kể đến nghiên cứu của Rutter và các cộng sự trong *Fifteen thousand hours*:

Secondary Schools and their effects on Children (Mười lăm nghìn giờ: trường trung học và những ảnh hưởng của chúng đối với trẻ em). Qua nghiên cứu về sự khác biệt về hành vi và thành tích của học sinh ở một số trường học, họ cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến sự khác biệt đó là sự kết hợp giữa các giá trị, chuẩn mực, khuôn mẫu hành vi của trường học và văn hóa, VHHĐ là một trong những nguyên tắc xây dựng thành công trường học hiệu quả. Ông coi trường học như một tổ chức xã hội và giáo viên là một nhóm xã hội với các quy tắc, giá trị, các tiêu chuẩn hành vi riêng của họ, ảnh hưởng đến hành vi, thái độ của học sinh phát triển trong trường học [80, tr.192-193]. Cùng với đó là nghiên cứu của *Levine và Lezote* (1990) trong *Unusually effective school: A review and analysis of reseach and practice* (Hiệu quả trường học: đánh giá, phân tích nghiên cứu và thực hành), xác định các đặc điểm của trường học hiệu quả mà điều đầu tiên họ đề cập đến là môi trường và văn hóa trường học hiệu quả. Theo cả hai tác giả, trường học hiệu quả thì phải có sự gắn kết, hợp tác, đồng thuận, giao tiếp, tính hiệu quả của giảng viên, tinh thần đoàn kết và công bằng khi đối xử với học sinh của các nhân viên; tất cả phải cùng thực hiện một sứ mệnh chung của nhà trường [76, tr.221-224].

Ngoài ra, trong nghiên cứu của Ralf Maslowski - *School Culture and School Performance* (Văn hóa học đường và kết quả học tập) đã khái quát được một số nghiên cứu thực tiễn như nghiên cứu như của Samons, Hillman và Mortimore xác định mười một yếu tố nâng cao tính hiệu quả của trường học, trong đó yếu tố tầm nhìn và mục tiêu chung, môi trường học tập, văn hóa trường học được coi là yếu tố then chốt của một trường học hiệu quả [79, tr.5]; như nghiên cứu của Cheng (1993) thực hiện khảo sát các trường trung học ở Hồng Kông; của Gaziel nghiên cứu tác động của văn hóa đến các trường trung học ở Israel...và cũng có những kết luận tương tự về sự ảnh hưởng không nhỏ của VHHĐ, môi trường học đường đến thành tích học tập của học sinh nói riêng và hiệu quả giáo dục nói chung [79, tr.6-7].

Nghiên cứu về VHHĐ và những tác động của VHHĐ đối với trường học còn có những nghiên cứu của *Heckman và các cộng sự*. Nhóm khẳng định rằng sự thất bại của những chiến lược phát triển đổi mới giáo dục toàn diện cho trẻ em một phần là do đánh giá thấp VHHĐ. Tác giả cho rằng VHHĐ được thể hiện trong các cấu trúc của trường học, bao gồm niềm tin chung của giáo viên, học sinh và hiệu trưởng, điều đó dẫn dắt các hành vi đặc trưng trong trường học như hoạt động học tập, trao đổi nhóm, ứng xử của giáo viên với nhau và cách đánh giá thành tích học tập của học sinh. Bằng nghiên cứu của mình, ông đã chỉ ra VHHĐ chính là lí do quan trọng nhất giúp thay đổi những cấu trúc của trường học [77, tr.263-270].

Nhắc đến nghiên cứu về trường học và VHHĐ không thể không nhắc đến hai nhà nghiên cứu - nhà tư vấn cho các tổ chức giáo dục là Kent D. Peterson và Terence E. Deal với ba cuốn sách *The Leadership Paradox: Balancing logic and Artistry in Schools (1994)* (Nghịch lý trong lãnh đạo: cân bằng logic và nghệ thuật trong trường học); *How Leaders influence the culture of Schools (1998)* (Sự ảnh hưởng của các nhà lãnh đạo đến văn hóa trường học như thế nào), *The Shaping school culture Fieldbook (2002)* (Định hình văn hóa học đường). Các nghiên cứu đúc rút từ hơn hai mươi năm tìm hiểu về cải tiến trường học và thông qua quá trình làm việc với các nhà lãnh đạo trường học, để thấy được tầm quan trọng của VHHĐ, nó không chỉ giúp gắn kết cộng đồng trường học với nhau, tạo nên nền văn hóa tích cực mà còn được coi là chìa khóa thành công trong giáo dục. Các tác giả còn chỉ ra vai trò của lãnh đạo một trường học trong việc xây dựng VHHĐ. Muốn xây dựng VHHĐ, nhà lãnh đạo phải đóng nhiều vai trò như một người mẫu, thợ gốm, nhà thơ, diễn viên và bác sĩ, để thực hiện các nhiệm vụ khác nhau [75, tr.108]. Đặc biệt, các tác giả đã cung cấp quan điểm, định nghĩa, cấu trúc của VHHĐ, đưa ra các ví dụ thực tế về các trường học ngày nay. Các tác giả miêu tả VHHĐ là bản sắc của một trường học được tạo thành từ những niềm tin, chuẩn

mục, biểu tượng, nghi lễ và các câu chuyện. Hơn nữa, văn hóa chính là sự kỳ vọng của cộng đồng nhà trường được hình thành theo thời gian, và trở thành truyền thống của nhà trường. Các tác giả khẳng định nếu nhà trường có chương trình chuyên môn tốt và việc học tập của học sinh được hỗ trợ bởi một nền VHHD tích cực thì sẽ tạo nên cộng đồng khác biệt, học sinh có thể học hỏi được nhiều từ trường học. Khi có một nền văn hóa vững mạnh thì cơ hội học tập cho học sinh cũng như giáo viên trở nên tối ưu nhất, mang lại thành công cho những người ở trong trường học. Và để cải thiện được chất lượng của các trường học, không còn cách nào khác phải lan tỏa hơn nữa hệ thống chuẩn mực, giá trị và truyền thống và nếu không có một nền văn hóa tích cực thì các trường học sẽ lụi tàn dần. Từ đó, các chuyên gia đưa ra lời khuyên khả thi cho các nhà quản lý - nhà lãnh đạo, hiệu trưởng các trường học để phát triển VHHD, đồng thời vạch ra một lộ trình giúp các nhà lãnh đạo giáo dục tạo ra một môi trường học tập tích cực hơn [75, tr.133-134].

Cũng bàn về những yếu tố làm nên VHHD, Shen và Tian khẳng định VHHD ở trường học là sự kết hợp của nhiều nền văn hóa khác nhau trong khuôn viên trường và được toàn thể cán bộ nhà trường tạo ra và được tích lũy trong quá trình phát triển lâu dài của nhà trường, nó bao gồm ba thành tố văn hóa vật chất (hệ thống cơ sở vật chất và tài sản hữu hình đặc trưng của nhà trường), văn hóa quản trị (hệ thống quản trị và các cơ chế chính sách vận hành của nhà trường) và văn hóa tinh thần, trong đó tác giả cho rằng văn hóa tinh thần đóng vai trò cốt lõi, thể hiện giá trị VHHD từ các mối quan hệ giữa lãnh đạo nhà trường, giảng viên, sinh viên và các bên liên quan [89, tr.62].

Văn hóa học đường không phải chỉ góp phần tạo nên thành tích học tập của học sinh, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh, khẳng định vai trò trong sự phát triển của giáo dục đào tạo các cấp học mà trong bối cảnh toàn cầu hóa, với sự biến đổi của xã hội hiện nay, VHHD còn được coi như một “tấm lưới an toàn của trường học” như khẳng định trong cuốn cảm nang *Xây dựng văn hóa*

học đường tích cực trong thời kỳ bình thường mới (do Hoàng Anh Tuấn dịch) của The Head Foundation. Cuốn sách là tập hợp các chia sẻ của các nhà lãnh đạo trong một số quốc gia Đông Nam Á, nêu ra định nghĩa VHHĐ và cung cấp các ví dụ hữu ích từ các học viên trong khu vực, hướng đến xây dựng VHHĐ tích cực. Các tác giả khẳng định VHHĐ tích cực có thể đóng vai trò như một tấm lưới an toàn của trường học, bảo vệ nhà trường chống lại những cú sốc không mong muốn, đặc biệt khi tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra và tác động lớn đến các nền giáo dục [45]. Cuốn sách mang tính tham khảo nhỏ về lý luận và thực tiễn cho các trường ở Đông Nam Á.

Cũng khẳng định tầm quan trọng của VHHĐ trong bối cảnh hiện nay là bài phát biểu của bà Margarete Sachs-Israel, Trưởng chương trình giáo dục chất lượng và hòa nhập, Văn phòng UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương về giáo dục, đưa ra quan niệm VHHĐ, theo đó: VHHĐ là yếu tố quan trọng để bảo đảm giáo dục có chất lượng hòa nhập và bình đẳng cho mọi người, tiến tới đạt được mục tiêu phát triển bền vững (SDG4) của UNESCO. Cũng theo bà, VHHĐ tích cực là cần thiết để giáo dục và đào tạo thực sự thay đổi, để người học phát triển trong xã hội ngày càng đa dạng và thay đổi nhanh chóng, phát triển ý thức về mục tiêu, qua đó đóng góp vào hạnh phúc của cá nhân và tập thể. Các quốc gia trên thế giới và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đều quan tâm đến VHHĐ, nhận thấy tác động quan trọng của nó đối với kết quả học tập và sự trưởng thành của học sinh cũng như tiềm năng trong việc chuyển đổi xã hội tích cực, thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực. Ngoài ra, trong bài phát biểu của mình, bà còn đưa ra mô hình trường học hạnh phúc với 22 tiêu chí và khẳng định tầm quan trọng của VHHĐ và vai trò của các nhà hoạch định chính sách, người đứng đầu nhà trường trong việc xây dựng VHHĐ [63, tr.17-27].

Như vậy, các nghiên cứu về VHHĐ đầu tiên bắt nguồn từ việc đi tìm những yếu tố ảnh hưởng đến thành tích học tập của người học, trường học

tích cực. Dù tiếp cận theo góc độ nào thì các nhà nghiên cứu đều khẳng định tầm quan trọng của VHHD trong sự phát triển giáo dục nói chung và sự thành công của một trường học nói riêng. Những điều làm nên một trường học hiệu quả, không phải chỉ là chương trình đào tạo hay, hấp dẫn, người dạy giỏi, tâm huyết, học sinh tiếp thu tốt mà còn phụ thuộc vào môi trường học tập, VHHD của ngôi trường đó. Chính những giá trị, niềm tin, những chuẩn mực, câu chuyện học đường, truyền thống nhà trường... tạo nên sự thành công cho người học, người dạy và khẳng định vị thế của trường học.

1.1.2. Nghiên cứu của các tác giả trong nước

Ở Việt Nam, có nhiều tác giả nghiên cứu về VHHD với các quan điểm, góc độ tiếp cận khác nhau. Tác giả Trần Ngọc Thêm trong nhiều bài viết về VHHD như: *Văn hóa học đường Việt Nam trong thời kỳ phát triển và hội nhập: vài nét về con đường từ lý luận đến thực tiễn, Xây dựng văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo...*, đã cho rằng: VHHD mang đầy đủ các đặc trưng của văn hóa nói chung: nó phải là một tiểu hệ thống, chứa đựng các giá trị do cộng đồng chủ thể nhà trường sáng tạo và tích lũy qua lịch sử chứ không thể chỉ là các kinh nghiệm, nghi thức, biểu tượng, hiện vật, biệt ngữ...chung chung. Ông khẳng định cái làm nên dấu ấn đặc thù của tiểu hệ VHHD là giới hạn không gian và chủ thể: không gian tồn tại là nhà trường, chủ thể là toàn bộ cộng đồng thầy trò (thầy cô giáo, cán bộ nhân viên nhà trường và người học qua từng giai đoạn) chứ không phải chỉ là bộ phận lãnh đạo nhà trường. Và các giá trị cộng đồng này sáng tạo ra phải gắn kết và được trải nghiệm qua một thời gian đủ dài để tạo thành một tiểu hệ các giá trị văn hóa [49, tr.3]. Tác giả Trần Ngọc Thêm đã nhấn mạnh tính hệ thống, tính lịch sử, tính giá trị, tính nhân sinh của VHHD trong trường học, xác định VHHD là một tiểu văn hóa, là bộ phận nền văn hóa nước ta, là một quan điểm được nhiều nhà nghiên cứu đồng tình.

Tác giả Nguyễn Khắc Hùng với công trình *Văn hóa và văn hóa học đường* - cuốn sách tập hợp những bài viết của nhiều tác giả về VHHD chia theo các bậc học: bậc mầm non và tiểu học, bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông, bậc cao đẳng, đại học và sau đại học và VHHD chung cho tất cả các bậc học. Ở một số bài viết, các tác giả đã bày tỏ được quan điểm của mình về VHHD, những yếu tố - nội dung, thực trạng xây dựng VHHD ở các trường và những giải pháp cụ thể [22]. Nhìn chung, các bài viết đã có những nhận diện ban đầu về VHHD, tuy nhiên còn lẻ tẻ và nhiều bài viết còn khá chung chung, chưa thể hiện rõ được vấn đề lý luận và thực tiễn về VHHD ở các cấp học mà cuốn sách đề cập đến .

Tác giả Phạm Ngọc Trung trong cuốn *Văn hóa học đường* đã hệ thống các vấn đề từ nguyên lý chung để xây dựng VHHD, tình hình xây dựng VHHD và đưa ra các giải pháp để xây dựng VHHD ở nước ta hiện nay. Trong đó tác giả đã đưa ra quan niệm “VHHD là một hệ thống những giá trị vật chất và tinh thần được hình thành và tích lũy trong lịch sử bao gồm những suy nghĩ, quan niệm, những thói quen, tập quán, tư tưởng, luật pháp, thiết chế...nhằm thiết lập mối quan hệ giữa thầy, trò và các thành viên có liên quan để việc dạy và học đạt kết quả cao” [61, tr50-51]. VHHD là nét đẹp ở nơi học đường, là nét đặc trưng của môi trường học tập và tấm gương phản chiếu trình độ phát triển của xã hội. Cũng giống như quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu khác, Phạm Ngọc Trung cho rằng xây dựng VHHD là nền tảng để cải cách giáo dục thành công, là con đường ngắn nhất và hiệu quả nhất để thực hiện cải cách giáo dục. VHHD được tạo nên từ những nhân tố cơ bản như: (i) Nội quy, quy chế đào tạo, (ii) cơ sở vật chất kỹ thuật, (iii) sự gương mẫu của thầy giáo, cô giáo, (iv) chất lượng bài giảng, nội dung chương trình, (v) ý thức tự trọng, tự giác, cầu tiến của sinh viên, (vi) vai trò của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và ban cán sự lớp, (vii) công tác kiểm tra, thanh tra. Tuy phân xác định các nhân tố cơ bản của VHHD được tác giả chia khá nhỏ, có sự

trùng lặp và không bao hàm được đầy đủ các yếu tố của VHHD song đây cũng là một cuốn sách đã nhận diện, đánh giá được một số vấn đề lý luận và thực tiễn của VHHD ở nước ta

Tác giả Phạm Minh Hạc trong nhiều bài viết của mình về VHHD như *Văn hóa học đường - Nhà trường thân thiện, Văn hóa học đường - khái niệm và việc xây dựng thông qua giáo dục giá trị, Giáo dục giá trị xây dựng văn hóa học đường...*[15] [16]. Trong đó nhấn mạnh: VHHD ở mỗi cấp học, mỗi bậc học có yêu cầu riêng, nội dung riêng, biện pháp đặc thù, tuy nhiên trong đó cần chú ý nhất đó là mỗi cơ sở đào tạo phải có một hệ giá trị làm chuẩn mực để mọi thành viên lấy đó làm mục tiêu phấn đấu, thước đo thành quả của bản thân, của lớp, của trường và đặc biệt về mặt đạo đức xã hội, giá trị nhân cách, “dạy người” bên cạnh “dạy chữ, dạy nghề” [16, tr.10]. Việc coi giá trị là nền tảng cốt lõi của VHHD của tác giả Phạm Minh Hạc là một hướng nghiên cứu đúng đắn, bởi đó là hạt nhân chi phối các yếu tố khác trong môi trường học đường, làm nên bản sắc riêng của VHHD ở mỗi cấp học, mỗi bậc học khác nhau.

Tác giả Phạm Văn Khanh trong công trình *Xây dựng và kiến tạo văn hóa học đường - từ nhận thức đến hiện thực* đưa ra định nghĩa kiến tạo VHHD và chỉ ra các dạng thức của VHHD: văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể, không gian văn hóa, thời gian văn hóa. Đồng thời tác giả cũng nghiên cứu VHHD theo cấu trúc: (i) cấu trúc nội dung với bốn thành tố trụ cột, đó là văn hóa tổ chức, văn hóa môi trường, văn hóa chất lượng và văn hóa ứng xử; (ii) cấu trúc hình thức với bốn hình thức cơ bản là sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược phát triển và hệ giá trị; (iii) phần nổi và phần chìm của VHHD với sự hình tượng hóa về kết cấu của một tổ chức với phần nổi là phần nhìn thấy và phần chìm ở bên dưới lớn hơn và khó nhìn thấy [23, tr.17-20]. Việc chia các cấu trúc, dạng thức văn hóa học đường theo quan niệm của tác giả Phạm Văn Khanh khá hợp lý, tuy nhiên sẽ có nhiều điểm trùng lặp trong cách chia và rất khó phân định được rõ ràng giữa các thành tố của VHHD.

Tác giả Nguyễn Ngọc Thơ trong công trình *Tiếp cận nghiên cứu văn hóa học đường* đã tổng hợp lại các quan niệm về VHHD trong và ngoài nước, soi chiếu dưới các góc nhìn của văn hóa học, góc nhìn tổ chức và văn hóa tổ chức, góc nhìn giáo dục và văn hóa giáo dục. Ở mỗi góc nhìn, nhà nghiên cứu đưa ra các cách hiểu và phân tích các thành tố khác nhau của VHHD [51, tr.3-16]. Đồng thời, trong bài viết *Một số thành tố của văn hóa học đường*, Nguyễn Ngọc Thơ đã phân tích VHHD từ lịch sử hình thành ở các nước phương Tây đến những quan niệm của các nhà nghiên cứu ở Việt Nam và rút ra một số thành tố của VHHD xoay quanh phạm trù cốt lõi là giá trị (i) nhóm thành tố nhận thức - tư duy (niềm tin và giá trị, tầm nhìn và sứ mệnh, chuẩn mực, lễ lối, nghi thức - nghi lễ); (ii) nhóm các thành tố chuyển tải nhận thức - tư tưởng (biểu tượng, phòng truyền thống, nhân vật tiêu biểu, truyện kể học đường, mạng lưới tiêu văn hóa [52, tr.9-18]. Đây là một trong những bài viết tiếp cận VHHD dưới góc nhìn văn hóa học, lấy yếu tố nghi lễ (trọng tâm là các nghi thức cận “ngưỡng” trong học đường) và hiệu quả của nó làm môi trường và thước đo cho sự kiến tạo và vận hành VHHD.

Tiếp cận VHHD từ góc độ tâm lý học có công trình *Một khía cạnh xây dựng văn hóa học đường nhìn từ góc độ tâm lý học* của tác giả Đào Thị Oanh. Trong công trình này, tác giả cho rằng VHHD là giá trị cần có của một nhà trường với ba thành tố có tác động ảnh hưởng lẫn nhau: (i) hệ thống thái độ và niềm tin của tất cả những cá nhân trong và ngoài trường; (ii) hệ thống các chuẩn mực văn hóa của nhà trường; (iii) hệ thống các mối quan hệ qua lại giữa cá nhân bên trong trường với nhau, giữa các cá nhân của trường với cộng đồng [33, tr.10]. Từ góc tiếp cận tâm lý học, tác giả đưa ra những nghiên cứu và giải pháp thay đổi VHHD thông qua thay đổi nhận thức và kỹ năng tương tác giữa thầy - trò, theo tác giả đó là cốt lõi của VHHD.

Có thể nói, trong những năm gần đây, vấn đề VHHD trong các nhà trường ngày càng được quan tâm, chú trọng, trở thành yếu tố hạt nhân trong

việc phát triển giáo dục toàn diện của các cấp học, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa như hiện nay. Năm 2021, Hội thảo Giáo dục Việt Nam với chủ đề *Văn hóa học đường Việt Nam trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo* do Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội tổ chức. Hội thảo quy tụ được đông đảo các đại biểu Quốc hội, các chuyên gia, học giả trong và ngoài nước, các nhà nghiên cứu, các nhà giáo, nhà quản lý và cả các em học sinh, sinh viên, tạo góc nhìn toàn diện về văn hóa học đường trên bốn trục vấn đề chính: (i) một số vấn đề chung về VHHD, (ii) VHHD từ các mối quan hệ trong nhà trường, (iii) VHHD từ các mối quan hệ ngoài nhà trường và (iv) VHHD trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập. Các tác giả đều khẳng định tầm quan trọng của VHHD và xây dựng VHHD trong bối cảnh mới, với nhiều ý kiến sâu sắc, đa chiều về thực trạng VHHD và đề xuất các ý tưởng, giải pháp nhằm xây dựng, hoàn thiện hệ giá trị văn hóa trong nhà trường [63]. Hội thảo được tổ chức quy mô lớn, nhiều bài viết chất lượng, có ý nghĩa tham khảo về mặt lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu VHHD.

Ngoài ra, còn một số luận văn thạc sĩ về VHHD trong các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông như: *Văn hóa học đường trong các Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Tuyên Quang hiện nay* của tác giả Trần Thị Thủy [58]; *Văn hóa học đường trong các trường trung học cơ sở ở huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định hiện nay* của tác giả Đinh Thị Minh Hồng [21]; *Văn hóa học đường trong các trường trung học cơ sở ở huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên hiện nay (qua khảo sát tại ba trường: thị trấn, Na Hang, Ma Thì Hồ)* của tác giả Nguyễn Thúy Quyên [39];... Qua nghiên cứu việc xây dựng VHHD trên các địa bàn cụ thể, các tác giả đã đưa ra những cách tiếp cận khác nhau về VHHD. Trong đó, đáng chú ý là luận văn của tác giả Nguyễn Thúy Quyên đã nhận diện được VHHD qua các yếu tố: Chủ thể (giáo viên, học sinh, đội ngũ phục vụ); các yếu tố văn hóa vật thể (vị trí trường học, cảnh quan môi trường, kiến trúc và tổ chức các thiết chế); các yếu tố văn hóa phi vật thể (giá trị và chuẩn mực, truyền thống và nghi lễ, văn hóa ứng xử); các

hoạt động văn hóa và quản lý hoạt động văn hóa học đường. Cách tiếp cận theo góc độ văn hóa học của tác giả khá đầy đủ các thành tố của VHHD.

Như vậy, ở Việt Nam cũng như trên thế giới, các nghiên cứu đều có các cách tiếp cận VHHD theo những góc độ khác nhau, từ tâm lí học, giáo dục học, quản lý giáo dục, xã hội học đến văn hóa học. Các nghiên cứu ban đầu đều khẳng định mối quan hệ giữa VHHD và hiệu quả giáo dục, khẳng định vai trò quan trọng của việc tạo ra một môi trường học tập tích cực, lành mạnh, tạo nên thành tích học tập tốt cho học sinh. Đến nay các nghiên cứu về VHHD đã khá phong phú, không chỉ dừng lại ở việc tạo ra thành tích học tập tốt cho học sinh mà nhìn nhận đúng vai trò, vị trí của VHHD trong giáo dục để tạo ra một thế hệ học sinh, sinh viên, thế hệ trẻ của đất nước đồng thời khẳng định được vị thế, thương hiệu, nét văn hóa riêng của trường học.

1.2. NGHIÊN CỨU VỀ VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Ở Việt Nam, nghiên cứu về VHHD trong trường đại học cũng được quan tâm, chú trọng. Một phần trong cuốn “*Văn hóa và văn hóa học đường*” của tác giả Nguyễn Khắc Hùng đã tập hợp các bài viết về VHHD ở bậc cao đẳng, đại học và sau đại học. Các tác giả - các chuyên gia, nhà nghiên cứu, nhà quản lý ở các môi trường giáo dục đại học khác nhau như trường sư phạm, trường hải quân, trường ngoại ngữ, trường kỹ thuật...đều nhận thấy thực trạng VHHD ở các trường còn có nhiều khoảng trống, cần phải xây dựng môi trường học tập - môi trường VHHD, trong đó nhấn mạnh xây dựng hệ giá trị, văn hóa giao tiếp, văn hóa ứng xử trong nhà trường [22, tr.159-335]. Tuy nhiên các bài viết còn tản mạn, chỉ tập trung về một khía cạnh cụ thể trong tạo dựng VHHD ở một môi trường đại học nhất định.

Với bài viết *Phát triển văn hóa học đường ở trường đại học nước ta và Phát triển văn hóa học đường ở trường đại học (từ thực tiễn tại trường đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)*, tác giả Biên Quốc Thắng đã khái

quát một số vấn đề lý luận về phát triển VHHĐ ở trường đại học: trên cơ sở nội dung so sánh các quan niệm về VHHĐ, tác giả đưa ra định nghĩa VHHĐ ở trường đại học; nghiên cứu tập trung làm rõ các thành tố cơ bản của phát triển VHHĐ bao gồm lực lượng sinh viên, đội ngũ giảng viên và nhân viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị và hệ thống các nội quy, quy chế; đi sâu phân tích các biểu hiện cơ bản của việc phát triển VHHĐ ở trường đại học gồm văn hóa giao tiếp, văn hóa ứng xử, văn hóa trang phục [43, tr.21-35]. Đồng thời, từ việc khảo sát thực trạng tại trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, tác giả đưa ra phương hướng và giải pháp phát triển VHHĐ cho Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và có giá trị tham khảo cho các trường đại học nói chung [43, tr.94-117].

Bài viết *Văn hóa học đường tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp* của tác giả Nguyễn Thị Thu Hương và Phạm Tiến Hùng [93], khẳng định những kết quả tích cực của VHHĐ ở các cơ sở giáo dục đại học, đồng thời đưa ra một số vấn đề tồn tại trong giáo dục VHHĐ như nhận thức và ý thức của sinh viên thiếu tự giác và thực hiện một cách thụ động, chương trình giáo dục còn nhiều hạn chế về nội dung và phương pháp giảng dạy, sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội chưa được đầy mạnh và nhấn mạnh sự tác động của toàn cầu hóa, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tạo nên những thách thức mới cho VHHĐ.

Cùng với đó là hàng loạt các bài viết tại *Hội thảo Văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo*, thể hiện các cách tiếp cận khác nhau như bài viết: *Xây dựng văn hóa trường đại học trong xu thế đổi mới và hội nhập* của nhóm tác giả Nguyễn Ngọc Tùng, Lê Phước Sơn, Nguyễn Đức Tuấn. Trong công trình này, các tác giả tiếp cận văn hóa trường đại học dưới góc nhìn văn hóa tổ chức, vận dụng quan điểm phân chia các cấp độ tổ chức của Edgar H.Schein để phân tích cấu trúc của văn hóa trường đại học, phân tích các yếu tố ảnh hưởng và đưa ra bốn bước xây dựng văn hóa trường đại

học [63, tr.155-162]. Tác giả Trần Thị Tùng Lâm trong công trình *Xây dựng văn hóa học đường góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học trong điều kiện hiện nay*, khẳng định VHHD có vị trí và tầm quan trọng đặc biệt trong hoạt động giáo dục của trường đại học, nó tham gia trực tiếp vào quá trình hình thành nhân cách sinh viên, là nhân tố quan trọng góp phần thực hiện sứ mạng, mục tiêu đào tạo và thương hiệu của các trường đại học. VHHD trong trường đại học được tác giả chia thành các yếu tố cơ bản: hệ giá trị, những thiết chế, thể chế trong trường học, những chuẩn mực hành vi được thực hiện thông qua các mối quan hệ giữa các thành viên, các hoạt động trong nhà trường [63, tr.356-362]. Bài viết *Phát huy vai trò chủ thể của sinh viên trong xây dựng văn hóa học đường giai đoạn hiện nay* của tác giả Mai Thị Thùy Hương xác định bốn thành tố của VHHD gồm giá trị văn hóa trong trường học, quan hệ văn hóa trong trường học, hoạt động sáng tạo và hưởng thụ văn hóa trong trường học và cảnh quan, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động đào tạo; khẳng định vai trò chủ thể của sinh viên trong VHHD và VHHD trong các trường đại học không phải một màu theo định hướng của nhà quản lý giáo dục mà có sự đa dạng bởi giá trị văn hóa của nhà trường kết hợp với giá trị cá nhân của từng chủ thể [63, tr.637-645].

Văn hóa học đường không chỉ được tiếp cận từ góc độ văn hóa tổ chức mà còn được tiếp cận theo góc độ văn hóa ứng xử hay ngôn ngữ học xã hội như cách tiếp cận của tác giả Đinh Công Tuấn và Lý Thị Vân Chinh. Trong bài *Văn hóa học đường nhìn từ văn hóa ứng xử nhà trường*, tác giả Đinh Công Tuấn khẳng định VHHD ở trường đại học có vai trò đặc biệt trong đời sống văn hóa xã hội, trực tiếp tham gia vào quá trình hoàn thiện nhân cách sinh viên, góp phần thực hiện sứ mệnh, mục tiêu đào tạo và thương hiệu của các trường đại học và khẳng định yếu tố cốt lõi trong VHHD ở trường đại học là văn hóa ứng xử của các thành viên trong nhà trường [63, tr.300-307]. Trong bài *Ứng xử văn hóa học đường nhìn từ góc độ ngôn ngữ học xã hội* của

tác giả Lý Thị Vân Chinh, Đoàn Thị Thu Huyền đã vận dụng lý luận về ngôn ngữ học xã hội, lý luận về văn hóa ứng xử và thực hiện khảo sát sinh viên trường Đại học Tân Trào, để thấy sinh viên có tính nhạy bén cao, được sống trong xã hội tự do về ngôn từ vì thế luôn sử dụng chêm xen tiếng Anh, sử dụng tiếng lóng, các kết cấu Tiếng Việt mới, từ đó đưa ra giải pháp nâng cao nhận thức, văn hóa ứng xử cho sinh viên nhằm nâng cao VHHD trong trường đại học [63, tr.343-347].

Một số bài viết tiếp cận theo góc độ quản lý văn hóa, quản lý giáo dục với việc chú trọng các giải pháp xây dựng, quản lý VHHD như: *Các biện pháp quản lý giáo dục văn hóa học đường cho sinh viên các trường đại học đạt hiệu quả cao trong giai đoạn hiện nay* của Vũ Văn Hải, đã chia VHHD gồm yếu tố vật chất và yếu tố tinh thần. Đồng thời, từ những phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục VHHD như: yếu tố môi trường, chủ thể quản lý, đối tượng quản lý, phân tích bối cảnh hiện nay và các vấn đề đặt ra đối với giáo dục VHHD cho sinh viên đại học, từ đó đề xuất tám giải pháp giúp nâng cao VHHD cho sinh viên các trường đại học. Tác giả cho rằng mục tiêu chung nhất của VHHD là xây dựng trường học lành mạnh làm cơ sở quan trọng để đảm bảo chất lượng thật và mỗi trường học có một mục tiêu, nội dung VHHD của riêng mình. Đó chính là sự khẳng định tính bản sắc, vị thế của từng trường đại học [63, tr.508-523]; Bài viết *Xây dựng văn hóa học đường trong lớp học trực tuyến cho sinh viên ngành Luật, trường Đại học Tiền Giang* của tác giả Nguyễn Thị Khuyến khẳng định: VHHD là môi trường quan trọng để rèn luyện nhân cách và giáo dục thế hệ trẻ, những chủ nhân tương lai của đất nước trở thành những con người sống có hoài bão, có lý tưởng tốt đẹp, có nhân cách tốt, có đủ tri thức để trở thành những công dân tốt, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước phồn vinh. Từ việc khảo sát 180 sinh viên trường Đại học Luật, Đại học Tiền Giang, tác giả đã có những đánh giá bước đầu nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của VHHD và

thực trạng thực hiện VHHD của sinh viên để đưa ra biện pháp nâng cao VHHD cho sinh viên của Đại học Tiền Giang [63, tr.661-668]. Một trong những công trình công phu nghiên cứu về xây dựng VHHD trong trường đại học ở nước ta là cuốn sách *Xây dựng văn hóa học đường đại học Việt Nam trong thời kỳ phát triển và hội nhập* của tác giả Võ Văn Sen, Nguyễn Duy Mộng Hà và các cộng sự đã (i) hệ thống hóa lý luận về học đường, VHHD, (ii) phân tích, so sánh kinh nghiệm xây dựng và thực thi VHHD ở các nước trên thế giới, (iii) Phân tích, đánh giá bối cảnh, thực trạng giáo dục và VHHD Việt Nam, (iv) Đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách giáo dục và xây dựng VHHD ở Việt Nam hiện nay và tiến hành khảo nghiệm tại một số trường ở Thành phố Hồ Chí Minh. Các tác giả tiếp cận VHHD như là một phần của văn hóa tổ chức, nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn về VHHD đại học Việt Nam trong thời đại hội nhập toàn cầu hóa bằng nhiều phương pháp và công cụ nghiên cứu, từ đó đưa ra mô hình phát triển VHHD đại học Việt Nam trong bối cảnh mới. Các thành tố và nhóm tiểu thành tố trong mô hình có vai trò quan trọng góp phần làm nên giá trị tổng thể của VHHD, đồng thời khẳng định vai trò định hướng và nòng cốt của hệ giá trị cốt lõi ở mỗi trường [41].

Gần đây nhất, hàng loạt các bài viết về VHHD trong trường đại học dưới sự tác động của bối cảnh toàn cầu hóa và ảnh hưởng của xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục đại học như (i) Bài viết *Văn hóa học đường tích cực - yếu tố góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại trường Đại học Khánh Hòa trong bối cảnh chuyển đổi số* của tác giả Thái Nguyên Hoàng Giang tiếp cận cấu trúc VHHD theo cách chia VHHD tích cực và tiêu cực. Trong đó tác giả khẳng định vai trò quan trọng của VHHD “như một tấm lưới an toàn của trường học, bảo vệ nhà trường khỏi những cú sốc không mong muốn”, và nó biểu hiện trước hết ở trong sứ mạng, triết lý, chiến lược, mục tiêu, hệ thống các giá trị, chuẩn mực, bầu không khí tích cực, lành mạnh của nhà trường, sau

đó được cụ thể hóa thông qua các niềm tin, hành vi, ứng xử trong các mối quan hệ giữa các cá nhân, giữa cá nhân với tổ chức... được xem là tốt đẹp và mỗi thành viên trong tổ chức chấp nhận. Từ đó bài viết đề xuất giải pháp đối với trường Đại học Khánh Hòa, nhằm phát triển môi trường VHHD tích cực, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [63, tr.452-458]; (ii) Bài viết *Giáo dục văn hóa học đường cho sinh viên sư phạm trong bối cảnh hội nhập* của tác giả Hồ Xuân Huy khẳng định giáo dục VHHD cho sinh viên ngành sư phạm được xem là nội dung cơ bản trong đào tạo giáo viên ở các trường, trực tiếp góp phần đảm bảo chất lượng giáo dục và đem lại hiệu quả giáo dục. VHHD trong môi trường sư phạm rất quan trọng vì nó giúp hình thành những nét đẹp nhân cách của người giáo viên trong tương lai, là tấm gương cho học sinh noi theo [63, tr.594-599]; (iii) *Thực trạng tác động của mạng xã hội tới cấu trúc văn hóa học đường ở Việt Nam hiện nay* của tác giả Nguyễn Thị Nội, qua nghiên cứu, khảo sát sinh viên Đại học Thái Nguyên, tác giả đã chỉ ra sự tác động của mạng xã hội đến các thành tố cấu trúc của VHHD ở các trường đại học: Quan hệ giữa thầy cô và sinh viên, quan hệ giữa nhà trường và sinh viên, quan hệ giữa gia đình và sinh viên, quan hệ giữa xã hội và sinh viên theo hướng tác động tích cực và tiêu cực [63, tr.861-870]; (iv) bài viết *Tác động của chuyển đổi số tới sự tiếp nhận văn hóa học đường của sinh viên trong môi trường giáo dục đại học* của Bùi Thị Thanh Diệu và Đào Mộng Uyển thì đi sâu phân tích các vấn đề lý thuyết về VHHD và đặc điểm của quá trình chuyển đổi số ở môi trường giáo dục đại học; VHHD trong trường đại học biểu hiện tập trung ở các phương diện văn hóa dạy, văn hóa học, văn hóa thi cử, trang phục, giao tiếp, ứng xử, tổ chức hoạt động thực hiện mục tiêu đào tạo của nhà trường [63, tr.930-939]; (v) bài viết *Phát triển văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo* của tác giả Võ Thanh Hải, qua khảo sát sinh viên tại địa bàn thành phố Đà Nẵng, tác giả cho thấy mức độ quan tâm và nhận thức về tầm quan trọng của sinh viên về VHHD. Theo tác

giả, hiện nay VHHD trong các trường đại học chưa thực sự được quan tâm đúng mức, giáo dục VHHD cho sinh viên chưa đạt được hiệu quả như mong đợi, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực sau tốt nghiệp [63, tr.363-372]. Ngoài ra còn có các bài viết *Nhận diện cơ hội và thách thức đối với xây dựng văn hóa học đường trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư* của Phạm Ngọc Tân [63, tr.940-948], *Ảnh hưởng của quá trình chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục đến văn hóa ứng xử của người dạy và người học* của Lê Hồ Minh Giang và Bùi Minh An [63, tr.871-885]... đều nhìn nhận sự tác động của bối cảnh chuyển đổi số giáo dục và quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đối với VHHD, trên hai khía cạnh tạo ra thời cơ cũng như thách thức trong việc phát triển các giá trị VHHD, giáo dục văn hóa ứng xử trong học đường.

Điềm qua các công trình về VHHD trong trường đại học, có thể thấy các nghiên cứu đều quan tâm đến nhận thức của sinh viên, giảng viên, cán bộ nhà trường đối với VHHD, tầm quan trọng của VHHD trong bối cảnh hội nhập hiện nay; đồng thời các bài viết chú trọng đến chủ thể sinh viên trong các mối quan hệ trong và ngoài nhà trường vì xét cho cùng, sinh viên vừa là chủ thể, vừa là đích hướng đến của xây dựng VHHD trong trường đại học, làm thế nào để sinh viên ra trường không chỉ có “tài” mà còn có “đức” để góp phần quan trọng trong việc xây dựng, phát triển đất nước.

1.3. NGHIÊN CỨU VỀ VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Các nghiên cứu về VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội khá được chú trọng bởi sự phát triển của các trường đại học ở Thủ đô luôn được các cấp, các ngành, các nhà nghiên cứu quan tâm đặc biệt.

Đề tài nghiên cứu *“Xây dựng văn hóa học đường trong một số trường đại học ở Hà Nội hiện nay”* của tác giả Hồ Sĩ Lộc năm 2011 với cách tiếp cận VHHD từ văn hóa ứng xử, văn hóa giao tiếp trong môi trường VHHD đại

học, tác giả đã chỉ ra được các thành tố cơ bản của VHHĐ đại học gồm: (i) chủ thể của môi trường VHHĐ đại học (giảng viên, sinh viên, cán bộ, công nhân viên) và (ii) khách thể của môi trường VHHĐ đại học (hệ thống các giá trị, hệ thống các quan hệ, hệ thống những hình thức hoạt động, hệ thống các cảnh quan, hệ thống các thiết chế VHHĐ) [26, tr.38-45. Đồng thời từ khảo sát VHHĐ ở một số trường đại học trên địa bàn Hà Nội, đề tài cũng chỉ ra thực trạng, nội dung cơ bản của việc xây dựng VHHĐ và các hình mẫu, mô hình VHHĐ, đồng thời đưa ra mục tiêu, định hướng và giải pháp xây dựng VHHĐ trong các trường đại học trên địa bàn Hà Nội. Đây là một nghiên cứu khá đầy đủ, chi tiết về xây dựng VHHĐ trong các trường đại học ở Hà Nội, tuy nhiên cách tiếp cận theo hướng quản lý giáo dục và các khảo sát đã khá lâu nên nhiều vấn đề không còn tính thời sự.

Đề tài nghiên cứu khoa học *Văn hóa học đường ở trường Đại học Luật Hà Nội - Thực trạng và giải pháp* của tác giả Lê Thanh Thập trong đó tác giả khẳng định: VHHĐ là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa, không chỉ là phương thức và kết quả hành động mang giá trị văn hóa trong nhà trường mà còn cả không gian và thiết chế văn hóa trong môi trường giáo dục [44, tr.10-11]. Với cách tiếp cận VHHĐ là “sự thể hiện của các yếu tố văn hóa trong lĩnh vực giáo dục”, nhóm tác giả khảo sát thực trạng, đánh giá mức độ biểu hiện VHHĐ của sinh viên trường Đại học Luật Hà Nội - một môi trường VHHĐ đặc thù cho môi trường đào tạo cán bộ pháp lý tương lai. Nghiên cứu cho thấy đại đa số cán bộ, sinh viên nhà trường đánh giá cao về môi trường VHHĐ ở trường Đại học Luật Hà Nội, ý thức học tập của sinh viên cao, nghiêm túc, quan hệ thầy - trò trở nên bình đẳng hơn, luôn đối thoại để trao đổi tri thức, sinh viên, giảng viên, cán bộ nhà trường có trang phục phù hợp. Tuy nhiên bên cạnh những đánh giá tích cực, tác giả cũng chỉ ra những bất cập, hạn chế ảnh hưởng đến việc xây dựng VHHĐ như: hiện tượng bỏ giờ, trốn tiết, gian lận trong học tập thi cử, sử dụng nhiều tiếng lóng trong giao tiếp, vẫn còn nói

tục, chửi bậy, chưa tôn trọng thầy cô giáo.... [44, tr.19-24]. Từ đó nhóm tác giả đưa ra một số giải pháp phát triển văn hóa giao tiếp, phát triển thiết chế và hoạt động văn hóa ở trường. Nghiên cứu đã góp phần nào làm sáng rõ một số vấn đề lý luận về VHHD và thể hiện được đặc trưng VHHD ở trường Đại học Luật Hà Nội, hướng đến đào tạo sinh viên có đủ phẩm chất, năng lực của người làm nghề luật.

Luận án tiến sĩ ngành Chính trị học của tác giả Trần Thị Tùng Lâm “*Hiệu quả giáo dục văn hóa học đường cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay (qua khảo sát một số trường đại học đào tạo các ngành kỹ thuật)*” năm 2017 tiếp cận VHHD dựa trên bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả giáo dục VHHD qua khảo sát thực trạng hiệu quả giáo dục VHHD của sinh viên các trường đại học đào tạo ngành kỹ thuật ở Hà Nội. Tác giả nhận định Thủ đô Hà Nội là nơi tập trung nhiều trường đại học có “thương hiệu” hơn cả và các hoạt động, lối sống của sinh viên Hà Nội có sức lan tỏa, ảnh hưởng mạnh mẽ đến thanh thiếu niên nhiều vùng miền trong cả nước, từ đó thấy được tầm quan trọng của việc giáo dục VHHD cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội [24, tr.78]. Từ khảo sát tại 5 trường đại học kỹ thuật trên địa bàn Hà Nội, tác giả nhận thấy dù có nhiều thành tựu đáng ghi nhận nhưng môi trường giáo dục tại các trường đại học ở Hà Nội còn hạn chế nhất định: từ nhận thức chưa nghiêm túc, chưa đúng về vai trò của VHHD, chưa có văn bản mang tính pháp quy quy định nội dung cốt lõi về xây dựng và thực hiện VHHD cho các trường đại học, lúng túng trong các xác định nội dung, cách thức, biện pháp thực hiện để có được văn hóa cho riêng mình của các trường đại học...[24, tr.116-127], từ đó xây dựng hệ thống giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục VHHD cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội [24].

Bài viết *Giáo dục văn hóa học đường cho sinh viên trường Đại học Nội vụ Hà Nội* của tác giả Đỗ Khánh Năm đăng trên tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam đã khẳng định tầm quan trọng của VHHD - là một tiêu chí quan

trọng để đánh giá sự phát triển của một nền giáo dục. Qua khảo sát 231 sinh viên trường Đại học Nội vụ Hà Nội trên chín nội dung thái độ, ý thức, trang phục của sinh viên, tác giả đã chỉ ra được thực trạng VHHD của sinh viên trong trường, trong đó đa phần sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của VHHD, có sự quan tâm và thể hiện tốt các biểu hiện trong giao tiếp với giảng viên, cán bộ nhà trường, trong giao tiếp với nhau, trong trang phục học đường, thể hiện ý thức về bảo vệ tài sản nhà trường, ý thức giữ gìn cảnh quan... Tác giả chỉ ra sự ảnh hưởng của các yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến VHHD của sinh viên, trong đó nhấn mạnh yếu tố chủ quan về nhận thức, độ tuổi sinh viên và môi trường gia đình [30, tr.90-92].

Bài viết *Văn hóa ứng xử học đường của sinh viên trường Đại học Hà Nội* của tác giả Nguyễn Thị Thủy dựa trên cơ sở phân tích kết quả khảo sát nhận thức của sinh viên về văn hóa ứng xử học đường cũng như các mối quan hệ ứng xử trong học tập, rèn luyện, ứng xử với bạn bè, thầy cô, tác giả đã có những đánh giá bước đầu về thực trạng văn hóa ứng xử học đường của sinh viên trường Đại học Hà Nội: đa số sinh viên có biểu hiện phù hợp, tuy nhiên còn nhiều hạn chế về kiến thức VHHD, thiếu kinh nghiệm, thiếu kỹ năng cần thiết trong ứng xử, do đó đôi khi hành vi của sinh viên bị chi phối bởi cảm xúc, không có tính nhất quán, bền vững. Tác giả cho rằng cần thiết phải đưa ra các biện pháp giáo dục văn hóa ứng xử phù hợp cho sinh viên với sự tổng hòa của ba yếu tố kiến thức, thái độ và kỹ năng để hình thành được nhận thức, niềm tin, hành vi phù hợp, từ đó vận dụng thành công trong các tình huống ứng xử cụ thể của học đường [63, tr.631-636].

Công trình *Nghiên cứu xây dựng Bộ quy tắc ứng xử của cán bộ, giảng viên và sinh viên tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội trong bối cảnh hiện nay* của nhóm tác giả Nguyễn Vũ Bích Hiền, Nguyễn Thị Thanh Hòa, Vũ Thị Quỳnh. Nghiên cứu chỉ ra việc xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học là hoạt động giáo dục hệ giá trị, chuẩn mực văn hóa giúp sinh viên nhận thức

đúng đắn, có suy nghĩ, tình cảm, hành vi tốt đẹp, thực hiện văn hóa ứng xử lành mạnh, xây dựng cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Từ thực trạng ứng xử của sinh viên, giảng viên, cán bộ và những đặc của trường, nhóm tác giả chỉ ra sự cần thiết phải xây dựng Bộ quy tắc ứng xử tại trường Đại học Thủ đô Hà Nội, tập trung vào các đối tượng: cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên, cán bộ các phòng, ban, trung tâm, người học và ứng xử của các đối tượng trên với các đối tác đến làm việc tại trường, với tài sản, cảnh quan, môi trường giáo dục [63, tr.317-325].

Nhìn chung, các nghiên cứu về VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy các trường đại học đều đã chú ý đến việc giáo dục văn hóa ứng xử, lối sống, hình thành Bộ quy tắc ứng xử cho sinh viên, giảng viên, cán bộ nhà trường để hướng đến một môi trường giáo dục lành mạnh, đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường. VHHD trong trường đại học không chỉ tạo nên môi trường lành mạnh cho sinh viên trong trường, tạo nên vị thế của nhà trường trong nền giáo dục quốc dân mà còn có tác động sâu rộng đến quá trình hình thành, định hướng nhân cách, lối sống của sinh viên, của thế hệ trẻ Việt Nam.

1.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÁC NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.4.1. Những vấn đề đã được các nhà nghiên cứu làm sáng tỏ

Trên cơ sở tổng thuật những nghiên cứu về VHHD trên thế giới và Việt Nam, các nghiên cứu về VHHD trong các trường đại học và đặc biệt là trên địa bàn thành phố Hà Nội, NCS nhận thấy một số vấn đề nghiên cứu về VHHD, VHHD trong trường đại học đã được làm sáng tỏ:

- Văn hóa học đường không phải là vấn đề mới ở trên thế giới và ở Việt Nam, thuật ngữ “văn hóa học đường” “văn hóa trường học” được nhắc đến khá nhiều trong các nghiên cứu về trường học và môi trường học đường. Tuy nhiên, trong nhiều năm gần đây, VHHD trở thành vấn đề “nóng hơn” và

nhận được nhiều quan tâm của giới nghiên cứu, các nhà quản lý giáo dục, các nhà văn hóa, các nhà chính sách và đặc biệt là toàn xã hội. Đó cũng là điều dễ hiểu bởi lẽ VHHD nói riêng và các vấn đề về giáo dục nói chung luôn là vấn đề được ưu tiên hàng đầu trong quá trình phát triển của đất nước: “Giáo dục là quốc sách hàng đầu”, là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Sự chú trọng phát triển giáo dục là hướng đi đúng của nước ta và nhiều nước trên thế giới.

Sự thay đổi trong quan điểm về dạy học, từ lấy “thầy là trung tâm” chuyển sang lấy “trò làm trung tâm” khiến cho cách nhìn nhận về giáo dục và văn hóa trong trường học có nhiều thay đổi. Từ quan điểm “lấy trò làm trung tâm”, các trường đã có những chính sách phù hợp, không chỉ quan tâm đến việc truyền thụ tri thức cho người học mà còn là làm thế nào để tạo được một môi trường học tập tích cực cho người học, xây dựng riêng cho nhà trường một thương hiệu riêng, một môi trường “có văn hóa”, để người học không chỉ tiếp nhận tri thức mà còn được hoàn thiện, phát triển toàn diện hơn về đạo đức, thể lực, lối sống, thẩm mỹ, nhân cách... Đó chính là lí do vì sao VHHD trở thành điểm nóng hơn bao giờ hết trong bối cảnh hiện nay.

- Các nghiên cứu về VHHD bắt nguồn từ việc các nhà xã hội học, giáo dục học đi kiểm tìm những yếu tố, những nguyên nhân giúp tạo nên một trường học hiệu quả; sau đó được mở rộng và tiếp cận theo các góc độ khác nhau, từ xã hội học, tâm lí học, giáo dục học, quản lý giáo dục, kinh tế học, chính trị học đến văn hóa học, từ các nghiên cứu trên bình diện lý luận đến các nghiên cứu thực tế, gắn với từng trường học cụ thể, gắn với từng thành phố cụ thể... tạo nên sự phong phú trong cách tiếp cận về VHHD.

- Các nhà nghiên cứu đều khẳng định VHHD có vai trò quan trọng trong việc cải cách giáo dục, là chìa khóa mở ra cánh cửa quyết định việc cải cách giáo dục có thể thành công hay không. Bởi VHHD góp phần nâng cao hiệu suất giảng dạy - học tập của giảng viên, sinh viên nhà trường, tạo nên môi

trường giáo dục lành mạnh, an toàn, nâng cao chất lượng giáo dục cho các trường học.

- Các nghiên cứu bước đầu đã đưa ra định nghĩa, quan điểm về VHHD, những thành tố cơ bản của VHHD, sự tác động qua lại giữa các thành tố trong VHHD dưới góc độ tiếp cận của quản lý giáo dục, xã hội học, tâm lý học... Các nhà nghiên cứu chia VHHD thành nhiều loại, với cấu trúc khác nhau nhưng đều cho rằng VHHD xoay quanh hai chủ thể quan trọng của nhà trường là người học - người dạy, bao gồm hệ thống các giá trị, chuẩn mực làm cốt lõi và thể hiện qua các mối quan hệ giữa các thành viên trong và ngoài nhà trường; thể hiện qua các hoạt động, nghi lễ, cảnh quan nhà trường...

- Các nghiên cứu về VHHD trong trường đại học, VHHD trong một số trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội đã chỉ ra đích hướng đến của các trường đại học là đào tạo nhân tài, đầu ra là nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Do đó, khẳng định tầm quan trọng của VHHD trong việc tạo môi trường giáo dục, hoàn thiện về lối sống, nhân cách, đạo đức, thể lực, trí tuệ..., không chỉ cho sinh viên nhà trường mà còn ảnh hưởng đến thế hệ thanh niên, nhân lực trẻ của đất nước.

Tuy nhiên những nghiên cứu về VHHD trong trường đại học cũng như nghiên cứu về VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội còn mỏng, chưa có công trình nào tiếp cận VHHD theo góc độ văn hóa học một cách hệ thống. Thêm vào đó, những nghiên cứu trước đó chưa làm nổi bật được VHHD trong trường đại học ở Thủ đô với các địa phương khác để tìm ra điểm đặc trưng của VHHD trong các trường đại học trên địa bàn Hà Nội.

1.4.2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

Kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình đi trước, luận án tiếp tục hoàn thiện các nội dung cần được nghiên cứu:

(i) Nhận thức sâu sắc và toàn diện hơn về VHHD và VHHD trong trường đại học trong bối cảnh hiện nay. Tiếp thu những nghiên cứu lý luận về VHHD và VHHD trong trường đại học, NCS đưa ra khái niệm VHHD và cách hiểu VHHD trong trường đại học của riêng luận án. Đồng thời, NCS khẳng định sâu sắc hơn vai trò, chức năng của VHHD, VHHD trong trường đại học; làm sáng rõ cấu trúc, nội dung VHHD và những yếu tố ảnh hưởng đến VHHD trong bối cảnh hiện nay.

(ii) Nhận diện thực trạng VHHD trong các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay. Trên cơ sở vận dụng lý thuyết, NCS khảo sát thực trạng VHHD ở một số trường đại học ở Hà Nội để đưa ra bức tranh toàn diện về VHHD hiện nay, chỉ ra những điểm tích cực và hạn chế trong bức tranh tổng thể đó.

(iii) Xác định các vấn đề đặt ra đối với VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay. Từ việc nhận diện ở trên, luận án xác định các yếu tố tác động đến VHHD trong trường đại học ở Hà Nội và đề xuất những vấn đề đặt ra đối với VHHD trong trường đại học hiện nay ở thành phố Hà Nội nói riêng và các trường đại học trên cả nước nói chung.

Nghiên cứu sinh hi vọng nghiên cứu của mình góp phần làm phong phú thêm nguồn tư liệu về văn hóa, VHHD, là nguồn tư liệu tham khảo cho việc học tập, nghiên cứu, giảng dạy các vấn đề liên quan đến đề tài nghiên cứu. Đồng thời, góp phần nhỏ trong việc phát triển VHHD trong trường đại học nói chung và trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng.

Tiểu kết chương 1

Trong phạm vi chương 1, NCS đã tổng hợp và phân tích các nghiên cứu về VHHD từ cả trong và ngoài nước, qua đó làm rõ những quan điểm, cách tiếp cận khác nhau về VHHD trong các môi trường giáo dục, đặc biệt là tại các trường đại học.

Các nghiên cứu nước ngoài cho thấy VHHD đã được quan tâm từ rất sớm với các nghiên cứu của Willard Waller, Burton Clack, Philip W. Jackson... và nhiều nhà nghiên cứu khác. Họ nhấn mạnh rằng VHHD bao gồm các quy tắc, chuẩn mực mà còn cả hệ thống giá trị, niềm tin, thái độ và các hành vi trong nhà trường. Các nghiên cứu cũng khẳng định VHHD có vai trò cực kỳ quan trọng, một nền VHHD tích cực là yếu tố cốt lõi nâng cao chất lượng giáo dục cũng như tạo ra môi trường học tập hiệu quả. VHH trở thành màng lọc, giúp sàng lọc, giữ lại các giá trị văn hóa truyền thống, tiếp nhận những giá trị văn hóa mới ở trường học.

Ở Việt Nam, VHHD không phải là vấn đề nghiên cứu mới tuy nhiên hiện nay trở thành vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu cũng như các nhà lãnh đạo, quản lý giáo dục quan tâm. Những công trình nghiên cứu về VHHD có số lượng lớn, từ lý luận đến thực tiễn như nghiên cứu của Trần Ngọc Thêm, Nguyễn Khắc Hùng, Phạm Ngọc Trung, Phạm Minh Hạc, Nguyễn Ngọc Thơ và nhiều tác giả khác. Các tác giả đã nhận diện, đánh giá thực trạng VHHD, xác định các yếu tố cấu thành và đề xuất các giải pháp xây dựng môi trường VHHD lành mạnh, an toàn, hướng đến giáo dục lối sống, đạo đức cho thế hệ trẻ ở nước ta. Cùng với đó là các nghiên cứu VHHD trong trường đại học, VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội đã cung cấp cái nhìn sâu sắc về thực trạng VHHD trên cơ sở phân tích các yếu tố quan trọng của VHHD như văn hóa ứng xử, văn hóa giao tiếp, hệ giá trị, cơ sở vật chất - cảnh quan nhà trường...phần nào khái quát được bức tranh VHHD ở các trường đại học ở nước ta cũng như ở Thủ đô Hà Nội.

Nhìn chung, dù có những góc tiếp cận khác nhau, các nghiên cứu đều khẳng định VHHĐ là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến sự phát triển của giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. VHHĐ không chỉ tạo ra môi trường học tập tích cực mà còn tạo nên bản sắc văn hóa cho trường đại học, nâng cao vị thế nhà trường và bồi dưỡng, giáo dục thế hệ sinh viên có đủ năng lực, phẩm chất, là nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Với việc tổng thuật những nghiên cứu về VHHĐ trên thế giới và trong nước, VHHĐ trong trường đại học và VHHĐ trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội với các góc độ tiếp cận khác nhau từ xã hội học, tâm lí học, giáo dục học, quản lý giáo dục, kinh tế học đến văn hóa học tạo cơ sở để luận án kế thừa, tiếp thu, học hỏi những lý thuyết, cơ sở khoa học của các nghiên cứu về VHHĐ.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ KHÁI QUÁT ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

2.1.1. Khái niệm văn hóa

Văn hóa là khái niệm khá rộng và đa dạng, đến nay theo thống kê của nhiều nhà nghiên cứu có đến hơn 500 định nghĩa khác nhau về văn hóa. “Văn hóa” gắn liền với quá trình lao động, sinh tồn, khai phá tự nhiên của con người. Thuật ngữ “Văn hóa” có nguồn gốc Latinh “colere”, sau chuyển thành “cultura”, với nghĩa ban đầu là “cày cấy, vun trồng”, sau được chuyển nghĩa để chỉ quá trình vun trồng tinh thần, trí tuệ, góp phần giáo dục, hình thành nhân cách con người, từ đó hình thành nên cộng đồng xã hội.

Nhà nhân học người Mỹ F.Boas cho rằng: “Văn hóa là tổng thể các phản ứng tinh thần, thể chất và những hoạt động định hình nên hành vi của cá nhân, cấu thành nên một nhóm người vừa có tính tập thể vừa có tính cá nhân trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên của họ, với những nhóm người khác, với những thành viên trong nhóm và của chính các thành viên này với nhau” [14]. Định nghĩa của F.Boas về văn hóa mang tính khái quát, nhấn mạnh mối quan hệ giữa cá nhân, tập thể và môi trường tự nhiên và xã hội. Ông khẳng định tính toàn diện, tổng thể của văn hóa, nó không chỉ là các hiện tượng đơn lẻ mà là sự tổng hợp của các “phản ứng tinh thần”, “phản ứng thể chất” và “hoạt động định hình hành vi”. Phản ứng tinh thần chính là các giá trị, niềm tin, cảm xúc của con người, phản ứng thể chất có thể hiểu là cách con người thích nghi với môi trường và những hành động thực hiện dựa trên nền tảng của các giá trị và niềm tin. Như thế, văn hóa tác động đến các khía cạnh khác nhau của đời sống con người.

Đồng thời, trong định nghĩa này, ông còn khẳng định mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể theo các tầng lớp khác nhau. Trước hết, mỗi người góp

mình vào tập thể theo một cách riêng, họ có cách nhận thức, biểu hiện, tiếp nhận văn hóa theo cách riêng của họ và thể hiện vai trò của mình trong tập thể, tạo sự đa dạng của các cá nhân. Văn hóa còn gắn kết những con người có cùng giá trị, niềm tin tạo thành một nhóm người có bản sắc riêng, tạo tính thống nhất của tập thể. Đồng thời, F.Boas còn chỉ ra mối quan hệ văn hóa với môi trường tự nhiên và văn hóa giữa những nhóm người khác nhau và trong nội tại của từng nhóm. Con người không thể tồn tại độc lập mà luôn tương tác với môi trường xung quanh, đặc biệt là môi trường tự nhiên, do đó nó đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành văn hóa. Văn hóa còn được hình thành và phát triển trong môi trường tương tác giữa các nhóm người (môi trường xã hội) với sự giao thoa giữa các nhóm, các cộng đồng, sự xung đột hay hợp tác đều dẫn đến sự thay đổi về văn hóa. Chính trong nội tại của từng nhóm, F.Boas quan tâm đến mối quan hệ giữa các thành viên trong cùng nhóm, cùng cộng đồng, mỗi cá nhân có thể tự nhận thức, điều chỉnh hành vi để phù hợp với tiêu chuẩn cộng đồng và trong cộng đồng tự giáo dục nhau bằng các chuẩn mực riêng của mình.

Năm 1982, UNESCO cũng đưa ra quan niệm về văn hóa, theo đó “Văn hóa có thể coi là tổng thể những nét đặc thù về tinh thần và vật chất, trí tuệ và tình cảm của một xã hội hay một nhóm xã hội, và ngoài nghệ thuật và văn học ra, văn hóa bao gồm cả những lối sống, những cách chung sống, những hệ thống giá trị, những truyền thống và tín ngưỡng” [85]. Quan niệm này của UNESCO khẳng định nội hàm của “văn hóa”, với các hoạt động về tinh thần, vật chất, trí tuệ, tình cảm; tất cả các hoạt động của con người, của một xã hội hay nhóm xã hội đều là văn hóa, không phải chỉ riêng văn học và nghệ thuật, với hệ thống các giá trị, truyền thống, lối sống và cách con người chung sống trong một tập thể, một xã hội.

Định nghĩa của F.Boas cũng như định nghĩa của UNESCO về văn hóa đã cung cấp một cách nhìn tổng quát và sâu sắc, là căn cứ để NCS tiếp cận khái

niệm VHHD. Văn hóa là sản phẩm của loài người, được tạo ra trong quá trình tương tác giữa con người và tự nhiên, xã hội. Văn hóa là sự đúc kết tri thức, kinh nghiệm của con người về thế giới, trong quá trình khám phá tự nhiên. Vì thế văn hóa cung cấp tri thức, giúp con người nhận thức về thế giới, từ đó cải tạo thế giới, nâng cao chất lượng cuộc sống của chính mình. Đồng thời bằng sự đúc kết các kinh nghiệm từ quá trình lao động, sản xuất, con người tạo nên các giá trị, tư tưởng, đạo đức, niềm tin thay đổi lối sống cho con người. Văn hóa giúp tập hợp con người trong cộng đồng xã hội hướng đến các giá trị chung của xã hội. Đồng thời, bằng các chuẩn mực, thiết chế, giá trị của mình, văn hóa thực hiện chức năng điều chỉnh các hành vi trong xã hội, giúp xã hội phát triển ổn định, đồng thời thích ứng với những sự thay đổi mới, hướng đến những điều Chân - Thiện - Mỹ.

2.1.2. Khái niệm văn hóa học đường

Trong các Từ điển hiện nay, thuật ngữ “Văn hóa học đường” chưa được đề cập và giải nghĩa cụ thể. Theo Từ điển Tiếng Việt, “học đường” nghĩa là “nhà trường” [35, tr.453] và “nhà trường” nghĩa là 1.trường học; 2. Những người làm công tác quản lý, giảng dạy ở trường học [35, tr.701].

Tuy nhiên trong nhiều công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước, thuật ngữ “Văn hóa học đường” cũng đã được các tác giả đề cập đến với hàm nghĩa đầu tiên là nhằm nâng cao chất lượng công tác giáo dục ở các cấp học. Các nhà nghiên cứu nhận ra rằng, chất lượng của giáo dục không chỉ phụ thuộc vào sự thông minh, tiếp thu nhanh của người học, sự uyên bác hay nhiệt tình của người dạy, không chỉ phụ thuộc vào một chương trình tiên tiến hay phương pháp giảng dạy hiện đại, mà nó còn phụ thuộc vào môi trường học đường mà nhà trường tạo ra. Đó phải là môi trường học đường tích cực, lành mạnh, các cá nhân trong nhà trường có mối quan hệ khăng khít mới tạo ra được những thành tựu nổi bật của cả người học và nhà trường.

“Văn hóa học đường” được nhắc đến trong nghiên cứu của các nhà giáo dục học. Năm 1932, nhà xã hội học - giáo dục Willard Waller trong cuốn *The*

Sociology of Teaching (nghiên cứu xã hội học về hoạt động dạy học) đã đề cập đến cụm từ “school culture”, tác giả cho rằng mỗi trường học đều có một văn hóa riêng, và đó là tập hợp của các nghi lễ và phong tục dân gian cũng như những quy tắc đạo đức hình thành nên hành vi và các mối quan hệ. Các chủ thể, cá nhân trong môi trường học đường luôn có mối quan hệ ràng buộc với nhau, tạo nên VHHD [86]. Điều cốt lõi của VHHD là nghi lễ, quy tắc, phong tục dân gian đã được chú trọng trong nhà trường và chính điều đó chi phối các mối quan hệ giữa các chủ thể của nhà trường.

Trong các công trình nghiên cứu của mình, Kent D. Peterson và Terence E. Deal cho rằng cuộc sống hàng ngày ở trường học là một dòng sông ngầm của cảm xúc, những phong tục dân gian, chuẩn mực và giá trị ảnh hưởng đến cách mọi người thực hiện công việc hàng ngày của họ. Văn hóa ở một trường học đóng vai trò trung tâm đối với các hoạt động ở trường. Tác giả khẳng định VHHD được xây dựng, vun đắp theo thời gian bởi những người làm việc và học tập tại trường, bởi các nhà lãnh đạo trường học, củng cố những giá trị truyền thống nhà trường. Từ đó nghiên cứu quan niệm văn hóa trong trường học là những luật lệ bất thành văn, những nghi lễ và truyền thống, sự đa dạng của các biểu tượng, các hiện vật, ngôn ngữ, cách ứng xử của nhân viên và học sinh...[75]. Nhận định của Peterson và Deal về VHHD đã góp phần bổ sung các giá trị trong trường học và theo họ, đó mới chính là yếu tố lớn nhất chi phối VHHD trong nhà trường.

Trong bài phát biểu của bà Margarete Sachs-Israel, Trưởng chương trình giáo dục chất lượng và hòa nhập, Văn phòng UNESCO khu vực châu Á - Thái Bình Dương về giáo dục cũng đã đưa ra quan niệm về VHHD: VHHD là hệ thống các niềm tin, chuẩn mực, giả định, mong đợi và giá trị tạo nên bản sắc riêng cho nhà trường, chi phối hoạt động của nhà trường và tác động đến hành vi của ban giám hiệu, giáo viên, cán bộ nhà trường và người học [63, tr.17-27].

Ở Việt Nam, VHHD được nhắc đến trong một số công trình nghiên cứu từ đầu những năm 2000. Tác giả Phạm Minh Hạc coi “VHHD là hệ các chuẩn mực, giá trị giúp cán bộ quản lý nhà trường, thầy cô giáo, các vị phụ huynh và các em học sinh, sinh viên có các cách thức suy nghĩ, tình cảm, hành động tốt đẹp” [16,tr.7]. Từ cách tiếp cận đó, tác giả cho rằng, mục tiêu chung nhất của VHHD là xây dựng trường học lành mạnh, các mối quan hệ thân thiện và chất lượng giáo dục thật.

Văn hóa học đường được quan niệm là một tiểu văn hóa, diễn ra trong phạm vi trường học. Điều cốt lõi nhất của VHHD là những giá trị, chuẩn mực trong nhà trường, hướng người dạy và người học đến những điều tốt đẹp, tạo nên môi trường văn hóa lành mạnh, giúp việc dạy và học đạt kết quả cao nhất. Tiếp cận từ góc độ này, nhà nghiên cứu Phạm Ngọc Trung cho rằng: “VHHD là một hệ thống những giá trị vật chất và tinh thần được hình thành và tích lũy trong lịch sử, bao gồm những suy nghĩ, quan niệm, những thói quen, tập quán, tư tưởng, luật pháp, thiết chế...nhằm thiết lập mối quan hệ giữa thầy, trò và các thành viên có liên quan để việc dạy và học đạt kết quả cao. VHHD là nét đặc trưng của một môi trường học tập và là tấm gương phản chiếu trình độ phát triển của xã hội” [61, tr.50-51].

Trong một số bài viết về văn hóa học đường, tác giả Nguyễn Ngọc Thơ quan niệm:

Văn hóa học đường là hệ thống các giá trị, chuẩn mực được kiến tạo và không ngừng hoàn thiện qua các quá trình tương tác, ứng xử giữa nhà quản lý giáo dục, cán bộ giảng viên, sinh viên và cộng đồng với nhau trong hoạt động dạy và học và trong ứng xử với thế giới bên ngoài nhằm xây dựng môi trường học đường nhân văn lành mạnh, tạo tiền đề phát huy hiệu quả truyền thống dạy và học đặc thù của các đơn vị giáo dục, hướng tới đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có đủ tài - trí - đức và có tư duy sáng tạo đa văn hóa cho xã hội [51, tr.3].

Cùng quan điểm với nhà nghiên cứu Nguyễn Ngọc Thơ, nhóm tác giả Võ Văn Sen và các cộng sự trong công trình *Xây dựng văn hóa học đường đại học Việt Nam trong thời kỳ phát triển và hội nhập* cho rằng VHHD:

...là hệ thống giá trị chuẩn mực được kiến tạo và không ngừng hoàn thiện qua các quá trình tương tác, ứng xử giữa nhà quản lý giáo dục, cán bộ giảng viên, sinh viên và cộng đồng với nhau trong hoạt động dạy và học và với thế giới bên ngoài nhằm xây dựng và phát huy hiệu quả truyền thống đặc thù của đơn vị. [41, tr.6].

Còn theo cách tiếp cận của tác giả Trần Ngọc Thêm, VHHD là một bộ phận của văn hóa giáo dục và văn hóa giáo dục chính là một bộ phận của một nền văn hóa. Văn hóa giáo dục là một tiểu hệ các giá trị tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực đào tạo con người. Theo tác giả, không gian của văn hóa giáo dục có thể diễn ra ở mọi nơi, tiêu biểu nhất là nhà trường, gia đình và xã hội thì VHHD chính là văn hóa giáo dục giới hạn trong không gian nhà trường [49].

Có thể nhận thấy, hiện có nhiều cách quan niệm về VHHD, tùy vào từng góc độ và cách tiếp cận của các tác giả. Tuy nhiên, điểm chung trong các quan niệm đó là các tác giả đều nhấn mạnh: Văn hóa học đường là hệ thống các giá trị, chuẩn mực, được tích lũy qua nhiều thế hệ, qua truyền thống của nhà trường, hướng đến xây dựng nhà trường, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

Từ quan điểm của các nhà nghiên cứu, trong khuôn khổ của luận án nghiên cứu về VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội, tác giả luận án quan niệm: ***Văn hóa học đường là hệ thống các giá trị, chuẩn mực được hình thành trong quá trình phát triển của nhà trường, thể hiện qua hành vi ứng xử, qua các hoạt động văn hóa, cảnh quan văn hóa, hướng đến kiến tạo môi trường học tập an toàn, lành mạnh, nhân văn, hạnh phúc, góp phần xây dựng thương hiệu, bản sắc nhà trường cũng như giáo dục, hình thành nhân cách, lối sống tốt đẹp cho con người.***

Văn hóa học đường gắn liền với lịch sử truyền thống của nhà trường, hình thành cùng với quá trình phát triển của nhà trường, vừa tiếp nối những giá trị truyền thống, vừa tiếp nhận, chọn lọc những giá trị mới của thời đại, để hướng đến xây dựng thương hiệu nhà trường, phát triển, giáo dục con người.

Khái niệm VHHD thường được nhắc đến gắn với các khái niệm văn hóa giáo dục, văn hóa nhà trường. Các khái niệm này có những điểm giao thoa nhau, đồng thời có những điểm khu biệt.

Văn hóa giáo dục theo chiết tự, gồm “văn hóa” và “giáo dục”. Trong đó, “giáo dục” được hiểu là “hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy dần dần có những phẩm chất và năng lực đề ra” hay “hệ thống các biện pháp và cơ quan giảng dạy - giáo dục của một nước” [35,tr.394].

Giáo dục có thể diễn ra ở nhiều môi trường khác nhau như môi trường nhà trường, môi trường gia đình, môi trường xã hội, cộng đồng và thông qua người dạy, cha mẹ, cộng đồng hoặc tự học. Văn hóa giáo dục được coi là một bộ phận quan trọng của văn hóa, bao gồm toàn bộ các hoạt động của hệ thống giáo dục trong và ngoài nhà trường, nhằm hướng đến phát triển, hoàn thiện con người. Nhắc đến văn hóa giáo dục, các nhà nghiên cứu thường nhấn mạnh đó là một trong những đặc trưng của một dân tộc, phản ánh trình độ phát triển của dân tộc đó. Xét ở góc độ này, văn hóa giáo dục là khái niệm khá rộng, bao hàm cả VHHD trong đó. Văn hóa giáo dục không chỉ bao gồm những hoạt động trong nhà trường mà còn bao gồm các hoạt động ngoài nhà trường, làm nên bản sắc của một cộng đồng, một quốc gia, một dân tộc. Trong khi đó, VHHD chủ yếu làm nên bản sắc, thương hiệu của nhà trường. Tất nhiên, VHHD không nằm riêng biệt với cộng đồng, xã hội mà có sự tương tác, ảnh hưởng qua lại với văn hóa dân tộc và văn hóa quốc gia.

Ngoài ra, còn có khái niệm “**Văn hóa nhà trường**”. Trong tiếng Anh, cụm từ “school culture” có thể được dịch là văn hóa nhà trường hoặc văn hóa học đường nhưng trong tiếng Việt, nội hàm hai khái niệm này có sự khác nhau cơ bản. Theo tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc:

Văn hóa nhà trường thể hiện những nét đặc trưng riêng biệt của nhà trường, tạo nên sự khác biệt của nhà trường với các tổ chức khác và có sự khác biệt giữa trường này với trường khác. Văn hóa nhà trường liên quan đến toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của một nhà trường, là những giá trị tốt đẹp được hình thành bởi một tập thể và được mỗi cá nhân trong nhà trường chấp nhận. Văn hóa nhà trường tốt luôn hướng tới chuẩn chất lượng cao [27, tr.20-21].

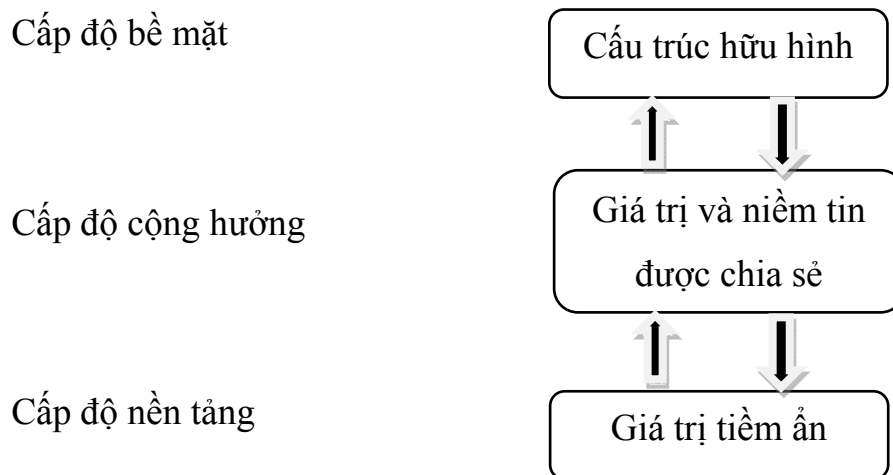
Văn hóa nhà trường thường được nhắc đến như văn hóa tổ chức ở trong phạm vi nhà trường, nó được coi như một mẫu thức cơ bản, tạo ra một môi trường quản lý ổn định, giúp cho nhà trường thích nghi với môi trường bên ngoài [63.tr304]. Như vậy, văn hóa nhà trường hay VHHD đều là văn hóa trong phạm vi trường học, làm nên sự khác biệt của từng nhà trường, nhưng văn hóa nhà trường thường nhấn mạnh về cách tổ chức, lãnh đạo của nhà trường, gắn với chức năng, đặc thù của một nhà trường cụ thể, hướng đến chuẩn chất lượng cao của nhà trường theo các mô hình đánh giá đã được công nhận; còn VHHD chú trọng đến hệ thống các giá trị, chuẩn mực, các hoạt động trong nhà trường nhằm hướng đến xây dựng môi trường học tập lành mạnh, an toàn và phát triển con người toàn diện, nhấn mạnh sự kết nối giữa nhà trường và xã hội. Do đó, khái niệm văn hóa nhà trường thường thấy trong các nghiên cứu về giáo dục học hay quản lý giáo dục nhiều hơn.

Như vậy, xét về nội hàm khái niệm như được phân tích ở trên, thì khái niệm văn hóa nhà trường hẹp hơn VHHD và khái niệm văn hóa giáo dục có nội hàm rộng nhất. Do đó, văn hóa giáo dục được nhắc đến ở các cấp độ vĩ mô hơn khái niệm VHHD và văn hóa nhà trường.

2.2. CÁC QUAN ĐIỂM VẬN DỤNG TRONG LUẬN ÁN

*** Lý thuyết văn hóa tổ chức của Edgar H.Schein**

Tác giả **Edgar H.Schein** trong cuốn *Organizational culture and leadership* (Văn hóa tổ chức và lãnh đạo) đã đưa ra ba cấp độ biểu hiện của văn hóa tổ chức như sau:



Hình 2.1. Ba cấp độ biểu hiện văn hóa tổ chức theo Edgar H.Schien [81]

Dù công trình đi sâu nghiên cứu về văn hóa tổ chức, nhưng qua đó cũng soi chiếu những vấn đề lý luận về cấu trúc hay các thành tố của VHHĐ bởi nhà trường xét cho cùng cũng là một tổ chức và cũng có văn hóa riêng của nó. Tiếp cận từ văn hóa tổ chức, Edgar H.Schein cho rằng VHHĐ chính là một văn hóa đơn vị, với các cấp độ bề mặt - cộng hưởng - nền tảng. Tương ứng với đó là:

(1) **Cấu trúc hữu hình** là những quá trình có thể nhìn thấy hay cảm nhận được, hành vi có thể quan sát được, dù có thể khó giải mã ở góc độ văn hóa. Các biểu hiện của VHHĐ ở cấp độ này bao gồm các kiến trúc tòa nhà, cách bài trí lớp học, nghi lễ, lễ hội của nhà trường, các ăn mặc, các hành vi ứng xử của các chủ thể trong trường học.

(2) **Giá trị và niềm tin** được chia sẻ là những yếu tố giá trị hay niềm tin của cá nhân khởi xướng và được nhóm hưởng ứng và thông thường người khởi xướng là lãnh đạo của tổ chức. Các giá trị và niềm tin này được khẳng định trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của tổ chức, vì thế nó có giá trị xã hội.

(3) **Giá trị tiềm ẩn hay giá trị cốt lõi** là những giá trị có tính chất bao trùm và đó là vấn đề không thể thay đổi, ăn sâu vào tiềm thức của cá nhân, tập thể.

*** Lý thuyết về văn hóa học đường của hai tác giả Kent D. Peterson và Terence E. Deal**

Văn hóa học đường trong nghiên cứu của Deal và Peterson là một mạng lưới gồm các nghi lễ, truyền thống, chuẩn mực và giá trị ảnh hưởng đến mọi mặt của đời sống học đường, thể hiện qua các tầng tầng lớp lớp các yếu tố văn hóa học đường, bao gồm:

(1) Tầm nhìn và giá trị nền tảng: Trong đó tác giả nhấn mạnh các thành tố **(i) sứ mệnh và mục đích cốt lõi** tạo động lực cho giáo viên, tiếp thêm năng lượng cho các nhà lãnh đạo, thúc đẩy học sinh học hỏi, khuyến khích phụ huynh và cộng đồng tham gia quá trình đào tạo; **(ii) Giá trị** là những gì cốt lõi nhất mà nhà trường coi là quan trọng; **(iii) Niềm tin:** trong trường học nhân viên, giảng viên, sinh viên và hiệu trưởng phải có niềm tin vào các khía cạnh của tổ chức như niềm tin về trách nhiệm của giáo viên đối với việc học tập của học sinh, về năng lực của học sinh, về sự thay đổi và đổi mới, đặc biệt về bản chất của học sinh và động cơ của họ; **(iv) Chuẩn mực** là mạng lưới những kỳ vọng về hành vi, trong phục, ngôn ngữ và các mặt của đời sống như chuẩn mực về ứng xử, chuẩn mực trong hành vi của giáo viên...; **(v) Giả định** là hệ thống niềm tin, nhận thức và giá trị có ý thức hướng dẫn hành vi, tác động đến hành động, suy nghĩ và cảm xúc; **(vi) Hoạt động khám phá giá trị, niềm tin, chuẩn mực và giả định.**

(2) Nghi thức, truyền thống, nghi lễ: **(i) Nghi thức** là những hoạt động, thói quen hàng ngày mang ý nghĩa sâu sắc (ví dụ điểm danh buổi sáng, thủ tục ra về buổi chiều), thường là các sự kiện có mối quan hệ chặt chẽ với sứ mệnh và giá trị cốt lõi của trường học; **(ii) Truyền thống** là các sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tính lịch sử và xảy ra từ năm nay qua năm khác, gắn kết mọi người với cội nguồn văn hóa, lịch sử truyền thống của nhà trường; **(iii) Nghi lễ:** buổi lễ trang trọng, những sự kiện mang tính cộng đồng, các sự kiện chung để kỷ niệm, ca ngợi, truyền đạt những giá trị cốt lõi của nhà

trường; *(iv) Hoạt động đánh giá, củng cố, thực hiện nghi thức, truyền thống, nghi lễ*

(3) Lịch sử và những câu chuyện là điều vô cùng quan trọng với các nhà lãnh đạo, học sinh, giáo viên trong trường học: *(i) Lịch sử* qua các thời kỳ của nhà trường; *(ii) Những câu chuyện, huyền thoại, truyền thuyết* ở nhà trường; *(iii) Hoạt động đánh giá lịch sử trường học, hoạt động sử dụng kể chuyện*

(4) Kiến trúc, hiện vật và biểu tượng: *(i) Kiến trúc* được coi là môi trường vật lý thể hiện những gì chúng ta muốn truyền đạt như sứ mệnh, giá trị cốt lõi,...tạo cảm xúc tự hào và động lực làm việc; *(ii) Biểu tượng:* đại diện cho các giá trị văn hóa phi vật thể và tín ngưỡng, truyền tải ý nghĩa, giá trị, niềm tin (logo, linh vật, tác phẩm của sinh viên, băng rôn...); *(iii) Hoạt động giải mã kiến trúc và đánh giá biểu tượng* [75].

Quan điểm của Deal và Peterson vừa mang tính bao quát, vừa cụ thể trong việc nhận diện các tầng bậc, các thành tố cấu thành VHHĐ. Trong khuôn khổ của đề tài nghiên cứu, luận án sử dụng cách phân chia cấu trúc VHHĐ theo quan điểm của Deal & Peterson. Trong mỗi yếu tố của VHHĐ, Deal & Peterson đều thể hiện nội dung và hoạt động VHHĐ gắn với nội dung cụ thể đó, như yếu tố giá trị sẽ có các hoạt động khám phá giá trị, yếu tố chuẩn mực sẽ có hoạt động khám phá chuẩn mực,...

*** Các quan điểm, chủ trương của Đảng về giáo dục và VHHĐ trong trường học**

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 tại Hội nghị Trung ương 8 khóa XI của Đảng về “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”, trong đó nêu rõ “Giáo dục là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình,

kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội” và “Đối với giáo dục đại học, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học...Đa dạng hóa các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế”. Việc đổi mới toàn diện giáo dục coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy nghề.

Văn hóa học đường được coi là yếu tố cốt lõi để phát triển giáo dục toàn diện bởi lẽ, muốn “dạy chữ, dạy người, dạy nghề” thì phải có một môi trường giáo dục lành mạnh, tích cực thì mới tăng hiệu quả của giáo dục - đào tạo. VHHD trong trường đại học tạo ra một môi trường an toàn, thân thiện cho giảng viên - sinh viên học tập, nghiên cứu đạt kết quả cao nhất; đồng thời chính VHHD trong nhà trường giáo dục cho sinh viên kỹ năng sống, đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp.

- Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường; Quyết định số 1299/QĐ-TTg Phê duyệt đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025”;...tăng cường công tác chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động xây dựng VHHD trong nhà trường, chú trọng giáo dục đạo đức cho thế hệ thanh thiếu niên, đẩy mạnh các hoạt động giáo dục ngoại khóa để học sinh, sinh viên phát triển phẩm chất cá nhân, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, hướng đến xây dựng môi trường học đường an toàn, hạnh phúc.

- Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030. Đây được coi là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, quan trọng, đòi hỏi có sự quan tâm, đầu tư thích đáng. “Đầu tư cho giáo dục, trong đó có giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ là đầu tư cho tương lai của đất nước”. Một trong

những nhiệm vụ, giải pháp mà Đảng đặt ra là “xây dựng trường học thực sự trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục, rèn luyện thanh thiếu nhi, kết hợp hài hòa giữa học chính khóa và ngoại khóa, qua đó góp phần hình thành lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ. Tạo điều kiện để các tổ chức Đoàn, Hội, Đội trong trường phát huy vai trò, ảnh hưởng và tích cực tham gia quá trình giáo dục toàn diện học sinh, sinh viên.

- Thông tư số 26/2017/TT-BGDĐT ngày 18/10/2017 quy định tổ chức hoạt động văn hóa của học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong đó quy định các hình thức hoạt động văn hóa, các nội dung và các yêu cầu đối với hoạt động văn hóa cho học sinh, sinh viên. Đây là căn cứ để luận án để phân tích các hoạt động văn hóa trong trường học.

2.3. CẤU TRÚC VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG

Bàn về cấu trúc hay các thành tố cấu thành VHHD hiện có nhiều quan điểm khác nhau của các tác giả trong nước và nước ngoài như quan điểm của Edgar H.Schein, Hofstede & Hofstede, Deal & Peterson, Phạm Ngọc Trung, Trần Ngọc Thêm, Phạm Văn Khanh như bảng tổng hợp dưới đây:

Bảng 2.1. Tổng hợp cấu trúc của văn hóa học đường

STT	Cấu trúc của VHHD	Tác giả
1	Cấu trúc hữu hình (cấp độ bề mặt) Giá trị và niềm tin được chia sẻ (cấp độ cộng hưởng) Giá trị tiềm ẩn (cấp độ nền tảng)	Edgar H.Schein [81]
2	Giá trị Nghị thức Nhân vật đại diện Biểu tượng Hoạt động (thực hành)	Hofstede & Hofstede [73]
3	Tầm nhìn và giá trị nền tảng Nghị thức, truyền thống, nghi lễ Lịch sử và những câu chuyện Kiến trúc, hiện vật và biểu tượng	Deal & Peterson [75]

STT	Cấu trúc của VHHD	Tác giả
4	Sinh viên Thầy Gia đình Nhà trường Xã hội	Phạm Ngọc Trung [61]
5	- Xét theo hoạt động văn hóa: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức và văn hóa ứng xử - Xét theo hoạt động sư phạm: Quan hệ giao tiếp giữa thầy và trò - Xét theo bậc học: bậc phổ thông, bậc đại học và sau đại học - Xét theo phương pháp sư phạm: phương pháp lấy thầy làm trung tâm; phương pháp lấy trò làm trung tâm - Xét theo Nhu cầu xã hội: VHHD hướng đến ổn định xã hội và VHHD hướng đến phát triển xã hội	Trần Ngọc Thêm [49]
6	Văn hóa môi trường Văn hóa tổ chức Văn hóa ứng xử Văn hóa chất lượng (trong đó có các chuẩn mực và tiêu chí VHHD)	Phạm Văn Khanh [53]
<i>Ghi chú: Bản mô tả và mô hình VHHD của các tác giả được trình bày chi tiết tại Phụ lục 01</i>		

[Nguồn: NCS tự tổng hợp]

Có thể thấy hướng tiếp cận, phân chia cấu trúc VHHD của các nhà nghiên cứu khác nhau nhưng tựu chung lại đều tập trung vào các thành phần chính: giá trị, chuẩn mực - ứng xử, môi trường học đường với cảnh quan, kiến trúc, biểu tượng...

Dựa trên quan điểm của Deal và Peterson, kết hợp với tình hình thực tiễn và sự phù hợp với đối tượng nghiên cứu, luận án cho rằng VHHD là một loại

hình thuộc văn hóa tổ chức, cấu trúc của VHHD bao gồm các thành tố: (1) Giá trị văn hóa học đường; (2) Chuẩn mực văn hóa học đường; (3) Hoạt động văn hóa trong trường học; (3) Hệ thống biểu tượng, kiến trúc và cảnh quan học đường.

Thứ nhất, giá trị văn hóa học đường

Giá trị là “những gì tích cực, tốt đẹp, đáng quý, có ý, có ý nghĩa, được cả xã hội thừa nhận, trở thành điểm tựa tinh thần, được mọi người khao khát hướng tới và hành động theo” [19, tr.15-16]. Sự hình thành các giá trị mang tính lịch sử và bị chi phối bởi điều kiện, môi trường sống của con người, truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc và cả thể chế chính trị xã hội. Giá trị là những sáng tạo về mặt tinh thần gắn với chủ thể nhất định, vì thế nó thể hiện niềm ao ước, khát vọng của chủ thể, góp phần định hướng nhân cách, lối sống tốt đẹp cho các cá nhân trong xã hội đó.

Cũng vậy, giá trị VHHD là giá trị tiêu biểu, những điều tốt đẹp, ý nghĩa được các cá nhân trong trường học khao khát hướng đến và hành động theo. Chính các giá trị đó giúp cho việc thiết lập hành vi của các cá nhân trong nhà trường, hay nói cách khác, hệ thống giá trị của VHHD vừa là nền tảng, vừa là đích hướng đến của các hoạt động trong trường học. Giá trị văn hóa không chỉ là những giá trị được hình thành trong lịch sử của nhà trường mà còn không ngừng được sáng tạo, bổ sung thêm những giá trị mới phù hợp với truyền thống lịch sử văn hóa của nhà trường, của dân tộc, của đất nước. Đó không phải là một bản rập khuôn giữa các trường học mà vừa có những giá trị mang tính chung, phổ quát, vừa có những giá trị mang tính đặc thù, thể hiện nét riêng trong thương hiệu của nhà trường, thể hiện được triết lý, sứ mệnh, mục tiêu, tầm nhìn, chiến lược phát triển của nhà trường.

Văn hóa học đường trong trường đại học ở nước ta chịu ảnh hưởng của văn hóa truyền thống dân tộc Việt Nam, đặc biệt xét trên phương diện tinh thần, ý thức học tập, phương diện mối quan hệ con người với con người và

cách ứng xử tình huống trong nhà trường. Theo kết quả nghiên cứu của nhóm nghiên cứu Nguyễn Thị Mỹ Lộc - Nguyễn Vũ Bích Hiền có mười giá trị văn hóa ảnh hưởng và biểu hiện rõ nét nhất ở nhà trường đó là: Đoàn kết, tương thân tương ái; Hiếu học, tôn sư trọng đạo; Sáng tạo, linh hoạt; lòng yêu nước, tinh thần dân tộc; Tính mục thước, kỷ luật; Cần cù, vượt khó; Vị tha, bao dung; Khiêm tốn, thật thà; Tế nhị, khéo léo; Lạc quan, vui vẻ [27]. Tuy nhiên trong từng giai đoạn, từng bối cảnh cụ thể các trường học lại có những giá trị VHHD khác nhau. Theo tác giả Trương Thị Mai, để xây dựng VHHD ở Việt Nam trong bối cảnh thực tiễn ngày nay phải quan tâm đến các giá trị sau: kỷ cương, kỷ luật; sáng tạo; nhân văn; hiện đại và một nền VHHD mở, từ đó tác giả dự báo con đường vận động và phát triển của giá trị VHHD Việt Nam đương đại:

Điều quan trọng là không để xuất hiện sự đứt gãy trong giá trị VHHD đã được xác lập từ trước đến nay và hướng tới tương lai. Phát huy những giá trị tích cực từ trong quá khứ. Xây dựng những giá trị mới phù hợp với đòi hỏi thực tiễn của hôm nay. Dự báo được các giá trị tương lai của VHHD Việt Nam phải hướng tới. [63, tr.281]

Trong từng bối cảnh mà nhà trường sẽ xác định những giá trị cốt lõi trong hệ thống các giá trị VHHD của nhà trường. Giá trị cốt lõi của nhà trường thông thường sẽ gồm 3-5 từ, thể hiện triết lý, mục tiêu, chiến lược của nhà trường trong một giai đoạn cụ thể. Và chính giá trị cốt lõi là tâm vòng tròn định hướng cho các hoạt động của nhà trường. Nó trở thành kim chỉ nam cho mọi hoạt động dạy học, hoạt động ngoại khóa của nhà trường.

Thứ hai, chuẩn mực văn hóa học đường

Tác giả Mai Văn Hai, Mai Kiệm coi chuẩn mực là “những quy ước chung của cả cộng đồng hay một nhóm hạn hẹp, có thể công khai hoặc ngầm ẩn, buộc các thành viên phải tuân thủ trong mọi hành vi ứng xử” [17, tr.146]. Như vậy, chuẩn mực là những mong muốn của một cộng đồng nhất định về

hành vi ứng xử của các cá nhân trong cộng đồng. Tác giả Vũ Thị Phương Hậu và cộng sự khi bàn về chuẩn mực con người Việt Nam thì cho rằng:

Chuẩn mực con người Việt Nam là những quy ước chung (công khai hoặc ngầm ẩn) về những điều, những việc phải làm, nên làm và không nên làm nhằm điều chỉnh thái độ, hành vi của mỗi người trong giao tiếp, ứng xử, hoạt động hàng ngày cho phù hợp với văn hóa, luật pháp Việt Nam, được người Việt Nam đồng thuận và tự nguyện thực hiện [19, tr.176].

Chuẩn mực VHHD là những giá trị gắn với các chủ thể trong học đường: người học (học sinh, sinh viên), người dạy (giáo viên, giảng viên) và người quản lý (lãnh đạo nhà trường, nhân viên nhà trường), định hình những phẩm chất, đức tính tốt đẹp, được xã hội coi trọng, đề cao. Chuẩn mực VHHD thể hiện qua các quy tắc ứng xử, hành vi, thái độ của các cá nhân trong học đường, gắn với từng chủ thể học đường. Căn cứ vào các hoạt động chính trong học đường (giảng dạy - học tập, nghiên cứu khoa học, ngoại khóa...); căn cứ Quy định về quy tắc ứng xử trong các cơ sở giáo dục, trong phạm vi luận án này, NCS quan niệm chuẩn mực VHHD được thể hiện trên ba khía cạnh chính: (i) Chuẩn mực trong dạy và học: thể hiện qua thái độ của người dạy, người học đối với nhiệm vụ giảng dạy - học tập; sự tương tác của người dạy và người học, sự tiếp thu của người học...; (ii) Chuẩn mực trong ứng xử: thể hiện qua các mối quan hệ qua lại giữa người dạy - người học - người quản lý với nhau, trong phạm vi nhà trường và với cộng đồng, xã hội; (iii) Chuẩn mực trong tác phong: thể hiện qua trang phục, ngôn ngữ, cử chỉ... của chủ thể người dạy, người học và quản lý trong nhà trường.

Chuẩn mực VHHD giúp nhà trường củng cố, thực hiện các giá trị VHHD, duy trì nền nếp, trật tự trong nhà trường. Những giá trị này vừa là kết tinh của truyền thống văn hóa dân tộc, truyền thống giáo dục của nước ta, truyền thống lịch sử của nhà trường, vừa là yêu cầu, đòi hỏi các cá nhân

trong nhà trường phải thực hiện, tuân thủ. Các chuẩn mực đó trở thành yếu tố nền tảng cho mọi hoạt động trong nhà trường, mang tính định hướng nhận thức và hành động của người học, người dạy và người quản lý đến những điều tốt đẹp.

Chuẩn mực VHHD vừa dựa trên những giá trị chuẩn mực chung của con người và dân tộc Việt Nam, vừa có những bản sắc riêng do đặc thù về định hướng chiến lược phát triển riêng của từng nhà trường. Do đó, không thể coi chuẩn mực VHHD là một màu giữa các nhà trường, mà vẫn thể hiện thương hiệu riêng của nhà trường.

Thứ ba, các hoạt động văn hóa trong trường học

Hoạt động văn hóa trong học đường là toàn bộ những hoạt động diễn ra trong không gian nhà trường, bao gồm các hoạt động dạy học, hoạt động hỗ trợ cho dạy học, các hoạt động ngoại khóa...

Tuy nhiên, trong phạm vi luận án này, NCS dựa trên quan niệm về hoạt động văn hóa trong *Thông tư số 26/2017/TT-BGDĐT ngày 18/10/2017 quy định tổ chức hoạt động văn hóa của học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục* của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để phân tích các hoạt động văn hóa trong trường học. Theo đó, “hoạt động văn hóa là những hình thức sinh hoạt văn hóa quần chúng phong phú và đa dạng nhằm nâng cao đời sống tinh thần, hướng con người vươn lên theo quy luật của cái đúng, cái đẹp, cái tốt, của chuẩn mực giá trị chân, thiện, mỹ” [7]. Từ đó có thể hiểu hoạt động văn hóa trong trường học là các hoạt động nhằm phục vụ nhu cầu về văn hóa cho học sinh, sinh viên trong nhà trường.

Hoạt động văn hóa trong trường học thường được tổ chức với các nội dung đa dạng: tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, ca ngợi truyền thống tốt đẹp của dân tộc, các chuẩn mực đạo đức, lối sống văn hóa của người Việt Nam; ca ngợi truyền thống của nhà trường; thể hiện tâm tư, tình cảm, trách nhiệm của người trẻ với bản thân, gia

đình, nhà trường, quê hương, đáp ứng nhu cầu, sở thích lành mạnh của học sinh, sinh viên; đồng thời phê phán những biểu hiện lệch lạc, tiêu cực trong mối quan hệ con người với con người và môi trường xung quanh, phê phán các biểu hiện lệch lạc, ham chơi, thích hưởng thụ, phòng chống các tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực và bất bình đẳng giới trong học đường.

Các hoạt động văn hóa trong nhà trường được thể hiện qua các hình thức như: Hoạt động văn hóa đọc tại các thư viện nhà trường, tìm hiểu văn hóa thông qua sách báo, các tạp chí và phương tiện truyền thông; Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về văn hóa - xã hội, tìm hiểu lịch sử, truyền thống dân tộc; Hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa nghệ thuật, các hoạt động thể thao, trò chơi giải trí; Hoạt động giao lưu học sinh, sinh viên trong và ngoài nước, tổ chức xã hội khác; Hoạt động triển lãm, hoạt động tình nguyện, đền ơn đáp nghĩa và các hoạt động khác phù hợp với truyền thống, nghi lễ, nghi thức của nhà trường, địa phương và đất nước...

Hoạt động văn hóa trong trường học thuộc về văn hóa quần chúng, đa dạng về nội dung, hình thức tổ chức, hướng đến giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; đồng thời tạo môi trường để học sinh, sinh viên giao lưu, học hỏi, tiếp thu các giá trị văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần, khả năng cảm thụ văn hóa, nghệ thuật. Cùng với đó, hoạt động văn hóa trong nhà trường giúp điều chỉnh các hành vi lệch lạc, các tệ nạn xã hội, các vấn nạn học đường, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong nhà trường.

Thứ tư, hệ thống biểu tượng, kiến trúc và cảnh quan học đường

Biểu tượng, cảnh quan, kiến trúc trường học được coi là điều truyền tải thông điệp, thể hiện những giá trị nào đó của VHHĐ. Đây được coi là phần dễ nhận biết nhất để phân biệt giữa các trường học bởi có những biểu tượng, kiến trúc, cảnh quan chỉ riêng trường đó mà các trường khác không có.

Biểu tượng có thể là lời nói, cử chỉ, hình ảnh, vật thể trong đó ẩn chứa nhiều tầng ý nghĩa, nhiều thông điệp. Đó có thể là con người - nhân vật tiêu

biểu học đường hay các hiện vật như logo, linh vật, các bài hát, khẩu hiệu...đại diện cho giá trị văn hóa của nhà trường. Biểu tượng được nhà trường lựa chọn để làm dấu hiệu nhận diện thương hiệu nhà trường. Tuy nhiên, biểu tượng không phải là vĩnh cửu, mà có thể được thay mới, chuyển từ lựa chọn biểu tượng này sang lựa chọn biểu tượng khác.

Trong trường học thường xây dựng biểu tượng là các nhân vật tiêu biểu mang tính đại diện cao, họ có thể là người còn sống hoặc đã khuất, có thật hoặc tưởng tượng, là những cá nhân mang những đặc điểm được cộng đồng đánh giá cao, vì thế trở thành hình mẫu của các mô thức ứng xử trong VHHD. Thực tế, đó có thể là nguyên các nhà quản lý của trường, người có công sáng lập, xây dựng, phát triển trường hoặc học sinh, sinh viên tiêu biểu, vượt khó của trường. Nhân vật tiêu biểu trong học đường như một tấm gương, hình mẫu lý tưởng để cán bộ, giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên noi theo.

Bên cạnh đó, biểu tượng trong nhà trường còn là các câu tuyên bố về giá trị cốt lõi, sứ mệnh; logo của nhà trường; khẩu hiệu nhà trường; sản phẩm sáng tạo của học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên nhà trường; giải thưởng, bằng khen, huy chương; các linh vật biểu tượng cho nhà trường...

Cảnh quan, kiến trúc ngôi trường với cổng chào, sân trường, các tòa nhà, phòng truyền thống nhà trường...thể hiện những đặc điểm riêng của từng trường đại học. Cảnh quan và kiến trúc của đều thể hiện những dấu ấn để khi nhắc đến tên trường, người ta có thể hình dung ngay ra kiến trúc của trường.

2.4. VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC

2.4.1. Trường đại học và vai trò của trường đại học

Đại học (tiếng anh là University, tiếng Latinh là Universitas), được dịch là Viện đại học, tuy nhiên sau đó gọi tắt là đại học. Theo Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học năm 2018: “cơ sở giáo dục đại học là cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, hoạt động khoa học và công nghệ, phục vụ cộng đồng”. Theo đó, “trường đại học là cơ sở giáo dục đại học đào tạo,

ngiên cứu nhiều ngành, được cơ cấu tổ chức theo quy định của Luật này” (Điều 4) [38].

Cơ cấu của trường đại học bao gồm:

- a) Hội đồng trường đại học, hội đồng học viện
- b) Hiệu trưởng trường đại học, giám đốc học viện; phó hiệu trưởng trường đại học, phó giám đốc học viện
- c) Hội đồng khoa học và đào tạo; hội đồng khác (nếu có)
- d) Khoa, phòng chức năng, thư viện, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức phục vụ đào tạo khác
- e) Trường, phân hiệu, viện nghiên cứu, cơ sở dịch vụ, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh và đơn vị khác (nếu có) theo nhu cầu phát triển của trường đại học [38].

Ở phạm vi nghiên cứu của luận án, NCS tập trung nghiên cứu các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trong bối cảnh hiện nay, trường đại học ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. *Luật Giáo dục đại học* quy định mục tiêu chung của giáo dục đại học như sau:

- Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học công nghệ, tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;
- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương ứng với trình độ đại học; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân (Điều 5) [37].

Theo như Điều 4, Luật Giáo dục đại học ở trên, trường đại học thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (bao gồm đại học, thạc sĩ,

tiến sĩ); hoạt động khoa học và công nghệ; phục vụ cộng đồng. Nhắc đến trường đại học, các nhà nghiên cứu thường gọi đó là “tổ chức học thuật” hay “môi trường học thuật” bởi khác biệt lớn nhất của các trường đại học với các trường hệ giáo dục phổ thông khác ở điểm cốt lõi “tự do học thuật”. Chức năng cơ bản của trường đại học là truyền tải văn hóa, tri thức, không chỉ thông qua giảng dạy - học tập mà còn cả nghiên cứu; vừa phải cung cấp kiến thức chuyên môn chuyên sâu mà còn định hướng lối sống, tư tưởng, đạo đức và trách nhiệm đối với xã hội cho sinh viên. Trong bài phát biểu tại lễ nhậm chức của bà Drew Faust, Hiệu trưởng thứ 26 của Trường Đại học Harvard viết:

Bản chất của một trường đại học là trách nhiệm độc nhất vô nhị của nó với quá khứ và tương lai, chứ không chỉ đơn giản với hiện tại. Một trường đại học hoạt động không vì những kết quả của tháng tới hay năm tới, thậm chí cũng không vì việc sinh viên tốt nghiệp sẽ trở thành con người như thế nào. Nó hoạt động vì những kiến thức sẽ định hình cả một đời người, những kiến thức truyền tải di sản của nhiều thiên niên kỷ, những kiến thức quyết định tương lai. Một trường đại học phải vừa nhìn về tương lai phía trước, vừa nhìn lại quá khứ theo những cách đôi khi bắt buộc phải mâu thuẫn với những mối bận tâm hoặc đòi hỏi nhất thời của công chúng. Trường đại học gắn bó với sự vô thời hạn, và sự đầu tư này sẽ tạo ra một mùa bội thu mà chúng ta không thể đoán trước và thông thường không thể đo lường được [92].

Như vậy, có thể nói giáo dục đại học không phải chỉ là hiện tại giải quyết thời gian cơ học với bốn hay năm năm học mà hướng đến cả tương lai giúp “định hình cả một đời người”, thậm chí có thể quyết định cả tương lai một đất nước. Bởi trường đại học là nơi mà đầu ra là nguồn nhân lực mới cho đất nước. Sinh viên được coi là “sản phẩm đặc biệt” cung ứng cho thị trường lao động, theo một tính chất bắc cầu thì giáo dục đại học trở thành “đầu vào tạo nên sự phát triển và tăng trưởng của thương mại và công nghiệp” [dẫn theo

27]. Ngoài ra, trường đại học thực hiện sứ mệnh cộng đồng của mình đối với xã hội với hàng loạt những nghiên cứu khoa học, tạo nên các nhà nghiên cứu thực thụ, không ngừng tìm ra những chân trời kiến thức mới, đóng góp cả lý luận và thực tiễn cho khoa học và cuộc sống.

Từ phân tích trên, có thể khái quát một số đặc điểm chính của trường đại học, phản ánh tính chất chuyên sâu, riêng biệt của trường đại học so với các cấp học khác:

- ***Trường đại học là nơi đào tạo các cấp bậc khác nhau, đa ngành, liên ngành và có tính chuyên sâu.*** Chương trình ở các trường đại học thường có các cấp học khác nhau, từ cử nhân, thạc sĩ đến tiến sĩ, do đó không chỉ đào tạo kiến thức cơ bản mà còn phát triển các kỹ năng chuyên môn từ nghiên cứu đến thực tiễn. Chính vì vậy, sinh viên các trường đại học luôn có khả năng tư duy, phân tích, tự học, tự nghiên cứu độc lập và có nhiều sáng kiến sáng tạo. Đồng thời sự phát triển liên ngành ở các trường đại học giúp đa dạng, phong phú môi trường học tập cho sinh viên, tăng cường sự giao lưu, cọ xát, chia sẻ của sinh viên giữa các ngành, lĩnh vực trong trường học.

- ***Trường đại học có tính tự chủ và quản lý độc lập.*** Luật giáo dục Việt Nam quy định các trường đại học được phép tự chủ trên năm lĩnh vực, tùy vào mức độ, khả năng của các trường. Tính tự chủ giúp các trường đại học có thể điều chỉnh linh hoạt hơn trong quản lý, điều hành nhà trường, trong tài chính, trong tuyển dụng, quản lý cán bộ đến các hoạt động đào tạo, tuyển sinh và đặc biệt được tự chủ trong xác định các chuẩn mực và phương pháp đánh giá. Xét về mặt tích cực, tính tự chủ giúp từng trường đại học có thể tự điều chỉnh sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược, các giá trị hay các chuẩn mực học đường để phù hợp với truyền thống và xu hướng giáo dục mới hiện nay.

- ***Trường đại học đa dạng đối tượng đào tạo, phương pháp; chú trọng học thuật, các hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo.*** Đối tượng đào tạo trong các trường đại học gồm nhiều độ tuổi, xuất thân từ nhiều miền quê khác

nhau, có vốn và phong nền văn hóa khác nhau, do đó có sự giao lưu văn hóa vùng miền giữa các bạn trong cùng lớp, cùng trường, cùng tham gia các hoạt động. Đồng thời, trường đại học cho phép ứng dụng nhiều phương pháp giảng dạy, không phải chỉ là phương pháp thuyết trình một chiều mà tích cực sử dụng các phương pháp dạy học hiện đại, có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, nhằm phát triển khả năng tự học, tự học suốt đời và tư duy sáng tạo, đổi mới cho sinh viên. Xuất phát từ vai trò, nhiệm vụ của trường đại học, nó gắn trên mình sứ mệnh truyền tải tri thức, tạo môi trường học tập, nghiên cứu khoa học, thực hiện các dự án sáng tạo, tạo ra các sản phẩm và giải pháp mới có tính đóng góp cao cho xã hội.

- ***Trường đại học có nhiều hoạt động ngoại khóa.*** Để rèn luyện sinh viên - uơm mầm cho những tài năng của đất nước, các trường đại học đều phải chú trọng phát triển không chỉ “đức”, “trí” mà còn rèn luyện “thể”, “mỹ” cho sinh viên. Do đó sự phát triển của các chương trình ngoại khóa với các hoạt động nghệ thuật, thể thao, hoạt động giúp đỡ cộng đồng...giúp sinh viên phát triển các kỹ năng mềm và kỹ năng xã hội của mình, rèn luyện, hình thành cho sinh viên những giá trị, chuẩn mực mới phù hợp với sự phát triển của xã hội hiện đại.

- ***Trường đại học là môi trường đa văn hóa và có tính hội nhập quốc tế cao.*** Sinh viên, giảng viên của các trường đại học đến từ nhiều vùng miền, từ nhiều dân tộc, thậm chí quốc gia khác nhau, tạo nên một môi trường học tập đa văn hóa. Điều này đồng nghĩa với việc, giảng viên, sinh viên được tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau, có sự giao lưu, học hỏi hay thậm chí cả bài trừ. Sự nhanh nhạy, năng động, khả năng thích ứng, sáng tạo của sinh viên cũng như giảng viên các trường đại học giúp tạo nên một môi trường có tính hội nhập quốc tế cao. Điều đó thể hiện qua các hoạt động trao đổi sinh viên, giảng viên, các chương trình liên kết quốc tế. Đây là điều cần thiết để chuẩn bị cho nguồn nhân lực mới, chất lượng cao cho đất nước, đáp ứng được yêu cầu của xã hội hiện đại.

- *Trường đại học có những đóng góp cho cộng đồng và xã hội.* Sự đóng góp của các trường đại học không chỉ tạo nguồn cho lao động của đất nước, phục vụ xã hội mà còn ở các hoạt động vì cộng đồng. Sự phát triển các hoạt động thiện nguyện, hoạt động vì cộng đồng vừa giúp tạo ra kỹ năng cho sinh viên, rèn luyện tinh thần yêu nước mà còn tạo ra sự đóng góp lớn cho cộng đồng.

2.4.2. Vai trò của văn hóa học đường trong trường đại học

Trong Chương trình Nghị sự Giáo dục toàn cầu đến năm 2030, UNESCO đã đề ra mục tiêu phát triển bền vững về giáo dục, bao gồm: Tạo môi trường học tập an toàn, phi bạo lực, hòa nhập và hiệu quả. Kiến thức và kỹ năng thông qua giáo dục về sự phát triển bền vững và các lối sống bền vững, về quyền con người, bình đẳng giới, thúc đẩy văn hóa hòa bình và phi bạo lực và về công dân toàn cầu. Nhà trường với vai trò sứ mệnh đặc biệt vừa là nơi bảo tồn và lưu truyền các giá trị văn hóa của nhân loại, vừa là nơi đào luyện nên các chủ nhân gìn giữ và sáng tạo văn hóa trong tương lai của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Điều đó cho thấy vai trò, tầm quan trọng của VHHD trong giáo dục nói riêng và xã hội nói chung.

Cũng vậy, VHHD trong trường đại học giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển của trường đại học, sự hình thành nhân cách người dạy, người học và có ảnh hưởng lớn đến xã hội.

Thứ nhất, VHHD góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển con người toàn diện, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội

Chất lượng giáo dục là yếu tố sống còn của một trường đại học, nhất là trong bối cảnh có nhiều sự cạnh tranh giữa các trường trong nước và quốc tế như ngày nay. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục của một trường đại học, trong đó VHHD có vai trò đặc biệt quan trọng. VHHD tạo ra môi trường dạy và học trong nhà trường an toàn, lành mạnh, tạo điều kiện cho hoạt động giảng dạy và học tập tốt, giúp nâng cao chất lượng giáo dục trong trường đại học.

Văn hóa học đường là một bộ phận không thể thiếu trong trường đại học, được coi là tiểu văn hóa trong môi trường giáo dục - đào tạo. Nó được các nhà nghiên cứu đánh giá như một “chương trình đào tạo ẩn”, tồn tại song song cùng chương trình đào tạo chính thức của trường đại học. Michael Haralambos nhấn mạnh “Chương trình đào tạo ẩn bao gồm những vấn đề mà học sinh học được thông qua mọi hoạt động trong nhà trường chứ không phải chỉ là những gì được trình bày trong mục tiêu đào tạo của nhà trường” [dẫn theo 27, tr.36]. Chương trình đào tạo đó đến từ truyền thống lịch sử nhà trường, những giá trị văn hóa mà trường đại học xây dựng, từ những mối quan hệ của giảng viên, sinh viên và các tổ chức ngoài nhà trường, từ những hoạt động, phong trào, logo, khẩu hiệu trong nhà trường... VHHD là một phần của chương trình đào tạo trong trường đại học, vì thế nếu xây dựng và thực hành VHHD tốt thì sẽ nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường đại học.

Không chỉ vậy, VHHD còn góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao - những con người mới - những sinh viên toàn năng, phục vụ cho các ngành nghề của đất nước, đáp ứng nhu cầu của xã hội trong bối cảnh hiện nay.

Nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố then chốt giúp thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của một doanh nghiệp, tổ chức hay một quốc gia. Đại hội Đảng lần thứ XIII của Đảng xác định:

...phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững [11. tr.196].

Nguồn nhân lực chất lượng cao bao gồm những người lao động có trình độ chuyên môn cao, có kỹ năng chuyên môn tốt trong nghề, có khả năng đổi mới sáng tạo, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm xã hội, đồng thời có sức khỏe, tinh thần tốt... Đây cũng là mục tiêu, đích hướng đến của các trường đại

học. Môi trường giáo dục đại học không còn thuần túy là nơi cung cấp tri thức, rèn luyện tay nghề mà còn là nơi rèn luyện thể chất, nâng cao sức khỏe, tinh thần và phẩm chất đạo đức con người, tạo nguồn “chuẩn đầu ra” là những con người đủ đức - trí - thể - mỹ phục vụ cho xã hội, đất nước.

Thứ hai, VHHD tạo sự kết nối giữa các chủ thể trong cộng đồng học đường và xã hội

Văn hóa luôn là sợi dây kết nối con người với con người. Cũng vậy, VHHD tạo nên các mối quan hệ ràng buộc giữa các chủ thể trong và ngoài trường đại học, thể hiện ở mối quan hệ giữa các thành viên trong không gian nhà trường và giữa những nhân tố tham gia vào hoạt động giáo dục đào tạo: mối quan hệ sinh viên - giảng viên - cán bộ nhà trường - gia đình - xã hội.

Văn hóa học đường với hệ thống các chuẩn mực học đường, là những giá trị tạo sự kết nối giữa sinh viên với sinh viên, sinh viên với giảng viên, cán bộ nhà trường, giảng viên, cán bộ với nhau hay sinh viên, giảng viên với phụ huynh, gia đình và với toàn xã hội. Trong đó sinh viên và giảng viên là hai chủ thể chính trong trường đại học, là hạt nhân làm nên VHHD, do đó đây là mối quan hệ cơ bản nhất. Trong trường đại học, giảng viên không chỉ truyền thụ tri thức mà còn truyền đạt đạo đức, lối sống, rèn luyện nền nếp, ứng xử cho sinh viên. VHHD giúp cho sinh viên và giảng viên có mối quan hệ gần gũi, cởi mở, thân thiện nhưng vẫn giữ được sự “tôn sư trọng đạo”.

Văn hóa học đường có vai trò liên kết các thế hệ người học, người dạy, thế hệ trước với thế hệ sau bằng cách trao truyền những giá trị, chuẩn mực để thế hệ sau tiếp tục duy trì và phát triển. VHHD không chỉ giúp duy trì những giá trị tốt đẹp, truyền thống mang tính riêng biệt, độc đáo của nhà trường mà còn giúp nhà trường tránh được những mặt trái, tiêu cực của môi trường bên ngoài. VHHD được ví như “màng chắn” ngăn chặn những tác động xấu từ bên ngoài, đồng thời không ngừng tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để nhà trường thay đổi và thích nghi; đảm bảo cho nhà trường vừa

giữ được nét bản sắc, vừa phát triển kịp thời đại. Những sợi dây giá trị VHHD giúp tạo nên sự kết nối giữa các chủ thể học đường trong môi trường trường đại học và cả xã hội, cùng hướng đến vì mục tiêu giáo dục chung của trường đại học và đất nước.

Thứ ba, VHHD giúp điều chỉnh hành vi và giải quyết những xung đột trong trường đại học

Có hai cách để điều chỉnh hành vi và giải quyết xung đột trong một tổ chức, đó là con đường chính thức hóa, thể hiện qua những quy định, luật lệ, chính sách để kiểm soát hoạt động của con người; con đường thứ hai là sử dụng những giá trị, chuẩn mực, truyền thống. VHHD thực hiện điều chỉnh hành vi và giải quyết những mâu thuẫn trong trường đại học theo con đường thứ hai. Quá trình điều chỉnh hành vi của sinh viên, giảng viên, cán bộ, nhân viên nhà trường không mang tính chất áp đặt mà tự bản thân mỗi thành viên trong trường đại học tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với giá trị, chuẩn mực của nhà trường. VHHD còn điều chỉnh hành vi bằng các dư luận của tập thể, truyền thống, không mang tính áp đặt nhưng có tính thực thi cao. Đặc biệt đặt trong bối cảnh hiện nay, trong điều kiện kinh tế, khoa học công nghệ và xã hội có những thay đổi nhanh chóng thì việc xây dựng VHHD càng có ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục, hình thành nhân cách, lối sống tốt đẹp cho con người.

Thứ tư, VHHD là nền tảng xây dựng thương hiệu, uy tín của nhà trường đại học

Thương hiệu của một trường đại học được xây dựng dựa trên nhiều yếu tố, giá trị, là sự tổng hòa giữa chất lượng giáo dục đào tạo, những đóng góp cho xã hội, những giá trị văn hóa có tầm ảnh hưởng đến nền giáo dục nói riêng và cả xã hội nói chung. Thương hiệu nhà trường được củng cố qua thời gian, bằng sự tin tưởng và công nhận của cộng đồng trong nước và quốc tế. Xây dựng thương hiệu và uy tín của nhà trường đại học trong bối cảnh hiện

nay rất quan trọng, bởi lẽ với xu thế hội nhập quốc tế, sự chuyển giao khoa học công nghệ, sinh viên và gia đình có rất nhiều sự lựa chọn trong hàng trăm trường đại học trong nước và quốc tế. Việc lựa chọn trường đại học nào phụ thuộc rất nhiều vào uy tín, thương hiệu của nhà trường.

Làm nên thương hiệu nhà trường, ngoài những đánh giá về chất lượng đào tạo theo các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, không thể không kể đến những giá trị văn hóa, bản sắc của nhà trường, môi trường học thuật cởi mở, sáng tạo, khuyến khích sinh viên phát triển toàn diện hay sự kết nối của cộng đồng đối tác, cộng đồng cựu sinh viên thành đạt, uy tín giúp nâng cao danh tiếng của nhà trường hay những hình ảnh, biểu tượng, khẩu hiệu... giúp lan tỏa hình ảnh của trường đại học. Đó chính là biểu hiện của VHHĐ trong nhà trường. Xây dựng VHHĐ làm nền tảng để tạo nên hình ảnh đẹp của trường đại học, tạo bản sắc riêng, thương hiệu của nhà trường.

Đồng thời, các giá trị VHHĐ vừa là nơi lưu giữ, bảo vệ văn hóa truyền thống của trường đại học, của dân tộc vừa trở thành nền tảng giúp các trường đại học tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, thích ứng với sự thay đổi và phát triển của xã hội. Có như thế, các trường đại học vẫn giữ được bản sắc của trường mình, không bị hòa tan trong bối cảnh hội nhập như hiện nay. Trong quá trình vươn mình ra thế giới của các trường đại học không thể mất đi những giá trị VHHĐ, đó chính là động lực, nền tảng phát triển cho các nhà trường.

Thứ năm, VHHĐ là nền tảng cho sự phát triển của nhà trường, hướng đến xây dựng trường đại học bền vững

Văn hóa học đường trong trường đại học cũng giống như văn hóa, được coi là tâm mạch lọc, giữ gìn, bảo vệ, phát huy những giá trị, chuẩn mực truyền thống tốt đẹp của nhà trường, đồng thời tránh những ảnh hưởng của các trào lưu lai căng văn hóa, những tiêu cực của xã hội. VHHĐ cho phép trường đại học chọn lọc những giá trị mới, những giá trị phù hợp với tâm

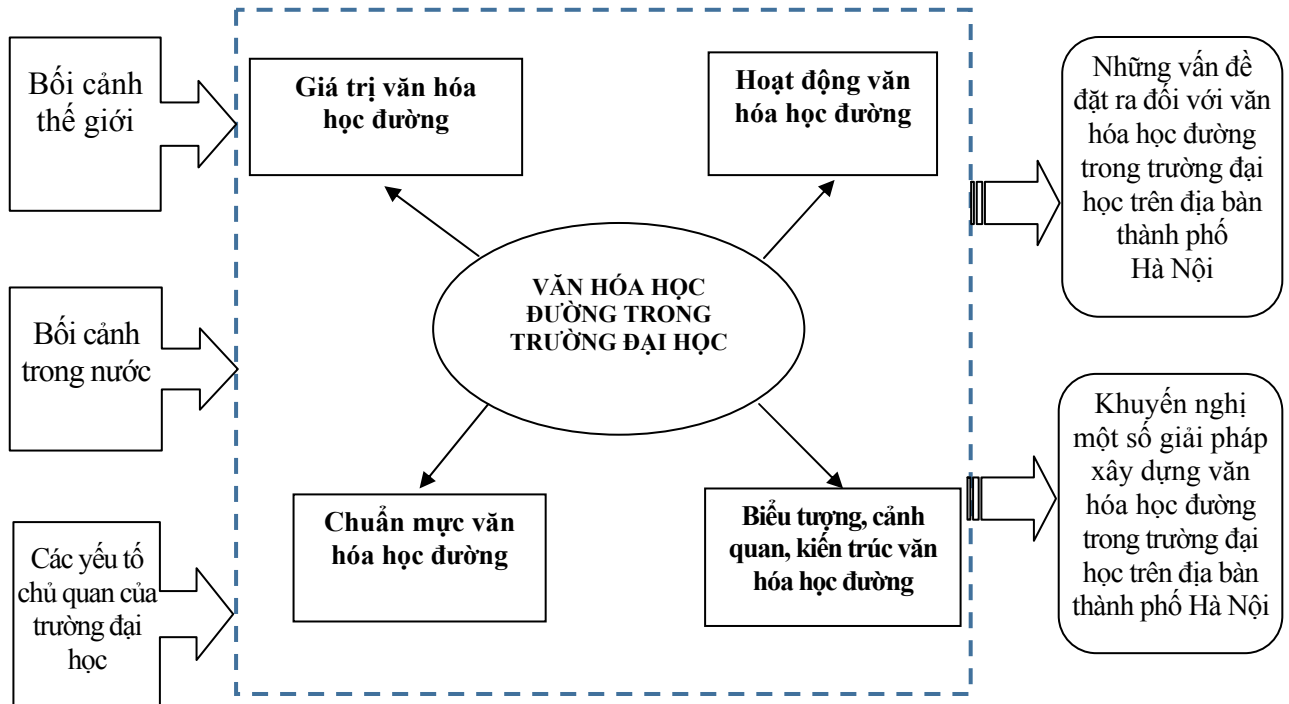
nhìn, sứ mệnh, chiến lược phát triển của nhà trường, bảo đảm cho trường đại học không bị tụt hậu với các trường trong nước và quốc tế.

Các trường đại học ở Việt Nam hiện nay luôn hướng đến xây dựng và phát triển trở thành trường đại học bền vững. Có nhiều tiêu chí để đánh giá một trường đại học bền vững, trong đó có các tiêu chí về tác động môi trường (giáo dục về môi trường, nghiên cứu về môi trường, bền vững trong môi trường), tác động xã hội (tuyển dụng và kết quả đầu ra, bình đẳng, sức khỏe, cuộc sống hạnh phúc, ảnh hưởng về giáo dục, chia sẻ kiến thức) và quản trị tốt. Việc phát triển VHHĐ với quy hoạch về kiến trúc, cảnh quan nhà trường cho phù hợp, quan tâm đến chất lượng đầu ra của sinh viên, tạo môi trường học tập lành mạnh, an toàn, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau của tập thể cán bộ, giảng viên, sinh viên...chính là những nỗ lực của các trường đại học trong việc hướng đến xây dựng trường đại học bền vững, rút ngắn thứ hạng xếp loại của các trường đại học trong danh sách đánh giá của quốc tế.

2.5. KHUNG PHÂN TÍCH CỦA LUẬN ÁN

Dựa trên những vấn đề lý luận đã trình bày ở trên, NCS xây dựng khung phân tích các nội dung cơ bản mà luận án sẽ triển khai như sau:

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, VHHĐ trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội cũng chịu sự tác động của các yếu tố từ bối cảnh thế giới, bối cảnh trong nước đến các yếu tố chủ quan thuộc trường đại học. Vận dụng những quan điểm nghiên cứu đã lựa chọn, luận án nhận diện VHHĐ trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội dựa trên cấu trúc đã xác định: Giá trị văn hóa học đường; Chuẩn mực văn hóa học đường; Hoạt động văn hóa học đường và Biểu tượng, kiến trúc, cảnh quan học đường. Trên cơ sở phân tích những yếu tố tác động, nhận diện thực trạng VHHĐ trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội, NCS chỉ ra một số vấn đề đặt ra đối với VHHĐ trong trường đại học ở Thủ đô Hà Nội.



Hình 2.2. Khung phân tích của luận án [NCS đề xuất]

2.6. KHÁI QUÁT ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

Theo dữ liệu thống kê, số lượng các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội là 105 trường, chiếm gần 1/3 số trường đại học trên cả nước và hơn 40% tổng số sinh viên cả nước [3]. Trên địa bàn thành phố Hà Nội có nhiều trường đại học vì Hà Nội là Thủ đô của cả nước, có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời với nhiều điểm thuận lợi để phát triển hệ thống giáo dục - đào tạo.

Nằm ở trung tâm đồng bằng sông Hồng, Thủ đô Hà Nội được xem là vùng đất “địa linh nhân kiệt”, là trung tâm văn hóa - kinh tế - chính trị của cả nước. Hà Nội là thành phố đặc biệt trực thuộc Trung ương với diện tích lớn nhất, có mật độ dân số cao thứ hai cả nước. Ngay từ buổi đầu lịch sử, Hà Nội đã được lựa chọn trở thành trung tâm của cả nước với địa thế “ở trung tâm cõi bờ đất nước, có cái thế rồng cuộn hổ ngồi, vị trí ở giữa bốn phương Đông Tây Nam Bắc, địa hình thế núi sông sau trước... thực là chỗ bốn phương hội tụ, là nơi đô thành bậc nhất của đế vương muôn đời” [8]. Với bề dày hơn 1000 năm

phát triển, Hà Nội đang hướng đến phát triển trở thành thành phố “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại”, một động lực phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Các trường đại học ở thành phố Hà Nội đa số là các trường có lịch sử lâu đời, đa dạng về ngành nghề, phong phú về các lĩnh vực đào tạo. Hơn nữa, Thủ đô Hà Nội là nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động chính trị, ngoại giao, văn hóa, các sự kiện lớn của cả nước, nên có tác động lớn đến hoạt động giáo dục - đào tạo của các trường đại học. Sự tiếp nhận, triển khai thực hiện những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở các trường cũng nhanh nhạy hơn các cơ sở đào tạo khác. Đồng thời, sự ảnh hưởng của văn hóa dân tộc nói chung, nền văn hóa - văn hiến của Thủ đô nói riêng cũng tạo nên nét đặc trưng riêng của văn hóa các trường đại học ở thành phố Hà Nội.

Đồng thời, cán bộ, giảng viên, sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội chủ yếu đến từ các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, nơi có nền văn minh lâu đời và hội tụ nhiều giá trị văn hóa truyền thống. Cán bộ, giảng viên, sinh viên đều được tiếp xúc với các thành tựu lớn về chính trị, khoa học, công nghệ của thành phố Hà Nội, đặc biệt là các thành tựu của khoa học công nghệ ứng dụng trong giáo dục - đào tạo. Do đó, cán bộ, giảng viên, sinh viên đại học ở Hà Nội vừa chăm chỉ, cần cù, chịu khó, vừa năng động, nhạy cảm, không ngại học hỏi, cải tiến và sáng tạo, thích nghi với điều kiện mới. Thêm vào đó, họ luôn có cơ hội giao lưu, cọ xát nhiều hơn với các trường đại học trên thế giới thông qua các hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên, các hoạt động nghiên cứu khoa học liên quốc gia và chuyển giao các chương trình giảng dạy quốc tế trong các trường đại học.

Không thể phủ nhận những tác động tích cực của xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế nhưng cũng phải nhìn nhận những tác động tiêu cực của nó đến xã hội nói chung và môi trường giáo dục - đào tạo, các trường đại học nói riêng. Sự giao lưu mở rộng quan hệ đa chiều, vừa mở ra cơ hội, vừa tạo ra

thách thức trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, những giá trị truyền thống, lối sống, chuẩn mực và đạo đức của cán bộ, giảng viên, sinh viên của các trường đại học. Trước sức ép của lối sống thực dụng, tiêu cực, các vấn nạn trong học đường, các nhà lãnh đạo trường đại học phải giải quyết bài toán để làm sao cân bằng được trong việc giữ gìn giá trị văn hóa truyền thống và hòa nhập để phát triển với xu hướng chung của nền giáo dục quốc tế. Chính vì thế, VHHD trở thành “phao cứu sinh”, trở thành “màng lọc” giúp các nhà lãnh đạo có những định hướng đúng đắn trong thực hiện sứ mệnh, tầm nhìn của trường đại học.

Có thể nói, cán bộ, giảng viên, sinh viên và các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc thu những giá trị, tinh hoa, bản sắc văn hóa dân tộc, vừa tiếp nhận những làn sóng khoa học công nghệ mới nhất, tuy nhiên cũng là nơi có nhiều thách thức trước sự phát triển ồ ạt của các nền văn hóa như hiện nay. Điều đó đã và đang đặt ra những nhiệm vụ trong việc xây dựng, hình thành VHHD trong các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trong luận án này, NCS lựa chọn ba trường đại học để khảo sát, đó là Trường ĐHSPHN, Trường ĐHNT, Trường ĐHGTVT - ba trường đại học hàng đầu trong lĩnh vực sư phạm, kinh tế và kỹ thuật. Mỗi trường học nói chung và mỗi trường đại học nói riêng đều có tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý giáo dục riêng của mình, vì thế VHHD trong mỗi trường cũng có những nét đặc sắc riêng.

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được thành lập năm 1951 là một trong những cơ sở giáo dục đại học trọng điểm của của quốc gia và khu vực. Nhà trường có hơn 1030 cán bộ, giảng viên, viên chức, trong đó có hơn 650 giảng viên (10 GT.TS; 126 PGS.TS, hơn 400 tiến sĩ - TSKH, hơn 190 thạc sĩ); trong đó có 43 nhà giáo nhân dân, 150 nhà giáo ưu tú, với 24 khoa đào tạo, 20 viện, trung tâm nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ. Với 45 chương trình đào tạo chính quy, 7 chương trình chất lượng cao, 43 chương

trình đào tạo tiến sĩ và 55 chương trình đào tạo thạc sĩ, trường ĐHSPHN đã đào tạo được hơn 110.000 cử nhân, hơn 25.000 thạc sĩ và hơn 2000 tiến sĩ [99]. Trường ĐHSPHN là một trong 17 trường ở Việt Nam được lọt vào bảng xếp hạng các trường đại học ở châu Á năm 2025 (với xếp hạng 751-800) và xếp hạng thứ 8 trong top 100 trường đại học ở Việt Nam, trong đó xét theo tiêu chuẩn dạy học, Trường ĐHSPHN đứng thứ 2 cả nước. Đây là cái nôi đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội. Trường ĐHSPHN đã đào tạo hàng chục vạn giáo viên các cấp, các chuyên gia giáo dục, trong đó có những người sau này trở thành nhà hoạt động chính trị có uy tín, nhà khoa học, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng, góp phần làm rạng danh nền học vấn nước nhà. Với lịch sử hơn 70 năm phát triển và trưởng thành, Trường ĐHSPHN trở thành “đầu tàu” trong ngành sư phạm của nước nhà. Đội ngũ cán bộ, giảng viên luôn là tấm gương đạo đức nghề nghiệp, có chuyên môn cao, có phương pháp dạy học tích cực, hiện đại. Sứ mệnh của nhà trường là đào tạo các thế hệ sinh viên “vừa hồng vừa chuyên, yêu nước, yêu nghề, yêu trẻ, sáng tạo và cống hiến cho công việc, cho cộng đồng trong môi trường hội nhập quốc tế”. Với những yêu cầu “chuẩn khuôn thước” khắt khe của nghề, các nhà giáo tương lai vừa phải tích lũy chuyên môn, vừa phải rèn luyện phẩm chất đạo đức, chuẩn mực, nề nếp, tác phong. Điều đó ăn sâu vào cách nghĩ của từng con người trong môi trường sư phạm. Do đó, VHHD trong môi trường sư phạm - mô phạm có những nét đặc trưng riêng, từ giá trị, chuẩn mực đến các nghi thức, nghi lễ....

Trường Đại học Ngoại thương với lịch sử 64 năm xây dựng và phát triển, đến nay trở thành trường đại học dẫn đầu cả nước về đào tạo kinh tế, kinh doanh quốc tế với mục tiêu “đào tạo và bồi dưỡng những cán bộ kinh tế ngoại thương bậc đại học có phẩm chất chính trị tốt, có kiến thức cơ bản, hệ thống về kinh tế ngoại thương, có khả năng nghiên cứu và thực hành các

khâu kinh doanh ngoại thương, biết và sử dụng được một ngoại ngữ trong công tác chuyên môn hàng ngày, có sức khỏe tốt để làm việc lâu dài ở trong nước và nước ngoài” [98]. Với gần 600 giảng viên (trong đó có 42 PGS, hơn 190 tiến sĩ, hơn 350 thạc sĩ và cử nhân), trường đào tạo 30 chương trình đại học, 6 chương trình thạc sĩ, 2 chương trình tiến sĩ với hình thức chính quy, vừa làm vừa học và liên kết quốc tế. Trường ĐHNT xếp thứ 23 trong top 100 trường đại học của cả nước năm 2025, trong đó xét theo xếp hạng tiêu chuẩn người học, trường đứng thứ nhất. Điều này có lẽ bởi Trường ĐHNT chú trọng xây dựng chương trình tiến tiến, chất lượng cao, chương trình định hướng nghề nghiệp, chuẩn đầu ra theo tiêu chuẩn quốc tế, giảng dạy bằng tiếng Anh. Sinh viên Trường ĐHNT thành thạo ít nhất một ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Nhật). Việc đẩy mạnh hợp tác quốc tế về cả chiều sâu và chiều rộng được chú trọng, trên tất cả các lĩnh vực gồm trao đổi sinh viên, trao đổi giảng viên, tổ chức các Hội thảo khoa học quốc tế, liên kết nghiên cứu và liên kết đào tạo với nhiều chương trình trên thế giới như trường đại học ở Pháp, Úc, Anh, Trung Quốc, Hoa Kỳ... Do đó, Trường ĐHNT không chỉ phấn đấu trở thành một trường trọng điểm của cả nước mà còn hướng đến trở thành địa chỉ hợp tác của nhiều trường đại học trên thế giới. VHHĐ ở Trường ĐHNT mang bản sắc riêng, kết hợp giữa những yếu tố truyền thống với hiện đại, hướng đến môi trường học đường xanh - sạch - đẹp, văn minh và chuyên nghiệp đúng như phương châm hành động của nhà trường “khác biệt để dẫn đầu”.

Trường Đại học Giao thông vận tải là một trong những trường được thành lập sớm nhất ở Việt Nam, năm 1945, đến nay gần 80 năm phát triển với sứ mạng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ chất lượng cao theo xu thế hội nhập, có trách nhiệm xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành giao thông vận tải và đất nước. Với đội ngũ hơn 800 giảng viên (92 giảng viên là GS-PGS.TS, 234 giảng viên là TS-TSKH và 452 thạc

sĩ), đào tạo 28 ngành đại học, 13 ngành thạc sĩ và 8 ngành tiến sĩ, trong đó có 10 chương trình chất lượng cao, kỹ sư tài năng và quốc tế, quy mô đào tạo hơn 22000 sinh viên, với tỉ lệ sinh viên ra trường 90% có việc làm [97]. Nhắc đến Trường ĐHGTVT là nhắc đến trường về kỹ thuật, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành giao thông vận tải nói riêng và đất nước nói chung. Ngoài đào tạo đội ngũ kỹ sư tương lai, nhà trường còn có nhiều nghiên cứu khoa học với tính ứng dụng thực tiễn cao. Nhà trường xác định giáo dục phải gắn kết chặt chẽ với tiến bộ khoa học và công nghệ thế giới bởi lẽ ngành kỹ thuật là một trong những ngành tiên phong trong cuộc cách mạng lần thứ tư. Trường ĐHGTVT vinh dự đứng xếp hạng 490-500 trong bảng xếp hạng các trường đại học Châu Á và xếp thứ 42 trong bảng xếp hạng các đại học ở Việt Nam.

Ba trường đại học được lựa chọn làm đối tượng khảo sát, nghiên cứu đều là các trường đại học được thành lập lâu đời ở Hà Nội, đại diện cho các lĩnh vực giáo dục nổi bật, vừa góp phần vào bức tranh tổng thể về VHHĐ của các trường đại học ở Thủ đô Hà Nội, vừa thể hiện bản sắc, thương hiệu riêng của nhà trường.

Tiểu kết chương 2

Từ việc tổng quan những vấn đề nghiên cứu có liên quan đến VHHD, VHHD trong trường đại học và VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội ở chương 1, NCS khái quát lại một số cơ sở lý luận về VHHD để làm nền tảng triển khai chương 3 của Luận án.

Từ khái niệm văn hóa theo cách tiếp cận của F.Boas, của UNESCO và các quan niệm khác nhau về VHHD của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, nhấn mạnh các yếu tố làm nên VHHD là chuẩn mực, giá trị, bản sắc nhà trường, NCS đã đưa ra khái niệm VHHD sử dụng trong luận án, đồng thời trong sự đối sánh với khái niệm “văn hóa giáo dục, văn hóa nhà trường” để thấy sự giao thoa cũng như khu biệt trong nội hàm của ba khái niệm này.

Trên cơ sở phân tích các quan điểm về cấu trúc VHHD theo các mô hình của các tác giả trong và ngoài nước, trong đó có quan điểm của Deal và Peterson được sử dụng làm nền tảng chính cho luận án. Cùng với những quan điểm, chủ trương của Đảng về VHHD, NCS đã đưa ra quan điểm cá nhân về các thành tố cũng như cấu trúc của VHHD với bốn yếu tố (1) giá trị văn hóa học đường; (2) Chuẩn mực văn hóa học đường; (3) Hệ thống biểu tượng, kiến trúc, cảnh quan học đường; (4) Hoạt động văn hóa trong trường học. Mỗi yếu tố đó đóng quan trọng trong việc hình thành và duy trì bản sắc văn hóa riêng của từng trường đại học.

Ngoài ra, Chương 2 đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của VHHD trong trường đại học, trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, kết nối các chủ thể trong học đường và xã hội, giúp điều chỉnh các hành vi và giải quyết xung đột trong nhà trường, góp phần xây dựng thương hiệu, uy tín nhà trường, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống nhà trường.

Từ việc xác định khái niệm, thành tố, vai trò của VHHD trong trường đại học, NCS đã đưa ra khung phân tích của luận án, giới thiệu ba trường đại học tiến hành khảo sát để làm cơ sở khảo sát thực tiễn tại chương 3.

Chương 3

NHẬN DIỆN VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

3.1. GIÁ TRỊ VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Giá trị VHHD của trường đại học được coi là các “ngầm định cơ bản” hay các “quy ước” làm nền tảng, kim chỉ nam cho mọi hành động, cách suy nghĩ của mỗi người trong nhà trường. Các nhà nghiên cứu chia giá trị VHHD thành hai loại, một loại là các giá trị được hình thành cùng với lịch sử xây dựng và phát triển của nhà trường, mang dấu ấn của truyền thống nhà trường; loại thứ hai là các giá trị mới mà lãnh đạo, giảng viên, sinh viên nhà trường nhận thấy cần thiết, đáp ứng yêu cầu mới của xã hội cũng như giáo dục hiện đại. Qua từng giai đoạn sẽ có các giá trị VHHD khác nhau, trong đó có giá trị cốt lõi được coi là định hướng phát triển của nhà trường, thể hiện tính đặc thù, mang bản sắc thương hiệu riêng để phân biệt trường đại học này với trường đại học khác.

Các giá trị VHHD của trường đại học không chỉ ảnh hưởng giảng viên, sinh viên mà còn tác động lớn đến sự phát triển chung của nhà trường. Trong bối cảnh hiện nay, các giá trị VHHD được các nhà trường đề cao như: kỷ cương, kỷ luật, hiện đại, nhân văn, sáng tạo, hợp tác, chia sẻ, phục vụ cộng đồng, tự do học thuật, an toàn, tôn trọng, bao dung, cởi mở, chân thật, tiên phong, chất lượng, trách nhiệm, hợp tác, hội nhập... tuy nhiên trong phạm vi luận án, NCS khảo sát và nhận diện thực trạng về giá trị cốt lõi của các trường đại học việc xác định và thực trạng nhận thức, truyền tải giá trị VHHD trong trường đại học của các chủ thể.

3.1.1. Xác định giá văn hóa học đường của trường đại học

Giá trị của nhà trường được kết tinh qua quá trình tích lũy, phát triển của nhà trường, đồng thời mang tính định hướng phát triển, cập nhật xu hướng

hiện đại ngày nay. Theo thống kê của nhóm nghiên cứu Võ Văn Sen và cộng sự về các từ khóa giá trị cốt lõi của một số trường đại học như sau:

Bảng 3.1. Thống kê từ khóa các giá trị cốt lõi của nhóm trường đại học chia theo khu vực

Khu vực nhóm trường	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Trung/Tây Nguyên/Nam Trung Bộ	Khu vực miền Nam
Trường đại học thuộc Đại học Quốc gia	Đạo đức Chuyên nghiệp Sáng tạo Đam mê Tiên phong Chất lượng cao Khuyến khích sáng tạo, nuôi dưỡng say mê Tôn trọng sự khác biệt, thúc đẩy hợp tác Chất lượng, hiệu quả Hài hòa, phát triển bền vững		Sáng tạo Tiên phong Trách nhiệm Thống nhất Vượt trội Toàn diện Phụng sự
Trường đại học thuộc đại học vùng	Trách nhiệm Chuyên nghiệp Chất lượng Hiệu quả	Trung thực Trách nhiệm Say mê Sáng tạo Hợp tác	Đồng thuận Tận tâm Chuẩn mực Sáng tạo Trung thực
Trường đại học địa phương	Uy tín và chất lượng Đổi mới và sáng tạo Tận tâm và tôn trọng Trách nhiệm và tự hoàn thiện Gắn kết cộng đồng	Chất lượng Hiệu quả Sáng tạo Vi cộng đồng Trách nhiệm Chuyên nghiệp Nhân văn Dân chủ Minh bạch Đổi mới	Chất lượng Sáng tạo Hợp tác Trách nhiệm Thân thiện Tự chủ Hiệu quả Khai phóng Niềm tin Truyền thống Hiện đại Hội nhập

Khu vực nhóm trường	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Trung/Tây Nguyên/Nam Trung Bộ	Khu vực miền Nam
Trường đại học trực thuộc bộ ngành chủ quản	Chuyên nghiệp Sáng tạo Hội nhập Chất lượng Hiệu quả Uy tín Hiện đại Nhiệt huyết và năng động Trung thực và trách nhiệm Tư duy độc lập và phản biện Sáng tạo không ngừng Thích ứng môi trường làm việc quốc tế	Đoàn kết Hội nhập Năng động Trách nhiệm Chất lượng Hiệu quả Phát triển bền vững	Đoàn kết Hội nhập Năng động Trí tuệ Trách nhiệm Chuyên nghiệp Chất lượng Sáng tạo

Nguồn: Võ Văn Sen và các cộng sự, [41, tr.242-243]

Qua bảng thống kê của nhóm tác giả, NCS thấy rằng một số giá trị được lựa chọn khá phổ biến ở các trường đại học như *sáng tạo, hội nhập, trách nhiệm, chất lượng, tiên phong, năng động, hiện đại, chuyên nghiệp...*; một số giá trị như *đam mê, phụng sự, nhân văn, khai phóng...* được lựa chọn ít hơn và một số giá trị được rất ít các trường lựa chọn như *chuẩn mực, tận tâm, vượt trội...* Hòa vào bối cảnh hội nhập quốc tế, đa dạng văn hóa, các trường cũng hướng đến các giá trị sáng tạo, đổi mới và hội nhập. Đó cũng là xu hướng giáo dục đại học trên thế giới hiện nay.

Việc xác định giá trị cốt lõi của các trường dựa trên triết lý giáo dục, sứ mạng của trường đại học, đồng thời thể hiện tầm nhìn chiến lược và đặc thù mỗi nhà trường.

* Trường ĐHSPHN xác định giá trị cốt lõi: Chuẩn mực - Sáng tạo - Tiên phong.

- *Chuẩn mực*: là thước đo về nhân cách, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, năng lực giáo dục của mỗi giảng viên, sinh viên của Trường

trong quá trình đào tạo và hoạt động thực tiễn nghề nghiệp trong môi trường giáo dục quốc gia và quốc tế.

- *Sáng tạo*: là đặc trưng tạo nên giá trị khác biệt và vượt trội của Trường. Mỗi giảng viên, sinh viên đều có cơ hội tốt nhất để phát huy tư duy sáng tạo trong dạy, học, nghiên cứu để phát triển giáo dục, tạo ra những tri thức mới cho nhân loại, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Mỗi thành viên đều có ý tưởng khám phá cái mới, tìm kiếm những vấn đề thiết thực, những vấn đề chưa có trong thực tiễn bằng các giải pháp khoa học và lan truyền tinh thần này đối với người học và xã hội.

- *Tiên phong*: là kim chỉ nam trong định hướng phát triển của Trường. Ý tưởng dẫn đường trong hệ thống giáo dục quốc dân là đặc trưng nổi trội trong mọi hoạt động của giảng viên, cán bộ, sinh viên của Trường. Do đó đòi hỏi tính cập nhật, khoa học và chất lượng cao để đạt được khả năng phụng sự cao nhất cho hệ thống giáo dục và cho toàn xã hội, giải quyết các vấn đề thời đại đòi hỏi và có tầm tư vấn chiến lược

Nhà trường xác định hệ giá trị cốt lõi như vậy là bởi sứ mệnh của trường ĐHSPHN là trường đại học trọng điểm quốc gia và khu vực, đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học có chất lượng cao. Tầm nhìn đến năm 2030, Trường ĐHSPHN sẽ có những kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế. Với triết lý giáo dục của nhà trường là đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng [99]

* Trường ĐHGTVT xác định giá trị cốt lõi: Tiên phong - Chất lượng - Trách nhiệm - Thích ứng. Trong đó:

- *Tiên phong*: luôn đi trước, đón đầu các xu thế phát triển trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, chủ động nắm bắt và giải quyết những thách thức của xã hội

- *Chất lượng*: tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm khoa học công nghệ có uy tín

- *Trách nhiệm*: đối với cán bộ, giảng viên, người học, cộng đồng, xã hội và quốc tế

- *Thích ứng*: Đổi mới theo điều kiện, thời gian, hoàn cảnh để ngày một phát triển

Trường ĐHGTVT với sứ mạng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ chất lượng cao theo xu thế hội nhập, có trách nhiệm xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành giao thông vận tải và đất nước. Tầm nhìn trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu, khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực giao thông vận tải, có uy tín và chất lượng ngang tầm châu Á.

Triết lý giáo dục của nhà trường là hướng tới đào tạo người học trở thành công dân toàn cầu, có tinh thần dân tộc và trách nhiệm quốc tế; Hoạt động đào tạo giúp người học phát triển toàn diện về đức - trí - thể - mỹ, trang bị kiến thức nền tảng cốt lõi và chuyên sâu cho mỗi cá nhân. Nhà trường xác định giáo dục phải gắn kết chặt chẽ với tiến bộ khoa học và công nghệ của thế giới, nhu cầu nguồn nhân lực, sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nhiệm vụ bảo vệ, xây dựng Tổ quốc; Nhà trường áp dụng phương pháp giáo dục tích cực, học đi đôi với hành, kiến tạo môi trường giúp người học xây dựng và rèn luyện ý thức tự học suốt đời, khả năng thích ứng với mọi hoàn cảnh nhằm phát huy tốt nhất tiềm năng và khả năng sáng tạo; Nhà trường xác định người học là trung tâm, người thầy truyền cảm hứng [97]

* Trường ĐHNT xác định giá trị cốt lõi: *Sáng tạo - Xuất sắc - Trách nhiệm - Bản lĩnh - Đa dạng - Hòa hợp*

Nhà trường xác định sứ mạng là phụng sự xã hội bằng sự xuất sắc trong giáo dục, sáng tạo và chuyển giao tri thức; đồng thời xác định tầm nhìn trở thành trường đại học đổi mới sáng tạo, nằm trong nhóm các trường đại học hàng đầu châu Á. Trường ĐHNT có triết lý giáo dục hướng tới khai phóng,

gắn với thực tiễn; nuôi dưỡng tính trung thực, tinh thần trách nhiệm và năng lực sáng tạo; Phương châm hành động là “Khác biệt để dẫn đầu”. Với mục tiêu trở thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, dẫn đầu cả nước về đào tạo kinh tế, kinh doanh và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, cung cấp các sản phẩm xuất sắc trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, có vị thế cao trong khu vực châu Á [98]

Các giá trị được cả ba trường lựa chọn, đó là *sáng tạo, tiên phong, trách nhiệm, thích ứng - hòa hợp*. Các giá trị này đều hướng đến đề cao sự tìm tòi tri thức mới, dẫn đầu trong các lĩnh vực và hòa nhập với môi trường giáo dục hiện đại, tiến tới hòa nhập với xu thế toàn cầu hóa ngày nay. Sự ưu tiên các giá trị này trong bối cảnh hiện nay là điều dễ lý giải. Bởi lẽ các trường đại học ở Thủ đô Hà Nội - nơi tiếp nhận những ảnh hưởng lớn nhất từ sự tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, sự bùng nổ của công nghệ thông tin. Việc thích ứng với sự biến đổi của bối cảnh thế giới và trong nước là xu thế tất yếu.

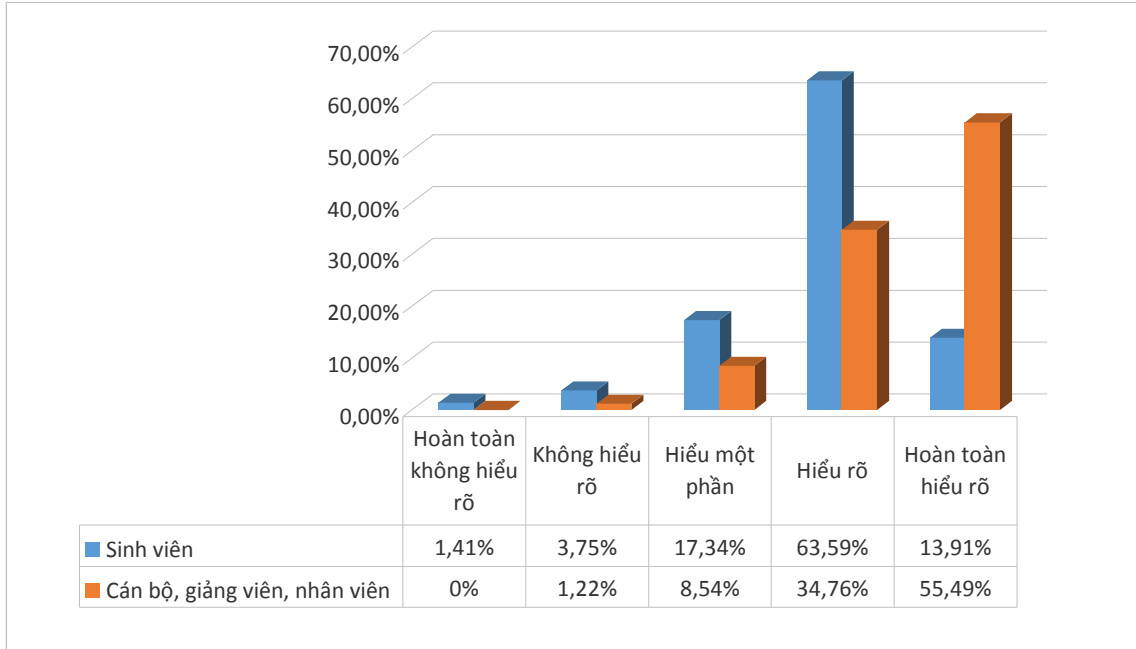
Trong bối cảnh hiện nay, các trường đại học buộc phải chuyển mình, đưa ra các giá trị ưu tiên. Năm 2018, giá trị cốt lõi mà nhà trường ĐHSPHN công bố là: Mô phạm - Sáng tạo - Công hiến và hiện nay có sự cập nhật trở thành: Chuẩn mực - Sáng tạo - Tiên phong. Giá trị “sáng tạo” được tiếp nối, đồng thời có sự điều chỉnh định hướng chiến lược phát triển của nhà trường, chuyển từ “Mô phạm - Công hiến” sang “Chuẩn mực - Tiên phong”, thể hiện khát vọng vươn ra tầm khu vực và thế giới về lĩnh vực giáo dục đào tạo của Trường ĐHSPHN. Cũng vậy, trước năm 2020, giá trị cốt lõi của Trường ĐHNT là: Chất lượng - Hiệu quả - Uy tín - Chuyên nghiệp - Hiện đại. Xây dựng giá trị mới trong thời đại mới là điều cần thiết, loại bỏ những giá trị cũ đã lỗi thời, lạc hậu và không còn đúng với thực tiễn nữa. Tuy nhiên giá trị mới vẫn có thể bao hàm giá trị cũ, chỉ là vượt lên trên cái cũ, có chỉnh sửa sao cho phù hợp. Các trường đại học ở Thủ đô Hà Nội luôn là các trường nhanh nhạy trong việc thay đổi các giá trị học đường, bởi lẽ Thủ đô luôn là nơi đón nhận sự tác động của bối cảnh quốc tế và bối cảnh trong nước sớm

hơn các khu vực khác. Việc thay đổi theo hướng hòa nhập nhưng không có nghĩa là nhấn chìm thương hiệu, bản sắc của nhà trường mà trong các giá trị cốt lõi vẫn làm sáng lên giá trị làm nên “đặc sản” của nhà trường.

3.1.2. Nhận thức và thể hiện giá trị văn hóa học đường trong trường đại học

Từ việc xác định được giá trị của nhà trường, đến việc thực hành truyền tải hệ giá trị đó được hay không phụ thuộc lớn vào sự nhận thức của các chủ thể VHHD, mà trước hết là cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên nhà trường. Hoạt động nhận thức của các chủ thể về VHHD và giá trị của nhà trường rất quan trọng, tạo nền tảng cho việc xây dựng VHHD, trong đó vai trò của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường được đề cao hơn cả.

NCS khảo sát thực trạng nhận thức của các chủ thể trong trường đại học về giá trị cốt lõi của nhà trường đại học bởi hoạt động nhận thức về giá trị có vai trò quyết định đến tạo dựng VHHD trong nhà trường. Kết quả khảo sát như sau:



Biểu đồ 3.1. Thực trạng nhận thức về giá trị cốt lõi của sinh viên, cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường

[Nguồn: NCS khảo sát]

Kết quả khảo sát trên cho thấy đa số sinh viên và cán bộ, giảng viên, nhân viên hiểu rõ và hoàn toàn hiểu rõ về giá trị cốt lõi của nhà trường với tổng số sinh viên hiểu rõ và hoàn toàn hiểu rõ là 77,5% và tỉ lệ này rất cao ở cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường là 90,25%. Tuy nhiên con số này cũng thể hiện sự chênh lệch giữa nhận thức về giá trị VHHD của sinh viên và cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường. Nguyên nhân của việc cán bộ, giảng viên, nhân viên hiểu và nhận thức rõ hơn về giá trị cốt lõi của nhà trường bởi lẽ họ đều là những người có sự gắn bó lâu dài với trường (*kết quả NCS khảo sát cho thấy chỉ có 10 cán bộ, giảng viên, nhân viên có thâm niên công tác dưới 5 năm, chiếm 6,1%; và đa số cán bộ, giảng viên, nhân viên có thời gian công tác trên 10 năm - chiếm 84.2% - xem chi tiết tại Phụ lục 4*), trong khi sinh viên chỉ có thời gian nhiều nhất là 4 năm học tập tại trường. Đồng thời trong quá trình phân tích dữ liệu, cho thấy nhận thức của nhóm sinh viên năm thứ ba và năm thứ tư cao hơn năm thứ nhất và năm thứ hai, một phần vì họ có nhiều thời gian gắn bó với trường đại học và được tham gia nhiều hoạt động hơn nên thấm nhuần các giá trị cốt lõi này hơn.

Ở ba trường mà NCS khảo sát đều đã công bố giá trị cốt lõi nhà trường trên Cổng thông tin điện tử của nhà trường, đồng thời được lồng ghép rất nhiều trong các bài đăng trên mạng xã hội (trang facebook chính thức của nhà trường), các bài phát biểu trong các sự kiện lớn của lãnh đạo nhà trường...giúp tăng các kênh tìm hiểu cho sinh viên nhà trường như chia sẻ của cán bộ quản lý nhà trường: *“Chúng tôi làm như mưa dầm thấm lâu, khi mới vào trường có thể các em sinh viên năm nhất chưa hiểu, nhưng qua nhiều chương trình, qua nhiều hoạt động, qua lời các thầy cô và cũng có bạn tò mò tự đi tìm hiểu, thì dần dần các em sẽ hiểu được nội hàm ý nghĩa của các giá trị cốt lõi đó”* - CBQL4.

Các giá trị trong học đường ở ba trường đại học vừa thể hiện công khai trên website chính thức của trường, vừa hiện thực ở khuôn viên nhà trường.

Ngay từ cổng vào Trường ĐHSPHN sẽ thấy biển tên viết tắt của trường (phiên bản tiếng Anh) HNUE và ba từ “*Chuẩn mực - Sáng tạo - Tiên phong*” trước cửa nhà hiệu bộ (xem ảnh 1 tại Phụ lục 07). Đó là sự coi trọng vai trò của các giá trị cốt lõi của nhà trường, vừa là bản công bố, vừa là lời nhắc nhở đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên nhà trường trong mọi hoạt động, đều phải hướng đến thực hiện các giá trị cốt lõi đó. Em L.T.H, (nữ, 18 tuổi, sinh viên năm nhất, Trường ĐHSPHN - SV4) chia sẻ “*Ngay khi đến trường em đã nhìn thấy ba từ đó ở trước cửa nhà hiệu bộ, đầu tiên em không biết đó là giá trị cốt lõi mà chỉ nghĩ là khẩu hiệu của nhà trường, sau đó em đã được nghe các thầy, cô giải thích về ba từ Chuẩn mực - Sáng tạo - Tiên phong đó và đã hiểu phần nào*”. Thầy GV3 cũng chia sẻ “*Những giá trị cốt lõi đó chính là mục tiêu, điểm tựa quan trọng mà mỗi thế hệ giảng viên và sinh viên của Nhà trường đang từng ngày hướng tới, gìn giữ và phát huy*”.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy tỉ lệ sinh viên hoàn toàn không hiểu - không hiểu rõ giá trị cốt lõi của nhà trường chiếm 5.16% và tỉ lệ sinh viên hiểu một phần chiếm 17.34%. Đây là con số đáng báo động đối với sinh viên các trường. Điều đó là do sinh viên không chủ động trong việc tìm hiểu các giá trị cốt lõi của nhà trường, đồng thời do sự truyền tải giá trị của các cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường đến sinh viên chưa đạt được hiệu quả cao. Thực hiện phỏng vấn sâu với sinh viên, khi được hỏi về các từ thể hiện giá trị cốt lõi của nhà trường, em Đinh N.K. (nam, 19 tuổi, sinh viên Trường ĐHGTVT - SV1) chia sẻ “*biết thì em có biết qua nhưng hiểu thì em chưa hiểu hết*”. Nhiều sinh viên còn tỏ ra ngạc nhiên và quay sang hỏi nhau những chữ đó là chữ gì. Sự thờ ơ, không quan tâm của sinh viên đến giá trị VHHD của nhà trường kéo theo việc lệch lạc trong các hành động, không thực hiện đúng các giá trị mà nhà trường đề ra. Bên cạnh đó, nhiều thầy giáo, cô giáo không thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của mình trong hoạt động này. Một phần cán

bộ, giảng viên chưa hiểu hết tầm quan trọng của việc lan tỏa những giá trị VHHD đến sinh viên, cho rằng *“sinh viên không cần phải hiểu cặn kẽ về các giá trị cốt lõi của nhà trường, chỉ cần thực hiện đúng nội quy của nhà trường, quy định của lớp học là đúng trách nhiệm của người đi học”* (GV6 chia sẻ). Một phần vì cán bộ, giảng viên chưa chủ động, chưa biết lồng ghép những giá trị đó vào các bài giảng, buổi nói chuyện, các hoạt động tương tác với sinh viên như thế nào để tránh hiện tượng giao giảng nhàm chán. Việc sinh viên hiểu và thấm nhuần những giá trị là một trong những thành công bước đầu trong việc xây dựng VHHD trong trường đại học bởi chính các giá trị sẽ định hướng cho các hoạt động văn hóa, các chuẩn mực học đường của sinh viên trong nhà trường.

Việc truyền bá các giá trị VHHD cho các thành viên nhà trường là nhiệm vụ quan trọng, giúp giá trị đó đi sâu vào tiềm thức mỗi thành viên trong trường, tạo nên giá trị nền tảng trong suy nghĩ, các hành động của mỗi người. VHHD điều chỉnh các hành vi và giải quyết những xung đột, mâu thuẫn bằng niềm tin, bằng giá trị VHHD, các chuẩn mực, quy tắc được nhà trường xây dựng và truyền lại qua nhiều thế hệ nhà trường. Muốn vậy, giá trị VHHD phải thấm nhuần vào từng hoạt động của nhà trường, gắn với các chức năng, nhiệm vụ của trường đại học đã được đề ra. Việc thực hiện và truyền tải giá trị cốt lõi của nhà trường thể hiện trong các hoạt động gắn với chức năng, nhiệm vụ của trường đại học, đó là hoạt động giảng dạy - học tập, nghiên cứu và hoạt động phục vụ cộng đồng. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy các giảng viên, sinh viên được hỏi đều khẳng định các giá trị này thể hiện rõ nhất trong các hoạt động giảng dạy - học tập của nhà trường, bởi nhiệm vụ giảng dạy - học tập vẫn luôn là trọng tâm của mỗi trường, cũng là hoạt động chính của giảng viên, sinh viên trong nhà trường và chiếm phần lớn trong ba hoạt động của trường đại học. Do đó nó sẽ thể hiện rõ nét nhất các giá trị cốt lõi của nhà trường.

3.2. CHUẨN MỤC VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG

Chuẩn mực đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên trong trường đại học là những quy ước chung về những điều, những việc phải làm, nên làm và không nên làm để điều chỉnh thái độ, hành vi của mỗi người trong giao tiếp, ứng xử, hoạt động trong môi trường học đường. Đó là những giá trị mang tính định hướng trong suy nghĩ, hành động cho các thành viên trong nhà trường. Nó tạo niềm tin, động lực, ý thức tự giác cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên nhà trường, đồng thời nó thể hiện mục tiêu, sứ mạng nhà trường đang hướng đến.

Đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường, việc đề ra chuẩn mực và thực hiện các giá trị cốt lõi thể hiện được hồn cốt của trường đại học, “thấm vào máu” từng thầy, cô giáo đã từng gắn bó với trường. Trong bất kỳ xã hội nào, vai trò của người thầy cũng luôn được đề cao. Tục ngữ có câu “Không thầy đố mày làm nên”, “một chữ nên thầy, một ngày nên nghĩa” hay ca dao Việt Nam có câu “Muốn sang thì bắc cầu kiều/Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy”. Cho dù theo dòng lịch sử, xu hướng và quan điểm giáo dục có nhiều biến đổi để phù hợp với thời đại, nhưng sự trân trọng, tôn quý và khẳng định vai trò của người thầy trong xã hội Việt Nam không bao giờ bị thay đổi. Sinh thời, cố thủ tướng Phạm Văn Đồng nhấn mạnh: “Nghề dạy học là nghề cao quý nhất trong các nghề cao quý, nghề sáng tạo nhất trong các nghề sáng tạo. Các thầy cô giáo không những dạy chữ mà còn dạy người, họ cứ như cây thông trên sườn núi, cây quế giữa rừng sâu thẳm lặng tỏa hương dâng hiến trí tuệ, sức lực cho đời”. Nghề giáo không phải chỉ yêu cầu về tri thức mà còn phải có cả đạo đức, phẩm hạnh. Với nghề sư phạm, tri thức, nhân cách, lối sống của người dạy là tấm gương sinh động cho những điều họ truyền đạt đến người học. Chính vì thế, xã hội luôn tôn vinh các thầy giáo, cô giáo bằng những hình ảnh đẹp như “những kỹ sư tâm hồn” “người ươm những mầm non” hay “người chấp cánh ước mơ”.

Đối với sinh viên, dù thời gian gắn bó với trường đại học không dài nhưng chuẩn mực đối với sinh viên rất quan trọng. Bởi sinh viên là nhóm xã hội đặc biệt với nét tâm lý điển hình. Ở lứa tuổi này đã hình thành thế giới quan để nhìn nhận, đánh giá sự việc, đã có sự tự ý thức, coi học tập ở đại học là cơ hội để được trải nghiệm, được thể hiện bản thân, đồng thời bộc lộ sự ưa khám phá, thích học hỏi, trau dồi, không ngại thử thách và dám vươn lên để khẳng định mình. Tự ý thức được mình là những trí thức ở tương lai, nên sinh viên cũng đã có những mục đích riêng trong định hướng nghề nghiệp cũng như có nhu cầu, khát vọng thành danh, thành đạt. Tuy nhiên, vì nhiều lí do khách quan và chủ quan, do những điều kiện, hoàn cảnh, cách sống, môi trường giáo dục khác nhau nên ý thức, hành động của sinh viên không giống nhau. Chính vì vậy, ở trường đại học luôn phải có những yêu cầu về chuẩn mực riêng đối với sinh viên. Việc đưa ra hệ thống giá trị chuẩn mực đối với sinh viên trường đại học giúp sinh viên hiểu rõ những giá trị, hành vi của mình, tự ý thức trong việc xây dựng nhân cách và trách nhiệm nghề nghiệp; đồng thời cũng tạo ra môi trường học tập lành mạnh, văn minh. Sinh viên được coi là một trong những hình ảnh đại diện của trường đại học, do đó việc ứng xử theo chuẩn mực của sinh viên cũng giúp nâng cao uy tín và danh tiếng của nhà trường. Thêm vào đó, các giá trị chuẩn mực được coi như một màng lọc, giúp ngăn chặn những suy nghĩ, hành vi sai trái, làm cho sinh viên tự điều chỉnh mình.

Luận án tiến hành khảo sát thực trạng chuẩn mực VHHD trên hai chủ thể người dạy - người học trong trường đại học là: Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường và sinh viên, trên ba khía cạnh:

- (1) Chuẩn mực trong dạy - học
- (2) Chuẩn mực trong ứng xử
- (3) Chuẩn mực trong tác phong

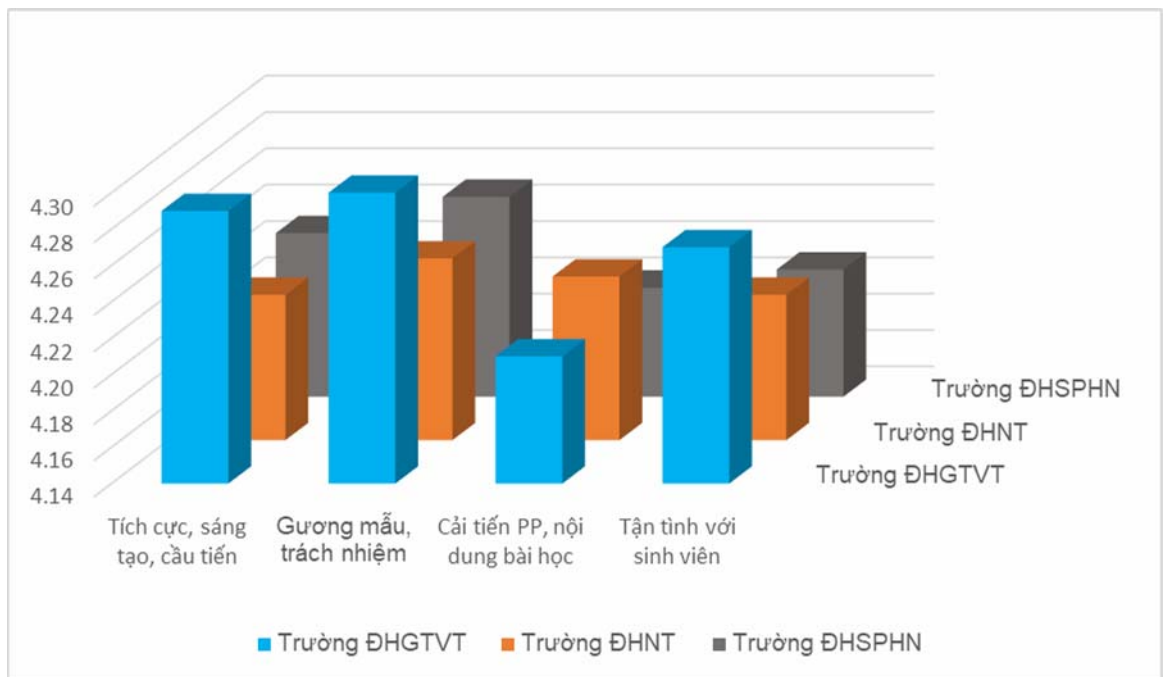
Việc khảo sát thực trạng thực hiện chuẩn mực VHHD trong các trường đại học giúp nhận diện được thực trạng VHHD hiện nay.

3.2.1. Chuẩn mực trong dạy - học

3.2.1.1. Chuẩn mực của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường trong giảng dạy - quản lý

Trong môi trường giáo dục đại học thì chuẩn mực của nhà giáo, nhà quản lý trước hết phải thể hiện trong việc giảng dạy, quản lý. Chuẩn mực đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên trong giảng dạy - quản lý của trường đại học được thể hiện qua xây dựng chương trình, giáo trình, các học liệu, phương pháp giảng dạy, tinh thần trách nhiệm trong chuyên môn và lên lớp...tuy nhiên trong phạm vi luận án, NCS khảo sát trên các giá trị chuẩn mực trong công tác chuyên môn, trong các hoạt động của nhà trường: tích cực, sáng tạo, cầu tiến trong công tác chuyên môn; gương mẫu, có trách nhiệm cao trong các hoạt động của nhà trường; luôn cải tiến phương pháp, nội dung bài giảng; luôn tận tình hướng dẫn, giải đáp các thắc mắc của sinh viên.

Thực hiện khảo sát, NCS thu được kết quả như sau:



Biểu đồ 3.2. Thực trạng chuẩn mực của cán bộ, giảng viên, nhân viên trường đại học trong giảng dạy - quản lý

[Nguồn: NCS khảo sát]

Qua khảo sát cho thấy, người được hỏi hoàn toàn đồng ý với các nội dung về chuẩn mực của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường với mức điểm trung bình từ 4.21 đến 4.30 điểm. Trong đó đánh giá cao nhất với nội dung “Cán bộ, giảng viên nhà, nhân viên trường luôn gương mẫu, có trách nhiệm cao trong các hoạt động của nhà trường” và thấp nhất ở nội dung “Giảng viên luôn cải tiến phương pháp, nội dung bài học”. Người được hỏi đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, tính gương mẫu, tận tình và tính đổi mới, tích cực, sáng tạo của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường. Những chuẩn mực này phù hợp với giá trị cốt lõi của nhà trường đã phân tích ở trên. Chuẩn mực của các thành viên trong nhà trường phải hướng đến thực hiện giá trị mà nhà trường đã công bố.

Nhắc đến nghề giáo, người ta hay nhắc đến “tình yêu nghề”, điều đó không chỉ thể hiện ở sự đam mê với nghề mà còn thể hiện qua tâm huyết của các thầy, cô giáo trong việc cải tiến nội dung, phương pháp dạy học nhằm đạt hiệu quả cao, luôn có ý thức học tập, nâng cao trình độ, rèn luyện nghiệp vụ. Đây là một yêu cầu cần thiết của giảng viên để đáp ứng những xu hướng biến đổi của giáo dục đại học ngày nay. Việc giáo dục truyền thống, thầy giảng, trò ghi chép đã không còn phù hợp, cách thuyết giảng dễ gây nhàm chán cho sinh viên và không đạt hiệu quả giáo dục cao. Ứng dụng công nghệ trong việc thiết kế bài giảng, trong việc tổ chức dạy học, lấy trò làm trung tâm để tạo hứng thú cho người học và phát huy được khả năng sáng tạo, nhạy bén với tri thức của người học. Em Nguyễn T.P.T (nữ, 22 tuổi, sinh viên, Trường ĐGTVT - SV2) chia sẻ “*các thầy cô ở trường đại học kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau, trọng thực hành nhiều hơn nên bọn em khá dễ tiếp cận lý thuyết dù ngành của em rất khó và khô khan*”. Việc tích lũy, rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên là một biểu hiện tích cực của lòng yêu nghề đối với giảng viên nhà trường. Và tình yêu nghề đó phải như ngọn đuốc, luôn luôn được duy trì, giữ cho ấm nóng và chính điều đó soi sáng cho mọi hoạt động của người làm nghề “bụi phấn dính đầy tay”. Trong giảng dạy cũng như nghiên

cứu khoa học, các thầy cô giáo luôn đề cao tính trung thực, “liêm chính khoa học”, sử dụng “chất xám” của bản thân, không đạo văn, không làm giả dữ liệu hay cướp ý tưởng của người khác, như chia sẻ của GV1-Trường ĐHGTVT “*chúng tôi luôn cải tiến phương pháp, nội dung bài giảng, phải “tiên phong” trong cả nghiên cứu, cả học tập - giảng dạy, bởi không đón đầu xu thế thì chẳng mấy mà công nghệ đó trở thành lạc hậu, rất nhanh bị thay thế bởi công nghệ mới hơn, tân tiến, hiện đại hơn*”. Biểu đồ khảo sát cũng cho thấy, ở nội dung *Giảng viên luôn cải tiến phương pháp dạy học, cải tiến nội dung bài giảng* điểm trung bình ở Trường ĐHSPHN thấp hơn vì các đối tượng được hỏi ở trường ĐHSPHN là các cán bộ, giảng viên có chuyên môn về đánh giá phương pháp giảng dạy và các sinh viên đều được học bộ môn phương pháp giảng dạy, ít nhiều có kiến thức về việc đổi mới phương pháp giảng dạy, nên có những đánh giá khắt khe hơn.

Điểm trung bình đánh giá nội dung *Giảng viên luôn cải tiến phương pháp, nội dung bài giảng* và *Giảng viên luôn phản hồi các thắc mắc, hướng dẫn sinh viên tận tình* trong bảng khảo sát của sinh viên chỉ chiếm 4.17 và 4.19 điểm (mức đồng ý). Điều đó cũng phản ánh thực trạng hiện nay ở các trường đại học có một số giảng viên lớn tuổi, quen với phương pháp cũ, chậm đổi mới, không cập nhật nhiều phương pháp nội dung mới cho bài giảng. Việc chuyển đổi số trong giáo dục, áp dụng các thành quả của công nghệ hiện đại trong giảng dạy là một trong những trở ngại đối với cá giảng viên ngại thay đổi, không tìm tòi, sáng tạo, cải tiến nội dung, phương pháp giảng dạy. Trong khi đó, thế hệ sinh viên hiện nay rất năng động, cởi mở, luôn đón đầu trong việc sử dụng các công nghệ mới trong học tập, nghiên cứu. Chính vì thế, trong nhiều giờ học, nếu giảng viên không cập nhật những kiến thức mới thì không thể phản hồi trực tiếp những thắc mắc của sinh viên.

3.2.1.2. Chuẩn mực đối với sinh viên trong học tập

Hoạt động học tập của sinh viên là hoạt động chủ yếu trong trường đại học, vừa là nhiệm vụ vừa là cơ hội để sinh viên phát triển toàn diện từ kiến thức đến

kỹ năng, lối sống. Học tập giúp sinh viên tiếp thu tri thức, trang bị cho mình kiến thức chuyên môn, tạo nền tảng vững chắc để đáp ứng yêu cầu cao của thị trường lao động; đồng thời rèn các kỹ năng mềm như kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm, rèn tính tự giác, kỷ luật, kỹ năng tự học... góp phần xây dựng môi trường học tập và tạo nên VHHD lành mạnh trong trường đại học.

Chuẩn mực VHHD đối với sinh viên trong học tập thể hiện trên các phương diện: (1) thực hiện đúng các nội quy, quy định của trường và quy chế đào tạo; (2) chủ động, tích cực hợp tác với giảng viên trong hoạt động giáo dục; (3) có ý thức tự học, rèn luyện tư duy độc lập và tinh thần học tập suốt đời; (4) cầu tiến, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học; (5) phấn đấu trong học tập rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

Thực hiện khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường về các nội dung thực hiện chuẩn mực của sinh viên trong học tập, NCS thu được kết quả như sau:

Bảng 3.2. Thực trạng thực hiện chuẩn mực của sinh viên trong học tập (qua khảo sát cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường)

Nội dung khảo sát	Điểm trung bình	Trường ĐHGTVT	Trường ĐHNT	Trường ĐHSPHN
Sinh viên thực hiện đúng các nội quy, quy định của trường và quy chế đào tạo	4.23	4.14	4.32	4.23
Sinh viên chủ động, tích cực hợp tác với giảng viên trong hoạt động giáo dục	4.24	4.21	4.31	4.2
Sinh viên có ý thức tự học, rèn luyện tư duy độc lập và tinh thần học tập suốt đời	4.26	4.24	4.38	4.16
Sinh viên cầu tiến, sáng tạo trong học tập	4.23	4.17	4.28	4.23
Sinh viên phấn đấu trong học tập rèn luyện, tu dưỡng đạo đức	4.17	4.16	4.16	4.20

[Nguồn: NCS khảo sát]

Bảng khảo sát cho thấy mức đánh giá việc thực hiện chuẩn mực của sinh viên trong học tập với điểm trung bình từ 4.14 đến 4.38 điểm (mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý). Trong đó được đánh giá cao nhất là chuẩn mực *sinh viên có ý thức tự học, rèn luyện tư duy độc lập và tinh thần học tập suốt đời*; thấp nhất là chuẩn mực *Sinh viên phấn đấu trong học tập rèn luyện, tu dưỡng đạo đức*.

Điều này phù hợp với ý kiến trao đổi với các chuyên gia, thầy CBQL1 cho rằng “*Sinh viên hiện nay chấp hành quy định, giờ giấc khá tốt, và luôn được đánh giá cao khi có tinh thần phấn đấu vươn lên, vượt khó và đôi khi “vượt sường” để học tập, rèn luyện*”. Việc chủ động, tích cực hợp tác với giảng viên trong các hoạt động của sinh viên được đánh giá cao thứ hai. Thực tế cho thấy các hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học, rèn luyện khả năng tư duy độc lập và khả năng nghiên cứu của sinh viên khá sôi động: Trường ĐHGTVT tổng cộng có 717 đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên được duyệt với sự tham gia của hơn 3000 sinh viên trong năm học 2023 - 2024, tăng gần 100 đề tài so với năm học 2022-2023 (có 625 đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên) [94]. Trường ĐHNT cũng ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ của cuộc thi Sinh viên nghiên cứu khoa học, với số lượng công trình năm 2023-2024 là 503 công trình, với gần 1500 sinh viên tham gia (tăng 200 công trình so với năm trước) [95].

Bảng khảo sát cũng cho thấy điểm trung bình của việc thực hiện các giá trị chuẩn mực của sinh viên ở Trường ĐHNT cao hơn hai trường còn lại. Bằng chứng là trong tổng số 2.141 sinh viên tốt nghiệp đợt 2 năm 2024 của Trường ĐHNT, có 23.3% tốt nghiệp xuất sắc, 49.9% tốt nghiệp giỏi (tỉ lệ xuất sắc và giỏi chiếm gần 73.2%); trong khi đó số sinh viên tốt nghiệp năm 2024 của Trường ĐHGTVT có 56 sinh viên xếp loại xuất sắc (chiếm 4.5%), có 395 sinh viên xếp loại giỏi (chiếm 31.6%) trên tổng số 1249 sinh viên; số

sinh viên tốt nghiệp xuất sắc ở Trường ĐHSPHN là 471/2.700 sinh viên (chiếm 17.4%).

Điểm trung bình của *chuẩn mực phấn đấu trong học tập, tu dưỡng đạo đức* của sinh viên trong đánh giá của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường là thấp nhất (mức đồng ý). Có sự chênh lệch này bởi hiện nay, nhiều sinh viên chưa nhận thức được đầy đủ tầm quan trọng của việc phấn đấu trong học tập, tu dưỡng đạo đức. Nhiều sinh viên khá bằng lòng với kết quả học tập hiện tại, chỉ cần đạt mức tối thiểu, mức qua môn và điểm trung bình vừa đủ để tốt nghiệp, không có phấn đấu, không có mục đích vươn lên cao hơn nữa. Trong quá trình phỏng vấn, sinh viên hiện nay phần nhiều có xuất phát điểm gia đình khá tốt, được bố mẹ chu cấp khá đầy đủ, nên có tình trạng ỷ lại, không có ý chí phấn đấu trong học tập, tu dưỡng đạo đức như chia sẻ của bạn SV5: *“nhiều bạn lớp em tuyên bố học chỉ cần qua môn, đi học chỉ cần lấy được bằng, khá giỏi không quan trọng vì ra trường về tiếp quản công ty của gia đình rồi, nên các bạn khá thờ ơ với việc phải cạnh tranh hay phấn đấu để đạt kết quả cao hơn trong học tập”*.

3.2.2. Chuẩn mực trong ứng xử

Ứng xử được hiểu chung là cách thể hiện thái độ, cử chỉ, hành vi đối với một đối tượng trong một tình huống cụ thể, qua đó thể hiện được đạo đức, nhân cách của mỗi cá nhân. Chuẩn mực ứng xử là những quy định về thái độ, hành vi, lời nói của cá nhân trong các mối quan hệ, phù hợp với văn hóa, đạo đức và quy định của pháp luật. Cũng vậy, chuẩn mực ứng xử trong VHHD ở các trường đại học thể hiện quy định thái độ, hành vi, lời nói của các thành viên trong trường, gồm những việc phải làm và không được làm sao cho phù hợp với phong tục tập quán, đạo đức xã hội và quy định của nhà trường. Việc đưa các chuẩn mực ứng xử trong VHHD giúp xây dựng môi trường học đường nhân văn, hiện đại, góp phần hoàn thiện nhân cách, lối sống cho các thành viên trong nhà trường.

3.2.2.1. Chuẩn mực trong ứng xử của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường

Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chuẩn của người thầy không chỉ bồi dưỡng lý tưởng nghề nghiệp, chuyên môn vững vàng để có được chữ “tài” mà còn phải trau dồi đạo đức sư phạm để “có tài phải có đức”. Người luôn nhấn mạnh tính nêu gương của các nhà giáo trong môi trường sư phạm vì “óc những người tuổi trẻ trong sạch như một tấm lụa trắng. Nhuộm xanh thì nó sẽ xanh. Nhuộm đỏ thì nó sẽ đỏ. Vì vậy sự học tập ở trong trường có ảnh hưởng rất lớn cho tương lai của thanh niên và tương lai của thanh niên tức là tương lai nước nhà”. Theo Người, đội ngũ giáo viên phải có những chuẩn mực nghề nghiệp, chuẩn mực đạo đức để xứng đáng với niềm tin và sự tín nhiệm của nhân dân: ngoài những phẩm chất đạo đức chung của người cách mạng như trung với nước, hiếu với dân, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, thương yêu con người... thì nhà giáo cần có tinh thần đoàn kết, phải yêu nghề, yêu trò, nêu gương về đạo đức.

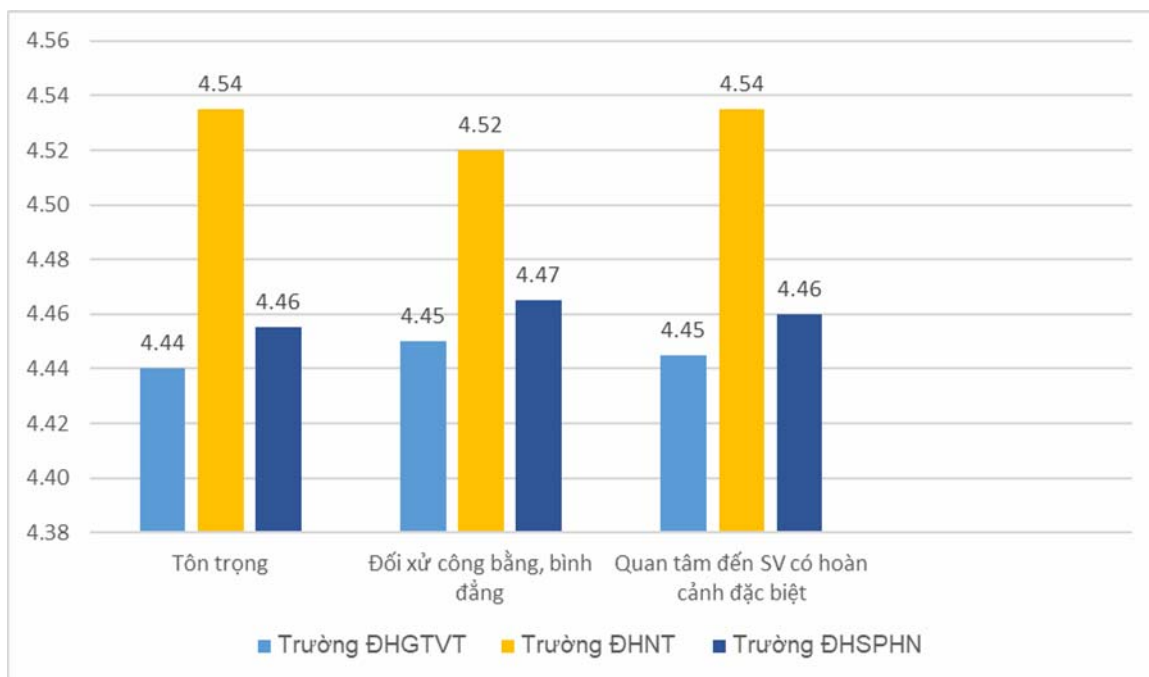
Chuẩn mực trong ứng xử của cán bộ, giảng viên, nhân viên trường đại học được thể hiện trong các mối quan hệ sau: (1) giữa cán bộ, giảng viên, nhân viên với sinh viên; (2) giữa cán bộ, giảng viên, nhân viên với nhau; (3) giữa cán bộ, giảng viên, nhân viên với phụ huynh, khách, đối tác của nhà trường và (4) ứng xử của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong việc hội nhập, tiếp thu chọn lọc các giá trị văn hóa nhân loại, giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc.

** Chuẩn mực trong ứng xử của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường với sinh viên*

Trong trường đại học, mối quan hệ cơ bản nhất là giữa cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên trong trường vì đây là các chủ thể chính của nhà trường, làm nên VHHĐ trong trường đại học. Chuẩn mực của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường thể hiện:

- Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường tôn trọng sinh viên
- Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường đối xử công bằng, bình đẳng giữa các sinh viên
- Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường quan tâm, giúp đỡ sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt.

Tiến hành khảo sát NCS thu được kết quả như sau:



Biểu đồ 3.3. Thực trạng thực hiện chuẩn mực trong ứng xử của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường với sinh viên

[Nguồn: NCS khảo sát]

Biểu đồ khảo sát cho thấy việc thực hiện chuẩn mực của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường đối với sinh viên khá tốt (mức điểm trung bình từ 4.44 - hoàn toàn đồng ý). Sự tôn trọng sinh viên của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường thể hiện trong việc luôn lắng nghe ý kiến của sinh viên, công nhận những phát biểu, khám phá của sinh viên, sẵn sàng trao đổi, đối thoại với sinh viên trong các hoạt động học tập cũng như cuộc sống. Điều đó thể hiện tính trách nhiệm của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường với sinh viên: luôn làm tròn nghĩa vụ, quyền hạn của một giảng viên trong việc cung

cấp tri thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên phát triển toàn diện, hỗ trợ sinh viên trong học tập và cuộc sống. Tuy nhiên việc tôn trọng sinh viên ở các trường đại học công lập chỉ dừng lại ở khía cạnh lắng nghe ý kiến, sẵn sàng trao đổi, đối thoại với sinh viên còn ở nhiều trường đại học có yếu tố nước ngoài, việc tôn trọng sinh viên còn thể hiện qua sự chuyên nghiệp của cán bộ, giảng viên nhà trường, tuyệt đối không tự ý cung cấp thông tin cho phụ huynh khi chưa có sự đồng ý của sinh viên, đề cao tính dân chủ trong mối quan hệ với sinh viên.

Khi khảo sát về việc cán bộ, giảng viên, nhân viên luôn quan tâm đến sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt, động viên, giúp đỡ sinh viên vượt qua khó khăn, mức điểm trung bình cao, chứng tỏ cán bộ, giảng viên của các trường đại học không chỉ có trách nhiệm với sinh viên, mà còn thể hiện trách nhiệm của mình với nhà trường, với xã hội. Việc thể hiện vai trò của mình trong các hoạt động của nhà trường, góp phần thực hiện đúng chức năng của trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân: nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng, xây dựng môi trường học tập lành mạnh, tích cực, thân thiện. Đồng thời, phát triển các công trình nghiên cứu, có giá trị ứng dụng thực tiễn và lan tỏa những điều tốt đẹp trong xã hội.

Trong quá trình khảo sát, NCS bắt gặp không ít những hình ảnh các thầy cô giáo ngồi trao đổi cùng sinh viên, không chỉ là giải đáp những thắc mắc trong quá trình học tập và nghiên cứu của sinh viên mà còn lắng nghe những tâm sự của sinh viên trong cuộc sống, truyền cho sinh viên những kinh nghiệm từ bài học cuộc sống của một người từng trải ở thế hệ trước với thế hệ sau. Giảng viên các trường đại học là người đồng hành cùng sinh viên, hướng dẫn sinh viên giải quyết mọi vấn đề trong học tập và cuộc sống. Ở trường ĐHSPHN có Phòng Tham vấn tâm lý, với các thầy cô là giảng viên khoa Tâm lý - Giáo dục học, với kinh nghiệm chuyên môn sâu về giảng

dạy, nghiên cứu tâm lý học, giáo dục học, có thể tham vấn, hỗ trợ cho sinh viên ở nhiều lĩnh vực như học tập, hướng nghiệp, tình yêu, giao tiếp, xác định giá trị bản thân, giúp các bạn sinh viên có đời sống tinh thần khỏe mạnh và hạnh phúc.

Ngoài ra, trong mối quan hệ với sinh viên, cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường luôn phải công bằng, không thiên vị, thể hiện trong việc không phân biệt đối xử giữa các sinh viên dù là ở vùng miền nào, dân tộc nào hay hoàn cảnh kinh tế như thế nào; đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên năng lực thực tế của sinh viên; đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động, dự án, luôn khách quan, công tâm, vì lợi ích chung của sinh viên và nhà trường.

Bên cạnh đó, vẫn có những hiện tượng cán bộ, giảng viên nhà trường có một số biểu hiện chưa chuẩn mực. Trong Báo cáo kết quả ba năm triển khai thực hiện Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 3/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025” (sau đây gọi tắt là Báo cáo sơ kết ba năm triển khai Quyết định số 1299/QĐ-TTg) có nêu hạn chế của công tác xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học “Sự khập khiễng của chương trình giáo dục, sự không minh bạch, gian dối trong việc dạy, học và thi cử, là nạn bạo lực trong nhà trường, là sự sa sút, sa ngã nhân phẩm của một số nhà giáo và học trò...” [6, tr.34]. Như vụ việc thầy giáo trường Đại học Thủ đô Hà Nội có hành vi vi phạm đạo đức, quấy rối tình dục hai nữ sinh của trường trong kỳ học quân sự đã bị nhà trường xử lý kỷ luật (tháng 10/2022). Dù đây không phải là hiện tượng phổ biến và không phải vấn đề đáng lo ngại ở các trường đại học, tuy nhiên đó cũng là dấu hiệu của việc những chuẩn mực ứng xử của cán bộ, giảng viên, sinh viên chưa được đề cao và thực hiện một cách nghiêm túc.

* *Chuẩn mực trong ứng xử của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường với nhau*

Cùng với những giá trị chuẩn mực trong công tác giảng dạy, cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường cần làm gương cho sinh viên trong những ứng xử giao tiếp với đồng nghiệp, thể hiện trên hai biểu hiện:

- Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường trung thực, tôn trọng, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ, học hỏi lẫn nhau.

- Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường giữ gìn đoàn kết nội bộ, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Kết quả khảo sát của NCS thu được như sau:

Bảng 3.3. Thực trạng chuẩn mực trong ứng xử giữa cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường

Nội dung khảo sát	Điểm trung bình	Trường ĐHGTVT		Trường ĐHNT		Trường ĐHSPHN	
		SV	CB, GV, NV	SV	CB, GV, NV	SV	CB, GV, NV
Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường trung thực, tôn trọng, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ, học hỏi lẫn nhau	4.47	4.36	4.56	4.34	4.62	4.34	4.58
Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường giữ gìn đoàn kết nội bộ, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc	4.46	4.31	4.52	4.44	4.6	4.31	4.58

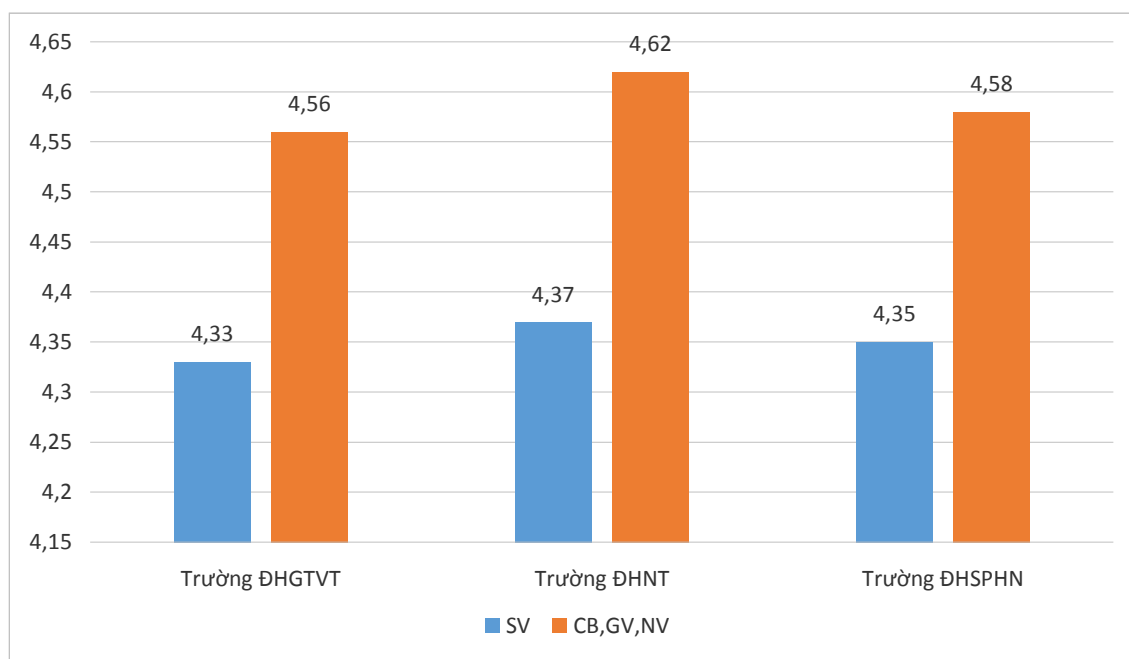
[Nguồn: NCS khảo sát]

Khảo sát trên hai khía cạnh trên, luận án nhận được kết quả đánh giá rất cao của người được hỏi với điểm trung bình 4.46-4.47 điểm (hoàn toàn đồng ý). Điều này chứng tỏ các thầy, cô giáo đã làm rất tốt trách nhiệm “nêu gương” của mình. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”, do đó, cán bộ, giảng viên không chỉ là hình mẫu trên giảng đường mà còn là hình mẫu trong cuộc sống, trong mối quan hệ với đồng nghiệp, công việc, thể hiện đạo đức của nhà giáo. Sự tôn trọng, hợp tác, giúp đỡ, chia sẻ cả về công việc và cuộc sống là sợi dây kết nối những thành viên trong nhà trường thành một khối thống nhất và đưa khối đoàn kết thống nhất đó ngày càng phát triển và vững mạnh là trách nhiệm của người đứng đầu.

Trong bảng khảo sát, có thể nhận thấy điểm trung bình trong bảng hỏi của sinh viên, cán bộ, giảng viên, nhân viên Trường ĐHNT cao hơn. Điều này phù hợp với thực tế, khi cán bộ, giảng viên ở Trường ĐHNT có tuổi đời trẻ hơn nên có phần cởi mở hơn với đồng nghiệp. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các trường đại học ở miền Bắc, Trung, Nam, nhóm nghiên cứu của tác giả Võ Văn Sen nhận định “những cán bộ quản lý của các trường đại học ở khu vực miền Bắc và miền trung nhấn mạnh đến sự tôn trọng cấp bậc, thế hệ, giữa người dạy và người học”, trong khi ở một số trường khu vực miền Nam, mối quan hệ ứng xử trở nên thoải mái và điều này được tác giả lý giải d ảnh hưởng của yếu tố văn hóa vùng miền và việc tiếp thu các yếu tố văn hóa từ các quốc gia trên thế giới [41, tr.279]

** Chuẩn mực trong ứng xử của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường với phụ huynh, khách, đối tác của nhà trường*

Chuẩn mực trong ứng xử của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường với phụ huynh, khách, đối tác của nhà trường thể hiện qua thái độ giao tiếp đúng mực, lịch thiệp; hướng dẫn nhiệt tình với phụ huynh và đối tác của nhà trường. Kết quả khảo sát ở ban trường đại học thu được như sau:



Biểu đồ 3.4. Thực trạng chuẩn mực trong ứng xử của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường đối với phụ huynh, khách, đối tác của nhà trường

[Nguồn: NCS khảo sát]

Kết quả khảo sát của NCS nhận được điểm trung bình cao từ 4.33 đến 4.62 điểm (mức đồng ý hoàn toàn) với nội dung: *Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường giao tiếp đúng mực, thái độ lịch thiệp, giúp đỡ và hướng dẫn nhiệt tình với phụ huynh, khách và đối tác của nhà trường.*

Đối với sinh viên đại học, dù liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh không thường xuyên như các cấp học Trung học và tiểu học, tuy nhiên không phải nhà trường không có mối liên hệ với gia đình sinh viên.. Cán bộ, giảng viên, nhân viên trường đại học không có nhiều dịp gặp gỡ phụ huynh của sinh viên, trừ một số trường hợp sinh viên đặc biệt hoặc những dịp lễ quan trọng đối với sinh viên như lễ bảo vệ, lễ tốt nghiệp... Trong lễ nhận bằng tốt nghiệp của tân kỹ sư và tân cử nhân Trường ĐHGTVT tháng 8/2024 vừa qua, rất nhiều gia đình (ông bà, bố mẹ, anh, chị, em, bạn bè...) đến chung vui, chụp ảnh lưu niệm với sinh viên, đã được nhà trường đón tiếp nồng hậu, bố trí chỗ ngồi tham dự để chứng kiến khoảnh khắc trao bằng

của sinh viên trên sâu khấu. Đó là một hành động đẹp, đầy tính nhân văn của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường.

Trong mối quan hệ với khách đến thăm trường, với đối tác trong nước và nước ngoài của nhà trường, cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà Trường ĐHSPTH, Trường ĐHNT, Trường ĐHGTVT luôn giữ thái độ lịch thiệp, giao tiếp đúng mực, nhiệt tình giúp đỡ. Khách đến thăm trường có thể là giảng viên, sinh viên các trường đại học, cao đẳng khác, các tổ chức, doanh nghiệp, các chuyên gia trong và ngoài nước...nhận được sự thịnh tình của các thành viên nhà trường, tạo được ấn tượng tốt đẹp cho những người đến thăm. Điều đó cũng làm nên bộ mặt của nhà trường.

** Chuẩn mực trong ứng xử của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường với việc hội nhập, tiếp thu chọn lọc các giá trị văn hóa nhân loại, giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc*

Ứng xử của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường trong việc giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc đồng thời tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa nhân loại là một trong nguyên tắc bảo đảm sự phát triển VHHĐ trong trường đại học hiện nay: vừa phải bảo vệ, phát huy, giữ gìn những giá trị văn hóa cốt lõi truyền thống của nhà trường, làm nên bản sắc thương hiệu nhà trường, vừa phải bồi đắp thêm những giá trị, chuẩn mực mới để thích ứng với yêu cầu phát triển mới. Cán bộ, giảng viên, nhân viên trường đại học phải xử lý hài hòa và bảo đảm mối quan hệ giữa cái truyền thống và tinh hoa văn hóa nhân loại là điều kiện quan trọng trong việc xây dựng VHHĐ vừa giàu bản sắc văn hóa dân tộc vừa hiện đại. Chính sự gương mẫu của cán bộ, giảng viên là tấm gương cho sinh viên thực hiện theo.

Kết quả khảo ý kiến của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường và sinh viên về nội dung “Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường tích cực hội nhập, tiếp thu chọn lọc các giá trị văn hóa nhân loại, giữ gìn truyền thống văn

hóa dân tộc” được đánh giá cao với điểm trung bình 4.44 điểm (mức hoàn toàn đồng ý). Trong đó, Trường ĐHSPHN có điểm trung bình cao hơn Trường ĐHGTVT và Trường ĐHNT. Điều này có lẽ bởi ở Trường ĐHSPHN có nhiều ngành học liên quan đến giáo dục, văn hóa, lịch sử, ngôn ngữ, tâm lý học...thiên về khoa học xã hội và nhân văn nên có mối quan hệ chặt chẽ với văn hóa. Việc nghiên cứu, giảng dạy giúp giảng viên có cơ hội tiếp cận, hiểu sâu sắc hơn các giá trị văn hóa trong nước và quốc tế. Hơn nữa, cán bộ, giảng viên Trường ĐHSP ý thức rõ về trách nhiệm truyền cảm hứng, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng giá trị truyền thống cho sinh viên - những thầy giáo, cô giáo tương lai, do đó họ có xu hướng cẩn trọng hơn trong việc tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa hiện đại và luôn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, Trong khi đó, do đặc thù ngành học ở Trường ĐHGTVT tập trung phát triển kỹ năng kỹ thuật, thực hành còn Trường ĐHNT có môi trường quốc tế mạnh, theo hướng kinh doanh - đối ngoại nên ít nhiều các giá trị văn hóa không được nghiên cứu sâu như ở Trường ĐHSPHN.

3.2.2.2. Chuẩn mực trong ứng xử của sinh viên

Ứng xử của sinh viên thể hiện ở hành vi của sinh viên trong các mối quan hệ với các thành viên khác của nhà trường và cộng đồng. Những chuẩn mực trong ứng xử của sinh viên thể hiện giá trị, niềm tin, quy tắc chi phối hành vi của sinh viên. Những giá trị này được thể hiện trong các mối quan hệ: (1) với cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường: kính trọng, lễ phép, tôn trọng; (2) với bạn bè: đoàn kết, tương thân tương ái; (3) với bản thân, gia đình, xã hội: trung thực, trách nhiệm, tích cực tham gia phong trào cộng đồng; (4) với khách, đối tác của nhà trường: lịch thiệp, hòa nhã, nhiệt tình; (5) với việc ứng xử trên mạng xã hội: văn minh.

Tiến hành khảo sát với sinh viên, cán bộ, giảng viên các trường đại học, NCS nhận được kết quả như sau:

Bảng 3.4. Kết quả khảo sát thực trạng chuẩn mực trong ứng xử của sinh viên

Nội dung khảo sát	Điểm trung bình	Trường ĐHGTVT		Trường ĐHNT		Trường ĐHSPHN	
		SV	CB, GV, NV	SV	CB, GV, NV	SV	CB, GV, NV
Sinh viên kính trọng, lễ phép, tôn trọng cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường	4.36	4.36	4.34	4.46	4.28	4.35	4.37
Sinh viên đoàn kết, tương thân tương ái, động viên giúp đỡ nhau trong học tập và cuộc sống	4.34	4.31	4.27	4.41	4.4	4.27	4.38
Sinh viên có thái độ trung thực, tinh thần trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội	4.18	4.19	4.16	4.18	4.15	4.2	4.22
Sinh viên tích cực tham gia các phong trào, hoạt động ở trường và các hoạt động thiện nguyện cộng đồng	4.36	4.26	4.31	4.39	4.4	4.31	4.47
Sinh viên có thái độ lịch thiệp, hòa nhã, giúp đỡ nhiệt tình với khách, đối tác đến thăm, làm việc tại Trường	4.35	4.31	4.35	4.34	4.34	4.29	4.45
Sinh viên ứng xử văn minh trên mạng xã hội	4.19	4.17	4.12	4.19	4.19	4.2	4.27

[Nguồn: NCS khảo sát]

Kết quả khảo sát cho thấy điểm trung bình trong đánh giá về chuẩn mực ứng xử của sinh viên trong trường đại học dao động từ 4.18 đến 4.36 điểm (mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý). Trong đó mức điểm trung bình cao nhất là nội dung *Sinh viên kính trọng, lễ phép, tôn trọng cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường; Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, cộng đồng* và thấp nhất lần lượt là *Sinh viên có thái độ trung thực, tinh thần, trách nhiệm với bản thân; Sinh viên ứng xử văn minh trên mạng xã hội*.

** Chuẩn mực ứng xử của sinh viên với cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường*

Trong bảng khảo sát thực trạng thực hiện việc tôn trọng, lễ phép với cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường của sinh viên với điểm trung bình cao nhất 4.36 điểm. Bởi “Tôn sư trọng đạo”, “kính thầy, mến bạn” vốn là truyền thống của giáo dục Việt Nam, thể hiện ứng xử của sinh viên: Kính trọng, lễ phép, tôn trọng cán bộ, giảng viên; hợp tác với thầy, cô giáo trong hoạt động dạy học và ngoại khóa, luôn ghi nhớ, trân trọng, biết ơn thầy cô giáo. Ứng xử đó không chỉ thể hiện trong lớp học mà ở bên ngoài lớp học cũng phải luôn lễ phép, tôn trọng các thầy, cô giáo. Trong xã hội hiện đại, khoảng cách giữa thầy và trò không có sự phân biệt quá rạch ròi như trước. Thầy, cô giáo không còn là “bề trên”, trò không phải quá khép nép. Giáo dục hiện đại cho phép mối quan hệ thầy - trò trở nên cởi mở hơn, nhất là trong môi trường đại học, sinh viên và giảng viên có gần gũi, thân thiện hơn.

Tình cảm của sinh viên với cán bộ, giảng viên được thể hiện qua các video trong cuộc thi “Thầy cô trong mắt em” của Công đoàn Giáo dục Việt Nam, tổ chức ở Trường ĐHSPHN hay cuộc thi “Thầy cô tôi thế đấy!” của Trường ĐHNT, thể hiện sự ghi nhận những tấm gương nhà giáo có đóng góp tích cực cho sự nghiệp giáo dục và để lại ấn tượng, niềm tự hào, ngưỡng mộ cho thế hệ các lớp sinh viên nhà trường. Sinh viên SV9 - Trường ĐHSPHN bày tỏ *“Thầy cô là tấm gương sáng về đạo đức nhà giáo, dạy chúng em như*

thế nào gọi là yêu nghề, giá trị thực sự của nghề. Chúng em hiểu rằng giá trị của nghề giáo là truyền cảm hứng, khơi dậy tinh thần ham học hỏi, dẫn dắt các thế hệ học trò đến với những giá trị nhân văn, trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình”.

Tuy nhiên trong quá trình quan sát và phỏng vấn, NCS nhận thấy một số sinh viên chỉ chào hỏi với các thầy, cô giáo mà các em quen hoặc dạy trực tiếp như em D.N.N.A - SV5 chia sẻ *“lớp em có nhiều bạn chỉ tôn trọng giảng viên đứng lớp trực tiếp, còn các thầy, cô không đứng lớp hay ở khoa khác thì coi như không liên quan. Hoặc các bạn chỉ gọi các thầy cô giảng dạy, còn lại các thầy cô quản lý thì gọi là anh, chị”*. Thậm chí, có hiện tượng sinh viên nói chuyện với nhau ở ngoài phạm vi lớp học có những lời nói không hay về thầy, cô giáo hay có những cách gọi quá suồng sã, đặc biệt đối với giảng viên trẻ. Mặt trái của việc cởi mở hơn trong mối quan hệ giữa cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên nhà trường cũng nảy sinh ra hiện tượng “quá trớn”, xác định ranh giới thầy - trò trong nhiều trường hợp không được coi trọng. Sinh viên trên lớp gọi “thầy, cô” nhưng ra khỏi lớp học đã chuyển xưng hô “anh-chị” hay nhiều sinh viên có những trò đùa quá mức đối với giảng viên trẻ trong nhà trường (sinh viên bông đùa thầy đẹp trai quá, cô xinh gái quá một cách quá đà). Hiện tượng đó dù không nhiều nhưng nó cũng cảnh báo việc nên nhìn nhận lại ranh giới thầy - trò, thầy cần được tôn trọng đúng mực.

** Chuẩn mực ứng xử của sinh viên với sinh viên*

Chuẩn mực ứng xử của sinh viên trong mối quan hệ với bạn bè thể hiện qua sự đoàn kết, cởi mở, cảm thông, chia sẻ, xây dựng mối quan hệ bạn bè trong sáng, lành mạnh, luôn động viên, giúp đỡ nhau; không chia bè phái, ganh ghét, không gây tổn thương tinh thần và bạo lực thể chất với bạn bè, đồng thời luôn thẳng thắn phê bình, kiên quyết đấu tranh, không bao che với hành vi sai trái của bạn bè.

Trong khảo sát về việc “sinh viên luôn đoàn kết, tương thân tương ái, giúp đỡ nhau trong học tập và cuộc sống”, điểm trung bình đạt 4.34, mức

điểm khá cao với ý nghĩa hoàn toàn đồng ý với nhận định. Sinh viên, từ trường trung học phổ thông chuyển cấp lên đại học được ví như “cá ra biển lớn”, được tiếp xúc với không gian rộng lớn hơn, có cơ hội đi nhiều hơn, gặp gỡ nhiều hơn và mở rộng các mối quan hệ xã hội của mình. Hầu hết sinh viên đều sống xa gia đình, nên các em thường sẽ tìm nhóm bạn để chơi, để chia sẻ những vấn đề trong học tập và cuộc sống. Sinh viên thường có xu hướng chơi theo nhóm, có thể là nhóm cùng quan điểm, định hướng nghề nghiệp, nhóm cùng sở thích, nhóm cùng nền tảng, xuất thân...

Tuy nhiên, ở lứa tuổi này, sinh viên cũng đã có chính kiến nhất định về mối quan hệ với bạn bè, ví dụ như “hợp thì chơi, không hợp thì thôi” “việc ai nấy làm, không liên quan đến nhau”. Việc đăng ký các lớp học theo tín chỉ khiến cho sinh viên tham gia các lớp học khác nhau, giờ giấc khác nhau nên sự gắn bó sinh viên theo đơn vị lớp không nhiều như trước đây. Các hiện tượng bạo lực học đường vẫn xảy ra ở các trường đại học nhưng không nhiều, bởi các em sinh viên đã có ý thức tự vệ và phản kháng cao hơn. Song vẫn có hiện tượng bạo lực tinh thần, bạo lực học thuật hay bạo lực giới tính. Theo báo cáo của cơ quan Liên hợp quốc về bình đẳng giới cho phụ nữ (UN Women), trong dự án “khôn viên trường đại học an toàn” thực hiện cuộc khảo sát với 1809 sinh viên tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Hồng Đức và Đại học Sư phạm Thái Nguyên, cho thấy: 51.8% sinh viên từng trải qua ít nhất một hình thức quấy rối tình dục trong và quanh khuôn viên trường đại học trong năm học 2020-2021 [94].

** Chuẩn mực ứng xử của sinh viên với bản thân, gia đình, xã hội*

Ứng xử của sinh viên với bản thân, gia đình, xã hội thể hiện qua việc: (1) có thái độ trung thực, tinh thần trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội; (2) tích cực tham gia các phong trào, hoạt động ở trường và các hoạt động thiện nguyện cộng đồng. Khảo sát trên hai khía cạnh trên, luận án thu được kết quả điểm trung bình lần lượt là 4.18 (mức đồng ý) và 4.36 điểm (mức hoàn toàn đồng ý).

Sự trung thực, trách nhiệm của sinh viên được thể hiện qua thái độ và hành vi cụ thể trong học đường như thực hiện trách nhiệm của mình trong việc tham gia học tập đầy đủ, tích cực trau dồi phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh, giản dị; có lý tưởng sống, có hoài bão và không ngừng phấn đấu trong học tập và tu dưỡng. Đó cũng là trách nhiệm với gia đình và xã hội. Đây cũng là một giá trị không chỉ cần thiết trong môi trường đại học mà rất cần thiết khi sinh viên tốt nghiệp, tham gia vào các hoạt động nghề nghiệp. Với sinh viên trường ĐHSPHN hay sinh viên trường ĐHGTVT với yêu cầu nghề nghiệp tương lai, các em phải rèn luyện cho mình tính trung thực và trách nhiệm cao; sự thiếu trách nhiệm của một thầy cô giáo có thể ảnh hưởng đến cả thế hệ trong tương lai; sự không trung thực, thiếu trách nhiệm của một nhà kỹ sư, kỹ thuật vận tải có thể gây hệ lụy lâu dài cho cả đất nước. Với sinh viên trường ĐHNT, nhằm hướng đến xây dựng “cộng đồng doanh nghiệp tử tế”, do đó, ngay từ khi hướng dẫn sinh viên khởi nghiệp, tham gia các hoạt động cùng doanh nghiệp, nhà trường đã đề cao sự trung thực, trách nhiệm hàng đầu.

Điểm trung bình trong chuẩn mực “có thái độ trung thực, trách nhiệm cao với bản thân, gia đình và xã hội của sinh viên” thấp nhất trong các nội dung được khảo sát. Chỉ thị 42-CT/TW của Ban Chấp hành Trung ương chỉ ra “một bộ phận giới trẻ giảm sút niềm tin, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sống thực dụng, thiếu lý tưởng, xa rời truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Một số ít thanh niên bị các thế lực thù địch lôi kéo, kích động chống sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta. Tình trạng tội phạm và tệ nạn xã hội trong giới trẻ diễn ra phức tạp” [2]. Theo báo cáo của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam “một bộ phận thanh thiếu niên ngại gian khổ (36.5%), sống thiếu định hướng, thiếu lý tưởng (15.2%), sống thực dụng, tính toán (29.6%), sống gấp, sống theo lối sống hưởng thụ, an phận, a dua, buông thả, muốn sống thoát ly khỏi sự kiểm chế của gia đình, đoàn thể” [dẫn theo 32, tr.144]. Thực tế cho thấy, ở các trường đại học có hiện tượng sinh viên, thiếu lý tưởng, thiếu trách nhiệm, sống hời hợt...Nhiều sinh viên chưa ý thức được tầm quan trọng của việc học ở đại học, mà cho rằng “lên đại học chơi là chủ yếu”, có thái độ “xả hơi” sau một

thời gian dài ôn thi chuyển cấp; thậm chí thiếu mục đích phấn đấu, sống phụ thuộc vào gia đình, học vì “bố mẹ muốn thế”...Đó là điều đáng báo động trong lối sống, lý tưởng, trách nhiệm của sinh viên trường đại học.

** Chuẩn mực ứng xử của sinh viên với khách, đối tác đến thăm, làm việc tại trường*

Điểm trung bình của nội dung về thực trạng ứng xử của sinh viên với khách, đối tác của nhà trường khá cao, với 4.35 điểm (hoàn toàn đồng ý) với việc sinh viên có thái độ lịch thiệp, hòa nhã, giúp đỡ nhiệt tình với khách, đối tác đến thăm, làm việc tại trường.

** Chuẩn mực ứng xử của sinh viên trên không gian mạng*

Việc phát triển công nghệ thời kỳ 4.0 có tác động lớn đối với sinh viên trường đại học, thay đổi từ cách thức dạy học đến cách thức giao tiếp, từ truyền thống, trực tiếp sang trực tuyến, gián tiếp. Với điều kiện hiện nay, sinh viên các trường đại học đều được trang bị điện thoại thông minh, máy tính cá nhân, các thiết bị truy cập mạng ở mọi lúc, mọi nơi. Sinh viên sử dụng internet để học tập, nghiên cứu, giải trí, đọc tin tức, giao lưu, kết nối bạn bè qua các nền tảng xã hội...tuy nhiên, cần sử dụng như thế nào cho đúng.

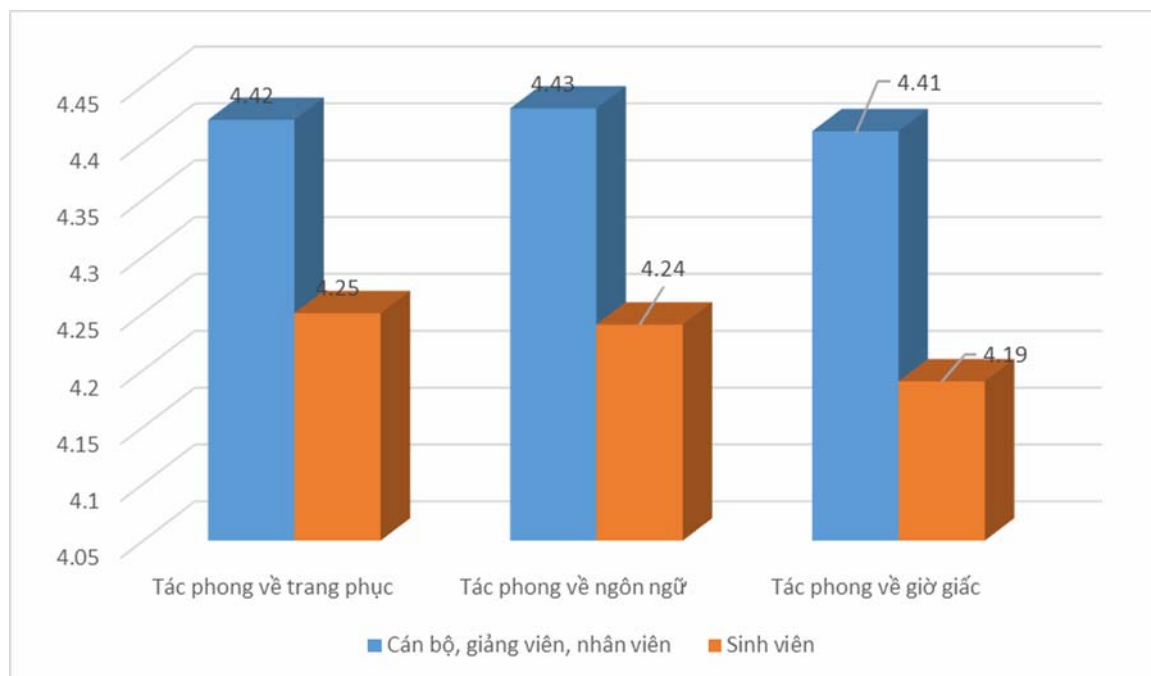
Khảo sát về ứng xử của sinh viên trên mạng xã hội nhận được đánh giá với điểm trung bình 4.19 điểm (mức đồng ý). Môi trường không gian mạng được coi là môi trường “hỗn tạp văn hóa”, không phân biệt thật, giả, thiếu kiểm soát, thiếu nguồn dẫn, thiếu kiểm chứng...nhưng lại có tác động rất lớn đối với sinh viên - những người trẻ hay sử dụng internet. Hiện nay, có nhiều sinh viên ứng xử thiếu văn minh, thiếu trách nhiệm trên mạng xã hội như sử dụng ngôn từ không chuẩn mực, thông tin sai lệch, có hành vi gây kích động, khiêu khích,...Theo báo cáo của Microsoft về chỉ số văn minh trên không gian mạng (Digital Civility Index - DCI) của Việt Nam thuộc top 5 quốc gia thấp nhất thế giới [63, tr.104]. Sinh viên kể lại những trải nghiệm tiêu cực của mình trên mạng xã hội: “*Thỉnh thoảng em có đăng ảnh trên trang cá nhân thì có bạn vào bình luận là “Dạo này béo thế!” làm em rất buồn, sau đó em đã xóa ảnh đi”*

(SV2 chia sẻ) hay “Sau hôm giao lưu bóng rổ với các bạn khoa khác trong trường, em có đăng bài chiến thắng của đội em nhưng nhận được bình luận chỉ trích của đội bạn, sau đó chúng em đã bình luận qua lại, cãi nhau trên đó” (SV3 chia sẻ). Đó là những hành động thể hiện sự không văn minh trên mạng xã hội. Điều này xảy ra khá nhiều ở sinh viên, vì thế, các nhà trường đại học phải có định hướng cho sinh viên trong việc hoạt động trên không gian mạng, tạo nên các hành động đẹp, chia sẻ tin tốt, ứng xử văn minh hơn.

3.2.3. Chuẩn mực trong tác phong

Tác phong được hiểu là cách sinh hoạt, làm việc, thể hiện qua cử chỉ, hành vi, nét mặt, ngôn ngữ, trang phục... của mỗi cá nhân. Để tạo nên VHHD trong trường đại học, không thể không nhắc đến tác phong của sinh viên, cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường, bởi đó cũng là bộ mặt của nhà trường.

Tìm hiểu về chuẩn mực tác phong của cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên trường đại học trên ba khía cạnh: trang phục, ngôn ngữ, tính kỷ luật giờ giấc, NCS nhận được kết quả như sau:



Biểu đồ 3.5. Thực trạng chuẩn mực về tác phong của cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên trường đại học

[Nguồn: NCS khảo sát]

Biểu đồ cho thấy việc thực hiện các chuẩn mực về tác phong của cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên trường đại học ở Thủ đô khá cao, với mức điểm từ 4.19 đến 4.43 điểm (mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý). Trong đó, việc thực hiện chuẩn mực về tác phong của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường được đánh giá cao hơn hẳn các chuẩn mực tương ứng của sinh viên.

3.2.3.1. Tác phong của cán bộ, giảng viên, nhân viên

Tác phong của cán bộ, giảng viên, nhân viên trường đại học như một tấm gương soi chiếu cho các hành động của sinh viên trong trường, như nhà giáo dục học Nga Kalinin đã nói “người thầy giáo hầu như đứng giữa một vòng chằng chịt những mảnh gương, hàng trăm con mắt sắc sảo, dễ cảm xúc, biết ghi lại một cách kỳ diệu tất cả ưu điểm, nhược điểm của họ”. Chính vì thế tác phong của người thầy có ảnh hưởng lớn đến sinh viên trong nhà trường, đôi khi trở thành hình mẫu lí tưởng cho sinh viên thực hiện theo. Cả ba chuẩn mực của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường qua khảo sát được đánh giá điểm trung bình rất cao với 4.41 - 4.42 - 4.43 điểm: tác phong làm việc gương mẫu, đúng giờ giấc - trang phục phù hợp với môi trường học đường - ngôn ngữ đúng mực.

Trang phục được coi là phù hợp không phải chỉ là trang phục phù hợp với thời tiết, mà còn phải phù hợp người mặc, với môi trường. Nó thể hiện sở thích, cá tính, nghề nghiệp cũng như tôn vinh nét đẹp của người mặc. Do đó, trang phục của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường được coi là một hình ảnh văn hóa của nhà trường, mang đặc sắc riêng của nhà trường. Ở trường ĐHSPTN không khó để bắt gặp hình ảnh các thầy cô giáo mặc áo dài truyền thống để lên lớp hay tham dự các sự kiện quan trọng của nhà trường, đó là hình ảnh đặc sắc của trường mang đậm bản sắc “mô phạm”. Còn ở trường ĐHNT, trang phục áo dài được sử dụng trong một số sự kiện truyền thống, còn chủ yếu cán bộ, giảng viên chuộng việc sử dụng trang phục công sở (vest) trong các sự kiện hội thảo, tọa đàm, lễ kí kết, các sự kiện mang tính quốc tế. Sử dụng trang phục phù hợp với môi trường của

trường đại học còn phải thể hiện được chất riêng của nhà trường, tạo dựng hình ảnh cho nhà trường.

Bên cạnh đó, tác phong, ngôn ngữ chuẩn mực của cán bộ, giảng viên còn thể hiện tính trách nhiệm của cán bộ, giảng viên và tính chuyên nghiệp của nhà trường. Tính chuẩn mực về ngôn ngữ của giảng viên các trường đại học thể hiện ở việc giảng viên sử dụng từ ngữ chính xác, phát âm rõ ràng, dùng từ sáng nghĩa. Trong quá trình giảng dạy, ngôn ngữ của giảng viên mang tính khoa học, logic, hệ thống, với các thuật ngữ chuyên ngành phải được giải thích rõ ràng, phù hợp với trình độ của sinh viên. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, giảng viên cũng không được dùng từ ngữ mang tính xúc phạm sinh viên hay có sự phân biệt đối xử giữa các sinh viên. Mỗi giảng viên thường có phong cách giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ khác nhau, có những người dùng ngôn ngữ sinh động, phong phú, tăng sự hứng thú cho sinh viên, có những người dùng ngôn ngữ ở mức chuẩn mực khoa học, tạo sự tò mò cho sinh viên. Ngôn ngữ chuẩn mực của cán bộ, giảng viên vừa thể hiện được đạo đức nghề nghiệp, vừa có khả năng truyền cảm hứng cho sinh viên.

Do đặc thù môi trường đào tạo khác nhau, nên có thể nhận thấy, ngôn ngữ của cán bộ, giảng viên ở các trường đại học có màu sắc riêng. Ngoài việc đảm bảo các yêu cầu cơ bản của chuẩn mực ngôn ngữ nhà giáo, các giảng viên trường ĐHSPTHN thường chú trọng nhiều vào việc sử dụng ngôn ngữ một cách mẫu mực, đậm tính sư phạm, chú trọng vào học thuật và truyền đạt kiến thức một cách chuẩn xác nhất. Bởi lẽ, không phải chỉ là giảng dạy cho sinh viên mà giảng viên trường ĐHSPTHN còn mang trọng trách đề cao tính chuẩn mực để làm gương cho sinh viên sư phạm - những người sau này cũng sẽ đứng trên bục giảng. Ở trường ĐHGTVT - một trường đại học kỹ thuật được cho là “khô cứng”, ngôn ngữ của giảng viên chủ yếu là ngôn ngữ chuyên ngành, mang tính logic, ngắn gọn nhưng đầy đủ và chính xác. Còn ở môi trường trường ĐHNT, ngôn ngữ của giảng viên được sử dụng khá linh hoạt, năng động, thoải mái, có sự kết hợp giữa thuật ngữ ngành kinh tế và các

loại ngoại ngữ khác nhau. Nhà trường yêu cầu giảng viên phải thành thạo ít nhất một ngoại ngữ, để có thể giao tiếp, giảng dạy cho sinh viên quốc tế và luôn được trau dồi, cập nhật định kỳ để có thể bắt kịp xu hướng toàn cầu. Đây cũng là lợi thế lớn nhất của các giảng viên trường ĐHNT.

Tính chuẩn mực ngôn ngữ của cán bộ, giảng viên mỗi trường đại học vừa phải đảm bảo yêu cầu chung, vừa phải phù hợp với đặc thù ngành và mục tiêu giáo dục của từng trường. Tuy nhiên, có nhiều hiện tượng giảng viên không giữ được chừng mực trong sử dụng ngôn từ như có lời lẽ mang tính chỉ trích cá nhân, xúc phạm, mỉa mai sinh viên, đặc biệt là phân biệt dân tộc, vùng miền, trình độ của sinh viên, khen chê không hợp hoàn cảnh, không đúng lúc. Hiện nay có xu hướng rút ngắn khoảng cách giữa sinh viên và giảng viên, do đó giảng viên đôi khi có sự thân tình thái quá với sinh viên, có những lời lẽ mang tính suồng sã, có những câu bông đùa không phù hợp với môi trường học đường. Thậm chí có những giảng viên cũng sử dụng tiếng lóng, ngôn ngữ đời thường, thiếu tính chuyên môn học thuật trong bài học. Sự thiếu chuẩn mực đó làm mất uy tín cho giảng viên nhà trường, gây tổn thương cho sinh viên, làm giảm động lực học tập của sinh viên và là nhân tố tác động tiêu cực đến VHHD.

3.2.3.2. Tác phong của sinh viên

Qua biểu đồ khảo sát, điểm trung bình đánh giá các nội dung về tác phong của sinh viên từ 4.19 (đồng ý) đến 4.25 (hoàn toàn đồng ý). Điểm trung bình ở nội dung *Sinh viên trong trường có trang phục phù hợp với môi trường học đường* cao nhất với 4.25 và thấp nhất là *Sinh viên có lên lớp đúng giờ, không có tình trạng trốn học, bỏ tiết* với 4.19.

Trang phục của sinh viên được coi là phù hợp khi đáp ứng các tiêu chí về tính lịch sử, thoải mái, phù hợp với hoàn cảnh, môi trường học tập của trường đại học. Trang phục lên lớp phải bảo đảm sự chỉnh tề, gọn gàng không được quá ngắn hoặc hở hang. Thông thường trong hoạt động hàng ngày, sinh viên sẽ lựa chọn áo phông, áo sơ mi, chân váy, kết hợp giày thấp, giày thể thao,

dép quai hậu để có thể thoải mái, tiện dụng, thể hiện tính năng động. Ngoài ra trong các sự kiện của nhà trường, sinh viên có thể chọn trang phục theo yêu cầu của chương trình, như các buổi thuyết trình, bảo vệ khóa luận, tham gia tọa đàm khoa học thì chọn trang phục công sở, áo dài truyền thống; trong các sự kiện ngoại khóa có thể chọn đồng phục nhóm hay trang phục tự do thoải mái hơn. Đa phần sinh viên hiện nay rất có gu ăn mặc, do đó có thể tự lựa chọn các trang phục phù hợp với các hoạt động của mình.

Hiện nay, các trường đại học thiết kế các mẫu đồng phục cho sinh viên nhà trường, đảm bảo tính đồng bộ. Trường ĐHSPHN với các loại áo đồng phục nổi bật với hai màu chủ đạo là trắng và xanh dương, cùng màu với logo của nhà trường, thể hiện đặc điểm riêng dễ nhận diện: áo sơ mi trắng có phần nẹp cúc màu xanh dương, áo polo màu xanh dương, viền trắng hay bộ đồng phục thể dục với áo thun có kẻ và hai bên sườn cắt xẻ màu xanh dương, quần suông xanh đậm đặc trưng kết hợp áo gió màu xanh than có kẻ đan xen màu xanh dương và màu trắng... Còn đồng phục trường ĐHNT được thiết kế với hai màu chủ đạo là trắng và đỏ, đó cũng là màu nhận diện trên logo của nhà trường: áo polo đỏ có viền trắng và in nổi logo của trường trước ngực, áo somi trắng có viền tay và cúc đỏ, áo đồng phục thể dục thiết kế màu trắng với viền đỏ từ cổ áo đến tay áo. Mỗi trường có điểm nhấn riêng về thiết kế đồng phục, phù hợp với văn hóa riêng của mình, nổi bật là logo và đặc trưng màu sắc giúp dễ nhận diện thương hiệu nhà trường. Khi được hỏi về sự yêu thích với đồng phục nhà trường, rất nhiều sinh viên trả lời là cảm thấy thoải mái, tự hào khi mặc đồng phục, thể hiện “chất riêng” của nhà trường: em N.T.H.T (nữ, SV9 - Trường ĐHSPHN) chia sẻ “*Em thích mặc đồng phục vì áo cũng khá thoải mái, lại đỡ phải nghĩ xem hôm nay mặc gì*”; còn em L.T.Q (SV6 Trường ĐHNT) lại có ý kiến khác “*em chỉ mặc đồng phục hôm nào bắt buộc thôi, còn lại em thích mặc đồ tự do hơn. Chúng em đã phải mặc đồng phục suốt 12 năm học phổ thông rồi, giờ mới được thoải mái lựa chọn trang phục yêu thích*”. Trong quá trình khảo sát, NCS cũng nhận thấy trang phục của sinh viên trường

ĐHSPHN và trường ĐHGTVT đơn giản hơn so với sinh viên trường ĐHNT. Cũng có phần bởi vì sinh viên trường ĐHNT luôn thể hiện cá tính, phong cách thời trang mạnh mẽ hơn.

Ngôn ngữ học đường được hình thành trên cơ sở tác động và chi phối của nhiều nhân tố như cộng đồng giao tiếp, vốn từ của sinh viên, nhu cầu, tâm lý sử dụng ngôn ngữ... Với tinh thần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, đặc biệt trong môi trường học đường, sự chuẩn mực về ngôn ngữ càng được đề cao. Sinh viên sử dụng ngôn ngữ phải phù hợp với đối tượng: với cán bộ, giảng viên nhà trường phải xưng hô đúng mực, có thái độ tôn trọng, ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu; trong mối quan hệ với bạn bè, có thể dùng ngôn ngữ biểu đạt cá nhân, tuy nhiên tránh những từ ngữ thô tục, không lịch sự. Em B.T.H (SV7 - Trường ĐHSPHN) chia sẻ “chúng em phải rèn ăn, rèn nói, nhiều khi cũng bị nhiễm cách nói chuyện của các bạn nhưng em phải tự điều chỉnh vì nói mãi sợ quen miệng không sửa được”, điều đó xuất phát từ việc sinh viên trường sư phạm tự ý thức được tương lai mình trở thành thầy, cô giáo, do đó mọi cử chỉ, hành động, đặc biệt là ngôn từ phải có tính nghiêm túc, chừng mực, lịch sự và phù hợp với hoàn cảnh.

Tuy nhiên, hiện nay, do ảnh hưởng của văn hóa phương Tây và các trào lưu trên mạng xã hội, hiện tượng lệch chuẩn về ngôn ngữ của sinh viên đã xuất hiện phổ biến. Qua quá trình phỏng vấn sinh viên, không hiếm gặp những câu nói pha trộn tiếng Anh với tiếng Việt, “*em quen nói như vậy rồi nên rất khó sửa, với lại các bạn em cũng nói chuyện như vậy, nếu không biết thì cũng thành quen lắm*” (SV4 - Trường ĐHNT); hay việc sử dụng quá nhiều tiếng lóng phản cảm và gần như trở thành câu cửa miệng của nhiều em sinh viên như “vãi, ngáo, quấy, đú, truất (chất), xoắn...” hay biến âm như “zậy (vậy), đợc (được), rùi (rồi), u là trời (ôi trời), chài ơi (trời ơi), tênh êu (tình yêu)...”, ảnh hưởng đến sự trong sáng và giàu đẹp của tiếng Việt.

Việc sử dụng ngôn ngữ đậm chất sinh viên thể hiện một phần văn hóa giới trẻ, cũng là một cách để các em giải tỏa tâm lý, khẳng định bản thân, đùa

vui, và cũng chỉ nên dùng trong phạm vi giao tiếp theo nhóm, cần phân biệt được môi trường và giới hạn sử dụng. Chính vì vậy, trong môi trường học đường, các thầy cô giáo có vai trò định hướng cho sinh viên biết cách sử dụng từ ngữ hợp bối cảnh và thể hiện sự trân trọng, tính yêu với tiếng Việt.

Tác phong chuẩn mực của sinh viên còn thể hiện qua việc đi học đúng giờ, nghiêm túc trong các giờ học; không gian lận trong thi cử, liêm chính trong các hoạt động học thuật; giữ gìn môi trường đại học xanh, sạch, đẹp. Điểm trung bình của nội dung *Sinh viên lên lớp đúng giờ, không có tình trạng trốn học, bỏ tiết* với 4.19 điểm. Sinh viên đi học không đúng giờ, không nghiêm túc trong giờ học chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ bởi hiện nay, việc đánh giá rèn luyện ở các trường đại học khá chặt chẽ nên hiện tượng sinh viên trốn tiết, bỏ giờ, vào muộn được hạn chế khá nhiều. Tuy nhiên, không phải là không có hiện tượng sinh viên đi muộn, bỏ giờ. Sinh viên Đinh C.H (SV3 - Trường ĐHGTVT) chia sẻ “*Có buổi em đi muộn, hầu như do tắc đường, vì trường em nằm ở nơi giao các đường lớn, lại có bến xe nên nhiều khi cách trường có mấy chục mét mà em vẫn phải đứng chờ cả nửa tiếng đồng hồ*”; hay “*đường vào trường em khá nhỏ, vì thế nhiều hôm có xô xát gì là y rằng tắc nguyên một đoạn dài, hôm ấy cứ xác định là muộn học thôi*” (SV5). Đó là những lí do có phần “dễ được chấp nhận” của sinh viên, do “đặc sản” của Thủ đô Hà Nội là tắc đường vào giờ cao điểm, đặc biệt là ở các tuyến đường nội đô, nơi tập trung các trường học, khu công sở. Tuy nhiên, việc đúng giờ giấc, chuẩn mực trong việc thực hiện nội quy của nhà trường là điều bắt buộc với sinh viên, góp phần tạo nên môi trường học tập làm việc chuyên nghiệp.

Việc rèn luyện tác phong chuẩn mực cho sinh viên góp phần tạo nên thói quen, phong cách làm việc sau khi sinh viên ra trường. Chính vì vậy, ngay từ khi còn ở trường đại học, sinh viên phải tự trau dồi cho bản thân, rèn luyện nề nếp để trang bị hành trang cần thiết cho bản thân.

3.3. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA TRONG HỌC ĐƯỜNG

Hoạt động văn hóa trong học đường là toàn bộ những hoạt động diễn ra trong không gian nhà trường, bao gồm các hoạt động dạy học, hoạt động hỗ trợ cho dạy học, các hoạt động ngoại khóa...

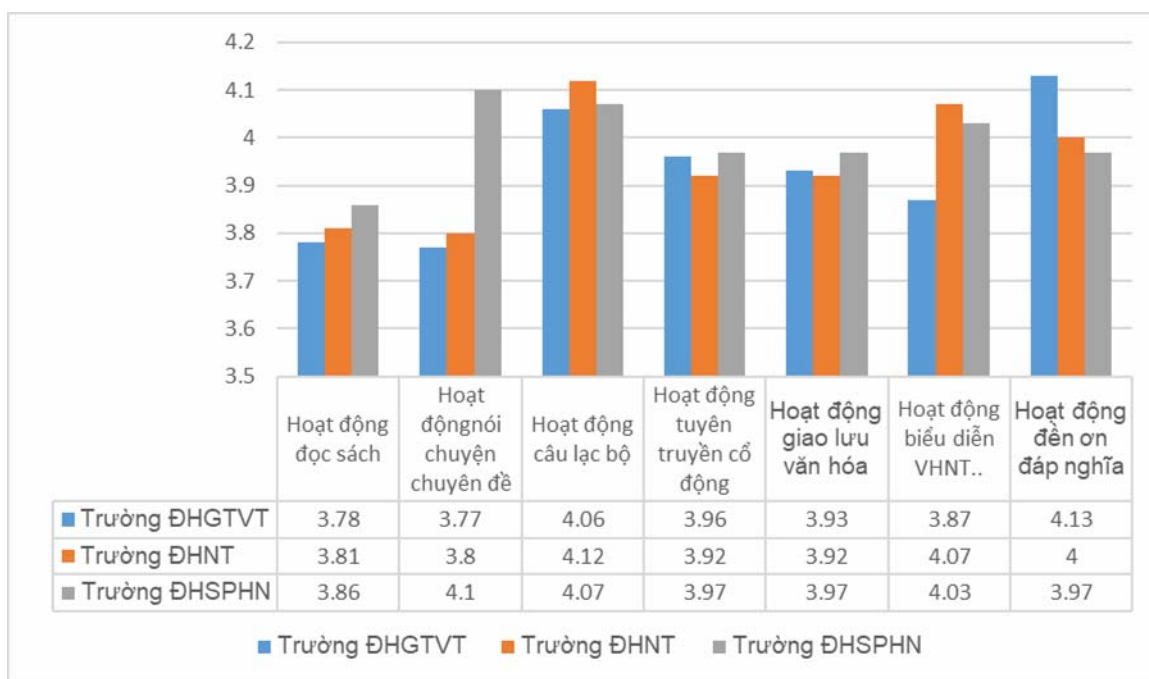
Trong phạm vi luận án này, NCS dựa trên quan niệm về hoạt động văn hóa trong *Thông tư số 26/2017/TT-BGDĐT ngày 18/10/2017 quy định tổ chức hoạt động văn hóa của học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục* của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để nhận diện thực trạng các hoạt động văn hóa trong trường học. Thông tư 26/2017/TT-BGDĐT, hoạt động văn hóa trong trường đại học gồm các hình thức sau: (1) Hoạt động văn hóa đọc tại các thư viện nhà trường, tìm hiểu văn hóa thông qua sách báo, các tạp chí và phương tiện truyền thông; (2) Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về văn hóa - xã hội, tìm hiểu lịch sử, truyền thống dân tộc; (3) Hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa nghệ thuật, các hoạt động thể thao, trò chơi giải trí; (4) Hoạt động giao lưu học sinh, sinh viên trong và ngoài nước, tổ chức xã hội khác; (5) Hoạt động triển lãm, hoạt động tình nguyện, đền ơn đáp nghĩa và các hoạt động khác phù hợp với truyền thống, nghi lễ, nghi thức của nhà trường, địa phương và đất nước [7].

NCS tiến hành khảo sát các hình thức hoạt động, nội dung các hoạt động văn hóa trong trường đại học để nhận diện thực trạng các hoạt động văn hóa trong trường đại học ở thành phố Hà Nội.

3.3.1. Các hình thức hoạt động văn hóa trong trường đại học

Hoạt động văn hóa là hình thức sinh hoạt văn hóa nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho sinh viên, đáp ứng nhu cầu văn hóa cho sinh viên, hướng con người vươn lên theo chuẩn mực giá trị chân, thiện, mỹ. Hoạt động văn hóa trong trường đại học rất đa dạng, giúp thúc đẩy sự phát triển toàn diện cho sinh viên, từ các hoạt động giảng dạy, học tập đến các hoạt động ngoại khóa, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao. NCS khảo sát tần suất tham gia các

hoạt động văn hóa trong trường đại học theo nội dung thông tư 26 [7], thu được kết quả như sau:



Biểu đồ 3.6. Kết quả khảo sát tần suất tham gia các hoạt động văn hóa trong trường đại học của sinh viên

[Nguồn: NCS khảo sát]

Trong các hoạt động văn hóa được khảo sát ở trên, hầu hết mức độ tham gia các hoạt động của sinh viên ở mức thường xuyên với điểm trung bình từ 3.8 đến 4.12 điểm, chứng tỏ sự tham gia nhiệt tình của sinh viên đối với các hoạt động văn hóa trong nhà trường.

Hoạt động có điểm trung bình cao nhất là hoạt động của các câu lạc bộ, văn nghệ, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, trò chơi giải trí; hoạt động văn hóa có điểm trung bình thấp nhất lần lượt là Hoạt động đọc sách tại thư viện nhà trường, lớp học; tìm hiểu tri thức thông qua sách báo, tạp chí, các phương tiện truyền thông và Hoạt động nói chuyện chuyên đề về văn hóa xã hội; tìm hiểu các lĩnh vực lịch sử, văn hóa truyền thống dân tộc. Bởi hoạt động của các câu lạc bộ văn nghệ, văn hóa, thể thao, trò chơi giải trí thường là các hoạt động được tổ chức thường xuyên ở các trường đại học, với tần suất nhiều hơn, gắn liền với nhiều sự kiện, hoạt động trong trường đại học hơn; các hoạt động nói

chuyên chuyên đề văn hóa xã hội thường chỉ diễn ra trong một số sự kiện truyền thống, ngày kỉ niệm nhất định, do đó tuần suất cũng thấp hơn; còn hoạt động đọc sách tại thư viện hay tìm hiểu tri thức qua sách báo, tạp chí, các phương tiện truyền thông ít nhận được sự tham gia của sinh viên hơn vì đây là hoạt động văn hóa gắn liền với ý thức tự học, tự tìm hiểu của sinh viên, song không phải sinh viên nào cũng có ý thức tự học cao, hơn nữa, ngày nay do sự bùng nổ của thông tin trên nền tảng số, nên sinh viên lựa chọn sử dụng các hình thức khác để tìm hiểu tri thức hơn là đọc sách báo, tạp chí.

Hoạt động văn hóa trong trường đại học thể hiện bức tranh về đời sống tinh thần của sinh viên và cán bộ, giảng viên nhà trường vì thế mức điểm trung bình của các hoạt động trên ở ba trường đại học khác nhau.

** Hoạt động đọc sách tại thư viện nhà trường, lớp học; tìm hiểu tri thức thông qua sách báo, tạp chí, các phương tiện truyền thông*

Theo biểu đồ khảo sát hoạt động này được đánh giá mức độ tham gia thường xuyên với điểm trung bình thấp nhất. Đây có lẽ là hoạt động thu hút ít sự tham gia của sinh viên nhất.

Các trường đại học ở Thủ đô Hà Nội nói chung và ba trường đại học NCS khảo sát nói riêng đều là những trường đại học được quan tâm, đầu tư xây dựng hệ thống thư viện, với hàng trăm nghìn đầu sách, báo, tạp chí,... hàng nghìn chỗ ngồi. Trường ĐHSPN có thư viện là tòa nhà độc lập có diện tích 5000m² và 1200 chỗ ngồi, với các hệ thống phòng tra cứu, phòng sách giáo trình, phòng sách tham khảo đọc tại chỗ và phòng sách mượn mang về, phục vụ bạn đọc đến 21h30 hàng ngày. Hình ảnh sinh viên Sư phạm xếp hàng dài đầu buổi sáng - chiều chờ mở cửa thư viện là hình ảnh quen thuộc “*Em rất thích lên thư viện học và đọc sách vì có rất nhiều sách mà bây giờ ở ngoài không tìm mua được, có thể là sách phục vụ cho bài học trên lớp, vấn đề giảng viên giao cho bọn em tự tìm hiểu và báo cáo, hoặc em sẽ đọc những tác phẩm văn học để giải trí*” (SV7 chia sẻ). Hay Thư viện trường ĐHGTVT 3000m², với phòng đọc tiếng Việt, phòng đọc tài liệu nước ngoài, luận văn, luận án, báo,

tạp chí, phòng mượn, và tổ chức kho mở tại các phòng đọc, tạo điều kiện cho sinh viên tự tra cứu, tự tìm tài liệu một cách nhanh chóng, kịp thời. Trong thư viện trường còn thành lập câu lạc bộ Bạn yêu sách, thu hút được đông đảo sự tham gia của sinh viên. *“Em thích lên thư viện vì yên tĩnh, và có nhiều sách hay, đặc biệt cần thiết cho sinh viên năm nhất như em”* (SV3 chia sẻ).

Hoạt động văn hóa đọc ở Trường ĐHSPTN có tần suất tham gia thường xuyên cao nhất trong ba trường. Bởi ít nhiều, tính chất Trường ĐHSPTN có các ngành học mang tính học thuật nhiều hơn, cần tìm hiểu khối lượng tri thức lớn hơn, có nhiều sách nghiên cứu không còn được bày bán ở bên ngoài. Đồng thời, không gian thư viện - không gian dành cho đọc sách ở Trường ĐHSPTN được rộng rãi hơn, có sức chứa lượng sinh viên lớn hơn.

Dù vậy, đây là hoạt động ít được sinh viên tham gia nhất (dù tần suất chung vẫn là thường xuyên) bởi hiện nay, lượng thông tin được cung cấp qua các thiết bị điện tử khá phổ biến. Việc tìm hiểu tri thức không chỉ qua sách báo, không chỉ qua hoạt động của thư viện mà ở mọi lúc, mọi nơi với các thiết bị điện tử và thông qua nhiều kênh phương tiện truyền thông. Với sự phát triển của thời đại công nghệ số, chỉ cần gõ thông tin cần tìm hiểu trên các trang mạng xã hội, sinh viên đã có thể nhận được hàng nghìn kết quả. Song, điều đó lại đặt ra cần có định hướng cho sinh viên trong việc lọc thông tin, lựa chọn những trang điện tử chính thống để tiếp cận thông tin, tránh tiếp xúc nguồn thông tin lệch lạc, cung cấp tri thức giả mạo.

** Hoạt động nói chuyện chuyên đề về văn hóa xã hội; tìm hiểu các lĩnh vực lịch sử, văn hóa truyền thống dân tộc*

Trong biểu đồ khảo sát, điểm trung bình của hoạt động văn hóa này ở mức thấp thứ hai, sau hoạt động văn hóa đọc, ở mức diễn ra thường xuyên. Đây là hoạt động được tổ chức ở các trường đại học, thông qua các buổi sinh hoạt đầu khóa học hay các cuộc thi hưởng ứng các ngày lễ trọng đại gắn với các sự kiện lịch sử, văn hóa truyền thống của dân tộc. Thông qua “Tuần sinh

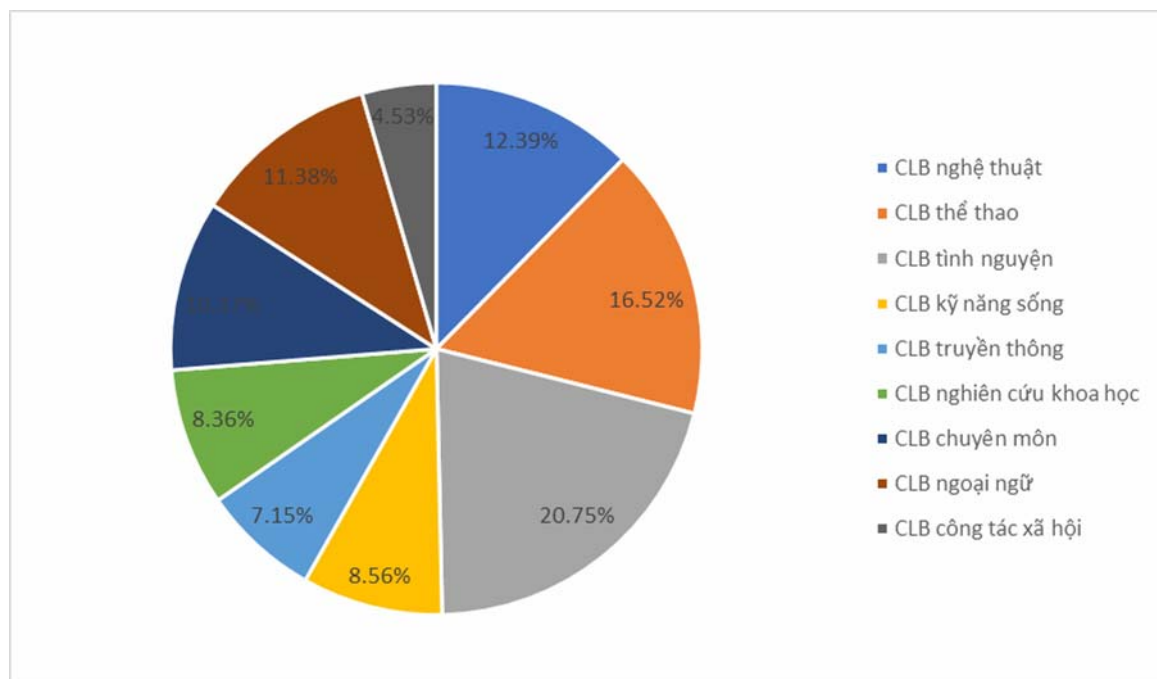
hoạt công dân - sinh viên” dành cho tân sinh viên, ngoài các công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên còn có các hoạt động tổ chức giáo dục theo chuyên đề. Trong đó, các trường lồng ghép các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa nhà trường, văn hóa dân tộc hay các buổi nói chuyện (“talkshow”) về các chủ đề xã hội khác nhau.

Tuy nhiên đây là hoạt động thu hút được ít sự hứng thú nhất của sinh viên, *“hoạt động nói chuyện chuyên đề thì phụ thuộc vào khách mời là chính, có những buổi không được sôi nổi, cứ đều đều nên bọn em hơi chán, có những buổi tương tác nhiều cũng thú vị”* (SV6 chia sẻ). Nhưng thường đây sẽ là các hoạt động bắt buộc với sinh viên, do đó, nhiều sinh viên chỉ tham gia cho đủ điều kiện rèn luyện.

** Hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, nghệ thuật, thể thao, trò chơi giải trí...*

Với điểm trung bình cao nhất, hoạt động các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, nghệ thuật, thể thao, trò chơi giải trí được sinh viên ưa thích. Đây cũng là hoạt động nổi trội nhất trong các trường đại học. Việc đăng kí câu lạc bộ sẽ được mở để các em sinh viên tự lựa chọn và tham gia. Câu lạc bộ là tập hợp những bạn sinh viên có chung sở thích, chung đam mê, có cùng năng khiếu... cùng học và rèn luyện một loại hình nghệ thuật hay một môn thể thao, một hoạt động văn hóa nào đó để có thể tham gia thi đấu giải, biểu diễn trong các dịp lễ lớn của nhà trường.

Mỗi trường đại học có rất nhiều câu lạc bộ, dựa theo đặc điểm đặc thù của ngành học, của lĩnh vực đào tạo của nhà trường mà tổ chức các câu lạc bộ khác nhau. Tuy nhiên, NCS lựa chọn một số câu lạc bộ nổi bật ở các trường để khảo sát và thu được kết quả theo biểu đồ sau:



Biểu đồ 3.7. Tỷ lệ sinh viên tham gia các câu lạc bộ của trường đại học

[Nguồn: NCS khảo sát]

Qua dữ liệu khảo sát sinh viên, câu lạc bộ thu hút sự đông đảo của sinh viên nhất là câu lạc bộ tình nguyện (20.75%), sau đó đến câu lạc bộ thể thao (16.52%) và câu lạc bộ nghệ thuật (12.39%); các câu lạc bộ kỹ năng sống, câu lạc bộ truyền thông, câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, câu lạc bộ chuyên môn, câu lạc bộ ngoại ngữ có tỷ lệ phần trăm sinh viên tham gia ít hơn, do các câu lạc bộ này mang tính đặc thù về chuyên ngành nên mỗi trường đại học lại thu hút lượng sinh viên khác nhau.

Trường ĐHSPHN có 14 câu lạc bộ chính thức thuộc Đoàn Thanh niên - Hội sinh viên trường ĐHSPHN và hàng chục câu lạc bộ thuộc các khoa trong trường. Câu lạc bộ nghệ thuật, câu lạc bộ kịch sân khấu, câu lạc bộ Guitar, câu lạc bộ Bóng rổ, câu lạc bộ Triệt quyền đạo, câu lạc bộ Karatedo...là các câu lạc bộ nghệ thuật, thể thao hoạt động sôi nổi. Các câu lạc bộ sinh hoạt định kỳ, công hiến những tiết mục, tác phẩm nghệ thuật mãn nhãn hay các màn biểu diễn thể thao đẹp mắt. Để nâng cao tính chuyên nghiệp và cọ sát, các câu lạc bộ của trường ĐHSPHN tham gia biểu diễn, thi

đầu trong phạm vi trường, giao lưu giữa các trường đại học ở Thủ đô Hà Nội và cả nước. Trường ĐHSPHN tổ chức cuộc thi Dance storm, là chương trình sáng tạo nghệ thuật đầy ý nghĩa, tôn vinh giá trị nghệ thuật vũ đạo, phát huy tinh thần đoàn kết, sáng tạo của sinh viên, nâng cao nhận thức về trí-thể-mỹ, đồng thời hướng đến phong trào thi đua “Sinh viên 5 tốt”. Cuộc thi là sân chơi giao lưu văn hóa và giải trí lành mạnh cho sinh viên, khuyến khích sự sáng tạo độc đáo tuy nhiên phải phù hợp với môi trường sư phạm. Đồng thời câu lạc bộ nghệ thuật còn công hiến nhiều tiết mục văn nghệ đặc sắc trong các buổi meeting, kỷ niệm lớn của nhà trường. Câu lạc bộ nghệ thuật cũng như các câu lạc bộ thể thao ở trường ĐHSPHN được đánh giá cao bởi trong trường có hai khoa Nghệ thuật và khoa Giáo dục thể chất là hai khoa có chuyên môn với nhiều kinh nghiệm nên các hoạt động nghệ thuật cũng như thể thao của trường khá sôi nổi.

Trường ĐHGTVT với hơn 30 câu lạc bộ, đội nhóm hoạt động trong các lĩnh vực, trong đó có câu lạc bộ nghệ thuật sinh viên ĐHGTVT, câu lạc bộ âm nhạc ĐHGTVT, câu lạc bộ Ace Crew - UTV Dancing's club, câu lạc bộ Street Workout UTC, đội tài năng trẻ UTC, câu lạc bộ Guitar, câu lạc bộ Taekwondo, câu lạc bộ múa UTC... hoạt động sôi nổi với các hoạt động văn nghệ, thể thao, võ thuật giúp sinh viên trường ĐHGTVT giải trí sau những giờ học kỹ thuật đầy căng thẳng. Ngoài ra, trường ĐHGTVT còn tổ chức “Ngày hội câu lạc bộ, tổ, đội, nhóm” tạo sân chơi cho sinh viên giao lưu, học hỏi, đồng thời phát triển hơn nữa hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ, đội, nhóm trong trường.

Sinh viên trường ĐHNT được biết đến với thế hệ trẻ năng động, tự tin, một phần lớn nhờ vào việc hoạt động có hiệu quả của mạng lưới câu lạc bộ dày đặc ở trường ĐHNT mà sinh viên trong trường hay gọi bằng tên thân thương là “cánh rừng câu lạc bộ”. Hiện nay nhà trường có 17 câu lạc bộ chuyên môn, 9 câu lạc bộ theo sở thích, 4 câu lạc bộ ngoại ngữ, ngoài ra có các câu lạc bộ Kỹ năng sống, Văn hóa ngoại giao, các câu lạc bộ tình nguyện, Câu lạc bộ hội nhóm đồng hương... Trong đó có các câu lạc bộ nghệ thuật, thể

thao khá thú vị như câu lạc bộ âm nhạc, câu lạc bộ thể thao, câu lạc bộ khám phá Hàn Quốc, câu lạc bộ Võ thuật và tầm nhìn quốc tế, câu lạc bộ Khiêu vũ, câu lạc bộ MC và thời trang, câu lạc bộ tuyên truyền ca khúc Cách mạng... Các câu lạc bộ nghệ thuật và thể thao được chia theo sở thích của sinh viên, với nhiều hoạt động sôi nổi.

Các bạn sinh viên đều đánh giá lợi ích của việc tham gia các câu lạc bộ, như *“em cho rằng tham gia các câu lạc bộ bên cạnh hoạt động học thuật là cần thiết, vừa giúp mình mở rộng được mối quan hệ, vừa có nhiều kỹ năng chuyên môn theo cách sáng tạo, được thử thách và làm điều mình thích, đó là chìa khóa giúp mình tìm được công việc phù hợp trong tương lai”* (SV4); hay *“mình chọn câu lạc bộ mà ở đó mình được rèn luyện, nâng cao kiến thức, kỹ năng để áp dụng cho ngành nghề sau này”* (SV8). Mục đích tham gia các câu lạc bộ, hoạt động nghệ thuật, thể thao vừa giúp sinh viên nâng cao đời sống tinh thần, khả năng cảm thụ văn hóa nghệ thuật, vừa hình thành lối sống khoa học, lành mạnh, thể hiện được giá trị của bản thân.

Tuy nhiên cũng có một vài sinh viên tham gia các câu lạc bộ với mục đích thực dụng hơn. Theo NCS khảo sát, có đến 29.5% sinh viên muốn được cộng điểm thi khi tham gia câu lạc bộ; 33.8% sinh viên tham gia hoạt động câu lạc bộ nhằm làm đẹp hồ sơ sau khi tốt nghiệp và 12.5% sinh viên tham gia để tiếp cận bạn khác giới (*xem chi tiết tại phụ lục 3*).

Bên cạnh đó, có những sinh viên tham gia quá nhiều câu lạc bộ mà không dành nhiều thời gian cho học tập - hoạt động và nhiệm vụ chủ yếu của sinh viên. Theo chia sẻ của thầy giáo GV1 *“có hôm thấy sinh viên ngủ gục ở bàn học, hỏi mới biết hôm qua đi tập nhảy về muộn nên hôm nay mệt, ngủ quên”*. Hay như định hướng của CBQL1 *“chúng tôi khuyến khích sinh viên tham gia các câu lạc bộ phù hợp với khả năng của mình nhưng khuyến cáo không nên tham gia quá nhiều, và phải sắp xếp được thời gian phù hợp. Một số câu lạc bộ tuyển thành viên phải tiến hành phỏng vấn và dựa vào kết quả học tập của sinh viên để tuyển chọn”*.

**Hoạt động tuyên truyền, cổ động thông qua các hình thức bảng tin, áp phích, khẩu hiệu, trang thông tin, tranh cổ động...*

Đây là hoạt động mang tính truyền thống của nhiều trường đại học, với việc dán tranh, thông tin tuyên truyền cổ động trên các bảng tin, căng bản đơn, áp phích như “Chào mừng 42 năm ngày Nhà giáo Việt Nam” hay “Hãy để rác đúng nơi quy định” “Vì một môi trường xanh - sạch - đẹp”...Tuy nhiên, hiện nay với sự đầu tư về cơ sở vật chất, cũng như các thiết bị điện tử, việc tuyên truyền cổ động bằng tranh, bảng dán đã không còn phổ biến, thay vào đó là các bảng chữ điện tử, các tranh cổ động, kêu gọi, tuyên truyền trên các website, các fanpage chính thức của trường, của các đội nhóm, câu lạc bộ nhà trường.

Trong các trường đều thành lập các đội nhóm truyền thông, có sự hướng dẫn, chỉ đạo của cán bộ, giảng viên nhà trường để có những định hướng đúng trong công tác thông tin truyền thông. Đội truyền thông Đoàn Thanh niên Trường ĐHSPTN (HNUE Youth Media) với những đoàn viên thanh niên yêu thích truyền thông, có sở trường về lĩnh vực truyền thông, với nhiệm vụ truyền tải những thông tin cần thiết, hữu ích đến các bạn sinh viên như các chương trình, sự kiện, kêu gọi hưởng ứng các phong trào thi đua...

** Hoạt động giao lưu giữa sinh viên trong và ngoài nước, các tổ chức xã hội khác*

Hoạt động giao lưu được đánh giá mức độ tham gia thường xuyên với điểm trung bình 3.94 điểm (hoạt động ít được tổ chức thứ ba trong các hoạt động văn hóa trong trường đại học). Việc tổ chức giao lưu cho sinh viên có thể ở các cấp độ: giao lưu sinh viên trong trường, giao lưu sinh viên giữa các trường trên địa bàn hay giữa các trường cùng chuyên ngành đào tạo, giao lưu sinh viên với các cựu sinh viên; giao lưu sinh viên với các tổ chức chính trị, xã hội, doanh nghiệp hay mức độ cao hơn là giao lưu sinh viên trong và ngoài nước.

Trong quá trình khảo sát, NCS nhận thấy hoạt động giao lưu sinh viên ở trường ĐHNT được tổ chức sôi nổi hơn cả và với nhiều hình thức, nhiều nội dung và giao lưu với nhiều cá nhân, tổ chức khác nhau, ở quy mô từ trong

trường, ngoài trường đến quốc tế. Xét cho cùng, đó cũng là thế mạnh của trường ĐHNT, vừa năng động, vừa nhanh hội nhập.

Trường ĐHNT tổ chức nhiều sự kiện giao lưu cho các em tân sinh viên, cựu sinh viên như một hình thức truyền lửa “ngoại thương” qua các thế hệ sinh viên nhà trường. Hoạt động chào Tân sinh viên với sự kiện phá băng bản thân (We, the ice breakers), tạo cho các em sinh viên năm thứ nhất có khởi đầu bút phá, phá bỏ rào cản bản thân, sẵn sàng khám phá chân trời mới, sẵn sàng mở lòng về tiếp nhận những điều mới, đồng thời luôn có niềm tin vào chính mình. Sinh viên trường ĐHNT phát biểu sau khi tham gia sự kiện “*em đã dám thử điều mà em chưa từng thử, tìm ra được thế mạnh của bản thân, em dám nhảy, dám diễn...*” (SV6). Đó là hoạt động ý nghĩa, giúp tân sinh viên bắt đầu hòa nhập được với môi trường mới. Hơn thế, tại buổi lễ khai giảng nhà trường còn diễn ra nghi thức trao cờ truyền thống từ đại diện thủ khoa tốt nghiệp năm đó và thủ khoa đầu vào, thể hiện sự tiếp nối truyền thống của thế hệ người Ngoại thương, cũng như quyết tâm của các tân sinh viên đón nhận thử thách mới.

Việc kết nối giữa các trường trong và ngoài nước tạo thành hệ sinh thái cho giáo dục, thu hút hàng trăm trường đại học tham gia. Ba trường đại học đều là những trường đầu ngành của cả nước về lĩnh vực sư phạm, kỹ thuật, kinh tế - đối ngoại, hơn nữa vị trí thuận lợi tại Thủ đô Hà Nội, do đó được lựa chọn là nơi đăng cai các hoạt động giao lưu giữa các trường đại học hay các đối tác quốc tế cũng là điều dễ hiểu. Trường ĐHSPHN quan hệ hợp tác với 35 quốc gia, vùng lãnh thổ, hàng ngàn lượt cán bộ, sinh viên đi trao đổi; tổ chức thành công Olympic Vật lý, Hóa học, Sinh học quốc tế, Đại hội Thể dục Thể thao sinh viên Đông Nam Á... Do tính chất chương trình sư phạm của nhà trường yêu cầu kiến tập và thực tập, nên trường ĐHSPHN có mối quan hệ với mạng lưới các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường hệ trung cấp, cao đẳng, đại học (chủ yếu ở miền Bắc) để hàng năm gửi sinh viên đào tạo hệ sư phạm đến các địa điểm thực tập và kiến tập theo quy định.

Trường ĐHGTVT nổi bật với các hoạt động giao lưu với hơn 90 đối tác quốc tế, các trường kỹ thuật trong và ngoài nước, đồng thời có sự chuyển giao công nghệ giữa những nghiên cứu khoa học của trường đến các công ty, đơn vị thi công, giải quyết nhiều vấn đề bức thiết của ngành giao thông vận tải Việt Nam như chế tạo máy ép cọc, thiết kế trạm trộn bê tông nhựa công suất lớn hay giải pháp sửa chữa mặt cầu Thăng Long...

Trường ĐHNT với mạng lưới đối tác rộng khắp 200 trường đại học trên thế giới, với sự hội nhập quốc tế nhanh chóng, nhà trường trở thành đơn vị đăng cai nhiều sự kiện lớn. Việc tổ chức cho sinh viên giao lưu, trao đổi sinh viên với các đối tác nước ngoài được diễn ra thường xuyên, theo từng kỳ học. Đồng thời tiếp nhận những sinh viên quốc tế đào tạo tại trường. Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động giao lưu văn hóa như lễ hội té nước của Lào, nghệ thuật cắm hoa Nhật Bản, các ngày hội truyền thống của các nước trên thế giới. Được mệnh danh là “lò start up” (khởi nghiệp), trường ĐHNT thiết lập mô hình đào tạo gắn với doanh nghiệp, xây dựng cộng đồng doanh nghiệp từ các cựu sinh viên, các doanh nghiệp có nhu cầu tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng cao, mở rộng đầu tư với các đối tác. Đồng thời tìm kiếm nguồn đầu tư cho những ý tưởng khởi nghiệp của sinh viên qua các cuộc thi khởi nghiệp của Kawai, 100 ngày ươm tạo... Việc tổ chức tốt các hoạt động kết nối đầu tư của nhà trường góp phần làm cho tỉ lệ sinh viên ngoại thương ra trường có việc làm cao nhất cả nước.

** Hoạt động biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, triển lãm, chiếu phim, ... tổ chức gắn với các sự kiện, ngày hội, ngày lễ truyền thống*

Những sự kiện, nghi thức, nghi lễ truyền thống là một hoạt động không thể thiếu của VHHD trong các trường đại học. Đó là các sự kiện được tổ chức hàng năm hoặc các sự kiện được tổ chức cùng với ngày kỷ niệm lớn của địa phương, dân tộc, nhằm tăng cường mối quan hệ giữa sinh viên - giảng viên trong nhà trường, mối quan hệ giữa nhà trường với các tổ chức chính trị xã hội khác. Mỗi sự kiện đều thể hiện đặc trưng văn hóa của nhà

trường. Đây là hoạt động có tần suất tham gia thường xuyên của sinh viên trường đại học.

Các hoạt động sự kiện truyền thống như Lễ Khai giảng năm học, Lễ Bế giảng năm học, Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam... được tổ chức hàng năm ở các trường đại học. Ngoài ra có ngày hội thành lập của các trường với các hoạt động mang tính thương hiệu nhà trường như chuỗi các sự kiện chào mừng kỷ niệm ngày truyền thống ĐHNT như ngày hội thể thao với nhiều trò chơi hấp dẫn, giúp gia tăng sự kết nối cho sinh viên, các hoạt động nghệ thuật, lễ hội ẩm thực... *“với mong muốn mang đến những kỷ niệm ấm áp cho cán bộ, giảng viên, sinh viên nhà trường cũng như tiếp tục lan tỏa thông điệp trường ĐHNT là nhà và chúng ta là một gia đình” (GV6)*

**Hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, nhân đạo, tình nguyện vì cộng đồng, bảo vệ môi trường*

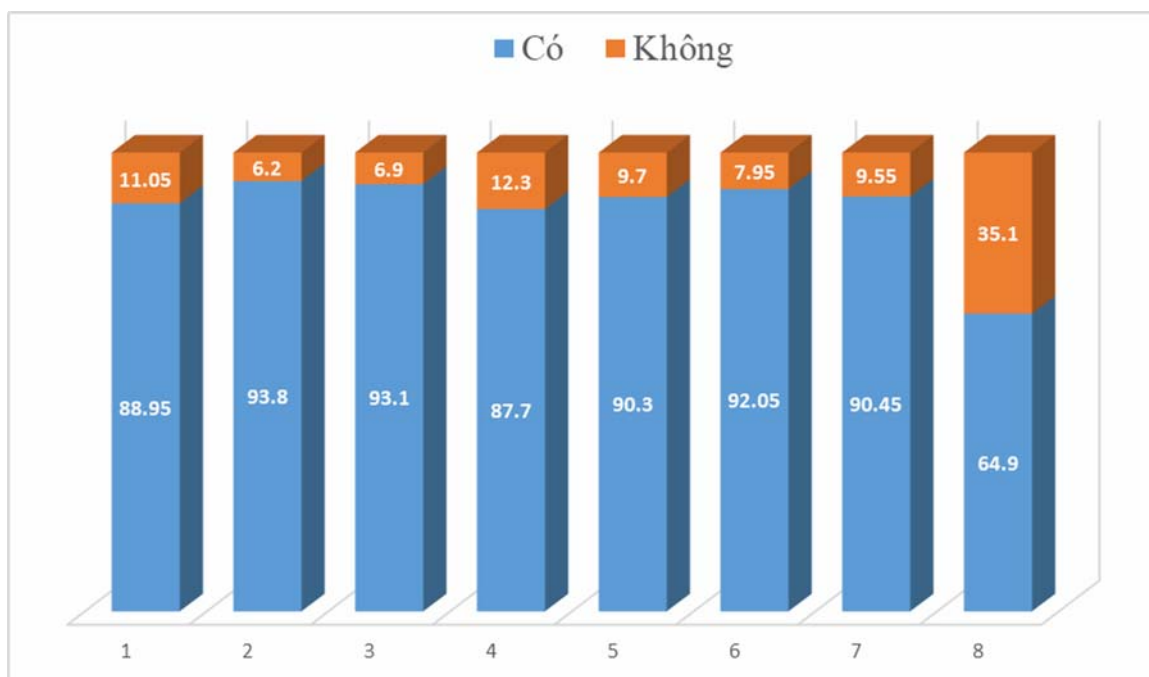
Đây là hoạt động có điểm trung bình cao thứ hai trong các hoạt động văn hóa của sinh viên trường đại học. Điều đó cũng phù hợp với thực tế ở các trường đại học vì hoạt động này thường gắn với các ngày kỷ niệm của dân tộc như như ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7), Ngày Toàn dân hiến máu nhân đạo (7/4), Ngày quốc tế người hiến máu (14/6), Ngày Môi trường Thế giới (5/6)...Hoạt động được tổ chức thông qua các đội nhóm, câu lạc bộ tình nguyện ở các trường. Trong biểu khảo sát về hoạt động của các câu lạc bộ tình nguyện ở trường đại học thì hoạt động câu lạc bộ tình nguyện, các công tác xã hội chiếm 15.4% (đứng thứ 4 trong các câu lạc bộ). Như thế để thấy hoạt động tình nguyện, công hiến cho cộng đồng và xã hội ở các trường đại học được chú trọng phát triển. Một phần, tận dụng sức trẻ của sinh viên, sự sáng tạo không giới hạn của thanh niên trong các hoạt động thiện nguyện, đồng thời hoạt động cũng mang tính giáo dục giá trị cộng đồng cho sinh viên, hướng đến một trong những chức năng chính của trường đại học trong sự phát triển của đất nước. Hoạt động giúp phát huy tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của sinh viên nói riêng cũng như thanh niên Việt Nam nói chung, lan tỏa những hình ảnh, nghĩa cử tốt đẹp.

Tùy vào đặc trưng riêng của từng trường đại học mà có những hoạt động tình nguyện khác nhau. Trường ĐHSPHN với lợi thế là các nhà giáo tương lai, với các hoạt động của câu lạc bộ Chữ Sư phạm, Câu lạc bộ Dạy học tình nguyện, Quỹ “Đồng hành với học sinh, sinh viên vùng khó khăn”, Chiến dịch Mùa hè xanh (Tiếp sức đến trường, Dạy học tiếng Anh, Dạy học công nghệ thông tin cho sinh viên, Dạy học tình nguyện cho trẻ em ở làng SOS), Đội Vì môi trường đi đầu trong việc tổ chức các chương trình tuyên truyền, bảo vệ môi trường, xây dựng môi trường trong xanh. Trường ĐHGTVT với câu lạc bộ tình nguyện với hơn 200 thành viên có nhiều hoạt động ý nghĩa như Đông âm, Phát Quà Đêm, Tiếp sức mùa thi, Trung thu trao em... Điểm chung của ba trường đại học đó là hoạt động của các câu lạc bộ - đội thanh niên vận động hiến máu, xuất phát từ hoạt động của Hội Thanh niên vận động hiến máu Hà Nội, là hoạt động đầy ý nghĩa nhân văn của sinh viên các trường đại học ở thành phố Hà Nội.

3.3.2. Nội dung hoạt động văn hóa trong trường đại học

Hoạt động văn hóa trong trường đại học được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, có thể do cán bộ, giảng viên trong trường quản lý, định hướng nhưng có những hoạt động do sinh viên tự quản lý. Do đó định hướng nội dung cho các hoạt động văn hóa, đặc biệt các hoạt động văn hóa của sinh viên là rất quan trọng. Các nội dung phải giúp sinh viên hiểu rõ hơn về truyền thống, giá trị đạo đức, văn hóa, hình thành nhân cách và thái độ sống tích cực cho sinh viên; đồng thời các nội dung hoạt động phải gắn với mục tiêu đào tạo toàn diện của nhà trường, vừa phát huy kiến thức chuyên môn vừa phát triển năng lực tư duy, sáng tạo, kỹ năng mềm cho sinh viên. Nội dung các hoạt động văn hóa có hấp dẫn thì mới thu hút được sự tham gia đông đảo của sinh viên, do đó, nội dung là linh hồn giúp hoạt động văn hóa có ý nghĩa và giá trị dài lâu.

Quá trình khảo sát ba trường đại học về nội dung của các hoạt động văn hóa trên, đề tài thu được kết quả qua bảng sau:



Số	Nội dung
1	Tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về văn hóa, ca ngợi thành tựu cách mạng Việt Nam
2	Giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức xã hội, đạo lý làm người, ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân, lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc và lối sống văn hóa của người Việt Nam
3	Ca ngợi quê hương đất nước, con người Việt Nam; biểu dương vinh danh tấm gương điển hình tiên tiến, các nhân tố tích cực trong ngành giáo dục
4	Phát triển các loại hình văn hóa và giá trị nhân văn của văn hóa Việt Nam
5	Phản ánh tâm tư, nguyện vọng, tình cảm, trách nhiệm của tuổi trẻ với bản thân, gia đình, nhà trường, quê hương, đất nước
6	Tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị giữa các thế hệ sinh viên
7	Phê phán những biểu hiện lệch lạc, tiêu cực trong quan hệ giữa con người với con người và với môi trường xung quanh; phê phán các biểu hiện lệch lạc, đua đòi, ham chơi, thích hưởng thụ; phòng chống tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực và bất bình đẳng giới trong học đường
8	Nội dung khác

Biểu đồ 3.8. Kết quả khảo sát thực trạng nội dung các hoạt động văn hóa trong trường đại học

[Nguồn: NCS khảo sát]

Các nội dung hoạt động văn hóa của trường đại học được khảo sát theo các nội dung quy định trong thông tư 26/2017/TT-BGDĐT ngày 18/10/2017 về tổ chức các hoạt động văn hóa của học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục. Kết quả khảo sát cho thấy đạt trên 85% tỉ lệ sinh viên và cán bộ, giảng viên nhà trường được khảo sát chọn “có” trong các hoạt động văn hóa của trường đại học. Trong đó nội dung có tỉ lệ cao nhất là *Giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức xã hội, đạo lý làm người, ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân, lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc và lối sống văn hóa của người Việt Nam* với tỉ lệ chọn 91.9% (sinh viên) và 95.7% (cán bộ, giảng viên) và nội dung *Ca ngợi quê hương đất nước, con người Việt Nam; biểu dương vinh danh tấm gương điển hình tiên tiến, các nhân tố tích cực trong ngành giáo dục* với tỉ lệ chọn 94.1% (sinh viên) và 92.1% (cán bộ, giảng viên). Đây cũng là điều dễ lý giải bởi trong các trường đại học bởi đây cũng là một trong những mục tiêu chính trong giáo dục đại học.

3.4. THỰC TRẠNG BIỂU TƯỢNG, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN HỌC ĐƯỜNG

Biểu tượng, cảnh quan, kiến trúc trường học truyền tải thông điệp, thể hiện những giá trị nào đó của VHHD. Đây được coi là phần dễ nhận biết nhất để phân biệt giữa các trường học bởi có những biểu tượng, kiến trúc, cảnh quan mang đặc sắc riêng của trường đại học.

3.4.1. Biểu tượng

Biểu tượng có thể là con người - nhân vật tiêu biểu học đường hay các hiện vật như logo, linh vật, các bài hát, khẩu hiệu...đại diện cho giá trị văn hóa của nhà trường. Biểu tượng được nhà trường lựa chọn để làm dấu hiệu nhận diện thương hiệu nhà trường. Tuy nhiên, biểu tượng không phải là vĩnh cửu, mà có thể được thay mới, chuyển từ lựa chọn biểu tượng này sang lựa chọn biểu tượng khác.

Trong trường trường đại học có các nhân vật tiêu biểu mang tính đại diện, tiêu biểu cho các thời kỳ, có thể truyền cảm hứng cho các thế hệ nhà

trường. Họ có thể là người còn sống hoặc đã khuất, có thật hoặc tưởng tượng, các nhân vật đương thời, các sinh viên, cựu sinh viên thành công trong học tập và đời sống, các nhà giáo có những đóng góp nổi bật vào thành tựu giáo dục được ghi nhận, tôn vinh.

Các nhân vật đại diện thường gắn với lịch sử hình thành và xây dựng nhà trường. Như nổi bật trong khuôn viên trước Nhà Hiệu bộ của Trường ĐHSPTN là hai bức tượng chân dung của GS. Nhà văn hóa Đặng Thai Mai và GS. Nhà toán học Lê Văn Thiêm (được khánh thành năm 2011 hướng đến kỷ niệm 60 năm thành lập trường). Đây là chân dung hai nhà khoa học, nhà cách mạng, bậc sư biểu của nền giáo dục Việt Nam hiện đại. Sự nghiệp và tên tuổi của hai vị giáo sư không chỉ gắn liền với Trường ĐHSPTN mà còn gắn với lịch sử phát triển của giáo dục chế độ mới. Tạc tượng chân dung hai vị giáo sư là hoạt động tri ân đối với người khai sơn phá thạch, xây nền móng, mở lối cho sự phát triển, vươn lên của thế hệ cán bộ, giảng viên, sinh viên nhà trường. Nơi đây trở thành địa chỉ đỏ cho các hoạt động giáo dục tình yêu nước, tình yêu khoa học, yêu nghề và cao hơn là tình yêu thương con người, đức hi sinh cho sự nghiệp bảo vệ tổ quốc cho các thế hệ cán bộ, giảng viên, sinh viên nhà trường.

Ngày nay, các nhân vật đại diện có thể là sinh viên, cựu sinh viên được vinh danh sinh viên xuất sắc, thủ khoa tuyển sinh, thủ khoa tốt nghiệp, các bạn sinh viên đạt các giải cao trong kỳ thi Olympic, các cuộc thi Nghiên cứu khoa học hay có những hành động ý nghĩa đóng góp cho xã hội, cộng đồng (các dự án tình nguyện, các hoạt động của sinh viên...). Các sinh viên tiêu biểu được vinh danh trở thành hình mẫu cho các bạn sinh viên trong trường, truyền cảm hứng học tập cho các thế hệ sinh viên nhà trường. Như Trường ĐHTN nổi tiếng với những sinh viên khởi nghiệp, với cựu sinh viên trở thành các chuyên gia kinh tế, doanh nhân hay nổi tiếng với đại diện Hoa hậu Thế giới người Việt năm 2019 Lương Thùy Linh, hoa hậu Việt Nam 2016 Đỗ Mỹ Linh - những người truyền cảm hứng cho các thế hệ sinh viên Trường ĐHTN vươn lên trong học tập, rèn luyện, trau dồi tri thức và hướng đến sự thành công trong tương lai.

Nhắc đến biểu tượng VHHD trong trường đại học không thể không nhắc đến logo, khẩu hiệu của các nhà trường. Logo, khẩu hiệu thể hiện bản sắc của nhà trường so với các trường khác, đảm bảo yếu tố không trùng lặp, có tính thẩm mỹ cao, thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, triết lý đào tạo hay các giá trị của nhà trường. Quá trình khảo sát, NCS tổng hợp logo của các trường đại học như sau:

1. Logo Trường Đại học giao thông vận tải	
2. Logo Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	
3. Logo Trường Đại học Ngoại thương	

Hình 3.1. Logo của Trường ĐHSPTN, Trường ĐHTT và Trường ĐHGTVT

Nguồn: NCS sưu tầm trên website chính thức của nhà trường

Logo trường ĐHSPHN phản ánh sứ mạng và tầm nhìn của trường trong việc đào tạo giáo viên, thúc đẩy khoa học giáo dục và hội nhập quốc tế với hình tròn và hình ảnh chủ đạo là ba trang sách mở, bên dưới là chữ viết tắt theo tên tiếng Anh của trường HNUE và tên trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Đó là biểu tượng đặc trưng cho Trường ĐHSPHN như thầy TS. M - CBQL3 chia sẻ *“hình ảnh ba trang sách mở với kích thước khác nhau thể hiện tầng tầng lớp lớp tri thức đang vươn lên tầm cao mới, là sự phát triển không ngừng của nhà trường trong giáo dục. Màu chủ đạo là màu xanh, biểu trưng cho trí tuệ và hi vọng. Logo của nhà trường phù hợp với khẩu hiệu - giá trị cốt lõi của trường ĐHSPHN: chuẩn mực - tiên phong - sáng tạo”*. Dù trong khuôn viên cụm các Trường ĐHSPHN và các trường thuộc Đại học quốc gia Hà Nội nhưng đây là hình ảnh dễ nhận biết của sinh viên sư phạm với màu áo và các trang phục có đính logo màu xanh nổi bật.

Hình ảnh logo trường ĐHNT là sự kết hợp giữa ngôn ngữ, họa tiết và sắc màu với ba chữ cái F-T-U (viết tắt ba chữ cái tên tiếng Anh của nhà trường), lồng ghép vào nhau, tạo thành khối hài hòa và tổng thể cân đối, vững chắc, thể hiện tinh thần đoàn kết của nhà trường và truyền thống tương thân tương ái của thế hệ giảng viên - sinh viên nhà trường. Sự kết hợp màu sắc trong logo nhà trường rất nổi bật, như chia sẻ của TS.H *“Sự kết hợp giữa màu trắng và màu đỏ làm nên thương hiệu trường ĐHNT, màu trắng là khởi đầu, màu đỏ là nhiệt huyết, sức mạnh và chiến thắng thể hiện tính hiện đại, năng động, nổi bật, bản lĩnh của thế hệ sinh viên nhà trường. Tất cả lồng ghép trong khối hình cầu thể hiện vị thế, sự hội nhập của nhà trường trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Sự nổi bật trong sắc màu của trường ĐHNT thể hiện phần nào câu khẩu hiệu của nhà trường “Khác biệt để dẫn đầu” (CBQL4)*.

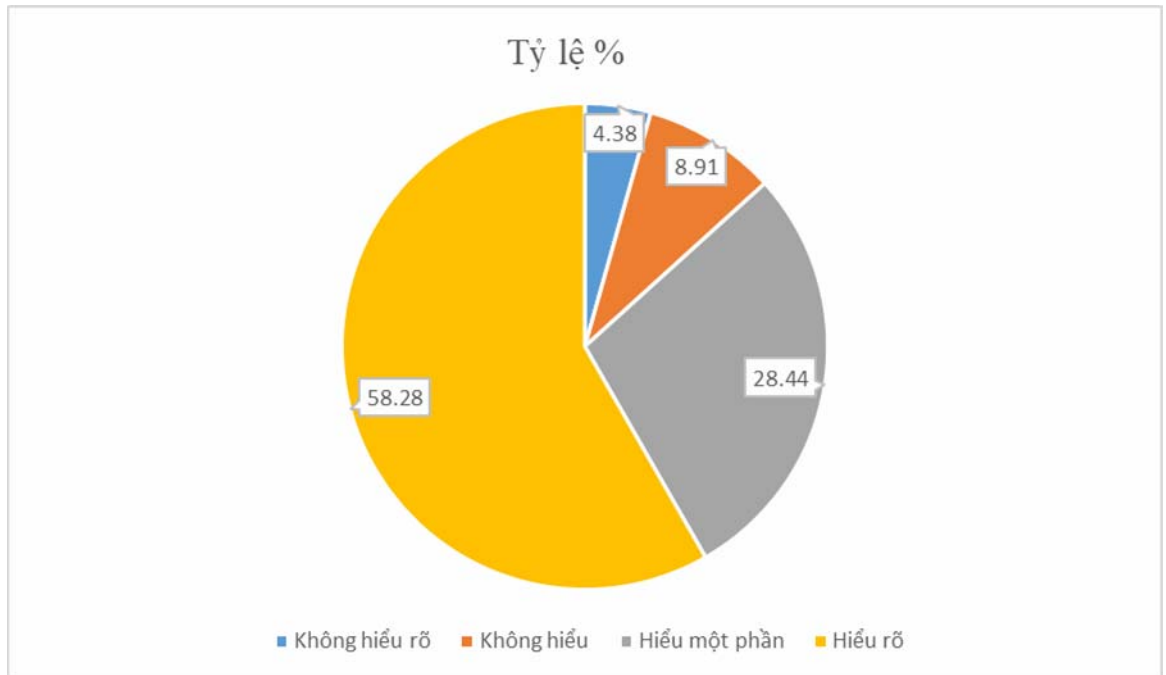
Logo trường ĐHGTVT nổi bật với hai màu xanh và vàng, với hình ảnh con đường nằm trên quyển sách, nửa vòng tròn trên là tiếng tiếng Việt

của nhà trường, vòng tròn dưới là tên tiếng Anh của trường. Đó là biểu tượng mang tính đặc thù ngành nghề đào tạo củ nhà trường như chia sẻ của PGS.TS. C *“Hình ảnh con đường thể hiện sự phát triển và kết nối trong ngành giao thông vận tải, còn quyển sách mở đại diện cho nền tảng giáo dục, đó là sự kết hợp giữa tri thức và lĩnh vực giao thông vận tải. Màu sắc hài hòa thể hiện sự thân thiện, hội nhập, thể hiện mong muốn chấp cánh cho bao thế hệ sinh viên được bay cao, bay xa. Logo nhà trường là biểu tượng nhận diện thương hiệu nhà trường đồng thời thể hiện sứ mạng của nhà trường trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực giao thông vận tải giống như khẩu hiệu của trường ĐHGTVT “Đường đến thành công” (CBQL1 chia sẻ).*

Mỗi trường sử dụng một biểu trưng riêng với hình ảnh, màu sắc, đường nét đặc trưng cho trường đại học, thể hiện sứ mệnh, tầm nhìn, lĩnh vực đào tạo đặc thù của nhà trường. Hình ảnh quyển sách mở của trường ĐHSPHN biểu trưng cho giáo dục, hình ảnh con đường và cuốn sách của trường ĐHGTVT đại diện cho sự giao thoa tri thức và giao thông còn trường ĐHNT với chữ cái tiếng Anh viết tắt thể hiện sự hội nhập quốc tế. Logo trường là đặc điểm dễ nhận biết nhất của nhà trường.

Việc sử dụng logo và đặt logo nhà trường ở các vị trí quan trọng: trên các tài liệu của trường: phong bì, giáo trình, sách tham khảo, báo cáo khoa học, chứng nhận, bằng tốt nghiệp, các loại giấy tờ khác; trên cổng trường, khuôn viên nhà trường hoặc các bảng hiệu, cột mốc chỉ dẫn; trên đồng phục của sinh viên, giảng viên hay nhân viên nhà trường; trên các phụ kiện như cài áo, balo, mũ...; trên các vật phẩm lưu niệm như bút, sổ tay, cốc, các sản phẩm được bán hoặc tặng trong các dịp sự kiện của nhà trường; trên các hình ảnh quảng bá trên truyền thông, quảng cáo, video...thể hiện đặc điểm nhận dạng và thương hiệu của nhà trường.

Khảo sát nhận thức của sinh viên về ý nghĩa của logo, khẩu hiệu của trường đại học, NCS nhận được kết quả như sau:



Biểu đồ 3.9. Tỷ lệ mức độ nhận thức của sinh viên về ý nghĩa của logo, khẩu hiệu trường đại học

[Nguồn: NCS khảo sát]

Kết quả khảo sát cho thấy đa số sinh viên hiểu rõ ý nghĩa của logo, khẩu hiệu trường đại học (58.28%). Con số này chủ yếu là các sinh viên năm thứ ba, năm thứ tư, khi có nhiều thời gian gắn bó với trường đại học cũng như có những hiểu biết, trải nghiệm nhất định trong môi trường đại học như sinh viên SV9 - Trường ĐHSPHN chia sẻ “Logo trường em nổi bật với hình ảnh ba cuốn sách mở ra chồng lên nhau như hình ảnh cánh chim rất đẹp. Có một số trường cũng dùng hình ảnh cuốn sách như trường Đại học Giáo dục (thuộc trường Đại học quốc gia Hà Nội - bên cạnh Trường ĐHSPHN - NCS chú thích) nhưng em vẫn thấy logo trường em đơn giản nhưng ý nghĩa và độc đáo”. Nhưng có đến 28.44% sinh viên chỉ hiểu một phần và 13.29% sinh viên không hiểu và không hiểu rõ. Đó là số lượng khá nhiều sinh viên thờ ơ với

những biểu tượng mang bản sắc của nhà trường như chia sẻ của SV1- 19 tuổi -Trường ĐHGTVT “*em mới vào trường nên cũng chưa tìm hiểu ý nghĩa của logo nhưng em biết logo trường em và các hình ảnh con đường, trang sách ở trong logo*”.

Ngoài ra, biểu tượng trong trường đại học không thể không nhắc đến các công trình mang tính kỷ niệm mang ý nghĩa đặc trưng cho nhà trường. Ở Trường ĐHGTVT cũng có biểu tượng với bức phù điêu kỷ niệm 70 năm ngày truyền thống của Trường ĐHGTVT với thông điệp “Chúng tôi tự hào về Nhà trường, Nhà trường tự hào về chúng tôi” của các cựu sinh viên nhà trường. Nội dung bức phù điêu tái hiện quá trình xây dựng, phát triển của Trường ĐHGTVT, với mặt trước là bức tranh nhiều họa tiết với các hoạt động của nhà trường từ quá khứ, hiện tại và tương lai, mặt sau là những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về trách nhiệm lớn lao của nhà trường; trung tâm là hình ảnh Bác Hồ đang trò chuyện với thầy và trò trong một lần Bác về thăm Trường, bên trái là hình ảnh nhà trường trong quá khứ với cảnh chùa Viên Đình nơi thầy trò đang học khi sơ tán, hình ảnh cây cầu được xây bằng gạch cuốn trong những năm kháng chiến chống Pháp...; bên phải là hình ảnh giảng đường chính tại Hà Nội và các nhà làm việc ở các cơ sở của Trường. Bức phù điêu như một cuốn sách bằng hình ảnh, tóm tắt lại lịch sử của nhà trường, thể hiện niềm tự hào của thế hệ sinh viên của Trường ĐHGTVT. Nhắc đến Trường ĐHNT, chúng ta sẽ nhắc đến hình ảnh bia đá đặt ngay trung tâm của trường. Nổi bật trên bia đá khắc logo của Trường ĐHNT là biểu tượng của nhà trường với niềm tự hào về lịch sử, truyền thống của nhà trường.

Trong trường đại học còn có những câu chuyện học đường, gắn với những biểu tượng của nhà trường được sinh viên trong trường truyền tai nhau như một linh vật của sự may mắn qua các kỳ thi. Như sinh viên SV7 - Trường ĐHSPHN chia sẻ “*Khi em vào trường đã được các anh chị khóa trên chia sẻ về các góc xin vía thần HNUE, các linh vật để vượt qua các kỳ thi như Thần*

đài phun nước nhà Hiệu bộ, Thần chữ HNUE nhà Hiệu bộ, Thần xoài nhà K, Thần nhãn nhà A, Thần đào tiên nhà HB hay Thần bảng, thần phán... trước mỗi kỳ thi nhớ xin vía các thần để được qua môn” hay như SV5- Trường ĐHNT bật mí *“trước mỗi kỳ thi chúng em hay sờ vào Thần đá (bia đá khắc logo ở trung tâm trường) để xin vía qua môn hay đạt điểm cao”*. Sinh viên Trường ĐHNT truyền tai nhau về các câu chuyện học đường như *“đi bộ ở khuôn viên trường được Thần xoài rơi trúng đầu đảm bảo may mắn cả kỳ”* hay *“nếu bạn qua cả ba môn thể (môn thể dục) chỉ trong một lần và bộ ba môn vẫn đạt FTU, bạn xứng đáng là một vị thần”* - SV5 chia sẻ. Những câu chuyện học đường trong sinh viên truyền tai nhau cũng là một trong những yếu tố làm nên nét riêng của từng trường đại học.

3.4.2. Kiến trúc, cảnh quan học đường

** Kiến trúc nhà trường*

Kiến trúc của một trường học thường bao gồm nhà hiệu bộ, lớp học, khu thể thao, khu vui chơi, khu thí nghiệm, khu tượng đài và có cách bố trí theo phong cách hiện đại, cổ kính hay thuận tiện, hợp lý... Kiến trúc nhà trường thể hiện đặc sắc riêng của mỗi trường đại học.

- Trường ĐHSPHN khá nổi bật với: Khu phòng học, giảng đường: có gần 200 phòng học với diện tích gần 20.000m², được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại với máy chiếu, hệ thống loa, điều hòa, quạt... phục vụ nhu cầu giảng dạy và học tập; khu Hội trường 11/10, nhà K, khu nhà lưu niệm... Thư viện nhà trường được đầu tư với diện tích khoảng 5000m² và 1000 chỗ ngồi; chia thành các tầng và phòng như phòng đọc, phòng mượn, phòng tin học, cung cấp nguồn tư liệu cho sinh viên, giảng viên nhà trường. Hệ thống các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm: với 38 phòng thí nghiệm có tổng diện tích hơn 2500m², được trang bị thiết bị tiên tiến, phục vụ cho sinh viên, giảng viên nghiên cứu và thực hành. Khu thể thao với sân vận động, nhà thi đấu đa năng cũng được trang bị đầy đủ giúp sinh

viên rèn luyện thể chất và tham gia các hoạt động thể thao. Khu ký túc xá sinh viên nhà trường cung cấp khoảng 2800 chỗ ở cho sinh viên trong và ngoài nước, với các nhà ăn tập thể, khu siêu thị, khu sinh hoạt chung.

Đặc biệt trường ĐHSPHN có hệ thống các trường từ mầm non đến THPT thực hành với Trường mầm non Búp Sen Xanh, Trường tiểu học Nguyễn Tất Thành, Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành và Trường Trung học phổ thông chuyên Đại học Sư phạm. Đây là nơi các thế hệ sinh viên trường đến kiến tập, thực tập trong quá trình học tập tại trường.

- Trường ĐHGTVT: hơn 200 phòng học với diện tích hơn 23.000m². Khu thí nghiệm và thực hành với các thiết bị hiện đại với 36 phòng thí nghiệm; Khu thư viện với 37000 loại tài liệu giáo trình, sách tham khảo, luận văn, luận án, tạp chí chuyên ngành... Khu ký túc xá với hơn 1800 sinh viên, thuận lợi cho việc sinh hoạt và học tập tại trường

- Trường ĐHNT: Với phòng họp có máy chiếu, âm thanh hiện đại; Thư viện đa dạng với nhiều tài liệu kinh tế, xã hội, văn hóa và lịch sử; Ký túc xá 7 tầng tiện nghi, gần khu học tập của sinh viên; đặc biệt có khu riêng Study space, khu Startup, khu Cafe...

Về cơ sở vật chất, mỗi trường có mục tiêu đào tạo ngành nghề đặc thù, hướng sinh viên đến các định hướng phát triển riêng nên có sự bố trí khác nhau. Trường ĐHSPHN hướng đến đào tạo giáo viên, cán bộ trong ngành quản lý giáo dục, đồng thời nhiều khoa, ngành, số lượng sinh viên lớn nên tập trung đầu tư các khu phòng học, thư viện, hệ thống phòng thí nghiệm để phục vụ các môn học cơ bản, đồng thời tập trung xây dựng hệ thống các trường thực hành từ mầm non đến trung học, tạo môi trường cho đào tạo những nhà giáo tương lai. Cơ sở vật chất nhà trường tập trung cho việc học tập, nâng cao phương pháp giảng dạy, không đòi hỏi nhiều công cụ kỹ thuật phức tạp. Trong khi đó, hướng đến đào tạo kỹ sư, chuyên gia kỹ thuật trong lĩnh vực

giao thông, xây dựng và công nghệ nên trường ĐHGTVT trang bị cơ sở vật chất với thể mạnh là hệ thống thư viện, phòng thí nghiệm, các xưởng thực hành với thiết bị hiện đại, phục vụ cho giảng dạy và giới thiệu cho sinh viên. Sinh viên cần được thực hành thực tế để phát triển kỹ năng chuyên môn, do đó các xưởng thực tập được trang bị nhiều thiết bị máy móc, mô hình hiện đại, chuyên nghiệp để sinh viên có thể thực hành thực tế, bám sát sự phát triển công nghệ vận tải trên thế giới. Còn trường ĐHNT mục tiêu đào tạo chuyên gia kinh tế, thương mại quốc tế, quản trị kinh doanh, do đó tập trung nhiều vào lý thuyết và kỹ năng mềm, không yêu cầu về phòng thí nghiệm, xưởng thực hành mà đầu tư vào không gian thư giãn, sáng tạo, khuôn viên với các tiện ích để tự học, tự nghiên cứu hoặc họp nhóm, sáng tạo những dự án khởi nghiệp... Cơ sở vật chất của trường còn phù hợp với các chương trình quốc tế và sinh viên đa văn hóa, đến từ nhiều quốc gia khác nhau.

Trong quá trình quan sát, NCS nhận thấy rõ trường ĐHSPHN và trường ĐHGTVT là những trường khá truyền thống với nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước, nên chủ yếu tập trung vào hạng mục phục vụ đào tạo chuyên ngành; còn trường ĐHNT cũng là trường công lập nhưng có khả năng thu hút nhiều nguồn tài chính từ học phí và các đối tác quốc tế, do đó việc xây dựng cơ sở vật chất vừa phải đáp ứng nhu cầu giảng dạy học tập của giảng viên sinh viên nhà trường, vừa tạo không gian để thu hút những nhà tuyển dụng, nhà đầu tư và các đối tác quốc tế.

Kiến trúc nhà trường đại học luôn có những điểm nhấn thể hiện bản sắc riêng của nhà trường. Như Trường ĐHSPHN với kiến trúc cổ kính, kết hợp hiện đại với nhiều tòa nhà xây dựng từ khi mới thành lập, đến những tòa nhà hiện đại, đáp ứng được yêu cầu hoạt động giáo dục của nhà trường hiện nay. Trong Trường nổi bật với hình ảnh ngôi chùa Thánh chúa tọa lạc trong trung tâm của trường, là ngôi chùa lâu đời có giá trị lịch sử lớn của Thủ đô với vẻ đẹp cổ kính, gắn với các câu chuyện lịch sử quan trọng, là điểm đến tâm linh

lý tưởng cho những ai muốn tìm kiếm sự thanh tịnh, tránh xa ồn ào, căng thẳng của cuộc sống. Đây là nơi sinh viên Trường ĐHSP hay lui tới trước mỗi kỳ thi để tìm chỗ ôn tập yên tĩnh. Hay điểm nhấn trong kiến trúc Trường ĐHSPHN là “con đường tình yêu” với hàng loạt vòm trồng dọc con đường đến thư viện. Đây là hình ảnh được lưu giữ nhiều nhất trong các bức ảnh kỷ yếu kỷ niệm của sinh viên Trường ĐHSPHN với hàng đá ong cổ, lộc vừng thay lá vàng ươm rụng khắp con đường... Hình ảnh thơ mộng đó làm nên đặc trưng riêng trong kiến trúc của Trường ĐHSPHN. Điểm nhấn trong kiến trúc của Trường ĐHNT là tòa nhà VJCC - Trung tâm hợp tác Nguồn nhân lực Việt Nam - Nhật Bản với phong cách thiết kế đặc trưng của Nhật Bản, gọn gàng, khoa học, sử dụng nhiều vật liệu thân thiện với môi trường hay tượng đài “Trí tuệ - Nỗ lực - Nhân văn” thể hiện tinh thần của Trường ĐHNT. Điểm nhấn với nhiều không gian mở trong kiến trúc của Trường ĐHNT tạo nên phong cách hiện đại, môi trường sáng tạo, năng động, phù hợp với hoạt động kinh doanh, thương mại.

** Cảnh quan học đường*

Cảnh quan là yếu tố bề nổi của VHHD, thể hiện qua các khía cạnh: nhà trường có rộng rãi, bố trí hợp lý không, có tính thẩm mỹ, có đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn không, không gian có đẹp không.

* Trường ĐHSPHN với khuôn viên rộng, nhiều cây xanh, vườn hoa, ghế đá tạo không gian thư giãn. Đặc biệt là khu gần thư viện với con đường rợp bóng cây, bờ tường cổ kính, là nơi sinh viên thường ngồi đọc sách, tâm sự hay ngồi nghỉ ngơi sau những giờ học căng thẳng. Khu vực tượng đài và không gian để tri ân các nhà giáo mang đậm dấu ấn sư phạm. Không gian sạch đẹp mang lại cảm giác thoải mái, tăng tính sáng tạo và ý chí học tập cho sinh viên, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. Đặc trưng không gian trường ĐHSP là không gian văn hóa trân trọng tri thức, tôn vinh truyền thống sư phạm, đề cao tính nhân văn và cộng đồng, giúp tạo nền tảng cho sự phát triển của nhà trường

* Trường ĐHGTVT: Với kiến trúc đơn giản nhưng hiện đại, không gian xanh với nhiều cây cỏ thụ và khu vườn nhỏ nhưng nổi bật với các biển hiệu, công trình mang đậm dấu ấn ngành giao thông như mô hình tàu, cầu đường...Không gian vừa thể hiện nét hiện đại vừa lưu lại nét truyền thống, gần gũi, với cảnh quan mang dấu ấn đậm chất của ngành giao thông vận tải, tạo nên môi trường học tập, nghiên cứu đầy cảm hứng cho sinh viên.

* Trường ĐHNT: Khuôn viên trường ĐHNT gần hồ Láng, không gian khá thoáng đãng giữa khu phố đông đúc. Cảnh quan bố trí khá hợp lý với hai màu tông đỏ - trắng tạo cảm giác năng động và đầy năng lượng. Ấn tượng nhất ở trường ĐHNT là khu cột cờ với nhiều cờ biểu trưng cho nhiều quốc gia trên thế giới thể hiện tinh thần hội nhập và quốc tế hóa của nhà trường. Cảnh quan trường ĐHNT thể hiện sự hiện đại, sáng tạo, phù hợp với phong cách sống năng động, đầy hứng khởi của sinh viên Ngoại thương.

Diện tích của trường không rộng bằng trường ĐHSPHN và trường ĐHGTVT nhưng được bố trí nhiều cây xanh, bồn hoa, khu tiểu cảnh với nhiều thiết kế không gian mở, thoáng đãng với khu học tập ngoài trời. Như các sinh viên Trường ĐHNT chia sẻ *“Văn hóa xếp hàng, ngồi bệt và teamwork là những thứ không thể thiếu ở Ngoại thương”* hay *“Nếu bạn không nhanh chân, bãi gửi xe trường FTU từ chối trở thành bến đỗ cuộc đời bạn, đơn giản vì nó chẳng còn sức chứa nữa rồi”* (SV5 chia sẻ)

Nếu như cảnh quan của trường ĐHSPHN giúp tạo cảm giác yên tĩnh, truyền thống, phù hợp với tính chất sư phạm, nhân văn; cảnh quan của trường ĐHGTVT chú trọng không gian thực hành và nghiên cứu kỹ thuật thì không gian ở trường ĐHNT chú trọng khu sân khấu, sinh hoạt ngoài trời, thể hiện sự hiện đại, sáng tạo, đáp ứng nhu cầu của sinh viên khối ngành kinh tế - ngoại thương. Tạo ra sự khác nhau căn bản giữa cảnh quan của các trường bởi vị trí và quỹ đất của từng trường khác nhau. Trường ĐHSPHN với quỹ đất khá rộng, nằm trong khuôn viên chung với nhiều trường đại học nên cảnh quan

khá được chú trọng, trong khi trường ĐHNT ở vị trí trung tâm Hà Nội với quỹ đất hạn chế, nên ưu tiên các thiết kế hiện đại, phù hợp và tối ưu hóa trong phục vụ giảng dạy, học tập và phát triển các kỹ năng cho sinh viên. Đồng thời cũng xuất phát từ sứ mạng giáo dục và đặc thù ngành đào tạo ở các trường khác nhau, tạo nên môi trường học tập riêng, phục vụ cho mục tiêu phát triển sinh viên theo hướng ngành nghề mà họ theo đuổi.

Trong báo cáo sơ kết 3 năm triển khai thực hiện Quyết định số 1299/QĐ-TTg có nêu: cơ sở đại học đạt 42% chỉ tiêu 5 (90% trường học đạt tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh, thân thiện, góp phần xây dựng môi trường văn hóa trong nhà trường và “việc xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn còn hạn chế về quỹ đất và kinh phí, có nơi chưa thật sự đáp ứng yêu cầu” [6]. Điều đó dễ thấy được việc xây dựng, giữ gìn cảnh quan học đường trong trường đại học nói chung và ở thành phố Hà Nội nói riêng chưa thật sự đáp ứng yêu cầu. Dù với nhà trường có chế tài xử lý các hành động phá hoại cảnh quan, tài sản chung của nhà trường nhưng sinh viên với tâm lý “của chung không của riêng ai” khiến nhiều bạn không có ý thức giữ gìn quan cảnh chung, giữ gìn trang thiết bị học tập, còn có hiện tượng phá hoại đồ đạc, xả rác bừa bãi, viết, vẽ bậy lên tường, bàn học...

3.5. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI HIỆN NAY

Qua khảo sát thực trạng VHHD ở ba trường ĐHSPHN, trường ĐHNT, trường ĐHGTVT, NCS có thể rút ra những một số đánh giá chung về VHHD trong các trường đại học trên địa bàn Thủ đô như sau:

3.5.1. Về các giá trị văn hóa học đường trong trường đại học

Giá trị VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội chịu ảnh hưởng từ các yếu tố truyền thống văn hóa dân tộc, từ lịch sử, truyền thống của nhà trường đại học nên mang đậm tính truyền thống, đồng thời để

thích ứng với bối cảnh hiện nay, các giá trị VHHD có xu hướng vươn đến tự chủ, sáng tạo trong môi trường đại học hiện đại.

Giá trị truyền thống ảnh hưởng đến môi trường VHHD nhiều nhất phải kể đến truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, đề cao tính học thuật... Dù môi trường đại học ngày nay đã rất cởi mở nhưng sinh viên và cán bộ, giảng viên trường đại học vẫn luôn đề cao, tôn trọng người thầy với “nhất tự vi sư, bán tự vi sư”, đề cao vai trò truyền đạt, dẫn dắt, gợi mở tri thức của người thầy trong nhà trường. Đồng thời, dù đã có xu hướng học thuật gắn với thực tiễn nhưng vẫn trọng lý thuyết với quan niệm có “học” mới “hành” được, do đó sự cân bằng giữa tư duy lý luận và thực tiễn cần được chú trọng. Tuy nhiên, với sự tác động của quá trình quốc tế hóa và xu hướng chuyên đổi số trong giáo dục, hệ giá trị VHHD trong trường đại học có những chuyển biến, thay đổi phù hợp, không chỉ là các yếu tố truyền thống như trên, mà còn tiếp nhận những giá trị mang tính toàn cầu về tư duy phản biện, sáng tạo, thích ứng, hiện đại, hội nhập, đa dạng văn hóa...

Giá trị VHHD ở các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội có sự giao thoa giữa truyền thống và hiện đại bởi lẽ, các trường đại học đặt ở Thủ đô, là nơi có bề dày lịch sử, văn hóa, là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Điều này ảnh hưởng sâu sắc đến phong cách, lối sống trong môi trường đại học của sinh viên và giảng viên nhà trường. Đồng thời, với lợi thế nằm ở trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội của cả nước, các trường đại học trên địa bàn đã biết tận dụng những lợi thế, không ngừng đổi mới, tiếp nhận những thành tựu của khoa học công nghệ hiện đại, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại. Vì thế, VHHD trong các trường ở Thủ đô Hà Nội có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa cái cũ và cái mới, giữa những giá trị bền vững với những giá trị mới được chọn lọc của nhân loại.

Giá trị VHHD trong trường đại học ở thành phố Hà Nội khá đa dạng về nội dung, phong phú về cách diễn đạt. Giá trị VHHD ở các trường đại học trên địa bàn chịu ảnh hưởng của truyền thống lịch sử nhà trường, vị trí địa lý, điều kiện phát triển ở Thủ đô Hà Nội, do đó có định hướng quan tâm đến *giá trị về chất lượng, hội nhập, trách nhiệm và tính thích ứng, tiên phong, sáng tạo trước yêu cầu mới*. Trong khi đó các trường đại học ở địa phương quan tâm nhiều hơn đến giá trị gắn kết cộng đồng, vì cộng đồng, truyền thống, thân thiện; các trường thuộc Đại học Quốc gia có khuynh hướng nhắm đến các giá trị tiên phong, sáng tạo, chuyên nghiệp, vượt trội, hội nhập...[41, tr.244]. Có thể nhận thấy rõ các trường đại học ở Hà Nội nhấn mạnh các giá trị sáng tạo - sáng tạo không ngừng, đề cao tính chuyên nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc quốc tế trong khi các trường khu vực miền Nam thường nhấn mạnh tính Năng động, đoàn kết, hội nhập... Một phần vì các trường đại học ở thành phố Hà Nội đang định hướng theo hướng đa dạng, cạnh tranh, vươn tầm quốc tế, do đó đẩy mạnh các giá trị sáng tạo, hội nhập, chuyên nghiệp.

Việc nhận thức và thực hiện giá trị cốt lõi ở các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội được đánh giá khá cao. Ở góc độ cán bộ, giảng viên, việc thể hiện các giá trị học đường đã phần nào được lồng ghép qua chương trình đào tạo, các bài giảng, các hoạt động chủ trì, hướng dẫn nghiên cứu khoa học hay các hoạt động ngoại khóa của nhà trường. Sự thấm nhuần các yếu tố giá trị học đường dần dần trở thành sự ăn sâu trong tiềm thức của cán bộ, giảng viên nhà trường, truyền từ thế hệ này đến thế hệ sau, trở thành bản lề cho mọi hoạt động. Giá trị học đường như tấm gương giúp cán bộ, giảng viên nhà trường soi chiếu các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu hay hoạt động cộng đồng của mình, để tự nhìn nhận, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp. Ở góc độ sinh viên, các em khá chủ động trong việc tìm hiểu hệ giá trị cốt lõi của nhà trường, cùng với việc được truyền đạt từ các bài giảng của giảng viên, bài phát biểu của lãnh đạo nhà trường nên cũng thể hiện được qua các hoạt động

học tập, hoạt động ngoại khóa hay nghiên cứu khoa học, qua đó giúp nâng cao nhận thức của sinh viên về giá trị VHHD. Đây cũng là điều dễ hiểu bởi sinh viên các trường ở Thủ đô Hà Nội có mức điểm sàn tuyển sinh đại học luôn cao hơn so với các trường đại học ở địa phương, với nhiều trường đại học đứng “top” đầu về điểm số.

Tuy nhiên, quá trình khảo sát cho thấy nhận thức của sinh viên, cán bộ, giảng viên, nhân viên chưa thật sự đồng đều. Việc nhận thức của sinh viên còn nhiều lỗ hổng dẫn đến việc thể hiện các giá trị VHHD qua các hoạt động học tập, nghiên cứu, các hoạt động ngoại khóa không rõ nét. Điều này trùng với kết quả khảo sát của NCS về nhận thức của cán bộ, giảng viên, sinh viên nhà trường về vai trò của VHHD trong trường đại học. Tỷ lệ sinh viên cho rằng VHHD trong trường đại học rất không quan trọng - không quan trọng - ít quan trọng: chiếm 10.8%; con số này ở bảng khảo sát đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường là 6.1%. Việc đánh giá vai trò của VHHD rất quan trọng bởi từ nhận thức về VHHD mới dẫn đến các hoạt động xây dựng VHHD. Con số này ở sinh viên có thể rơi vào các trường hợp sinh viên năm thứ nhất, chưa có nhiều tìm hiểu về VHHD, về các giá trị trong trường đại học, nhưng thật đáng buồn khi vẫn có những cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường - những người đi đầu, hướng dẫn, làm gương thực hành và xây dựng VHHD - lại đánh giá thấp vai trò của VHHD trong trường đại học như vậy. Sự thờ ơ của một bộ phận sinh viên, cán bộ, giảng viên nhà trường đối với giá trị VHHD, với VHHD là hồi chuông báo động đối với các trường đại học. Bên cạnh đó, việc triển khai truyền tải các VHHD còn gặp nhiều khó khăn, không được như mong đợi, kỳ vọng của nhà trường, thậm chí, có thể biến đó thành sự giao giảng nhàm chán và gây ấn tượng không tốt đối với sinh viên. Đây cũng là một trong những điểm yếu của các trường đại học công lập như nhận định của nhóm tác giả Võ Văn Sen “ở khía cạnh phát triển và giới thiệu văn hóa nhà trường đến cộng đồng xung quanh, các trường đại học

công lập chưa thực hiện tốt bằng các trường ngoài công lập” [41.tr.275]. Trong bối cảnh hội nhập như hiện nay, các trường đại học công lập cần đầu tư hơn nữa cho việc lan tỏa và truyền tải giá trị VHHD đến các thành viên trong và ngoài nhà trường, nhằm quảng bá, nâng cao hình ảnh thương hiệu nhà trường.

3.5.2. Về các chuẩn mực văn hóa học đường trong trường đại học

Chuẩn mực VHHD đối với cán bộ, giảng viên và sinh viên trong trường đại học vừa mang yếu tố truyền thống, thể hiện bản sắc của trường đại học, vừa thể hiện giá trị văn hóa dân tộc; đồng thời có sự tiếp thu chọn lọc những giá trị tinh hoa văn hóa nhân loại, để hướng đến thực hiện giá trị cốt lõi của các trường đại học đề ra.

Các giá trị chuẩn mực VHHD thể hiện trong giảng dạy - học tập được đánh giá cao ở cả ba trường đại học, bởi đây đều là các trường đại học trọng điểm của cả nước về giáo dục, kinh tế, kỹ thuật. Với đặc điểm có tính học thuật cao nên các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội tập trung vào học thuật và nghiên cứu khoa học, tổ chức học tập - giảng dạy có nề nếp, có kỷ luật, do đó yêu cầu về các chuẩn mực trong dạy - học ở các trường đại học ở Thủ đô cũng cao hơn so với các trường khác trong cả nước. Bằng chứng là trong top 20 trường đại học ở Việt Nam, xếp hạng theo tiêu chuẩn dạy học thì có đến 15 trường ở Thủ đô Hà Nội (chỉ có 1 trường ở Đà Nẵng và 4 trường ở Thành phố Hồ Chí Minh) [91]

Chuẩn mực trong ứng xử ở các trường đều thể hiện tính truyền thống trong ứng xử giữa các thành viên trong trường đại học và với đối tác, với cộng đồng. Mối quan hệ giảng viên - sinh viên dần thay đổi theo hướng cởi mở hơn, thầy - trò tôn trọng, lắng nghe, hợp tác, trao đổi hai chiều với nhau. Tuy nhiên trong một số trường hợp vẫn còn tồn tại tâm lý e ngại, không dám tranh luận với giảng viên của sinh viên hoặc tình trạng thân mật quá dẫn đến những ứng xử không đúng mực giữa thầy và trò.

Chuẩn mực trong tác phong ở các trường mang dấu ấn riêng của nhà trường với sự chững chạc, nghiêm túc, chuẩn mực ở trường ĐHSPTN, sự cởi mở, năng động, tự tin ở trường ĐHTN và sự chính xác ở trường ĐHGTVT. Sự khác biệt bởi do tính chất đặc thù ngành nghề đào tạo và truyền thống của các nhà trường. Thêm vào đó, sinh viên có xu hướng đề cao cái tôi cá nhân, thể hiện cá tính của mình qua ngôn ngữ, cách ăn mặc, lối sống thể hiện xu hướng cá nhân hóa và tự do trong lối sống của sinh viên. Dù có những quy định chung về ngôn ngữ, trang phục nhưng không tránh khỏi tình trạng sinh viên có những hành động, lời nói không đúng chuẩn mực.

3.5.3. Về các hoạt động văn hóa học đường trong trường đại học

Các hoạt động văn hóa trong trường đại học đáp ứng đúng yêu cầu, nguyên tắc tổ chức hoạt động văn hóa trong nhà trường: Đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; Bảo đảm tính thẩm mỹ, phù hợp với các giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức xã hội; Tôn trọng đặc trưng văn hóa vùng miền, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa Việt Nam; Phù hợp với lứa tuổi, tâm sinh lý của sinh viên; gần gũi với sinh viên... Trong nhiều năm gần đây, các trường đại học tổ chức nhiều hoạt động văn hóa với các hình thức hấp dẫn, nội dung phong phú, thu hút đông đảo sinh viên tham gia. Với tầm nhìn, định hướng chiến lược đào tạo thế hệ sinh viên phát triển toàn diện “đức - trí - thể - mỹ” các nhà trường đại học ngày càng khuyến khích, tạo điều kiện cho việc tổ chức các hoạt động văn hóa, đồng thời cán bộ, giảng viên nhà trường nhiệt tình tham gia hỗ trợ sinh viên trong các hoạt động câu lạc bộ, hoạt động tình nguyện, xã hội...

Hoạt động VHHD trong trường đại học ở Hà Nội thể hiện rõ tính đa dạng nhờ sự hòa trộn văn hóa vùng miền, nhưng dấu ấn văn hóa Bắc Bộ giữ vai trò chủ đạo với nhiều nghi lễ truyền thống, các hoạt động văn nghệ thể thao... Trong khi ở Thành phố Hồ Chí Minh - một trung tâm kinh tế lớn của

cả nước với những hoạt động giao lưu, trao đổi diễn ra sôi động; văn hóa đa dạng nhưng thiên về tính hiện đại và cởi mở, đậm phong cách hội nhập quốc tế, tự do, linh hoạt, không có nhiều yếu tố lễ nghi.

Tuy nhiên, các hoạt động văn hóa trong trường đại học còn nhiều hạn chế:

- Dù các hoạt động văn hóa được tổ chức nhiều, đa dạng về hình thức và phong phú về nội dung, tuy nhiên các hoạt động này thường xuyên lặp lại, thiếu tính đổi mới, sáng tạo, dẫn đến nhàm chán.

- Các hoạt động văn hóa đã có xu hướng hội nhập quốc tế, đa dạng văn hóa nhưng do thiếu sự kiểm soát chặt chẽ dẫn tới nhiều trào lưu không lành mạnh, ảnh hưởng thái quá của văn hóa ngoại lai, xu hướng chà đạp lên các giá trị truyền thống dân tộc.

- Tuy nội dung phong phú, nhưng một số hoạt động còn mang tính hình thức, không có nội dung giá trị giáo dục, chưa thật sự kết nối được với các giá trị cốt lõi, truyền thống và bản sắc dân tộc.

- Các hoạt động văn hóa thường được coi là hoạt động ngoại khóa, hoạt động độc lập, ít có sự liên kết với chương trình học, do đó khó làm cho sinh viên nhận ra tính kết nối trong việc rèn luyện kiến thức và kỹ năng để phát triển toàn diện.

- Không phải các hoạt động văn hóa đều thu hút được toàn bộ sinh viên trong trường tham gia, mà chủ yếu là những sinh viên có tài lẻ, có sở thích riêng, chỉ phù hợp với một nhóm sinh viên, vì thế không có tính phổ biến, không huy động được sự hưởng ứng của sinh viên toàn trường.

- Dù đã sử dụng công nghệ thông tin trong việc truyền thông, tổ chức, quảng bá hoạt động văn hóa nhưng hầu hết các hoạt động chưa tận dụng được hết hiệu quả của công nghệ thông tin, chưa bắt kịp xu hướng phát triển văn hóa trong bối cảnh mới.

- Trong các hoạt động văn hóa thiếu sự hợp tác của trường đại học với các tổ chức bên ngoài, sự hỗ trợ của gia đình và cộng đồng. Đồng thời sự hỗ trợ và định hướng trong hoạt động văn hóa của cán bộ, giảng viên còn mờ nhạt.

Dù còn nhiều hạn chế nhưng không thể phủ nhận vai trò của các hoạt động văn hóa trong trường đại học đối với sinh viên trong trường, nó tạo nên cơ hội cho sinh viên phát triển toàn diện các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm; xây dựng được bản sắc cá nhân, cơ hội để khám phá, phát huy tiềm năng bản thân; tạo ra sự kết nối giao lưu giữa các sinh viên, với cộng đồng xã hội. Đồng thời, hoạt động văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc định hình và phát triển VHHD, thúc đẩy các giá trị cốt lõi của nhà trường, tạo không gian cho các thành viên nhà trường kết nối, hòa đồng, và định hình bản sắc văn hóa của trường đại học.

3.5.4. Về biểu tượng, cảnh quan, kiến trúc văn hóa học đường trong trường đại học

Hệ thống biểu tượng, các lễ nghi trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội vẫn luôn được duy trì như các sự kiện chào tân sinh viên, khai giảng, tốt nghiệp, chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam...nhưng có xu hướng đổi mới hơn, sáng tạo và đa dạng hơn.

Cảnh quan, kiến trúc của các trường đại học ở Thủ đô luôn có sự kết hợp giữa bản sắc truyền thống của nhà trường với sự hiện đại, bên cạnh những kiến trúc cổ xưa cần được lưu giữ như một biểu tượng của nhà trường thì các khu phòng học, khu nhà đa năng, khu sân vận động, thể thao, giải trí...được các nhà trường quan tâm, xây dựng, làm nên bộ mặt mới cho các nhà trường. Có những kiến trúc mang tính biểu tượng của nhà trường như kiến trúc khoa Pháp của trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học quốc gia Hà Nội hay kiến trúc công Parabol của Trường Đại học Bách khoa...đó là những nét truyền thống cần được giữ gìn, lưu truyền và bảo vệ.

Từ những phân tích ở trên, có thể thấy VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội mang những đặc điểm chung ở các trường đại học, đồng thời cũng mang những nét riêng, độc đáo.

(i) *VHHD ở Thủ đô Hà Nội có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại*, giữa cái cũ và cái mới, giữa những giá trị bền vững với những giá trị mới được chọn lọc của nhân loại. Giá trị cốt lõi và hệ thống các chuẩn mực văn hóa học đường trong trường đại học: các trường đại học ở Thủ đô luôn xác định những giá trị cốt lõi mang tính bản sắc của nhà trường, đồng thời hướng đến sự sáng tạo, sự thích ứng, hội nhập trong bối cảnh mới. Các hoạt động VHHD trong trường đại học, với các hình thức tổ chức hoạt động văn hóa đậm tính truyền thống như văn hóa đọc tại thư viện, nói chuyện chuyên đề về văn hóa xã hội, tìm hiểu lĩnh vực văn hóa, truyền thống dân tộc, hay các hoạt động gắn với các sự kiện, lễ hội truyền thống, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn... Các hoạt động văn hóa trong trường đại học chú trọng đến việc giáo dục các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chuẩn mực đạo đức xã hội, đạo đức làm người, lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc và lối sống văn hóa của người Việt Nam; ca ngợi quê hương đất nước, con người Việt Nam hay phát triển các loại hình văn hóa và giá trị nhân văn của văn hóa Việt Nam... Các hoạt động văn hóa được tổ chức có sự kết hợp nhiều loại hình từ truyền thống đến hiện đại, có sự giao lưu với bạn bè quốc tế. cảnh quan, kiến trúc của các trường đại học ở Thủ đô luôn có sự kết hợp giữa bản sắc truyền thống của nhà trường với sự hiện đại, bên cạnh những kiến trúc cổ xưa cần được lưu giữ như một biểu tượng của nhà trường thì các khu phòng học, khu nhà đa năng, khu sân vận động, thể thao, giải trí... được các nhà trường quan tâm, xây dựng, làm nên bộ mặt mới cho các nhà trường.

(ii) *VHHD trong trường đại học ở thành phố Hà Nội thể hiện rõ tính đa dạng*. Điều đó thể hiện qua sự đa dạng trong đối tượng người học, người dạy, trong chương trình, trong sự giao thoa văn hóa giữa các vùng miền, giữa các quốc gia, khu vực. Tính đa dạng nhờ sự hòa trộn văn hóa vùng

miền, nhưng dấu ấn văn hóa Bắc Bộ giữ vai trò chủ đạo với nhiều nghi lễ truyền thống, tôn trọng sự hiếu học, “kính thầy mến bạn”. Trong khi ở Thành phố Hồ Chí Minh - một trung tâm kinh tế lớn của cả nước với những hoạt động giao lưu, trao đổi diễn ra sôi động; văn hóa đa dạng nhưng thiên về tính hiện đại và cởi mở, đậm phong cách hội nhập quốc tế, tự do, linh hoạt, không có nhiều yếu tố lễ nghi.

(iii) *VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội mang đậm tính giao lưu quốc tế.* Tính giao lưu quốc tế được thể hiện trong việc các trường đại học ở Thủ đô với hàng chục, hàng trăm đối tác quốc tế, trao đổi chương trình học tập, liên kết giảng dạy - học tập, đồng thời diễn ra các cuộc trao đổi sinh viên, giảng viên giữa các nước. Với vị trí trung tâm cả nước, nơi tập trung nhiều cơ quan hành chính trung ương, các trường đại học ở Thủ đô có nhiều cơ hội để tham gia các hội thảo quốc tế, hợp tác nghiên cứu với nhiều đối tác nước ngoài hơn các trường đại học khác ở địa phương. Do đó tính giao lưu quốc tế ở các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội cao hơn các địa phương khác.

Tiểu kết chương 3

Việc nhìn nhận đúng đắn về vai trò của VHHD cũng như đánh giá được thực trạng VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội là căn cứ để xây dựng và phát triển VHHD ở các trường. Do đó, ở chương 3, NCS đã khảo sát thực trạng VHHD trong ba trường đại học (Trường ĐHSPHN, Trường ĐHGTVT, Trường ĐHNT) trên địa bàn thành phố Hà Nội ở các nội dung: nhận thức về VHHD, nhận thức và thực hành giá trị VHHD, chuẩn mực VHHD trong nhà trường, các hoạt động VHHD và mức độ nhận thức về biểu tượng, giữ gìn cảnh quan, kiến trúc trường đại học. Kết quả khảo sát ở đối tượng sinh viên và cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường cho thấy: (1) Dù đã có nhận thức được về vai trò của VHHD, về giá trị VHHD, hệ chuẩn mực học đường nhưng mức độ nhận thức của cán bộ, giảng viên, sinh viên nhà trường chưa thật sự đồng đều, do đó dẫn đến việc thực hiện các giá trị, chuẩn mực còn nhiều hạn chế, trong cả giảng dạy - học tập, trong ứng xử và trong tác phong của cán bộ, giảng viên và sinh viên trường đại học; (2) Các hoạt động VHHD đã được tổ chức với nhiều hình thức, phong phú về nội dung tuy nhiên còn một số hạn chế trong việc đổi mới hình thức, kiểm soát nội dung và tính thu hút sinh viên tham gia; (3) Biểu tượng, cảnh quan, kiến trúc của nhà trường đã thể hiện được nét riêng của VHHD trong nhà trường, tuy nhiên việc giữ gìn cảnh quan, bảo vệ kiến trúc trường đại học còn nhiều bất cập.

Việc khảo sát thực trạng ở chương 3 của luận án là cơ sở, căn cứ để đặt ra các vấn đề cần giải quyết cho VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội ở chương 4.

Chương 4
NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG, CÁC VẤN ĐỀ ĐẶT RA
VÀ KHUYẾN NGHỊ MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG
VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

4.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRONG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI HIỆN NAY

Quá trình khảo sát thực trạng VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay cho thấy VHHD đang chịu ảnh hưởng và tác động của nhiều yếu tố từ các yếu tố khách quan như tình hình kinh tế - chính trị - xã hội - văn hóa trong nước và thế giới đến các yếu tố chủ quan của mỗi trường đại học. Trong Luận án này, NCS lựa chọn phân tích một số yếu tố nổi bật tác động đến VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội trên hai khía cạnh: tác động tích cực và tác động tiêu cực. Các nhân tố này được chia thành ba nhóm: Bối cảnh thế giới, bối cảnh trong nước và các yếu tố chủ quan thuộc trường đại học.

4.1.1. Tác động của bối cảnh thế giới

Quá trình hội giao lưu, hội nhập toàn cầu và sự phát triển đột phá của khoa học công nghệ và xu hướng giáo dục đại học là những đặc điểm nổi bật nhất của bối cảnh thế giới hiện nay. Điều đó tác động đến sự phát triển về mọi mặt của đất nước, từ kinh tế - văn hóa đến xã hội. VHHD trong trường đại học ở nước ta nói chung và ở Hà Nội nói riêng không nằm ngoài sự tác động đó. Kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên, cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố thuộc bối cảnh thế giới đến VHHD trong trường đại học, luận án nhận được kết quả như sau:

Bảng 4.1. Kết quả khảo sát mức độ tác động của bối cảnh thế giới
đối với VHHD trong trường đại học

Nội dung khảo sát	Điểm trung bình	Xếp hạng
Các xu hướng giáo dục đại học	4.07	1
Sự phát triển đột phá của khoa học công nghệ	4.06	2
Sự phát triển của kinh tế thị trường	4.01	3
Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế	3.99	4

Kết quả thống kê tại Bảng 4.1. cho thấy sự tác động của các yếu tố thuộc bối cảnh thế giới với VHHD trong trường đại học được đánh giá ở mức từ 3.99 đến 4.07 điểm (mức ảnh hưởng nhiều), với mức điểm trung bình cao nhất là *Các xu hướng giáo dục đại học* (với 4.07 điểm), ảnh hưởng thứ hai là *Sự phát triển của khoa học công nghệ* (với 4.06 điểm), sau cùng là ảnh hưởng của *Sự phát triển của kinh tế thị trường* (với 4.01 điểm) và *Quá trình giao lưu, hội nhập toàn cầu* (với 3.99 điểm).

4.1.1.1. Quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế mạnh mẽ và sự bùng nổ của khoa học, công nghệ

Giao lưu, hội nhập toàn cầu tạo nên một môi trường đa văn hóa trong trường đại học. Hơn nữa, các trường đại học ở Thủ đô Hà Nội, trung tâm của giao lưu kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội của cả nước, là những trường có lợi thế hơn cả trong việc tiếp nhận cơ hội đó, có thể tạo nên một môi trường văn hóa sôi động, đa văn hóa với nhiều giảng viên, sinh viên từ nhiều quốc gia, nhiều nền văn hóa khác nhau. Điều đó tạo nên sự phong phú trong lối sống, góc nhìn, sự trải nghiệm các nền văn hóa mới, tạo ra sự giao lưu giữa giảng viên - sinh viên - nhà nghiên cứu của các nước trên thế giới. Việc tiếp cận với các giá trị mang tính toàn cầu giúp sinh viên, giảng viên nhà trường được mở rộng môi trường làm việc, học tập, khuyến khích sự độc lập, khả năng tự do sáng tạo, tự tin, để có thể thích ứng và làm việc trong môi trường quốc tế. Đây là một cơ hội để mở rộng với các tổ chức giáo dục quốc tế, vừa trao đổi, chuyển giao chương trình, phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiện đại, vừa tạo ra các cơ hội trao đổi sinh viên, khả năng nghiên cứu, giảng dạy, giúp nâng cao năng lực của cán bộ, giảng viên, sinh viên nhà trường. Tuy nhiên mức độ tiếp nhận cơ hội ở các trường khác nhau.

Sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển của công nghệ thông tin, kỹ thuật số, internet, sự kết nối mang tính toàn cầu, cả chiều rộng và chiều sâu làm cho ranh giới giữa các quốc gia, dân tộc bị xóa

nhòa trên lĩnh vực khoa học và kinh tế. Sự tác động này mang tính toàn diện và sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực, hoạt động của VHHD trong trường đại học. Không thể phủ nhận vai trò của công nghệ hiện đại trong giảng dạy, nghiên cứu và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý ở các trường đại học.

Quá trình giao lưu, hội nhập toàn cầu và sự bùng nổ của khoa học công nghệ đem lại nhiều cơ hội nhưng cũng mang đến những thách thức lớn đối với các trường đại học. Để hòa nhập trong xu thế chung, đòi hỏi các trường đại học phải có những bước chuyển mình, thay đổi chiến lược để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng được yêu cầu của thời đại mới, nếu không sẽ đứng trước nguy cơ lạc hậu, tụt lùi. Bối cảnh mới khiến yêu cầu đối với giáo dục đại học ngày càng cao, do đó, các trường đại học buộc phải vươn lên để hội nhập với khu vực và quốc tế. Tuy nhiên, bài toán được đặt ra cho các trường đại học, là làm sao hòa nhập mà không bị hòa tan, phát triển mà vẫn giữ được bản sắc riêng của mình.

Hiện nay, trên con đường hội nhập, các trường đại học chú trọng các giá trị mới, các giá trị hướng đến hội nhập, tạo nên sự xa rời các giá trị văn hóa truyền thống. Sự tập trung quá mức vào các yếu tố, giá trị toàn cầu có thể làm mờ đi bản sắc văn hóa dân tộc trong VHHD ở các trường đại học. Đồng thời sự phát triển của công nghệ số, tạo ra các hiện tượng mới như mối quan hệ ảo, lối sống ảo, tiền ảo... làm giảm đi sự kết nối trực tiếp, sự tương tác trực tiếp giữa giảng viên, sinh viên trong cộng đồng học đường. Nó cũng tạo ra lối sống mới với sự đắm chìm trong thế giới “không thật”, ảo tưởng về những điều viển vông, ảnh hưởng đến tâm lý, lối sống, khả năng giao tiếp của sinh viên. Việc bước vào một thế giới rộng lớn cũng tạo ra áp lực cho sinh viên, giảng viên, cho các trường đại học bởi dù có chuẩn bị kỹ đến đâu, việc hội nhập với môi trường quốc tế không phải điều dễ dàng. Chính những áp lực cạnh tranh trong đời mới, hòa nhập dễ làm người ta quên đi những giá trị cốt lõi thật sự của giáo dục. Đó cũng là nguyên nhân của hiện tượng đề cao sử dụng ngoại ngữ khiến sinh viên lãng quên dần việc sử dụng tiếng Việt - ngôn

ngữ mẹ đẻ. Khi tiếp xúc với sinh viên, đặc biệt là sinh viên khoa ngoại ngữ ở các trường, một số em gặp khó khăn trong việc sử dụng từ tiếng Việt mang nghĩa tương đương với một từ tiếng nước ngoài. Hiện tượng sử dụng chêm, xen tiếng nước ngoài rất nhiều, đặc biệt là tiếng Anh. Xét về một góc độ nào đó, việc sử dụng ngôn ngữ như vậy làm mất đi tính trong sáng của tiếng Việt. Đó cũng là một trong những điều đáng báo động hiện nay.

Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế mạnh mẽ mang lại bộ mặt mới cho VHHD trong các trường đại học, mang lại cơ hội học tập, giao lưu văn hóa, nâng cao kỹ năng và tư duy toàn cầu cho giảng viên, sinh viên nhà trường nhưng đồng thời để phát triển bền vững, các trường đại học cần tính toán đến việc cân bằng giữa các yếu tố hiện đại và giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của nhà trường.

4.1.1.2. Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường tác động đến đời sống xã hội cũng như văn hóa học đường trong trường đại học

Tác động của nền kinh tế thị trường mang tính hai mặt đến đời sống xã hội cũng như VHHD trong trường đại học vì nền kinh tế thị trường có ảnh hưởng sâu sắc đến sự vận hành của một trường đại học, cách học tập và giảng dạy của sinh viên và giảng viên nhà trường,

Nền kinh tế thị trường thúc đẩy tính cạnh tranh giữa các trường đại học, phần nào giúp nâng cao chất lượng giáo dục. Cơ chế tự chủ tài chính cùng với việc tác động của sự mở rộng đào tạo của các trường đại học, tạo ra tính cạnh tranh cao giữa các trường đại học, điều đó yêu cầu các trường phải không ngừng cải thiện chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất, môi trường học đường để thu hút sinh viên. Đồng thời cũng tạo động lực cho giảng viên buộc phải nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy để đáp ứng yêu cầu tình hình mới. Sự phát triển của kinh tế thị trường khiến các cơ sở giáo dục đại học có xu hướng đầu tư vào cơ sở vật chất, các dịch vụ hỗ trợ cho sinh viên, đồng thời cải thiện chế độ tiền lương, thi đua khen thưởng, tạo động lực cống hiến cho cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường. Cơ chế thị trường với

sự đa dạng và yêu cầu cao của nền kinh tế định hướng cho sinh viên phải năng động, vừa phải có tri thức vừa phải có kỹ năng mềm để có thể khẳng định bản thân theo nhu cầu cao của thị trường lao động.

Tuy nhiên, sự phát triển của kinh tế thị trường cũng làm nảy sinh các hiện tượng thương mại hóa giáo dục, nhiều trường chạy theo lợi nhuận, chú trọng tài chính hơn là chất lượng đào tạo, dẫn đến hiện tượng thu học phí cao nhưng chương trình chưa thật sự tương xứng. Đồng thời, các trường có xu hướng chạy theo, ưu tiên những ngành nghề đang nổi trên thị trường khiến mất cân bằng trong đào tạo nhân lực, dư thừa lao động sau khi ra trường. Do áp lực kinh tế và xếp hạng thành tích, nhiều trường đại học đã làm mất đi giá trị cốt lõi của giáo dục, giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, làm mờ đi trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, giảng viên. Việc đề cao các giá trị kinh tế và thương mại làm suy yếu các giá trị tinh thần, những chuẩn mực trong học đường.

4.1.1.3. Sự tác động của các xu hướng giáo dục đại học trên thế giới

Nhắc đến sự tác động của bối cảnh thế giới đến VHHD trong các trường đại học không thể không nhắc đến tác động của các xu hướng trong giáo dục đại học. Đây cũng là yếu tố được đánh giá ảnh hưởng nhiều nhất đến VHHD trong trường đại học trong ba yếu tố mà luận án khảo sát.

Để thích ứng với yêu cầu của xã hội và xu hướng toàn cầu trong giáo dục đại học, giáo dục đại học ở Việt Nam nói chung và ở thành phố Hà Nội nói riêng đang thay đổi mạnh mẽ, “hòa mình” vào các xu thế giáo dục đại học trên thế giới. Hiện nay, có nhiều xu hướng trong giáo dục đại học, tuy nhiên, ở góc độ tiếp cận những yếu tố tác động đến VHHD trong trường đại học, đề tài nhấn mạnh các xu hướng sau:

Thứ nhất, tăng cường tự chủ đại học

Tự chủ đại học được coi là yếu tố cơ bản trong quản trị đại học, giúp các cơ sở giáo dục đại học tự vận hành bộ máy của mình và “tự nắm giữ vận

mệnh của chính mình”. Xu hướng tự chủ đại học sẽ tạo động lực cho các trường đổi mới nhằm đạt hiệu quả cao hơn trong các hoạt động, tăng tính cạnh tranh giữa các trường và làm đa dạng hóa các hoạt động giáo dục. Các trường đại học có quyền tự chủ trong xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy; trong tổ chức tuyển sinh, đào tạo, công nhận tốt nghiệp; trong tổ chức bộ máy; trong quản lý, sử dụng nguồn nhân lực và trong hợp tác trong và ngoài nước. Tự chủ trong giáo dục đại học giúp các trường linh hoạt hơn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, thu hút sinh viên, tạo ra những lợi thế cạnh tranh riêng của nhà trường. Đồng thời, chính việc “tự mình quyết định” giúp các trường chủ động trong việc đưa ra các chính sách hay các hoạt động văn hóa riêng của nhà trường, được tự do sáng tạo những hoạt động mang tính bản sắc của nhà trường.

Xu hướng tự chủ trong trường đại học giúp nhà trường đại học có những định hướng riêng trong chiến lược phát triển nhà trường, trong việc đa dạng hóa nguồn tài chính, các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất nhà trường. Tuy nhiên, để thực hiện tự chủ các trường đại học phải “tự thân vận động”, phải thay đổi toàn bộ chiến lược phát triển của nhà trường. Đặc biệt khi tự chủ tài chính, các trường đại học phải tự tìm nguồn thu thay vì phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Do đó việc tăng học phí để bù đắp các chi phí của nhà trường khiến sinh viên có hoàn cảnh khó khăn không thể theo học những trường có học phí cao, từ đó tạo khoảng cách giàu nghèo trong giáo dục. Đồng thời, để tăng nguồn thu, một số trường đại học có thể ưu tiên tuyển sinh đại trà với điểm sàn khá thấp, dẫn đến giảm nguy cơ chất lượng đào tạo. Thêm vào đó, việc hạn chế các chi phí vận hành của nhà trường hoặc cắt giảm đầu tư cơ sở vật chất ảnh hưởng đến cảnh quan, kiến trúc của nhà trường, ảnh hưởng tiêu cực đến trải nghiệm học tập của sinh viên. Việc tự chủ của các trường đại học cần được cân bằng giữa các nhiệm vụ giáo dục, nghiên cứu và các mục tiêu tài chính để hướng đến đúng đích

của tự chủ trong các trường đại học là nâng cao tính tự chịu trách nhiệm và năng lực cạnh tranh giữa các trường.

Thứ hai, quốc tế hóa, đa văn hóa trong giáo dục.

Xu hướng đa văn hóa trong giáo dục là xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập, bình đẳng cho người học, đặc biệt là những môi trường có sự đa dạng về ngôn ngữ, phong tục, tập quán và cả điều kiện kinh tế khác nhau, thúc đẩy các hoạt động hòa nhập và chuẩn bị cho sinh viên tham gia vào xã hội toàn cầu. Đa văn hóa trong trường đại học không chỉ thể hiện ở việc tiếp nhận đào tạo các sinh viên nước ngoài, các giảng viên bản ngữ, tạo nên sự giao lưu văn hóa quốc tế mà còn thể hiện ở việc giao lưu văn hóa giữa sinh viên, giảng viên các vùng miền ở nước ta, tạo nên bức tranh văn hóa phong phú. Ở các trường đại học, ngoài việc tiếp nhận đào tạo sinh viên quốc tế, còn tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa ngắn hạn cho sinh viên quốc tế tại Việt Nam, chương trình giao lưu văn hóa và học tiếng Việt cho sinh viên quốc tế; đồng thời tổ chức các hoạt động trải nghiệm văn hóa các nước cho sinh viên ở trường như nghệ thuật cắm hoa ikebana (Nhật Bản), học nhảy Flamenco của văn hóa Tây Ban Nha, tham gia lễ hội Tết Lào Bunpimay...

Quốc tế hóa, đa văn hóa trong một môi trường giáo dục đại học tạo sự giao lưu, hòa nhập nhưng cũng có những tác động tiêu cực đến VHHD trong trường đại học. Sự khác biệt văn hóa, rào cản ngôn ngữ gây khá nhiều khó khăn trong giao tiếp, sinh hoạt và hòa nhập cộng đồng của các bạn sinh viên quốc tế. Trong quá trình quốc tế hóa, các trường đại học ưu tiên áp dụng các tiêu chuẩn, chương trình đào tạo quốc tế, sử dụng ngoại ngữ là chủ yếu, do đó sinh viên ít quan tâm đến vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống văn hóa dân tộc, gây nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc. Đồng thời quá trình quốc tế hóa tạo áp lực cho các trường đại học, tăng tính cạnh tranh trong môi trường học đường, đôi khi tạo ra tình trạng ganh đua, tranh giành thành tích,

học bổng trong giảng dạy và nghiên cứu, mất đi tính thi đua trong sáng của môi trường học đường.

Thứ ba, chuyển đổi số trong giáo dục

Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục đại học là xu thế tất yếu trong bối cảnh khoa học công nghệ bùng nổ như hiện nay. Chuyển đổi số trong giáo dục nhằm mục tiêu phát triển nền tảng dạy học, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo hình thức trực tiếp và trực tuyến. Chuyển đổi số trong giáo dục thành công sẽ giúp thay đổi nhận thức của con người, tạo động lực, nền tảng cho chuyển đổi số trong các ngành nghề khác.

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học là xu thế tất yếu và đi đầu trong giáo dục nói chung bởi trong trường đại học hội tụ đầy đủ các điều kiện cơ bản để có thể tiến hành chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, chuyển đổi số trong giáo dục làm thay đổi môi trường học tập và giao tiếp văn hóa của giảng viên, sinh viên, điều này có thể làm thay đổi giá trị và các chuẩn mực trong học đường. Môi trường học tập và giao tiếp văn hóa của giảng viên, sinh viên được mở rộng hơn, trên các nền tảng số: các phần mềm học tập, các nền tảng xã hội, các website... Sinh viên được tiếp xúc với khối lượng thông tin khổng lồ ở mọi lúc, mọi nơi, mọi thời điểm. Nguồn tài nguyên và dữ liệu học tập mở tạo ra môi trường dạy - học sinh động hơn cho giảng viên và sinh viên với các hình ảnh, video, các trải nghiệm thực tế ảo,... Học tập trong môi trường đại học không phải là sự tiếp thu kiến thức thụ động một chiều từ giảng viên đến sinh viên, với chuyển đổi số, sinh viên có thể dễ dàng tìm được nguồn tư liệu khổng lồ trên mạng thông tin số để mở mang kiến thức, thực hiện giao lưu, học hỏi giữa các trường đại học, các quốc gia khác nhau trên thế giới. Chính vì vậy, một bộ phận không nhỏ sinh viên các trường phụ thuộc vào nguồn tài nguyên số, không có tư duy độc lập trong

học tập, dễ sa đà vào các hoạt động không có liên quan đến bài học. Sinh viên là đối tượng chưa có lập trường vững vàng, đặc biệt là sinh viên năm thứ nhất, dễ bị lợi dụng, lừa đảo qua các trang mạng xã hội. Đó cũng là một vấn đề lớn đặt ra cho các nhà lãnh đạo, quản lý trường đại học.

Những xu hướng trong giáo dục đại học không chỉ làm thay đổi bộ mặt của giáo dục đại học, làm thay đổi căn bản sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược và chính sách của các trường đại học mà còn kéo theo những thay đổi căn bản về VHHD trong trường đại học.

4.1.2. Tác động của bối cảnh trong nước

Cho dù chịu tác động mạnh mẽ của bối cảnh thế giới nhưng giáo dục đại học cũng như VHHD trong trường đại học bị chi phối mạnh mẽ bởi các yếu tố bối cảnh trong nước, được NCS cụ thể hóa qua bảng khảo sát sau:

Bảng 4.2. Kết quả khảo sát mức độ ảnh hưởng của bối cảnh trong nước đến VHHD trong trường đại học

Nội dung khảo sát	Điểm trung bình	Ý nghĩa
Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa, giáo dục	4.05	Ảnh hưởng nhiều
Tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương	4.04	Ảnh hưởng nhiều
Các yếu tố tích cực, hạn chế của văn hóa truyền thống dân tộc, địa phương, gia đình	3.99	Ảnh hưởng nhiều

[Nguồn: NCS khảo sát]

4.1.2.1. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa, giáo dục và giáo dục đại học

Thứ nhất, chủ trương, đường lối của Đảng về văn hóa và xây dựng con người Việt Nam toàn diện

Đảng chủ trương xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đảng đã khẳng định tầm quan trọng của việc bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, phong tục tập quán tốt đẹp,

là “hồn cốt” của dân tộc Việt Nam. Việc giữ gìn bản sắc dân tộc như một bản lề vững chãi để hướng đến việc mở cửa, giao lưu với văn hóa các nước trên thế giới. Một mặt tôn trọng bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời, mặt khác cần học hỏi, tiếp thu, sáng tạo và phát triển những giá trị mới, tinh hoa văn hóa của các quốc gia, dân tộc trên thế giới để làm phong phú thêm nền văn hóa nước nhà. Việc tiếp thu các giá trị tiên tiến của nhân loại cần có sự chọn lọc, tránh bị đồng hóa, lai căng, mất gốc. Có như vậy, văn hóa mới phát huy được vai trò của mình, không chỉ là một phần của đời sống xã hội mà còn trở thành yếu tố cốt lõi, cùng với các sự phát triển kinh tế để nâng cao đời sống nhân dân, phát triển đất nước bền vững.

Quan điểm trên của Đảng tác động trên tất cả lĩnh vực của văn hóa, trong đó có VHHD. Xây dựng, phát triển VHHD trong các trường học, đặc biệt là trường đại học cần dựa trên cơ sở tôn trọng bản sắc văn hóa dân tộc, lịch sử nhà trường, truyền thống văn hóa nhà trường để tiếp thu những giá trị văn hóa mới, thích ứng với xu thế phát triển của giáo dục trên thế giới. Do đó, hệ giá trị trong các trường đại học, bên cạnh những giá trị ổn định thì cần có sự tiếp thu chọn lọc, bổ sung và sáng tạo những giá trị mới cho phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của nhà trường.

Chủ trương xây dựng và phát triển con người toàn diện. Có thể hiểu phát triển con người toàn diện trong thế kỉ mới tập trung vào các khía cạnh sau: (1) Phát triển về trí tuệ và năng lực làm việc; (2) Phát triển về đạo đức, lối sống, nhân cách; (3) Phát triển về thể chất, sức khỏe; (4) Phát triển về văn hóa, thẩm mỹ; (5) Phát triển cá nhân trong mối quan hệ hài hòa với cộng đồng và (6) Phát triển con người có phẩm chất “công dân toàn cầu”. Xây dựng và phát triển con người toàn diện theo quan điểm của Đảng là xây dựng con người phát triển cả về trí tuệ, phẩm chất, đạo đức, tinh thần, thể chất, có năng lực làm việc, có ý thức trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, góp phần xây dựng phát triển đất nước bền vững.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ, “bài toán” xây dựng và phát triển con người toàn diện đặt ra cho giáo dục - đào tạo đại học làm sao phải tập trung phát triển toàn diện năng lực của các cá nhân, hướng đến “chuẩn đầu ra” là nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các trường đại học phải giúp sinh viên hình thành các kỹ năng, năng lực: có sức khỏe tốt (sức khỏe thể chất và tinh thần), có đạo đức tốt (đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp), có các kỹ năng sống, có trách nhiệm công dân để hướng đến trở thành “công dân toàn cầu”. Trong đó, VHHD đóng vai trò trong việc hình thành các giá trị đạo đức, trí tuệ, thể chất, kỹ năng...cho sinh viên. Các cơ sở giáo dục đại học cần thấm nhuần quan điểm của Đảng đề nâng cao nhận thức cho cán bộ, giảng viên, sinh viên về tầm quan trọng của VHHD trong trường đại học. Đây cũng là một trong những mục tiêu quan trọng của giáo dục đại học, đó là hướng đến phục vụ cộng đồng, xã hội, góp phần phát triển đất nước. Thế hệ trẻ, thanh niên, sinh viên chính là tương lai của đất nước, đủ tâm, đủ tầm để đưa nước ta phát triển “sánh vai với các cường quốc năm châu”.

Thứ hai, chủ trương của Đảng về giáo dục - đào tạo và giáo dục đại học

Đảng chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện trong giáo dục và đào tạo, được thể hiện qua Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 tại Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, việc đổi mới toàn diện giáo dục coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; dạy người, dạy chữ và dạy nghề.

Văn hóa học đường được coi là yếu tố cốt lõi để phát triển giáo dục toàn diện bởi lẽ, muốn “dạy chữ, dạy người, dạy nghề” thì phải có một môi trường

giáo dục lành mạnh, tích cực thì mới tăng hiệu quả của giáo dục - đào tạo. VHHD trong trường đại học tạo ra một môi trường an toàn, thân thiện cho giảng viên - sinh viên học tập, nghiên cứu đạt kết quả cao nhất; đồng thời chính VHHD trong nhà trường giáo dục cho sinh viên kỹ năng sống, đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp.

Đảng chủ trương tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống, trách nhiệm xã hội và kỹ năng sống cho sinh viên. Đảng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phải giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng sống cho sinh viên các trường đại học, được nêu rõ trong Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030. Đây được coi là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, quan trọng, đòi hỏi có sự quan tâm, đầu tư thích đáng. Một trong những nhiệm vụ, giải pháp mà Đảng đặt ra là “xây dựng trường học thực sự trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục, rèn luyện thanh thiếu nhi, kết hợp hài hòa giữa học chính khóa và ngoại khóa, qua đó góp phần hình thành lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ. Tạo điều kiện để các tổ chức Đoàn, Hội, Đội trong trường phát huy vai trò, ảnh hưởng và tích cực tham gia quá trình giáo dục toàn diện học sinh, sinh viên.

Thứ ba, chính sách của nhà nước về giáo dục và giáo dục đại học

Nhà nước ta luôn quan tâm đến giáo dục, trong đó có giáo dục đại học. Luật Giáo dục Đại học (năm 2012, sửa đổi năm 2018), nhấn mạnh việc xây dựng môi trường giáo dục đại học văn minh, lành mạnh, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, đồng thời cho phép các trường tự chủ, bảo đảm quyền tự do học thuật, sáng tạo, nghiên cứu khoa học và duy trì các giá trị văn hóa tốt đẹp trong nhà trường. *Luật Giáo dục Đại học* khuyến khích các trường đại học xây dựng các chương trình giảng dạy - học tập và hoạt động ngoại khóa nhằm

phát triển các kỹ năng mềm cho sinh viên, hướng đến sinh viên phát triển toàn diện, phục vụ cho nhu cầu nguồn nhân lực mới của đất nước.

Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ còn ban hành Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường; Quyết định số 1299/QĐ-TTg Phê duyệt đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025”; Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 11/11/2021 phê duyệt Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030”; Quyết định số 311/QĐ-TTg ngày 05/3/2022 phê duyệt Chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022 - 2030”; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/01/2024 về việc Tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong phòng, chống bạo lực học đường, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội trong học sinh, sinh viên...tăng cường công tác chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động xây dựng VHHD trong nhà trường, chú trọng giáo dục đạo đức cho thế hệ thanh thiếu niên, đẩy mạnh các hoạt động giáo dục ngoại khóa để học sinh, sinh viên phát triển phẩm chất cá nhân, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, hướng đến xây dựng môi trường học đường an toàn, hạnh phúc.

Tóm lại, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa và giáo dục - đào tạo, giáo dục đại học phản ánh sự quan tâm của Đảng đối với lĩnh vực giáo dục. Đồng thời định hướng xây dựng nền giáo dục không chỉ tập trung truyền đạt tri thức mà còn hướng đến phát triển các giá trị văn hóa, đạo đức, lối sống, kỹ năng mềm cho sinh viên, hướng đến mục tiêu xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

4.1.2.2. Bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước và thành phố Hà Nội có nhiều biến đổi

Giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng là một bộ phận hữu cơ của xã hội, chịu tác động của toàn bộ hệ thống xã hội. Do đó, sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển giáo dục - đào tạo.

Bước sang thế kỷ XXI, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội nước ta có nhiều khởi sắc. Đây là thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự phát triển kinh tế, sự ổn định xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao, sự quan tâm, đầu tư của Đảng, Nhà nước cho giáo dục - đào tạo, đã tạo ra những thay đổi tích cực trong giáo dục.. Giáo dục đại học không ở nằm ngoài quy luật phát triển đó. Kinh tế thị trường tạo ra nhiều cơ hội phát triển, cơ hội cạnh tranh giữa các trường đại học bởi cơ chế tự chủ trong đó có tự chủ về tài chính. Do đó, đời sống của cán bộ, giảng viên nhà trường cũng được nâng cao. Đồng thời với sự đầu tư của gia đình, đời sống vật chất và tinh thần của sinh viên được cải thiện hơn.

Mục tiêu cuối cùng của giáo dục đại học là tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của đất nước và thế giới đang trên đà phát triển và hội nhập toàn cầu. Tuy nhiên những yêu cầu mới của thị trường lao động cũng tác động không nhỏ đến định hướng phát triển của các trường đại học. Sự tác động của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khủng hoảng kinh tế toàn cầu cũng như tác động của đại dịch Covid-19; đồng thời các nguy cơ bất ổn truyền thống và phi truyền thống đến từ bên ngoài như xung đột chiến tranh, biến động giá lương thực, năng lượng, biến đổi khí hậu toàn cầu... đã tác động mạnh mẽ đến đời sống kinh tế - xã hội nước ta, đồng thời đặt ra yêu cầu mới cho sự phát triển của thị trường lao động là phải có nguồn nhân lực chất lượng cao, linh hoạt, thích ứng nhanh với sự thay đổi của khoa học công nghệ và những biến đổi mang tính toàn cầu. Do đó việc phát triển nguồn nhân lực chất

lượng cao, chú trọng chính sách ưu tiên phát triển nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại học đất nước được ưu tiên hơn bao giờ hết.

4.1.2.3. Sự tác động của yếu tố văn hóa truyền thống dân tộc, văn hóa Thăng Long và văn hóa gia đình

Điều cốt lõi của VHHD là giá trị và chuẩn mực văn hóa trong học đường, được đúc kết trong quá trình phát triển lâu dài của nhà trường. Những yếu tố này luôn chịu sự tác động của văn hóa truyền thống dân tộc, văn hóa địa phương và văn hóa gia đình. Khảo sát về sự tác động của những yếu tố đó và đề tài nhận được kết quả như sau:

Đánh giá về mức độ ảnh hưởng của văn hóa truyền thống dân tộc, địa phương, gia đình đến VHHD trong trường đại học là 3.99 điểm (mức độ ảnh hưởng nhiều)

Nước ta nằm trong nhóm các nước bị ảnh hưởng sâu sắc bởi nền giáo dục Nho giáo. Nho giáo chính là cơ sở hình thành hệ thống giáo dục chính thống của Việt Nam ở thời kỳ trung đại, để đào tạo ra quan lại nhà nước, quan viên làng xã. Nho giáo chú trọng đến giáo dục con người mà trước hết là vấn đề “đạo”, để giữ gìn cho con người không đi chệch con đường đúng đắn, nhấn mạnh những quy tắc, nguyên tắc như tam cương, ngũ thường, chính danh; giáo dục “đức hiếu”, “đức trung”, trách nhiệm của cá nhân với gia đình, với xã tắc. Do đó, Nho giáo ảnh hưởng tích cực đến việc giáo dục ý thức tu dưỡng đạo đức, ý thức tôn trọng kỷ cương, tinh thần trách nhiệm của con người với gia đình, xã hội, tiến tới xây dựng đời sống đạo đức nhân văn. Sự ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo đến giáo dục ngày nay phải nhắc đến sự ảnh hưởng của triết lý “tôn sư trọng đạo”. Đó đã trở thành truyền thống của dân tộc, được truyền lại qua các thế hệ học trò. Tuy nhiên đến nay việc lấy thầy làm trung tâm, học, đọc theo thầy để “thuộc lòng kinh sử” đã không còn phù hợp trong bối cảnh mới. Những mặt trái của Nho giáo cũng dần được đào thải qua các thời kỳ lịch sử.

Như thế để thấy được VHHD trong các nhà trường được xuất phát từ nền tảng giáo dục Nho giáo phong kiến, nhưng đã có sự chọn lọc, bổ sung, thay thế các giá trị, quan điểm, chuẩn mực, để thích ứng với thời đại ngày nay.

Thêm vào đó, những giá trị, chuẩn mực trong học đường đều được bắt nguồn từ dòng chảy văn hóa truyền thống. Trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, các thế hệ cha anh đã sáng tạo và đúc kết nên hệ giá trị độc đáo, bao gồm hệ giá trị quốc gia “hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc”, hệ giá trị văn hóa “dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học” và các chuẩn mực của con người Việt Nam “yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo” [21]. Những giá trị này cần được vận dụng sáng tạo để hình thành nên các giá trị, chuẩn mực trong VHHD ở các trường đại học. VHHD cũng như các tiểu văn hóa khác, nó không thể hình thành một sớm một chiều mà phải có sự tiếp nối văn hóa truyền thống, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và biến đổi cho phù hợp với thời đại.

Văn hóa học đường trong trường đại học ở Thủ đô Hà Nội không nằm ngoài sự ảnh hưởng của văn hóa Hà Nội. Hà Nội - Thủ đô ngàn năm văn vật với những phong tục, văn hóa ẩm thực, văn hóa tâm linh, những nếp sống, trang phục, cách chơi và các loại hình nghệ thuật truyền thống và hiện đại, có tác động không nhỏ đến đời sống văn hóa của sinh viên. Các em được trải nghiệm nhiều hoạt động văn hóa của Hà Nội, từ đó có thêm vốn văn hóa, nuôi dưỡng tình yêu với Hà Nội, với đất nước.

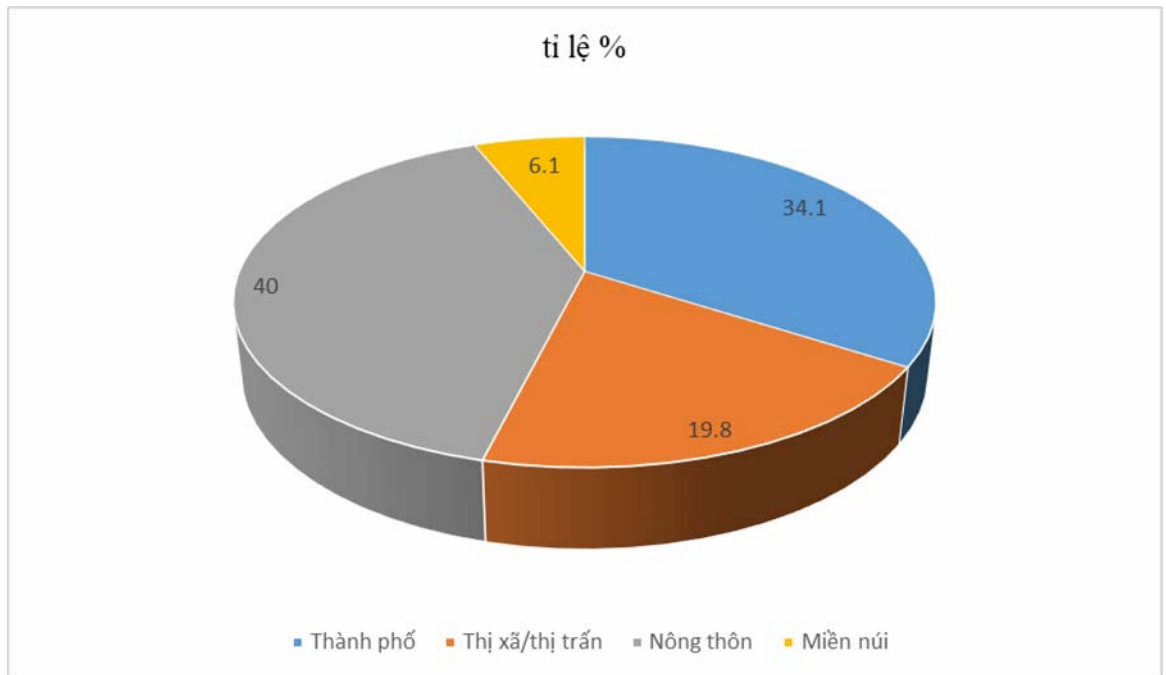
“Em thích đi khám phá Hà Nội lắm ạ. Hồi mới lên Hà Nội, em lên mạng search (tìm kiếm - tác giả chú thích) hết các review (nhận xét - tác giả chú thích) về các địa điểm cần đến, các món ăn cần thử và các hoạt động vui chơi ở Hà Nội, để cuối tuần hay khi không có tiết học, bạn bè em rủ nhau đi trải nghiệm, nhưng bọn em ít tiền nên hay chọn chỗ miễn phí là chính” - SV1 chia sẻ.

Khám phá không gian văn hóa Hà Nội với Hồ Gươm, Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, Hoàng thành Thăng Long, Nhà Hát lớn, cảnh quan Hồ Tây, các khu bảo tàng, đền thờ, chùa chiền,...; không gian văn hóa ẩm thực với Cốm mùa thu, bún chả, bún thang, phở, chè, các loại bánh...; không gian văn hóa lễ hội với các loại hình nghệ thuật...cho sinh viên thêm nhiều trải nghiệm, tăng vốn sống cho bản thân đồng thời giúp sinh viên mọi miền hiểu hơn về văn hóa Hà Nội, văn hóa đất nước, nuôi dưỡng những tình cảm, giá trị tốt đẹp. Đó cũng là một cách gìn giữ văn hóa dân tộc. Hơn thế, các trường đại học ở Hà Nội đều là những ngôi trường có bề dày truyền thống, trải qua bao nhiêu thăng trầm cùng lịch sử Hà Nội nên cũng mang đậm tính văn hóa Hà Nội. Ở trong Trường ĐHSPHN ngày nay vẫn còn di tích chùa Thánh Chúa với tuổi đời gần một thiên niên kỷ, trầm mặc, thanh tịnh, cổ kính và linh thiêng là nơi thường xuyên lui tới của sinh viên Trường ĐHSPHN hay sinh viên Đại học quốc gia Hà Nội. Đó cũng là nét văn hóa đặc sắc của nhà trường mà ít nơi có được.

Văn hóa học đường còn bị ảnh hưởng lớn từ văn hóa gia đình, mà chủ yếu từ cách giáo dục con cái của mỗi gia đình. Bởi lẽ gia đình có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành, nuôi dưỡng và phát triển nhân cách của sinh viên. Có những bạn sinh viên năm thứ nhất tâm sự “*em ở nhà 18 năm và đây là năm đầu tiên em sống xa gia đình*” (SV6), thậm chí có những bạn có nhà ở Hà Nội cho biết “*em bây giờ đi học đại học nhưng vẫn ở cùng với gia đình...*” (SV7). Do đó, sự ảnh hưởng của cách giáo dục, lối sống, cách ứng xử của gia đình ảnh hưởng nhiều mặt đến tư tưởng, cách nghĩ, cách ứng xử của sinh viên, đặc biệt khi các em đang trong độ tuổi định hình về nhân cách, lối sống.

Hoàn cảnh và lối sống của gia đình có tác động đến cách sống của sinh viên. Sinh viên Hà Nội đến từ nhiều vùng miền khác nhau, các gia đình có hoàn cảnh khác nhau. Kết quả khảo sát sinh viên các trường đại học cho thấy

hầu hết các em đến từ vùng nông thôn với 40%, khu vực thành phố cao thứ hai với 34.1%, cụ thể thể hiện qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 4.1. Xuất thân của sinh viên ở ba trường đại học

[Nguồn: NCS khảo sát]

Đồng thời, những quan điểm trong giáo dục ở gia đình cũng tác động rất lớn đến lối sống của sinh viên như tâm sự của bạn SV9 “ngoài giờ học em có đi gia sư, dạy học sinh cấp 1, 2, vừa có tiền vừa để rèn nghề luôn. Nên em cũng ít có thời gian tham gia các câu lạc bộ của trường. Bố mẹ em cũng đồng ý cho em đi gia sư, với lại bố mẹ em bảo nhảy nhót ít thôi (cười)”.

Em SV5 tâm sự “bố mẹ cho em mỗi tháng hơn 10 triệu nhưng cũng không hỏi em tiêu gì. Bố mẹ em cũng không hỏi cặn kẽ việc tham gia các câu lạc bộ đâu, chỉ bảo con thích thì tham gia thôi”. Nhiều gia đình có quan điểm con đủ 18 tuổi, có khả năng tự lập và không còn sát sao với con cái có thể không đưa ra được những định hướng kịp thời cho con, gây hậu quả khôn lường: “trước nay em bị quản lý 18 năm rồi, giờ em đủ tuổi trưởng thành rồi, lại không phải sống với bố mẹ, nên em thoải mái, muốn làm gì thì làm, bố mẹ

em cũng bảo thế” (SV4), tư tưởng “được tự do” “được bay nhảy” như “chim sổ lồng” khiến cho nhiều sinh viên không còn coi trọng việc học trong nhà trường đại học hoặc chỉ học chiếu lệ. Trong khi đó, đại học là môi trường học thuật, học không chỉ làm người mà còn làm nghề. Việc định hướng giáo dục trong gia đình quyết định ý thức học tập của con cái trong nhà trường. Hậu quả từ việc định hướng giáo dục không đúng gây những hệ lụy trong ý thức học tập của sinh viên, xa rời những chuẩn mực đạo đức và sai lệch về mặt hành vi của sinh viên.

4.1.3. Tác động của các yếu tố chủ quan thuộc trường đại học

Diện mạo của văn hóa học đường trong trường đại học được hình thành và kiến tạo chịu ảnh hưởng, tác động của các yếu tố trong trường đại học. Bởi lẽ đó cũng là các yếu tố phần nào cấu thành nên VHHD. Khảo sát các mức độ ảnh hưởng của các yếu tố: cán bộ, giảng viên, nhân viên hỗ trợ; sinh viên; cơ sở vật chất, cảnh quan nhà trường; lịch sử, truyền thống nhà trường, đề tài thu được kết quả như sau: điểm trung bình 4.23 (mức hoàn toàn ảnh hưởng).

4.1.3.1. Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường

Cán bộ, giảng viên, nhân viên là chủ thể tạo nên VHHD trong trường đại học, do đó, cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường đóng vai trò quan trọng trong xây dựng VHHD. Trước hết, điều đó phụ thuộc và nhận thức của cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường về VHHD và vai trò của xây dựng VHHD trong nhà trường; thái độ, trách nhiệm của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong xây dựng VHHD cũng như sự phối hợp giữa cán bộ, giảng viên, nhân viên với sinh viên trong thực hiện các hoạt động VHHD. Cán bộ, giảng viên, nhân viên được coi là các hình mẫu cho sinh viên, thể hiện qua hành vi, thái độ, chuẩn mực hàng ngày, giúp sinh viên học hỏi và noi theo. Điều này được thể hiện rõ nhất trong ba trường mà NCS khảo sát là ở trường ĐHSPHN. Bởi đây cũng chính là cái nôi đào tạo nên các thầy giáo, cô giáo

tương lai. Sinh viên thường “thần tượng” phong cách giảng dạy, nhân cách của giảng viên nào đó trong trường mà sinh viên ấn tượng, để trở thành một hình mẫu lý tưởng cho phong cách sư phạm của bản thân. Em SV8 chia sẻ *“Em thần tượng thầy GS.TS. Đ.T.B lắm và nhớ mãi câu nói của thầy: hết mình vì nghề, nghề sẽ không phụ mình”*.

Đồng thời chính cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường góp phần hình thành bản sắc văn hóa riêng của nhà trường. Sinh viên trong trường chỉ có thời gian nhất định (bốn đến năm năm), do đó yếu tố tạo nên bản sắc của nhà trường phần lớn phụ thuộc vào cán bộ, giảng viên, giúp xây dựng nên danh tiếng nhà trường. Giảng viên trong các trường đại học cũng đến từ các vùng miền, quốc gia khác nhau, với nền tảng văn hóa, và lĩnh vực khác nhau, tạo nên môi trường đại học đa dạng và phong phú, góp phần tạo nên xu hướng đa văn hóa trong giáo dục ở các trường đại học.

Trong quá trình khảo sát, NCS nhận ra vai trò định hướng rất quan trọng của cán bộ, giảng viên nhà trường trong các hoạt động văn hóa của sinh viên. Giảng viên là người “truyền lửa” cho sinh viên, không chỉ trên giảng đường với tinh thần học tập hăng say, đam mê nghiên cứu mà còn trong các câu lạc bộ, các hoạt động văn hóa trong nhà trường. Các thầy giáo, cô giáo đã khuyến khích được tinh thần học hỏi, sáng tạo của sinh viên, kết nối và tạo ra một môi trường hòa nhập, khuyến khích tinh thần cộng đồng của sinh viên. Điều này tạo nên sự gắn bó giữa sinh viên với giảng viên và với trường đại học. Đồng thời, cũng chính các thầy giáo, cô giáo là cố vấn học tập, cố vấn câu lạc bộ cho sinh viên, định hướng cho sinh viên những hoạt động đúng. Em SV4 cho biết *“em cũng hay lúng túng trong lựa chọn việc có nên tham gia học tập trao đổi sinh viên quốc tế hay không, nên hay hỏi sự tư vấn, hỗ trợ của các cô phòng Hợp tác quốc tế, các cô nhiệt tình lắm cho em lời khuyên phù hợp với hoàn cảnh gia đình, định hướng cá nhân của em”*.

Việc đánh giá cao sự ảnh hưởng của lãnh đạo nhà trường trong xây dựng VHHD trong trường đại học là hợp với xu hướng phát triển hiện nay. Trong các nghiên cứu của Kent D. Peterson và Terence E. Deal [25] luôn nhắc đến vai trò đặc biệt quan trọng của cán bộ lãnh đạo, quản lý nhà trường trong việc xây dựng VHHD. Bởi lẽ mức độ nhận thức về VHHD, tầm quan trọng của VHHD cùng với tinh thần trách nhiệm, vốn tri thức, năng lực quản lý của lãnh đạo nhà trường quyết định việc dẫn đến thành công của xây dựng VHHD trong nhà trường. Hiệu trưởng trường đại học là người quyết định xu thế phát triển, chiến lược hành động, chất lượng giáo dục của nhà trường, là người đưa ra các quy định, chuẩn mực trong nhà trường. Đồng thời cũng trở thành hình mẫu thực hiện các quy chuẩn của VHHD, tạo nên sự lan tỏa của VHHD trong trường đại học. Một điều thú vị trong quá trình khảo sát tại ba trường đại học, đề tài nhận thấy sự ảnh hưởng rất lớn của Nguyên Hiệu trưởng trường ĐHSP, thầy N.V.M đến thế hệ các sinh viên nhà trường như em SV9 chia sẻ *“em rất thích các bài phát biểu của thầy N.V.M, em còn lên các trang để đọc đi đọc lại, thậm chí tìm lời của thầy, các bạn lớp em còn làm video tiktok về các câu nói viral của thầy. Thật sự lời tâm sự, phát biểu của thầy cho chúng em thêm yêu nghề, có ý thức về nghề và luôn tâm nguyện phải tu dưỡng cho thật tốt để xứng với nghề”*.

Tuy nhiên, hiện nay một bộ phận đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên hỗ trợ nhà trường chưa nhận thức đầy đủ được sự cần thiết của VHHD trong trường đại học, do đó có thái độ chưa tích cực trong việc tham gia vào quá trình xây dựng VHHD trong trường.

4.1.3.2. Sinh viên trường đại học

Ngày nay, trong giáo dục đại học, vai trò, vị thế xã hội của sinh viên được nâng cao. Các thầy giáo, cô giáo, cha mẹ, cộng đồng, xã hội đã tin tưởng, trao quyền cho sinh viên được phép làm, tự làm, tự tổ chức. Ở Trường ĐHNT, các thầy cô giáo đã trao quyền cho sinh viên tổ chức các cuộc thi có

quy mô từ khoa, đến trường đến hệ thống các trường đại học như cuộc thi Khởi nghiệp cùng Kawai, Ứng viên tài năng, bản lĩnh, các hoạt động khởi nghiệp nhỏ và vừa...Việc trao quyền giúp sinh viên tự tin hơn, có cơ hội để thử sức trong các lĩnh vực.

Sinh viên thường có độ tuổi từ 18-24 tuổi, độ tuổi đang hoàn thiện nhân cách và có nhiều khát khao, hoài bão, có khả năng tiếp thu cao, năng động, nhiệt tình, sáng tạo, có tinh thần ham học hỏi và tràn đầy nhiệt huyết tuổi trẻ. Do đó, ở một góc độ nào đó, VHHD trong trường đại học dễ được sinh viên tiếp nhận, phát triển và lan tỏa. Từ môi trường trung học phổ thông đến môi trường giáo dục đại học giúp quan hệ xã hội của sinh viên phát triển về bề rộng và chiều sâu, tạo điều kiện cho các hoạt động học tập và văn hóa của sinh viên được đa dạng, phong phú hơn.

Tuy nhiên, đối tượng sinh viên trong trường đại học đến từ nhiều vùng miền với nhận thức, điều kiện kinh tế khác nhau, có phong nền văn hóa, các quan niệm sống khác nhau; lý tưởng sống, ước mơ, hoài bão chưa rõ ràng dẫn đến thiếu mục đích sống và kế hoạch cho tương lai; quan niệm về cái đẹp, cái đúng còn có xu hướng lệch lạc với chuẩn mực, hành động vị kỉ, nhu cầu cá nhân và nặng về giá trị vật chất, thực dụng, ích kỷ, thích hưởng thụ, không quan tâm người khác. Đó cũng là một khó khăn trong việc xây dựng văn hóa chung cho sinh viên của trường đại học.

4.1.3.3. Triết lý, chiến lược, cơ sở vật chất, lịch sử truyền thống của trường đại học

Văn hóa học đường trong trường đại học phụ thuộc rất nhiều vào Triết lý giáo dục, chiến lược của nhà trường. Chính từ đó xác định hệ giá trị hay giá trị cốt lõi cho sự phát triển của trường đại học.

Cơ sở vật chất nhà trường được coi là phần hữu hình của VHHD. VHHD không chỉ thể hiện qua hệ giá trị, chuẩn mực học đường mà còn được biểu hiện qua các yếu tố bên ngoài như cảnh quan, kiến trúc, logo, các biểu

tượng... của nhà trường. Chúng mang bản sắc riêng, thể hiện thương hiệu của trường đại học.

Các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội được đầu tư về mặt cơ sở vật chất, trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ cho quá trình học tập và các hoạt động văn hóa. Kiến trúc của nhà trường thể hiện phong cách riêng như cổ kính, hiện đại hay vừa hiện đại vừa cổ kính, nhưng cũng phải được thiết kế thuận tiện, hợp lý, cách bố trí phù hợp cho các hoạt động của nhà trường. Đồng thời không gian, cảnh quan nhà trường giúp giảng viên, sinh viên yêu mến, gắn bó với trường hơn, tạo cảm giác an toàn, sạch sẽ “trường phải ra trường, lớp phải ra lớp” mới tạo ra được môi trường VHHD lành mạnh, tích cực.

Truyền thống nhà trường, các giá trị lịch sử của nhà trường luôn có vai trò to lớn đối với xây dựng VHHD. Những giá trị, chuẩn mực VHHD trong trường đại học luôn là sự kế thừa của những gì tốt đẹp nhất qua dòng chảy lịch sử truyền thống nhà trường, làm nên bản sắc, thương hiệu riêng của nhà trường, đồng thời, theo thời gian sẽ được bổ sung các giá trị, chuẩn mực mới, thích ứng với ngày nay.

Phần lớn các trường đại học ở Hà Nội là những trường được thành lập từ rất sớm, có những trường thành lập ngay từ khi đất nước giành được độc lập. Trường ĐHSPhN, Trường ĐHGTVT cũng như Trường ĐHNT đều là những trường đại học được thành lập đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Dù còn non trẻ nhưng ngay từ những ngày đầu thành lập, các trường đại học vừa phải xây dựng phát triển nhà trường, vừa phải tham gia đấu tranh giành độc lập cho dân tộc. Nhiều thế hệ giảng viên, sinh viên của nhà trường phải gác bút nghiên lên đường đi chiến đấu, giành độc lập dân tộc. Nhà trường cùng trải qua nhiều cột mốc quan trọng cùng đất nước với bề dày truyền thống đáng tự hào. Chính điều đó là gốc rễ của các giá trị, chuẩn mực trong VHHD, là nền tảng xây dựng VHHD trong bối cảnh hiện nay.

4.2. CÁC VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngành Giáo dục hiện đang tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, do đó vấn đề xây dựng VHHD phải được tiếp tục triển khai, đẩy mạnh sâu rộng hơn nữa.

Phát triển trong bối cảnh mới, việc xây dựng VHHD có nhiều thuận lợi nhưng cũng đứng trước những khó khăn, thách thức, đặc biệt là những vấn đề mới đang đặt ra.

4.2.1. Thách thức trong giữ gìn và đổi mới giá trị văn hóa học đường trong trường đại học

Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa luôn là vấn đề cấp thiết trong quá trình hội nhập quốc tế, làm thế nào để văn hóa nước ta “vươn ra biển lớn”, chỉ hòa nhập mà không hòa tan, làm thế nào để giữ được nguồn cội dân tộc trong làn sóng văn hóa lai căng đang càn quét khắp nơi. Đó cũng là vấn đề của VHHD trong trường đại học, nhất là khi các trường đại học ở Thủ đô Hà Nội lại chịu ảnh hưởng nhiều nhất của quá trình hội nhập và quốc tế hóa. Làm thế nào để giữ gìn và phát huy bản sắc VHHD - nguồn lực nội sinh và dung nạp nguồn lực ngoại sinh tạo sức mạnh tổng thể cho trường đại học trong bối cảnh mới?

Một là, những thách thức trong việc giữ gìn bản sắc giá trị VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội

Việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế tạo nên sự đa dạng môi trường văn hóa trong các trường đại học nhưng cũng có thể làm phai nhạt đi những giá trị truyền thống. Hiện nay nhiều trường đại học ở Hà Nội tiếp nhận các sinh viên quốc tế, thực hiện các chương trình đào tạo liên kết với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới, tạo nên môi trường VHHD đa dạng hơn. Những yêu cầu khác biệt của các chương trình quốc tế có thể dẫn đến

những xung đột giữa cái cũ và cái mới, gây khó khăn trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa trường học.

Đồng thời, sự ảnh hưởng của công nghệ và truyền thông với sự phát triển của mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến đã làm thay đổi cách tiếp cận và tư duy của sinh viên. Các xu hướng trên không gian mạng được lan truyền rất nhanh trong giới sinh viên, đôi khi đi ngược lại với các giá trị truyền thống. Trong khi đó sự quản lý của nhà trường đối với sinh viên trên không gian mạng chưa thật sự sát sao và có hiệu quả. Do đó, nhiều hiện tượng mạng có ảnh hưởng xấu đến đời sống tinh thần của sinh viên, đe dọa đến việc làm mờ đi các giá trị văn hóa truyền thống.

Sự biến đổi của môi trường kinh tế - xã hội, trong đó đặc biệt là xu hướng tự chủ tài chính của các trường đại học và sự thay đổi yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế khiến cho các trường đại học chịu áp lực từ tự chủ tài chính. Gánh nặng tự chủ tài chính buộc các trường phải có những ưu tiên thay đổi về cơ chế, chính sách để đảm bảo được các nguồn lực hoạt động của nhà trường. Thêm vào đó, sự thay đổi của yêu cầu thị trường lao động khiến sinh viên chịu nhiều áp lực, từ áp lực trong việc học tập, tài chính đến việc phát triển các kỹ năng mềm, tích lũy kinh nghiệm làm việc, thực tập, làm thêm ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường khiến các em không quan tâm nhiều đến các hoạt động VHHD hay việc truyền thông về VHHD trong trường đại học.

Ngoài ra việc giữ gìn, duy trì các giá trị VHHD ngày nay gặp nhiều thách thức khi mỗi năm đều có sinh viên mới nhập học, sinh viên cũ tốt nghiệp, dẫn đến sự thay đổi liên tục về nhóm người tiếp nhận VHHD; đồng thời, với cơ chế, chính sách khuyến khích cán bộ nghỉ hưu trước thời gian, cơ chế tinh giản biên chế ở nhiều trường đại học, những người gắn bó với nhà trường lâu năm không còn nhiều. Do đó, nhà trường đại học phải luôn luôn có những biện pháp truyền thông, giữ lửa, truyền lại những giá trị VHHD truyền thống, mang tính thương hiệu, bản sắc của nhà trường.

Hai là, những thách thức trong việc đổi mới các giá trị VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội

Sự tác động của bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, sự phát triển của kinh tế thị trường và tác động mạnh mẽ của những xu hướng mới trong giáo dục đại học đặt các trường đại học trước việc phải thay đổi các giá trị VHHD để phù hợp với bối cảnh hiện nay và định hướng đưa nhà trường vươn ra tầm khu vực và quốc tế. Tuy nhiên để xác định được các giá trị VHHD mới cũng khá khó khăn. Các giá trị VHHD là các yếu tố khó đo lường, đánh giá cụ thể, do đó nếu không có tiêu chí rõ ràng, nhà trường rất khó khăn trong việc điều chỉnh chính sách văn hóa liên quan. Hơn nữa, vấn đề đặt ra là làm thế nào để đổi mới mà không làm mất đi các giá trị bản sắc vốn có của nhà trường. Việc thay đổi các giá trị cần được sự đồng thuận của sinh viên, cán bộ, giảng viên nhà trường thì mới có thể đồng lòng thực hiện. Đó là bài toán khó cho các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay trong quá trình hội nhập.

Sức mạnh nguồn lực nội sinh của trường đại học là truyền thống, lịch sử nhà trường, những giá trị cốt lõi, chuẩn mực học đường, được hình thành và đúc kết qua bao thế hệ nhà trường, bao thăng trầm của lịch sử xây dựng và phát triển nhà trường. Chính điều đó trở thành bản sắc riêng của nhà trường, định vị thương hiệu của trường đại học. VHHD trở thành màng lọc, gạt đi những điều tiêu cực, xung đột, điều chỉnh mọi hành vi ứng xử, hoạt động của các thành viên trong nhà trường. Sự giữ gìn bản sắc VHHD của mỗi trường đại học không phải là sự cố chấp giữ lại những giá trị, chuẩn mực đã lỗi thời mà phải có chỉnh sửa, có phát huy một cách sáng tạo để những giá trị, chuẩn mực đó phù hợp với thời đại mới mà vẫn giữ được nét riêng cho trường đại học. Việc giữ gìn, phát huy bản sắc VHHD của trường đại học trở thành vấn đề nổi cộm khi các trường đại học ở Thủ đô Hà Nội đang ngày càng vươn mình hòa nhập với các trường đại học lớn trong khu vực và thế giới.

4.2.2. Vấn đề thách thức của chuyển đổi số và không gian mạng đến văn hóa học đường trong trường đại học

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học là xu hướng nổi bật của giáo dục đại học nói riêng và giáo dục đào tạo nước ta nói chung. Đó là quá trình ứng dụng công nghệ thông tin vào mọi hoạt động của nhà trường, bao gồm từ quản lý, giảng dạy, nghiên cứu. Không gian mạng là môi trường trực tuyến nơi sinh viên có thể tương tác thông qua các nền tảng ứng dụng khác nhau. Đây là hai yếu tố tác động mạnh mẽ đến VHHĐ trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay.

Không thể phủ nhận những tác động tích cực của chuyển đổi số đến VHHĐ trong trường đại học bởi chuyển đổi số cũng như không gian mạng giúp quá trình học tập của sinh viên không bị giới hạn trong môi trường vật lý của lớp học mà mở rộng ra các hình thức trực tuyến, các lớp học ảo, tiếp xúc với trí tuệ nhân tạo; các thành viên có thể tự học, tự trao đổi tài liệu qua các nền tảng trực tuyến như Microsoft Team, Moodle, Google Classroom... Đồng thời, không gian mạng đã giúp sinh viên, giảng viên tăng cường kết nối và giao tiếp mọi lúc, mọi nơi, thông qua website, facebook, email... giúp duy trì sự gắn kết giữa các thành viên trong nhà trường. Từ đó, cũng giúp tăng cường sự giao lưu, truyền thông VHHĐ đến nhiều sinh viên, giảng viên trong nhà trường. Các nền tảng trực tuyến hỗ trợ trong việc tổ chức các sự kiện VHHĐ, các hoạt động VHHĐ một cách sáng tạo hơn, có thể tổ chức trực tuyến với đối tượng sinh viên tham dự đông hơn.

Tuy nhiên, đây cũng là một thách thức lớn đối với phát triển VHHĐ trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Thứ nhất, chuyển đổi số và sự phát triển không gian mạng đã làm sự giảm sự tương tác trực tiếp và gắn kết cộng đồng sinh viên, giảng viên trong trường đại học. Việc học trực tuyến và giao tiếp qua các nền tảng trực tuyến làm giảm kết nối sinh viên với nhau, giảm kết nối sinh viên và giảng viên

nhà trường, không có sự giao tiếp trực tiếp, việc giao tiếp chỉ thực hiện qua màn hình thiết bị điện tử, không có tính sinh động, gắn kết. Do đó nhiều sinh viên cảm thấy buồn chán, thiếu gắn bó với môi trường học tập, thiếu gắn bó với trường đại học. Đồng thời, dù các hoạt động VHHD tổ chức trực tuyến có thể tạo được sự tham gia đông đảo của sinh viên nhưng nó cũng làm giảm tính hiệu quả của việc truyền tải các giá trị trong các hoạt động VHHD đó, giảm tính giao lưu trực tiếp, tính truyền cảm hứng trực tiếp từ các hoạt động trực tuyến.

Thứ hai, chính sự phát triển của công nghệ số tạo khoảng cách giữa các nhóm sinh viên. Việc sử dụng các thiết bị điện tử cho các hoạt động trực tuyến là yêu cầu bắt buộc đối với sinh viên, tuy nhiên không phải sinh viên nào cũng có điều kiện sở hữu những thiết bị công nghệ hiện đại, tạo ra tâm lý phân biệt giàu - nghèo, phân biệt sành điệu - không sành điệu giữa sinh viên với sinh viên. Với tâm lý thể hiện cái tôi, không muốn thua kém bạn bè của sinh viên tạo áp lực về kinh tế với những gia đình khó khăn. Hơn nữa, sự chênh lệch về kỹ năng sử dụng các thiết bị, phần mềm trực tuyến cũng làm tăng khoảng cách giữa các nhóm sinh viên, có sự phân biệt rõ ràng, nảy sinh các tâm lý cạnh tranh tiêu cực trong sinh viên.

Thứ ba, thách thức trong việc kiểm soát các hoạt động của sinh viên trên không gian mạng. Mạng xã hội là nơi có nhiều thông tin không được kiểm chứng, thậm chí có những thông tin sai lệch, các hình ảnh bôi nhọ nhà trường, đi ngược lại với các giá trị VHHD trong nhà trường. Sinh viên lại là đối tượng dễ bị ảnh hưởng bởi những xu hướng cực đoan trên không gian mạng, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống học đường của sinh viên, suy giảm những giá trị VHHD tốt đẹp. Trên không gian mạng còn xuất hiện tình trạng bắt nạt trên mạng qua các ngôn từ mạt sát, chê bai, không trong sáng, tình trạng lừa đảo trực tuyến với nhiều hình thức biến hóa khôn lường, lừa đảo tiền bạc, tình cảm, thẻ xác, thậm chí bắt cóc, bán sang nước ngoài... Trong khi đó việc kiểm

soát các hoạt động của sinh viên trên không gian mạng rất khó khăn bởi đó không phải chỉ là hoạt động trong phạm vi nhà trường mà là hoạt động mọi lúc, mọi nơi của sinh viên.

4.2.3. Thách thức trong tổ chức các hoạt động văn hóa học đường trong trường đại học

Hoạt động VHHD trong trường đại học với các chương trình, sự kiện, hình thức phong phú, nội dung đa dạng, thể hiện vai trò quan trọng của VHHD trong trường đại học. Nó tạo nên cơ hội cho sinh viên phát triển toàn diện các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm; xây dựng được bản sắc cá nhân, cơ hội để khám phá, phát huy tiềm năng bản thân; tạo ra sự kết nối giao lưu giữa các sinh viên, với cộng đồng xã hội. Hoạt động VHHD trong trường đại học giúp định hình và phát triển VHHD, thúc đẩy các giá trị cốt lõi của nhà trường. Với những thuận lợi về vị trí nằm ở trung tâm chính trị - hành chính - văn hóa của cả nước, các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội có nhiều thuận lợi trong việc tổ chức các hoạt động VHHD, tuy nhiên cũng không ít thách thức đặt ra.

Thứ nhất, vấn đề về cơ sở vật chất, không gian cho việc tổ chức các hoạt động VHHD cho sinh viên. Một số trường đại học, đặc biệt là các trường trong nội thành Hà Nội không có không gian đủ rộng để tổ chức các hoạt động VHHD quy mô lớn, hay không có các sân khấu, khu sinh viên hoạt văn hóa dành riêng cho các hoạt động văn nghệ, thể thao, hoạt động của các câu lạc bộ... Các hoạt động VHHD tổ chức bên ngoài nhà trường thì cần có ngân sách và được các cấp có thẩm quyền thông qua, vì thế đôi khi gây trở ngại cho việc tổ chức các hoạt động này.

Thứ hai, khó khăn trong việc thu hút sinh viên tham gia các hoạt động VHHD trong trường đại học. Hiện nay, các sinh viên có rất nhiều áp lực trong việc học tập, chế độ học theo tín chỉ khiến giờ giấc học tập của sinh viên khác nhau nên việc sắp xếp thời gian tham gia các hoạt động văn hóa trong trường

học cũng là vấn đề nan giải. Thêm vào đó, sinh viên có nhiều lựa chọn các hoạt động ngoài giờ học tập như đi làm thêm, đi chơi, tự đi du lịch khám phá... nên nếu các hoạt động VHHD không đủ sức hấp dẫn thì không thể thu hút được số lượng lớn các sinh viên tham gia.

Thứ ba, khó khăn trong việc thay đổi xu hướng tiếp cận văn hóa của sinh viên. Hiện nay, giới trẻ có xu hướng ưu tiên các hoạt động trải nghiệm cá nhân hơn các hoạt động tập thể, tăng cường tích lũy các kinh nghiệm, kỹ năng cho cá nhân để khẳng định bản thân, do đó, một số hoạt động VHHD mang tính tập thể nhằm chận không thể khuấy động được sự tham gia nhiệt tình của sinh viên. Hơn nữa, với sự tác động của mạng xã hội, nhiều sinh viên lựa chọn các hoạt động giải trí, các hoạt động văn hóa thông qua các nền tảng trực tuyến hơn là các hoạt động trực tiếp.

4.2.4. Vấn đề chính sách và quản lý văn hóa học đường trong trường đại học

Thứ nhất, vấn đề về chính sách, pháp luật, các quy định, bộ tiêu chí trong xây dựng văn hóa học đường

Việc xây dựng VHHD trong trường đại học ở Hà Nội chịu sự ảnh hưởng bởi hệ thống các chính sách, pháp luật, quy định của nhà nước và các bộ tiêu chí cụ thể từ các cấp quản lý giáo dục. Căn cứ vào Luật Giáo dục đại học, Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính Phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; Quyết định 1299/QĐ-TTg ngày 3/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025”; Quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019); Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường, ...các trường

đại học đã ban hành Bộ Quy tắc ứng xử trong nhà trường nhằm quy định về chuẩn mực ứng xử văn hóa của người học, người dạy, quy định những việc phải làm và không được làm, phù hợp với phong tục tập quán, đạo đức xã hội, các quy định chung của nhà trường; góp phần tạo dựng môi trường học đường văn minh, hiện đại, hội nhập.

Mặc dù hệ thống chính sách, pháp luật và quy định về VHHD đã được ban hành nhưng thực tế triển khai vẫn gặp nhiều thách thức. Giữa các quy định và thực tiễn thực hiện vẫn còn khoảng trống khi một số quy tắc mang tính hình thức, chưa thật sự đi vào cuộc sống của sinh viên, giảng viên, nhân viên nhà trường, có những yêu cầu cứng nhắc, không còn phù hợp với thực tiễn hiện nay. Đồng thời, một số bộ quy tắc khi ban hành nhận được những ý kiến trái chiều, thậm chí là những phản ứng của sinh viên, họ cho rằng đó là “bộ quy tắc cứng nhắc”, “quy định chung chung, không có hướng dẫn cụ thể” dẫn đến tình trạng chưa coi trọng các quy định về VHHD, sinh viên thiếu ý thức tự giác khi thực hiện. Thậm chí, với sự tác động của chuyển đổi số, cuộc sống ảo, giảng dạy trực tuyến khiến nhiều sinh viên quên đi những quy định, chuẩn mực truyền thống, chạy theo những giá trị ảo trên mạng xã hội.

Việc triển khai các chính sách VHHD trong trường đại học hiện nay chưa có sự phối hợp thực hiện của các thành viên trong nhà trường, giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Nhiều giảng viên, nhân viên trường đại học chưa thật sự coi trọng việc xây dựng VHHD, nên chưa thể truyền tải hết giá trị, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng VHHD cho sinh viên.

Thứ hai, vấn đề về quản lý văn hóa học đường trong trường đại học

Văn hóa học đường trong trường đại học phải thể hiện được triết lý giáo dục, sứ mạng, chiến lược phát triển, giá trị cốt lõi của nhà trường. Xây dựng VHHD cũng là một nhiệm vụ chính trị của nhà trường, thể hiện qua việc tổ chức và quản lý các hoạt động văn hóa học đường. Tuy nhiên vấn đề này gặp

nhều khó khăn do tác động của xã hội, sự đa dạng của sinh viên và các thách thức trong triển khai chính sách và giám sát chính sách xây dựng VHHD.

Như đã trình bày ở trên, việc quản lý VHHD trong trường đại học phải dựa vào những văn bản hướng dẫn, quy định về VHHD, tuy nhiên việc triển khai các văn bản này còn chậm trễ, không đồng đều, không quyết liệt, gây khó khăn trong thực tiễn quản lý.

Việc quản lý các hành vi, chuẩn mực ứng xử của sinh viên gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong phạm vi không gian mạng. Mạng xã hội tạo ra không gian giao tiếp mới nhưng cũng dẫn đến nhiều vấn đề như bạo lực trên không gian mạng, lan truyền những thông tin sai lệch ảnh hưởng đến lý tưởng, tư duy và hành vi của sinh viên, tuy nhiên hiện nay các trường đại học chưa có biện pháp phù hợp để kiểm soát các hành vi này của sinh viên.

Các trường đại học thiếu hệ thống đánh giá VHHD khách quan và hiệu quả, việc kiểm tra, đánh giá chủ yếu dựa vào quan sát chủ quan, chưa có hệ thống phản hồi từ sinh viên, giảng viên nhà trường. Ngoài ra còn có sự thiếu đồng bộ trong việc xử lý những vi phạm VHHD như hành vi thiếu tôn trọng giảng viên, gian lận thi cử, các hành vi bạo lực học đường...các quy chế xử lý vi phạm chưa được áp dụng hiệu quả dẫn đến tình trạng sinh viên không thật sự nghiêm túc trong tuân thủ văn hóa ứng xử trong nhà trường.

4.2.5. Vấn đề nhận thức về văn hóa học đường trong trường đại học

Việc thay đổi nhận thức của các chủ thể trong trường đại học về VHHD có vai trò rất quan trọng. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói “tư tưởng thông suốt thì làm tốt, tư tưởng nhùng nhằng thì không làm được việc”. Thay đổi cách nhìn nhận về VHHD, tầm quan trọng của VHHD cũng như tư tưởng tích cực trong việc xây dựng VHHD là động lực dẫn đến sự thay đổi các khía cạnh khác của VHHD trong trường đại học.

Hiện nay, nhận thức của cán bộ, giảng viên, sinh viên về VHHD chưa đầy đủ và chưa đồng đều trong nhà trường đại học. Khi khảo sát và đánh giá

vai trò của VHHD trong trường đại học, đa số cán bộ, giảng viên, sinh viên nhà trường hiểu về VHHD. Cùng với đó, kết quả phỏng vấn sâu các giảng viên trường đại học cho thấy nhiều thầy cô chỉ dừng lại ở nhận định chung chung rằng VHHD quan trọng hoặc rất quan trọng, nhưng chưa lý giải được thấu đáo vai trò của VHHD như thế nào đối với trường đại học. Sinh viên nhận thức về VHHD cũng như các giá trị VHHD còn khá mơ hồ, chỉ nhìn nhận theo hướng đó là nội quy cần thực hiện mà chưa thấy được giá trị của VHHD trong việc hình thành và phát triển kỹ năng của mình. Cùng với đó, sinh viên đến từ nhiều vùng miền khác nhau, với nền tảng khác nhau nên dẫn đến sự đa dạng trong nhận thức của sinh viên về VHHD. Đối với nhân viên quản lý nhà trường, chưa xác định được tầm quan trọng của VHHD nên nhiệm vụ quản lý, xây dựng VHHD không được ưu tiên so với các nhiệm vụ khác. Như vậy, VHHD trong trường đại học chưa được nhận thức một cách đầy đủ và có sự khác biệt giữa các nhóm chủ thể trong nhà trường.

Điều này bắt nguồn từ việc chưa đồng bộ, thống nhất trong việc truyền tải những giá trị VHHD, các chương trình tuyên truyền về VHHD chưa tạo được tác động mạnh mẽ đến các thành viên trong nhà trường. Việc ban hành các quy định về VHHD rất quan trọng, tuy nhiên quan trọng hơn là giải thích, tuyên truyền như thế nào cho sinh viên thực sự hiểu và áp dụng vào thực tế các hoạt động của nhà trường.

4.3. KHUYẾN NGHỊ MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thứ nhất, giải pháp nâng cao nhận thức về văn hóa học đường trong trường đại học cho sinh viên, cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường. Việc nhận thức đầy đủ, đúng đắn về VHHD và vai trò của VHHD sẽ giúp trường đại học có những định hướng xây dựng VHHD, có những chiến lược xây dựng VHHD phù hợp; điều chỉnh hành động của cán bộ, giảng viên,

sinh viên nhà trường. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về VHHD cần được triển khai mạnh mẽ và sâu rộng đến đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên nhà trường với các hình thức đa dạng và phong phú hơn. Với thế mạnh ở trung tâm hành chính, chính trị của cả nước, các trường đại học ở Thủ đô Hà Nội thuận lợi trong việc tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo quy mô lớn về VHHD, học tập kinh nghiệm xây dựng VHHD ở nhiều trường đại học lớn trên thế giới. Đồng thời có thể tổ chức các buổi tọa đàm, thảo luận quy mô nhỏ như thảo luận để tăng cường tính truyền thông nội bộ về VHHD trong trường đại học, làm thế nào cho cán bộ, giảng viên, sinh viên nhà trường hiểu được thế nào là VHHD, hệ thống giá trị, hệ thống các chuẩn mực là gì và việc tham gia vào các hoạt động văn hóa, sản phẩm văn hóa đóng góp như thế nào cho phát triển VHHD trong trường mình. Thêm vào đó, để tăng tính tích cực và sự hưởng ứng của cán bộ, giảng viên, sinh viên, các trường đại học cần có những sự công nhận, khen thưởng đúng người, đúng việc, công nhận sự nỗ lực của cán bộ, giảng viên, sinh viên, tạo động lực cho các cán bộ, giảng viên, sinh viên cho các hoạt động VHHD. Về phía các thầy cô giáo, có thể lồng ghép các nội dung VHHD trong hoạt động giảng dạy, các buổi hoạt động ngoại khóa để sinh viên có thêm hiểu biết về VHHD. Và như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền...”, do đó nêu gương luôn được coi là phương pháp giáo dục đặc biệt hết sức hiệu quả. Không có bài thuyết giảng nào nâng cao nhận thức cho sinh viên bằng việc cán bộ, giảng viên nhà trường trở thành tấm gương lớn về việc thực hiện các giá trị, chuẩn mực học đường, về các hoạt động văn hóa để sinh viên tiếp nhận và noi theo. Ngoài ra, các trường đại học tăng cường học hỏi, giao lưu với các chuyên gia, các nhà nghiên cứu trong việc trao đổi học thuật, lý luận về VHHD, kinh nghiệm xây dựng VHHD giữa các trường đại học trong bối cảnh mới để nâng cao tầm nhìn, nhận thức về VHHD. Đồng thời, tăng cường

tổ chức giao lưu các hoạt động văn hóa của giảng viên, sinh viên các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội cũng như cả nước để thay đổi tư duy và hành động về VHHD và xây dựng VHHD.

Thứ hai, giải pháp về cơ chế, chính sách quản lý và phát triển văn hóa học đường trong trường đại học. Các nhà trường đại học cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá văn hóa học đường dựa trên đặc điểm riêng của từng trường đại học, thể hiện được bản sắc, thương hiệu của nhà trường; Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, diễn đàn để sinh viên có cơ hội hiểu, dẫn đến thực hiện đúng các quy định về văn hóa học đường; xây dựng cơ chế khen thưởng - giám sát công bằng, minh bạch việc thực hiện các quy định về văn hóa học đường để nâng cao ý thức thực hiện của cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên trường đại học. Để văn hóa học đường trở thành một phần tất yếu của trường đại học, cần nâng cao vai trò của lãnh đạo các cấp ủy đảng, Ban giám hiệu nhà trường, các phòng ban chức năng, các tổ chức chính trị trong nhà trường, đặc biệt là Đoàn thanh niên - Hội sinh viên trong việc quản lý văn hóa học đường trong trường đại học: cải thiện cơ chế thực thi và giám sát, có bộ tiêu chí đánh giá văn hóa học đường đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng, có khen thưởng - xử lý vi phạm phù hợp; tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý văn hóa học đường với các nền tảng trực tuyến để tuyên truyền, hỗ trợ, giám sát các hoạt động của sinh viên trong việc thực hành văn hóa học đường; tăng cường sự phối hợp của nhà trường, gia đình và xã hội trong việc quản lý hoạt động văn hóa học đường của sinh viên, cán bộ, giảng viên nhà trường.

Thứ ba, giải pháp về nâng cao nguồn lực xây dựng văn hóa học đường trong trường đại học. Với những khó khăn về tài chính, khó khăn về nhân lực và cơ sở vật chất như hiện nay ở nhiều trường đại học khiến việc xây dựng văn hóa học đường trong trường đại học gặp nhiều thách thức. Vì thế giải pháp nâng cao nguồn lực xây dựng văn hóa học đường là rất cần thiết. Đầu tiên là phải tăng cường đầu tư tài chính cho văn hóa học đường với sự

phân bổ ngân sách phù hợp, khuyến khích các nguồn tài trợ từ doanh nghiệp, cựu sinh viên để tổ chức các chương trình, các hoạt động văn hóa trong nhà trường. Tiếp đến là quan tâm, phát triển đội ngũ nhân lực chuyên trách về văn hóa học đường của mỗi trường đại học, được đào tạo kỹ năng để phát triển văn hóa học đường, bồi dưỡng mỗi cán bộ, giảng viên nhà trường trong việc truyền tải các giá trị văn hóa học đường đến sinh viên trong trường. Sau đó, các trường đại học phải tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất, cập nhật quy chuẩn xây dựng trường phù hợp, có giải pháp huy động sự tham gia của cộng đồng, xã hội; tăng cường ứng dụng công nghệ trong xây dựng văn hóa học đường. Đó cũng là một phần lí do các trường đại học ở Thủ đô Hà Nội tăng cường đẩy mạnh tự chủ đại học. Việc “tự làm tự quyết” về một số lĩnh vực, trong đó có tự chủ tài chính giúp các trường đại học có thể cân đối trong việc trang bị thêm cơ sở vật chất, điều chỉnh các nguồn chi trong đó có đầu tư cho các hoạt động văn hóa của sinh viên. Việc thay đổi kiến trúc, cảnh quan trường đại học giúp nhà trường như “thay chiếc áo mới”, tạo cảm hứng cho giảng viên, sinh viên giảng dạy - học tập, tạo môi trường học tập an toàn, lành mạnh, nhân văn và hạnh phúc.

Thứ tư, giải pháp tổ chức các hoạt động văn hóa học đường trong trường đại học có tính hiệu quả. Để tăng cường các hoạt động văn hóa học đường trong trường đại học, các nhà trường cần đổi mới hình thức hoạt động văn hóa với sự kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp để thu hút sinh viên, tổ chức các hoạt động gắn với các xu hướng mà được giới trẻ yêu thích; đồng thời khuyến khích sinh viên tham gia bằng việc sắp xếp các hoạt động học tập của sinh viên phù hợp, không tạo áp lực về thời gian, có chính sách công nhận việc tham gia các hoạt động văn hóa trong nhà trường như một phần của quá trình học tập; đồng thời cần cải thiện cơ sở vật chất hoạt động văn hóa cho sinh viên, phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị ngoài nhà trường để tận dụng các không gian cho sinh viên sinh hoạt văn hóa.

Thứ năm, giải pháp nhằm đẩy mạnh hợp tác, giao lưu quốc tế, ứng dụng chuyển đổi số nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa học đường trong trường đại học trong trường đại học thời kỳ hội nhập quốc tế. Để vừa duy trì được các giá trị VHHD truyền thống vừa cập nhật những giá trị mới, không để bị tụt hậu thì các trường đại học cần cân bằng giữa việc giữ gìn và đổi mới các giá trị VHHD, trên cơ sở xác định những giá trị cốt lõi làm nên bản sắc, thương hiệu của nhà trường thì cần phải duy trì, và những giá trị có thể thay đổi linh hoạt, phù hợp với sự thay đổi của bối cảnh hiện nay. Các trường đại học cần có những kế hoạch, chiến lược duy trì phát triển VHHD, có sự đánh giá định kỳ và điều chỉnh các giá trị, các chuẩn mực, các hoạt động văn hóa cho phù hợp. Đồng thời, để lan tỏa được các giá trị VHHD, nhà trường cần sử dụng ứng dụng công nghệ hiện đại với các trang mạng xã hội chính thức, các trang thông tin điện tử, các ứng dụng riêng của nhà trường để quảng bá các giá trị VHHD đến sâu rộng trong sinh viên, cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường, đặc biệt là thế hệ sinh viên năm thứ nhất và những cán bộ, giảng viên mới tuyển dụng.

Tiểu kết chương 4

Ở chương 4, NCS đã phân tích những yếu tố tác động và các vấn đề đặt ra đối với VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trên cơ sở khảo sát, NCS đã phân tích ba nhóm yếu tố tác động đến VHHD: (i) bối cảnh thế giới với các xu hướng giáo dục đại học, sự phát triển khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế và sự phát triển kinh tế thị trường mở ra cơ hội học tập cũng như đặt ra thách thức trong việc giữ gìn bản sắc, kiểm soát tác động tiêu cực đối với VHHD trong trường đại học; (ii) bối cảnh trong nước với sự định hướng của chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa và giáo dục, tình hình kinh tế - xã hội cũng như ảnh hưởng của văn hóa truyền thống, địa phương, gia đình đóng vai trò quan trọng trong định hướng phát triển VHHD; (iii) các yếu tố chủ quan thuộc về trường đại học với chủ thể sinh viên, cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường, với cơ sở vật chất, lịch sử truyền thống, triết lý giáo dục... của nhà trường tác động trực tiếp đến VHHD cả ở mặt tích cực và hạn chế.

Từ đó, Chương 4 chỉ ra những thách thức đang đặt ra đối với VHHD trong trường đại học với các nhóm vấn đề chính (i) thách thức trong việc giữ gìn và đổi mới các giá trị VHHD trong trường đại học; (ii) thách thức của chuyển đổi số và không gian mạng đến VHHD trong trường đại học; (iii) Thách thức trong việc tổ chức các hoạt động VHHD trong trường đại học; (iv) vấn đề cơ chế chính sách và quản lý VHHD trong trường đại học; (v) vấn đề nâng cao nhận thức của các chủ thể trường đại học về VHHD. Đồng thời luận án khuyến nghị một số giải pháp xây dựng VHHD nhằm nâng cao chất lượng VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Những nhận định và phân tích trong chương 4 là cơ sở để đề xuất các giải pháp quan trọng - là một trong những gợi ý cho các nhà lãnh đạo trong việc phát triển VHHD, tạo nên bản sắc, thương hiệu, vị thế cho các trường đại học trên địa bàn Thủ đô, thích ứng với yêu cầu, đòi hỏi của thời đại trong Kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, đất nước.

KẾT LUẬN

Trong xu thế phát triển trên thế giới, giáo dục đại học ngày càng được coi trọng và xem đây là yếu tố then chốt góp phần tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển ở hầu hết các quốc gia. Ở nước ta, các trường đại học luôn quan tâm đến việc cải cách giáo dục, hướng đến nền giáo dục toàn diện, mà trong đó không chỉ cung cấp cho sinh viên tri thức, chuyên môn, tay nghề mà còn phát triển toàn diện về kỹ năng, phẩm chất, đạo đức, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới. Trong những yếu tố tạo nên chất lượng, hiệu quả, giá trị, bản sắc của nhà trường thì VHHD được đánh giá là một trong những thành tố quan trọng, tạo động lực, sức mạnh nội sinh và là điểm tựa tinh thần để đội ngũ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường cũng như các thể hệ sinh viên không ngừng nỗ lực phấn đấu, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, thúc đẩy nhà trường ngày càng phát triển, khẳng định được vị thế, uy tín và sức ảnh hưởng của mình trong đời sống xã hội. Xuất phát từ tầm quan trọng của VHHD trong trường đại học và trước yêu cầu đổi mới giáo dục toàn diện, luận án đã nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh hiện nay bằng việc sử dụng nhiều phương pháp, thủ pháp nghiên cứu khác nhau.

1. Để có cơ sở lý luận triển khai đề tài, luận án đã tổng thuật các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về VHHD, về VHHD trong trường đại học và trên địa bàn thành phố Hà Nội, với các tiếp cận trên góc độ xã hội học, giáo dục học, quản lý giáo dục, tâm lý học, chính trị học.... Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước, NCS đã xác định được những vấn đề cần nghiên cứu trong luận án.

2. Để có cơ sở khảo sát, nhận diện thực trạng VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội, luận án đã hệ thống hóa được các vấn đề

lý luận cơ bản về VHHD. Từ đó, luận án đã xác định được các quan điểm vận dụng trong luận án với quan điểm về văn hóa tổ chức của Schien, quan điểm về VHHD của Deal và Peterson, kết hợp với quan điểm chỉ đạo của Đảng trong một số Chỉ thị, quy định làm nền tảng lý luận cho việc phân tích cấu trúc, vai trò của VHHD và đưa ra khung phân tích cho luận án.

3. Trên cơ sở lý luận ở chương 2, trong chương 3, luận án đã khảo sát ba trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội (Trường ĐHSPHN, Trường ĐHNT, Trường ĐHGTVT), đánh giá thực trạng VHHD thông qua khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu. Luận án đã nhận diện thực trạng trên các khía cạnh (1) giá trị VHHD; (2) chuẩn mực VHHD; (3) hoạt động VHHD và (4) các biểu tượng, cảnh quan, kiến trúc nhà trường. Trên mỗi bình diện, luận án đã chỉ ra được điểm tích cực và hạn chế của thực trạng VHHD, có sự so sánh giữa ba trường đại học khảo sát và giữa các trường đại học ở Thủ đô Hà Nội với các trường ở địa phương khác. Từ đó rút ra nhận xét chung về VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện nay. Trong quá trình hình thành và phát triển, các trường đại học trên địa bàn Thủ đô Hà Nội luôn quan tâm, chú trọng đến việc xây dựng VHHD nhằm tiếp nối truyền thống lịch sử của nhà trường, kiên định với những giá trị nền tảng, đồng thời không ngừng tiếp thu, bổ sung và sáng tạo thêm những giá trị mới, tạo sự ổn định và phát triển của nhà trường. Chuẩn mực học đường, văn hóa ứng xử, giao tiếp trong trường học được xây dựng và thực thi, tạo nên những nét đẹp trong các nhà trường. Bên cạnh đó, các hoạt động văn hóa, văn nghệ diễn ra sôi nổi, đa dạng, phong phú; hệ thống kiến trúc, cảnh quan, khuôn viên nhà trường ngày càng được đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại, tạo môi trường trong sạch, lành mạnh, nhân văn. VHHD trong trường đại học trên địa bàn Thủ đô Hà Nội có những điểm chung và những nét riêng, độc đáo so với VHHD ở các trường đại học thuộc các vùng miền, các tỉnh, thành phố khác

do những điều kiện về truyền thống lịch sử văn hóa, địa kinh tế, địa chính trị chi phối.

4. Trên cơ sở đánh giá thực trạng VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội, cùng với việc phân tích, đánh giá tác động tích cực và tiêu cực của các yếu tố ảnh hưởng đến VHHD trong trường đại học như: bối cảnh thế giới; bối cảnh trong nước và các yếu tố chủ quan thuộc trường đại học, luận án đã xác định các vấn đề đặt ra đối với VHHD trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội, có giá trị tham khảo cho việc phát triển VHHD trong các trường đại học đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới. Phát triển trong bối cảnh mới, VHHD trong các trường đại học trên địa bàn Thủ đô chịu những tác động lớn từ bối cảnh, tình hình trong và ngoài nước, trong đó đan xen cả những yếu tố tích cực và những tác động tiêu cực. Nhận thức đúng về vai trò, tầm quan trọng của VHHD để không ngừng kiến tạo, định vị giá trị và thương hiệu của nhà trường là một trong những vấn đề cần nhận được sự quan tâm, sự chung sức, đồng lòng và quyết tâm của các thế hệ lãnh đạo, quản lý; đội ngũ thầy cô giáo, các bạn sinh viên. Xây dựng VHHD là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, bởi đó là những vấn đề gốc rễ, nền tảng nhằm khơi dậy khát vọng sáng tạo, cống hiến và trách nhiệm của mỗi nhà trường, nhất là các trường đại học trên địa bàn Thủ đô, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để thúc đẩy quá trình phát triển nhanh và bền vững đất nước trong bối cảnh mới.

Thông qua những kết quả nghiên cứu của luận án, có thể thấy rằng, văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội có nhiều biến đổi, với (i) các giá trị văn hóa học đường truyền thống kết hợp hiện đại, để vừa bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc, văn hóa truyền thống nhà trường, vừa bắt kịp xu thế phát triển của giáo dục đại học ở khu vực và trên thế giới; (ii) các chuẩn mực văn hóa học trong trường đại học cũng được thay đổi để thích ứng với sự biến đổi của các giá trị văn hóa học đường, hoạt

động dạy học chuyển từ thụ động sang chủ động, mối quan hệ thầy trò từ có khoảng cách sang cởi mở, gần gũi hơn, các tác phong học được vẫn được duy trì song có xu hướng tôn trọng sở thích cá nhân hơn; (iii) các hoạt động văn hóa học đường từ các hoạt động giải trí đơn thuần sang các hoạt động mang tính giáo dục cao, phát triển kỹ năng cho sinh viên và hướng đến trách nhiệm phát triển cộng đồng, xã hội; (iv) biểu tượng, cảnh quan, kiến trúc nhà trường từ khuôn viên truyền thống sang không gian mở, hiện đại, đại diện cho sự sáng tạo và đổi mới. Như thế để thấy, văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội đã có nhiều khởi sắc, bước đầu mang lại những tín hiệu tích cực, song vẫn tồn tại những hạn chế nhất định. Do đó việc khuyến nghị những giải pháp có tính chất định hướng xây dựng văn hóa học đường trong trường đại học phát triển để nâng cao chất lượng giáo dục đại học, khẳng định vị thế, thương hiệu của trường đại học ở thành phố Hà Nội trong và ngoài nước.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Hà (2024), Văn hóa học đường trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục đại học, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (572), tr.55-58.
2. Nguyễn Thị Hà (2024), Đặc trưng và chức năng cơ bản của Văn hóa học đường trong trường đại học, *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, (13), tr.42-46.
3. Nguyễn Thị Hà (2024), Về những yếu tố tác động đến Văn hóa học đường trong trường đại học hiện nay, *Tạp chí Văn hóa học*, 4 (74), tr.81-89.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu Tiếng Việt

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương (2015), *Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030*, Hà Nội.
3. Đặng Quốc Bảo, Phạm Minh Giản (2019), *Dòng chảy giáo dục Việt từ truyền thống đến hiện đại: Ghi chép - liên tưởng - thu hoạch*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045*, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (202), *Dữ liệu thông tin chung về các trường đại học*, Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025”*, Hà Nội.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Thông tư số 26/2017/TT-BGDĐT ngày 18/10/2017 quy định tổ chức hoạt động văn hóa của học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục*, Hà Nội.
8. Chiêu đời đô, (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch và chú thích của Ngô Đức Thọ, hiệu đính Hà Văn Tấn, Nxb Khoa học xã hội (tập 1), tr.241, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
13. Edward B. Tylor (1871), *Văn hóa nguyên thủy* (Huyền Giang dịch), Nxb Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội
14. F.Boas (1921), *Trí óc của người nguyên thủy* (Ngô Phương Lan dịch), Nxb Từ điển, Hà Nội, tr.149.
15. Phạm Minh Hạc (2009), “Giáo dục giá trị xây dựng văn hóa học đường”, *Tạp chí Thế giới trong ta*, (326), tr6-8.
16. Phạm Minh Hạc (2009), “Văn hóa học đường - Khái niệm và việc xây dựng thông qua giáo dục giá trị”, *Tạp chí Nghiên cứu con người*, (2), tr3-11.
17. Mai Văn Hai, Mai Kiệm (2018), *Xã hội học văn hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Lê Văn Hảo (2018), “Phát triển văn hóa trường đại học phù hợp với yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, *Hội thảo quốc tế Văn hóa học đường đại học Việt Nam trong thời kỳ phát triển và hội nhập*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
19. Vũ Thị Phương Hậu (chủ biên) (2023), *Xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong bối cảnh hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
20. Phạm Hiệp và cộng sự (2022), *Từng bước nhập môn nghiên cứu khoa học xã hội*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

21. Đinh Thị Minh Hồng (2016), *Văn hóa học đường trong các trường trung học cơ sở ở huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định hiện nay*, Luận văn thạc sĩ tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
22. Nguyễn Khắc Hùng (chủ biên) (2011), *Văn hóa và văn hóa học đường*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
23. Phạm Văn Khanh (2019), “Xây dựng và kiến tạo văn hóa học đường - từ nhận thức đến hiện thực”, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Đồng Tháp* (36), tr.17-20.
24. Trần Thị Tùng Lâm (2017), *Hiệu quả giáo dục văn hóa học đường cho sinh viên các trường đại học ở Hà Nội hiện nay (qua khảo sát một số trường đại học đào tạo các ngành kỹ thuật)*, Luận án tiến sĩ tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
25. Nguyễn Thị Hà Lan (2013), “Thực trạng giáo dục văn hóa học đường cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Khoa học, Đại học Huế*, (10), tr132-139.
26. Hồ Sĩ Lộc (Chủ nhiệm) (2011), *Đề tài Xây dựng văn hóa học đường trong một số trường Đại học ở Hà Nội hiện nay*, Học viện Báo chí và tuyên truyền, Hà Nội.
27. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Vũ Bích Hiền (đồng chủ biên) (2019), *Quản lý văn hóa nhà trường*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
28. Hồ Chí Minh (2011), *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Nguyễn Hữu Minh (2024), *Vận dụng phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu: từ hình thành ý tưởng đến phát hiện khoa học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
30. Đỗ Khánh Năm (2019), “Giáo dục văn hóa học đường cho sinh viên trường Đại học Nội vụ Hà Nội”, *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam* (24), tr.89-94.

31. Nguyễn Thị Nga (2019), “Nâng cao văn hóa học đường cho sinh viên trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0”, *Văn hóa nghệ thuật* (426), tr.50-51.
32. Ngô Thị Thu Nga (2019), *Phát huy giá trị đạo đức truyền thống trong việc xây dựng đạo đức mới cho thanh niên Việt Nam hiện nay*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
33. Đào Thị Oanh (2008), “Một khía cạnh xây dựng văn hóa học đường nhìn từ góc độ tâm lý học”, *Tạp chí Tâm lý học*, (10), tr.9-16
34. Vũ Thị Oanh (2019), “Thực trạng nhận thức về hành vi giao tiếp có văn hóa trong học đường của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định”, *Tạp chí Giáo dục* (464), tr.25-31.
35. Hoàng Phê (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Hà Nội.
36. Nguyễn Thị Ngọc Phương (2018), “Một số vấn đề lý luận về phát triển văn hóa nhà trường”, *Tạp chí Giáo dục* (8), tr.72-76.
37. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13*, Hà Nội.
38. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2018) Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Hà Nội.
39. Nguyễn Thúy Quyên (2019), *Văn hóa học đường trong các trường trung học cơ sở ở huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên hiện nay (qua khảo sát tại ba trường: thị trấn, Na Hang, Ma Thì Hồ)*, Luận văn thạc sĩ tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
40. Nguyễn Thúy Quỳnh (2015), “Giáo dục hành vi văn hóa học đường cho sinh viên đại học sư phạm trong xu thế toàn cầu hóa”, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Huế*, (60), tr.151-157.
41. Võ Văn Sen (chủ biên) và Nguyễn Duy Mộng Hà (đồng chủ biên) (2022), *Xây dựng văn hóa học đường đại học Việt Nam thời kỳ phát triển*

và hội nhập, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tp Hồ Chí Minh.

42. Biền Quốc Thắng (2017), “Phát triển văn hóa học đường ở trường đại học nước ta”, *Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn*, (33-58), tr.54-60.
43. Biền Quốc Thắng (2019), *Phát triển Văn hóa học đường ở trường đại học (từ thực tiễn tại trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
44. Lê Thanh Thập (2013), *Văn hóa học đường ở trường Đại học Luật Hà Nội - thực trạng và giải pháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Đại học Luật Hà Nội.
45. The Head Foundation (2021) (Hoàng Anh Tuấn dịch), *Xây dựng văn hóa học đường tích cực trong thời kỳ bình thường mới*, Nxb Đại học Huế, Thừa Thiên Huế.
46. Trần Ngọc Thêm (chủ biên) (2024), *Triết lý giáo dục Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
47. Trần Ngọc Thêm (2022), *Hệ Giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
48. Trần Ngọc Thêm (2006), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
49. Trần Ngọc Thêm (2018), “Văn hóa học đường Việt Nam trong thời kỳ phát triển và hội nhập: vài nét về con đường từ lý luận đến thực tiễn”, Bài viết dự *Hội thảo Xây dựng văn hóa học đường Việt Nam (bậc đại học) thời kỳ phát triển và hội nhập*, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.
50. Trần Ngọc Thêm (2021), “Xây dựng văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo”, *Kỷ yếu Hội thảo Văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.

51. Nguyễn Ngọc Thơ (2021), “Tiếp cận nghiên cứu văn hóa học đường”, *Tạp chí Văn hóa và Nguồn nhân lực*, Đại học Văn hóa TP. Hồ Chí Minh (25), tr.3-23.
52. Nguyễn Ngọc Thơ (2020), “Một số thành tố của văn hóa học đường”, *Tạp chí Văn hóa học*, 6(52), tr.3-22.
53. Thủ tướng chính phủ (2022), *Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường*, Hà Nội.
54. Thủ tướng Chính phủ (2018), *Quyết định số 1299/QĐ-TTg Phê duyệt đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 - 2025”*, Hà Nội
55. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 11/11/2021 phê duyệt Chương trình "Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030"*, Hà Nội.
56. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/7/2021 ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030*, Hà Nội.
57. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 311/QĐ-TTg ngày 05/3/2022 phê duyệt Chương trình "Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022 - 2030"*, Hà Nội.
58. Trần Thị Thủy (2009), *Văn hóa học đường trong các Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Tuyên Quang hiện nay*, Luận văn thạc sĩ tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội
59. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

60. Nguyễn Phú Trọng (2024) *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
61. Phạm Ngọc Trung (2011), *Văn hóa học đường*, Nxb Chính trị - hành chính, Hà Nội
62. Đặng Thị Tuyết (2020), *Tiếp nhận văn hóa đại chúng của sinh viên trong bối cảnh hội nhập quốc tế (qua khảo sát tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học văn hóa Hà Nội, Đại học Ngoại thương)*, Luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
63. Ủy Ban Văn hóa Quốc hội (2021), Tài liệu *Hội thảo Giáo dục Việt Nam: Văn hóa học đường trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.
64. Phan Thị Hồng Xuân (2020), “Một số ý kiến góp phần xây dựng văn hóa học đường trường đại học Việt Nam dưới tác động của luật giáo dục 2019 (qua tham khảo một số kinh nghiệm quốc tế)”, *Tạp chí khoa học Đại học Đồng Tháp*, (6), tr.8-16.

*** Tài liệu tiếng nước ngoài**

65. Albert Mathieu (2003), “University and the market economy: the different impact on knowledge production in sociology and economics”, *Higher Education*, 45(2), 147-182.
66. Aspin David N.(2007), *Philosophical perspectives on Lifelong learning*, Spinger.
67. AUN (2011) *Guide to AUN Actual Quality Assessment at Programme Level*, Bangkok, Thailand.
68. AUN (2015) *Guide to AUN-QA Assessment at Programme Level, version 3.0 AUN*, Bangkok, Thailand.
69. Bartell Marvin (2003), “Internationalization of universities: a university culture-based framework”, *Higher Education*, 45(1).

70. Bennett Tom (2017), *Creating a Culture: How school leaders can optimise behaviour*, UK Department for Education.
71. Burton Clark (1963), Faculty Culture, In T. F. Lunsford (ed.), *The Study of Campus Cultures*. Boulder, Colo.: Western Interstate Commission on Higher Education.
72. Craig D. Jerald (2006), *School culture: the hidden Curriculum*, Issue Brief, The center for Comprehensive school reform and improvement, Washington, DC.
73. Geert Hofstede & Gert Jan Hofstede, Michael Minkov (1976), *Cultures and Organizations - Software of the mind*, New York: McGraw-Hill.
74. Kent D. Peterson và Terence E. Deal (1994), *The leadership paradox: balancing logic and artistry in schools*, San Francisco: Jossey-Bass.
75. Kent D. Peterson và Terence E. Deal (2002), *The Shaping School Culture Fieldbook*, Published by Jossey-Bass, A Wiley Company, San Francisco.
76. Levine Daniel U.& Lezotte Lawrence W. (1990), *Unusually effective school: A review and analysis of reseach and practic*, National center for Effective Schools Research and Development, Madison.
77. Paul E. Heckman (1993), "School Restructuring in Practice: Reckoning with the Culture of School", *International Journal of Educational Reform* 2,3, p.263-71.
78. Philip W.Jackson (1968), *Life in classrooms*, Published by Teachers College Press, New York, United States of America.
79. Ralf Maslowski (2001), *School Culture and School Performance*, Ph.D.thesis University of Twente, Twente University Press, Netherlands.
80. Rutter Michael, Maughan B., Mortimore P., Ouston J. (1982), *Fifteen thousand hours: Secondary Schools and their effects on Children*, Harvard University Press.

81. Schien E.H (2004), *Organizational culture and leadership*, San Francisco: Jossey-Bass.
82. Seymour B. Sarason (1971), *The Culture of School and the Problem of Change*, Published by Teachers College Press, New York, United States of America.
83. Stoll Louise (1998), *School Culture*, School Improvement Network's Bulletin (9).
84. Stoll Louise (2002), *School Culture*, Research Information for Teachers (3)
85. UNESCO (1982), *World Conference on Cultural Policies*, Mexico city, <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000052505>.
86. Willard Waller (1932), *The Sociology of Teaching*, Publisher J. Wiley, New York.
87. World Bank (2000), *Higher Education in Developing Countries: Peril and Promise*, United States of America.
88. Wilbur B. Brookover, Fritz J. Erickson, Alan W. McEvoy, (1996), *Creating Effective Schools: An In-service Program for Enhancing School Learning Climate and Achievement*, Learning Publications, Virginia University.
89. Xi Shen & Xianghong Titan (2012), “Academic Culture and Campus Culture of Universities”, *Higher Educational Studies*, (2), tr.61-65

*** Tài liệu Internet**

90. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Tóm lược lịch sử phát triển giáo dục và đào tạo Việt Nam*, tại trang <https://moet.gov.vn/gioi-thieu/lich-su-phat-trien/Pages/default.aspx?ItemID=4089>, [truy cập ngày 2/7/2024]
91. Bảng xếp hạng các trường Đại học ở Việt Nam, tại trang <https://vnur.vn/> [truy cập ngày 31/12/2024]

92. Drew Faust (2007), (Phạm Thị Ly dịch) *Diễn văn nhậm chức của Hiệu trưởng trường Đại học Harvart*, tại trang <https://lypham.net/?p=423>, [truy cập ngày 3/7/2024]
93. Nguyễn Thị Thu Hương, Phạm Tiến Hùng (2024) *Văn hóa học đường tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, tại trang <https://thanhnienviet.vn/van-hoa-hoc-duong-tai-cac-co-so-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap-209240919002321599.htm>, [truy cập ngày 08/3/2025]
94. Liên hợp quốc Việt Nam, *Xây dựng khuôn viên trường đại học không bạo lực tại Việt Nam*, tại trang <https://vietnam.un.org/vi/> [truy cập ngày 31/12/2024]
95. Phạm Văn Khanh, *Xây dựng văn hóa học đường - một biện pháp hữu hiệu xóa bỏ bạo lực học đường*, tại trang <http://sgddt.tiengiang.gov.vn/>, [truy cập ngày 01/12/2023]
96. Fahriye Altınay, Gokmen Dagli, Zehra Altınay (2016) (Vân An lược dịch), *Digital Transformation in School Management and Culture*. tại trang <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/88044/225/chuyen-doi-so-trong-nha-truong-van-de-quan-li-va-van-hoa/> [truy cập ngày 07/3/2025]
97. Trường Đại học Giao thông vận tải, trang <https://www.utc.edu.vn/>, [truy cập ngày 30/6/2024]
98. Trường Đại học Ngoại thương, trang <https://ftu.edu.vn>, [truy cập ngày 30/6/2024]
99. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, trang <https://hnue.edu.vn>, [truy cập ngày 30/6/2024]

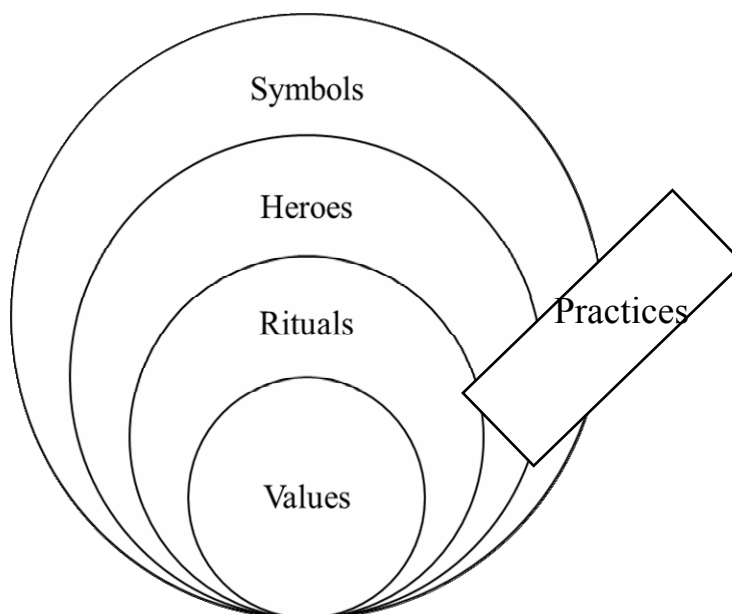
PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: MỘT SỐ MÔ HÌNH CẤU TRÚC VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG CỦA MỘT SỐ TÁC GIẢ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC	1
PHỤ LỤC 2: PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN	5
PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA SINH VIÊN	20
PHỤ LỤC 4: KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN NHÀ TRƯỜNG	36
PHỤ LỤC 5: PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU (Dành cho sinh viên)	49
PHỤ LỤC 6: PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU (Dành cho cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường) 51	
PHỤ LỤC 7: DANH SÁCH PHÒNG VẤN SÂU (đã được mã hóa)	52
PHỤ LỤC 8: MỘT SỐ HÌNH ẢNH.....	53

PHỤ LỤC 1

MỘT SỐ MÔ HÌNH CẤU TRÚC VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG CỦA MỘT SỐ TÁC GIẢ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC (NCS tổng hợp)

1. Tiếp cận văn hóa học đường từ cấu trúc tầng bậc với các tầng sâu khác nhau, nhà nghiên cứu **Hofstede & Hofstede** đã cụ thể hóa các yếu tố của VHHD và mối quan hệ giữa các yếu tố:

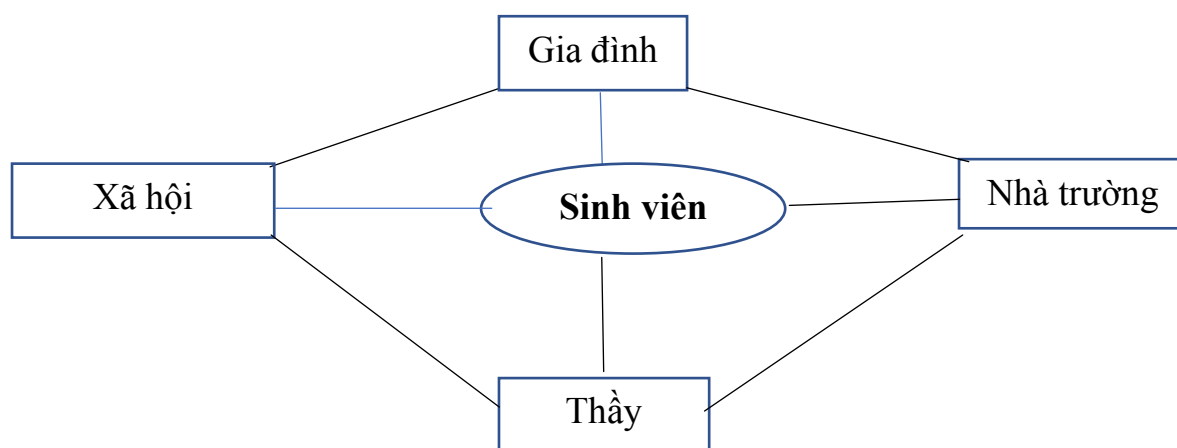


Những biểu hiện của văn hóa ở những tầng sâu khác nhau của Hofstede & Hofstede [73]

Cấu trúc này gắn với quan điểm về văn hóa khi khẳng định cái cốt lõi của VHHD là **giá trị** (Values), đó là yếu tố cốt lõi chi phối các bình diện khác trong VHHD. Những **nghi thức** (Rituals), **nhân vật đại diện** (Heroes) và **Symbols** (biểu tượng) là những yếu tố có thể thay đổi qua các **hoạt động, thực hành** (Practices) bởi sự tác động của các yếu tố bên trong và bên ngoài. Tuy nhiên, giá trị là yếu tố ít thay đổi nhất, giúp môi trường xã hội ổn định nhất. Trong trường học cũng vậy, các biểu tượng của nhà trường (logo, khẩu hiệu, kiến trúc tòa nhà...), nhân vật đại diện (cá nhân đại diện cho hình mẫu lí tưởng của trường học) và nghi thức (lễ khai giảng, lễ hội, ngày truyền

thống...) có thể thay đổi do sự tác động của yếu tố kinh tế - chính trị - xã hội, truyền thống văn hóa...nhưng những giá trị cốt lõi của nhà trường hầu như không có sự thay đổi, chỉ thay đổi vị trí ưu tiên của những giá trị trong những bối cảnh cụ thể.

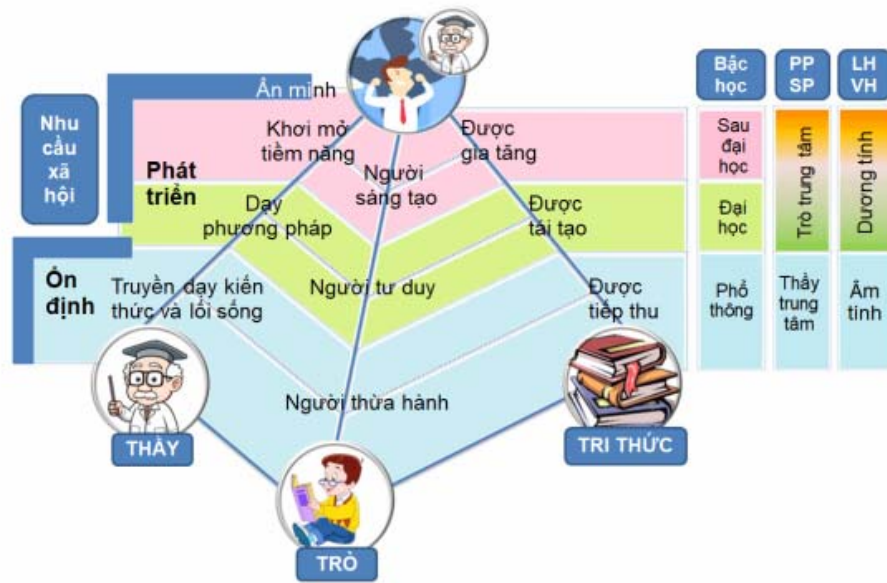
2. Góc độ nhấn mạnh các chủ thể và các mối quan hệ xoay quanh chủ thể, tác giả Phạm Ngọc Trung cho rằng “VHHD bao gồm một tập hợp những mối quan hệ khăng khít, không thể tách rời, giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với tập thể hoặc cá nhân với thiết chế xã hội”, do đó VHHD được thể hiện theo cấu trúc sau:



Cấu trúc của văn hóa học đường của Phạm Ngọc Trung [61]

Theo xu thế giáo dục hiện nay là lấy người học làm trung tâm, các nhà nghiên cứu coi chủ thể chính của VHHD là sinh viên bởi lẽ, xét cho cùng, mọi hoạt động của trường đều xoay quanh người học và phát triển VHHD cũng nhằm mục đích chính tạo ra môi trường học tập lành mạnh, tích cực, nâng cao chất lượng dạy và học cho sinh viên. Tuy nhiên, hiện nay cấu trúc này khá đơn giản, chủ yếu thể hiện các mối quan hệ trong nhà trường mà chưa thể hiện được hết các khía cạnh khác nhau của VHHD.

3. Cùng quan điểm nhấn mạnh chủ thể và các mối quan hệ trong cấu trúc VHHD, nhà nghiên cứu Trần Ngọc Thêm coi VHHD là một bộ phận của văn hóa giáo dục và văn hóa giáo dục, đến lượt mình, là một bộ phận của một nền văn hóa, từ đó tác giả đề xuất cấu trúc của VHHD theo mô hình sau:



Mô hình tổng hợp cấu trúc văn hóa học đường của Trần Ngọc Thêm [49]

Theo tác giả cấu trúc bên trong của VHHD được xét theo nhiều góc độ: *xét theo hoạt động văn hóa* thì VHHD bao gồm văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức và văn hóa ứng xử; *xét theo hoạt động sự phạm*, cấu trúc VHHD thể hiện quan hệ giao tiếp giữa thầy và trò, thông qua mắt xích tri thức; *xét theo bậc học*, VHHD gồm VHHD ở bậc phổ thông, đại học và sau đại học; *xét theo phương pháp sự phạm*, phân biệt VHHD phương pháp sự phạm lấy thầy làm trung tâm và lấy trò làm trung tâm; phân biệt *theo nhu cầu xã hội*: VHHD hướng đến ổn định xã hội và hướng đến phát triển xã hội. Mô hình tổng hợp cấu trúc của Trần Ngọc Thêm đã cung cấp một cách nhìn tổng quát và mối quan hệ đa chiều, có sự phân tầng trong cấu trúc của VHHD, trong đó trụ cột chính của VHHD là thầy, trò và tri thức.

4. Tác giả Phạm Văn Khanh quan niệm bản chất của VHHD là môi trường, là nơi mỗi cá nhân hoạt động trong đó có đủ điều kiện thể hiện mình một cách toàn vẹn nhất vì mục tiêu chung của cộng đồng. Do đó, cấu trúc nội dung của VHHD được tác giả nhìn nhận dưới bốn góc độ cơ bản: văn hóa môi trường, văn hóa tổ chức, văn hóa ứng xử và văn hóa chất lượng

SƠ ĐỒ CẤU TRÚC NỘI DUNG CỦA VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG



Sơ đồ cấu trúc nội dung của văn hóa học đường
của Phạm Văn Khanh [23]

PHỤ LỤC 2

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN

Phần 1: PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN (Dành cho sinh viên)

Xin chào các bạn,

Chúng tôi đang triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu về “*Văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội*”. Để có những thông tin nhận diện, đánh giá thực trạng văn hóa học đường trong các trường đại học, nhóm nghiên cứu rất mong nhận được thông tin, ý kiến của các bạn qua bảng khảo sát dưới đây. Chúng tôi cam kết bảo mật thông tin cá nhân của các bạn, và chỉ sử dụng thông tin trả lời vào mục đích nghiên cứu.

Xin trân trọng cảm ơn!

I. Thông tin cá nhân

1. Giới tính: Nam/Nữ
2. Sinh viên năm thứ nhất/ năm thứ hai/ năm thứ ba/ năm thứ tư
3. Trường đang học: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội/ Trường Đại học Ngoại thương/ Trường Đại học Giao thông vận tải
4. Trước khi học đại học, bạn sinh sống ở đâu: Thành phố/ thị xã, thị trấn/ Nông thôn/ Miền núi

II. Tìm hiểu chung

Câu 1: Theo bạn, văn hóa học đường có vai trò như thế nào trong trường đại học?

1. Rất không quan trọng
2. Không quan trọng
3. Ít quan trọng

4. Quan trọng
5. Rất quan trọng

III. Thực trạng Văn hóa học đường trong trường đại học

Phần A: Giá trị văn hóa học đường của trường đại học

Câu 2: Bạn biết đến các giá trị văn hóa học đường của trường mình qua kênh nào?

1. Qua các nội quy, quy định ở nhà trường
2. Qua tuần lễ sinh hoạt công dân
3. Qua kênh mạng xã hội
4. Qua bài giảng của giảng viên ở trên lớp, bài phát biểu của lãnh đạo nhà trường
5. Kênh khác

Câu 3: Bạn có hiểu rõ về giá trị cốt lõi mà trường bạn công bố không?

1. Hoàn toàn không hiểu rõ
2. Không hiểu rõ
3. Hiểu một phần
4. Hiểu rõ
5. Hoàn toàn hiểu rõ

Câu 4: Giá trị cốt lõi được thể hiện trong các hoạt động của nhà trường như thế nào?

1. Không tốt
2. Trung bình
3. Khá
4. Tốt

Phần B: Chuẩn mực trong học đường

Câu 5: Theo bạn, chuẩn mực trong học đường được thể hiện như thế nào trong trường bạn? Xin vui lòng sử dụng thang đo từ 1-5, trong đó 1- hoàn toàn không đồng ý; 2- không đồng ý; 3- phân vân; 4- đồng ý; 5- hoàn toàn đồng ý

STT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
5.1. Chuẩn mực trong dạy học						
1	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường luôn đổi mới, tích cực, sáng tạo, học hỏi, cầu tiến trong công tác chuyên môn					
2	Cán bộ, giảng viên nhà, nhân viên trường luôn gương mẫu, có trách nhiệm cao, tận tình trong các hoạt động của nhà trường					
3	Giảng viên luôn cải tiến phương pháp dạy học, cải tiến nội dung bài giảng					
4	Giảng viên luôn phản hồi các thắc mắc của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tận tình					
5	Sinh viên thực hiện đúng các nội quy, quy định của trường và quy chế đào tạo					
6	Sinh viên chủ động, tích cực hợp tác với giảng viên trong hoạt động giáo dục					
7	Sinh viên có ý thức tự học, rèn luyện tư duy độc lập và tinh thần học tập suốt đời					
8	Sinh viên cầu tiến, sáng tạo trong học tập					
9	Sinh viên phấn đấu trong học tập rèn luyện, tu dưỡng đạo đức					
5.2. Chuẩn mực trong ứng xử						
1	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường tôn trọng sinh viên					
2	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường đối xử công bằng, bình đẳng giữa các sinh viên					
3	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường quan tâm đến sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt, giúp đỡ, động viên sinh viên vượt qua khó khăn hoàn thành nhiệm vụ					

STT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
4	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường trung thực, tôn trọng, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ, học hỏi lẫn nhau					
5	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường giữ gìn đoàn kết nội bộ, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc					
6	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường giao tiếp đúng mực, thái độ lịch thiệp, giúp đỡ, hướng dẫn nhiệt tình với phụ huynh, khách và đối tác của nhà trường					
7	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường tích cực hội nhập, tiếp thu chọn lọc các giá trị văn hóa nhân loại, giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc					
8	Sinh viên kính trọng, lễ phép, tôn trọng cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường					
9	Sinh viên đoàn kết, tương thân tương ái, động viên giúp đỡ nhau trong học tập và cuộc sống					
10	Sinh viên có thái độ trung thực, tinh thần trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội					
11	Sinh viên tích cực tham gia các phong trào, hoạt động ở trường và các hoạt động thiện nguyện cộng đồng					
12	Sinh viên có thái độ lịch thiệp, hòa nhã, giúp đỡ nhiệt tình với khách, đối tác đến thăm, làm việc tại Trường					
13	Sinh viên ứng xử văn minh trên mạng xã hội					
5.3. Chuẩn mực trong tác phong						
1	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường có trang phục phù hợp với môi trường học đường					
2	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường có ngôn ngữ đúng mực					
3	Cán bộ, giảng viên nhà trường có tác phong làm việc gương mẫu, luôn đến đúng giờ và đảm bảo đúng quy định về thời gian học tập trên lớp					
4	Sinh viên trong trường có trang phục phù hợp với môi trường học đường					
5	Sinh viên sử dụng ngôn ngữ có phù hợp với lứa tuổi và môi trường học đường					
6	Sinh viên có lên lớp đúng giờ, không có tình trạng trốn học, bỏ tiết					

Phần C: Hoạt động văn hóa trong học đường

Câu 6: Bạn cho biết mức độ tham gia các hoạt động văn hóa trong trường của bạn như thế nào? Xin vui lòng sử dụng thang đo trong đó: 1- Không bao giờ; 2- Hiếm khi; 3-Thỉnh thoảng; 4- Thường xuyên; 5-Rất thường xuyên

STT	Các hoạt động	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Hoạt động đọc sách tại thư viện nhà trường, lớp học; tìm hiểu tri thức thông qua sách báo, tạp chí, các phương tiện truyền thông					
2	Hoạt động nói chuyện chuyên đề về văn hóa xã hội; tìm hiểu các lĩnh vực lịch sử, văn hóa truyền thống dân tộc					
3	Hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, nghệ thuật, thể thao, trò chơi giải trí...					
4	Hoạt động tuyên truyền, cổ động					
5	Hoạt động giao lưu giữa sinh viên trong và ngoài nước, các tổ chức xã hội khác					
6	Hoạt động biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, triển lãm, chiếu phim,...tổ chức gắn với các sự kiện, ngày hội, ngày lễ truyền thống					
7	Hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, nhân đạo, tình nguyện vì cộng đồng, bảo vệ môi trường					
8	Hoạt động khác của trường					

Câu 7: Nội dung của các hoạt động văn hóa mà bạn từng tham gia ở trên là gì? Tích vào “có” hoặc “không” với các nội dung sau:

STT	Nội dung các hoạt động văn hóa	Có	Không
1	Tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về văn hóa, ca ngợi thành tựu cách mạng Việt Nam		
2	Giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức xã hội, đạo lý làm người, ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân, lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc và lối sống văn hóa của người Việt Nam		
3	Ca ngợi quê hương đất nước, con người Việt Nam; biểu dương vinh danh tấm gương điển hình tiên tiến, các nhân tố tích cực trong ngành giáo dục		
4	Phát triển các loại hình văn hóa và giá trị nhân văn của văn hóa Việt Nam		

STT	Nội dung các hoạt động văn hóa	Có	Không
5	Phản ánh tâm tư, nguyện vọng, tình cảm, trách nhiệm của tuổi trẻ với bản thân, gia đình, nhà trường, quê hương, đất nước		
6	Tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị giữa các thế hệ sinh viên		
7	Phê phán những biểu hiện lệch lạc, tiêu cực trong quan hệ giữa con người với con người và với môi trường xung quanh; phê phán các biểu hiện lệch lạc, đua đòi, ham chơi, thích hưởng thụ; phòng chống tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực và bất bình đẳng giới trong học đường		
8	Nội dung khác		

Câu 8: Bạn tham gia các câu lạc bộ nào dưới đây của nhà trường? (có thể chọn nhiều phương án)

1. Câu lạc bộ nghệ thuật (hội họa, âm nhạc,...)
2. Câu lạc bộ nghiên cứu khoa học
3. Câu lạc bộ ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Trung...)
4. Câu lạc bộ thể thao
5. Câu lạc bộ kỹ năng sống
6. Câu lạc bộ tình nguyện
7. Câu lạc bộ truyền thông
8. Câu lạc bộ công tác xã hội
9. Câu lạc bộ khác

Câu 9: Bạn tham gia các hoạt động trên nhằm mục đích gì? (có thể chọn nhiều phương án)

1. Học hỏi, giao lưu, tiếp thu những giá trị văn hóa vùng miền, tinh hoa văn hóa nhân loại.
2. Tìm hiểu thêm một lĩnh vực, một nội dung nào đó mà mình quan tâm
3. Nâng cao đời sống tinh thần, khả năng cảm thụ văn hóa nghệ thuật
4. Hình thành lối sống lành mạnh, khoa học, có những thói quen tốt
5. Được cộng điểm thi
6. Làm đẹp hồ sơ sau khi tốt nghiệp
7. Thể hiện tài năng, giá trị bản thân
8. Tiếp cận các bạn khác giới
9. Lý do khác

Phần D: Biểu tượng, kiến trúc, cảnh quan học đường

Câu 10: Bạn có hiểu ý nghĩa logo, khẩu hiệu của trường mình không?

1. Không hiểu rõ
2. Không hiểu
3. Hiểu một phần
4. Hiểu rõ

Câu 11: Bạn có tự hào về các biểu tượng mang tính đặc trưng của trường mình không? (logo, màu áo, khẩu hiệu....)

1. Rất không tự hào
2. Không tự hào
3. Bình thường
4. Tự hào
5. Rất tự hào

Câu 12: Bạn hãy cho ý kiến về các hoạt động đối với kiến trúc, cảnh quan học đường bằng cách sử dụng thang đo sử dụng thang đo 1-5, trong đó 1- hoàn toàn không đồng ý; 2- không đồng ý; 3- phân vân; 4- đồng ý; 5- hoàn toàn đồng ý

STT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Nhà trường bố trí cảnh quan lớp học phù hợp					
2	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường luôn bảo vệ môi trường trong lớp học và khuôn viên nhà trường, giữ gìn cảnh quan nhà trường					
3	Sinh viên luôn bảo vệ môi trường trong lớp học và khuôn viên nhà trường, giữ gìn cảnh quan nhà trường					
4	Giảng viên, nhân viên hỗ trợ sử dụng tiết kiệm đúng mức các thiết bị, tài sản chung của nhà trường					
5	Sinh viên sử dụng tiết kiệm đúng mức các thiết bị, tài sản chung của nhà trường					

Phần E: Những yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa học đường trong trường đại học

Câu 13: Bạn cho biết mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sau đến văn hóa học đường trong trường đại học bằng cách sử dụng thang đo từ 1-5, trong đó: 1- hoàn toàn không ảnh hưởng; 2- ảnh hưởng ít; 3- ảnh hưởng trung bình; 4- ảnh hưởng nhiều; 5- hoàn toàn ảnh hưởng

STT	Các yếu tố	Mức độ tác động				
		1	2	3	4	5
1	Quá trình giao lưu, hội nhập toàn cầu					
2	Sự phát triển đột phá của khoa học công nghệ					
3	Sự phát triển của kinh tế thị trường					
4	Các xu hướng giáo dục đại học					
5	Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa, giáo dục					
6	Tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương					
7	Các yếu tố tích cực, hạn chế của văn hóa truyền thống dân tộc, địa phương, gia đình					
8	Các yếu tố thuộc về trường đại học như giảng viên, sinh viên, truyền thống lịch sử, cảnh quan, cơ sở vật chất....					

Câu 14: Bạn có cảm thấy được an toàn trong môi trường học đường không?

1. Rất không an toàn
2. Không an toàn
3. Bình thường
4. An toàn
5. Rất an toàn

Câu 15: Theo bạn, cần làm gì để nâng cao chất lượng văn hóa học đường trong trường đại học? (có thể chọn nhiều đáp án)

1. Quy định chặt chẽ, rõ ràng hơn về các hoạt động trong trường, quy tắc ứng xử trong nhà trường
2. Phát huy vai trò của các câu lạc bộ, các hoạt động vì cộng đồng
3. Tăng cường giao lưu quốc tế và đa dạng văn hóa
4. Nâng cao mối quan hệ giữa giảng viên và sinh viên
5. Đầu tư cho cơ sở vật chất nhà trường
6. Đẩy mạnh giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên, đặc biệt là định hướng việc làm cho sinh viên
7. Ý kiến khác...

Xin trân trọng cảm ơn!

Phần 2: PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN
(Dành cho cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường)

Xin chào các Quý Thầy/Cô!

Chúng tôi đang triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu về “*Văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội*”. Để có thêm thông tin nhận diện, đánh giá đúng thực trạng xây dựng văn hóa học đường trong các trường đại học hiện nay, nhóm nghiên cứu rất mong nhận được thông tin, ý kiến của Quý Thầy/Cô qua bảng khảo sát dưới đây. Chúng tôi cam kết bảo mật thông tin cá nhân của các Thầy/Cô, và chỉ sử dụng thông tin trả lời vào mục đích nghiên cứu.

Xin trân trọng cảm ơn!

I. Thông tin cá nhân

1. Tuổi:
2. Giới tính: Nam/Nữ
3. Chức vụ: Lãnh đạo/Giảng viên/Nhân viên
4. Học hàm, học vị: GS, PGS/Tiến sĩ/Thạc sĩ/Cử nhân/Khác
5. Đơn vị công tác: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội/ Trường Đại học Ngoại thương/ Trường Đại học Giao thông vận tải
6. Thâm niên công tác: Dưới 5 năm/ Từ 5 năm đến 10 năm/ Từ 10 năm đến 15 năm/ Trên 15 năm

II. Tìm hiểu chung

Câu 1: Thầy/Cô đánh giá như thế nào về vai trò của văn hóa học đường trong trường đại học?

1. Rất không quan trọng
2. Không quan trọng
3. Ít quan trọng
4. Quan trọng
5. Rất quan trọng

III. Thực trạng Văn hóa học đường trong trường đại học

Phần A: Giá trị văn hóa học đường của trường đại học

Câu 2: Thầy/Cô có hiểu rõ về giá trị cốt lõi mà nhà trường công bố không?

1. Hoàn toàn không hiểu rõ
2. Không hiểu rõ
3. Hiểu một phần
4. Hiểu rõ
5. Hoàn toàn hiểu rõ

Câu 3: Giá trị cốt lõi được thể hiện trong các hoạt động của nhà trường như thế nào?

1. Không tốt
2. Trung bình
3. Khá
4. Tốt

Phần B: Chuẩn mực trong học đường

Câu 4: Theo Thầy/Cô, chuẩn mực trong học đường được thể hiện như thế nào trong trường mình? Xin vui lòng sử dụng thang đo từ 1-5, trong đó 1- hoàn toàn không đồng ý; 2- không đồng ý; 3- phân vân; 4- đồng ý; 5- hoàn toàn đồng ý

STT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
4.1. Chuẩn mực trong dạy và học						
1	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường luôn đổi mới, tích cực, sáng tạo, học hỏi, cầu tiến trong công tác chuyên môn					
2	Cán bộ, giảng viên nhà, nhân viên trường luôn gương mẫu, có trách nhiệm cao, tận tình trong các hoạt động của nhà trường					
3	Giảng viên luôn cải tiến phương pháp dạy học, cải tiến nội dung bài giảng					
4	Giảng viên luôn phản hồi các thắc mắc của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tận tình					
5	Sinh viên thực hiện đúng các nội quy, quy định của trường và quy chế đào tạo					

STT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
6	Sinh viên chủ động, tích cực hợp tác với giảng viên trong hoạt động giáo dục					
7	Sinh viên có ý thức tự học, rèn luyện tư duy độc lập và tinh thần học tập suốt đời					
8	Sinh viên cầu tiến, sáng tạo trong học tập					
9	Sinh viên phấn đấu trong học tập rèn luyện, tu dưỡng đạo đức					
4.2. Chuẩn mực trong ứng xử						
1	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường tôn trọng sinh viên					
2	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường đối xử công bằng, bình đẳng giữa các sinh viên					
3	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường quan tâm đến sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt, giúp đỡ, động viên sinh viên vượt qua khó khăn hoàn thành nhiệm vụ					
4	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường trung thực, tôn trọng, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ, học hỏi lẫn nhau					
5	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường giữ gìn đoàn kết nội bộ, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc					
6	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường giao tiếp đúng mực, thái độ lịch thiệp, giúp đỡ, hướng dẫn nhiệt tình với phụ huynh, khách và đối tác của nhà trường					
7	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường tích cực hội nhập, tiếp thu chọn lọc các giá trị văn hóa nhân loại, giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc					
8	Sinh viên kính trọng, lễ phép, tôn trọng cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường					
9	Sinh viên đoàn kết, tương thân tương ái, động viên giúp đỡ nhau trong học tập và cuộc sống					
10	Sinh viên có thái độ trung thực, tinh thần trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội					
11	Sinh viên tích cực tham gia các phong trào, hoạt động ở trường và các hoạt động thiện nguyện cộng đồng					

STT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
12	Sinh viên có thái độ lịch thiệp, hòa nhã, giúp đỡ nhiệt tình với khách, đối tác đến thăm, làm việc tại Trường					
13	Sinh viên ứng xử văn minh trên mạng xã hội					
4.3. Chuẩn mực trong tác phong						
1	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường có trang phục phù hợp với môi trường học đường					
2	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường có ngôn ngữ đúng mực					
3	Cán bộ, giảng viên nhà trường có tác phong làm việc gương mẫu, luôn đến đúng giờ và đảm bảo đúng quy định về thời gian học tập trên lớp					
4	Sinh viên trong trường có trang phục phù hợp với môi trường học đường					
5	Sinh viên sử dụng ngôn ngữ có phù hợp với lứa tuổi và môi trường học đường					
6	Sinh viên có lên lớp đúng giờ, không có tình trạng trốn học, bỏ tiết					

Phần C: Hoạt động văn hóa trong học đường

Câu 5: Mức độ tổ chức các hoạt động văn hóa dưới đây trong trường Thầy/Cô như thế nào? Xin vui lòng sử dụng thang đo trong đó: *1- không bao giờ; 2- Hiếm khi; 3-Thỉnh thoảng; 4- Thường xuyên; 5-Rất thường xuyên*

STT	Các hoạt động	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Hoạt động đọc sách tại thư viện nhà trường, lớp học; tìm hiểu tri thức thông qua sách báo, tạp chí, các phương tiện truyền thông					
2	Hoạt động nói chuyện chuyên đề về văn hóa xã hội; tìm hiểu các lĩnh vực lịch sử, văn hóa truyền thống dân tộc					
3	Hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, nghệ thuật, thể thao, trò chơi giải trí...					
4	Hoạt động tuyên truyền, cổ động					
5	Hoạt động giao lưu giữa sinh viên trong và ngoài nước, các tổ chức xã hội khác					

6	Hoạt động biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, triển lãm, chiếu phim,...tổ chức gắn với các sự kiện, ngày hội, ngày lễ truyền thống					
7	Hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, nhân đạo, tình nguyện vì cộng đồng, bảo vệ môi trường					
8	Hoạt động khác của trường					

Câu 6: Theo Thầy/Cô, nội dung của các hoạt động văn hóa trên là gì?

Tích vào “có” hoặc “không” với các nội dung sau:

STT	Nội dung các hoạt động văn hóa	Có	Không
1	Tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về văn hóa, ca ngợi thành tựu cách mạng Việt Nam		
2	Giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức xã hội, đạo lý làm người, ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân, lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc và lối sống văn hóa của người Việt Nam		
3	Ca ngợi quê hương đất nước, con người Việt Nam; biểu dương vinh danh tấm gương điển hình tiên tiến, các nhân tố tích cực trong ngành giáo dục		
4	Phát triển các loại hình văn hóa và giá trị nhân văn của văn hóa Việt Nam		
5	Phản ánh tâm tư, nguyện vọng, tình cảm, trách nhiệm của tuổi trẻ với bản thân, gia đình, nhà trường, quê hương, đất nước		
6	Tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị giữa các thế hệ sinh viên		
7	Phê phán những biểu hiện lệch lạc, tiêu cực trong quan hệ giữa con người với con người và với môi trường xung quanh; phê phán các biểu hiện lệch lạc, đua đòi, ham chơi, thích hưởng thụ; phòng chống tệ nạn xã hội, các hành vi bạo lực và bất bình đẳng giới trong học đường		
8	Nội dung khác		

Câu 7: Thầy/Cô thể hiện ý kiến của mình về các hoạt động văn hóa trong trường mình bằng cách sử dụng thang đo trong đó: 1- hoàn toàn không đồng ý; 2- không đồng ý; 3-Phân vân; 4- đồng ý; 5- hoàn toàn đồng ý

STT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước					
2	Bảo đảm tính thẩm mỹ, phù hợp với các giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức xã hội; Tôn trọng đặc trưng văn hóa vùng miền, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa Việt Nam					
3	Phù hợp với lứa tuổi, tâm sinh lý của sinh viên; gần gũi với sinh viên					
4	Việc tổ chức lễ hội, nghi lễ, ngày truyền thống, ngày kỉ niệm được coi trọng					
5	Nội dung hấp dẫn, đa dạng					
6	Tổ chức dưới nhiều hình thức phong phú					
7	Hoạt động thu hút được nhiều sinh viên tham gia					
8	Sinh viên hào hứng tham gia các hoạt động meeting kỷ niệm, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao...					
9	Thầy/cô giáo hỗ trợ nhiệt tình trong các hoạt động của câu lạc bộ, các hoạt động văn hóa...					
10	Nhà trường khuyến khích, tạo điều kiện cho việc tổ chức các hoạt động văn hóa					

Phần D: Biểu tượng, kiến trúc, cảnh quan học đường

Câu 8: Thầy/Cô cho ý kiến về các hoạt động đối với kiến trúc, cảnh quan học đường bằng cách sử dụng thang đo sử dụng thang đo 1-5, trong đó 1- hoàn toàn không đồng ý; 2- không đồng ý; 3-phân vân; 4- đồng ý; 5- hoàn toàn đồng ý

STT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Nhà trường bố trí cảnh quan lớp học phù hợp					
2	Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường luôn bảo vệ môi trường trong lớp học và khuôn viên nhà trường, giữ gìn cảnh quan nhà trường					

3	Sinh viên luôn bảo vệ môi trường trong lớp học và khuôn viên nhà trường, giữ gìn cảnh quan nhà trường					
4	Giảng viên, nhân viên hỗ trợ sử dụng tiết kiệm đúng mức các thiết bị, tài sản chung của nhà trường					
5	Sinh viên sử dụng tiết kiệm đúng mức các thiết bị, tài sản chung của nhà trường					

Phần E: Những yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa học đường trong trường đại học

Câu 9: Thầy/Cô cho biết mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sau đến văn hóa học đường trong trường đại học bằng cách sử dụng thang đo trong đó: 1- hoàn toàn không ảnh hưởng; 2- ảnh hưởng ít; 3- ảnh hưởng trung bình; 4- ảnh hưởng nhiều; 5- hoàn toàn ảnh hưởng

STT	Các yếu tố	Mức độ tác động				
		1	2	3	4	5
1	Quá trình giao lưu, hội nhập toàn cầu					
2	Sự phát triển đột phá của khoa học công nghệ					
3	Sự phát triển của kinh tế thị trường					
4	Các xu hướng giáo dục đại học					
5	Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa, giáo dục					
6	Tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương					
7	Các yếu tố tích cực, hạn chế của văn hóa truyền thống dân tộc, địa phương, gia đình					
8	Các yếu tố thuộc về trường đại học như giảng viên, sinh viên, truyền thống lịch sử, cảnh quan, cơ sở vật chất....					

Câu 10: Thầy/Cô có từng trăn trở về vấn đề nào đặt ra Văn hóa học đường trong trường đại học hiện nay?

Xin trân trọng cảm ơn!

PHỤ LỤC 3
KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA SINH VIÊN

I. Thông tin cá nhân

1. Giới tính: Nam/Nữ

	Số lượng	Tỉ lệ %
Nam	326	50.9
Nữ	314	49.1
Tổng	640	100.0

2. Sinh viên năm thứ nhất/ năm thứ hai/ năm thứ ba/ năm thứ tư

	Số lượng	Tỉ lệ %
Năm thứ nhất	198	30.9
Năm thứ hai	166	25.9
Năm thứ ba	145	22.7
Năm thứ tư	131	20.5
Tổng	640	100.0

3. Trường đang học: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội/ Trường Đại học Ngoại thương/ Trường Đại học Giao thông vận tải

	Số lượng	Tỉ lệ %
Trường Đại học Giao thông vận tải	239	37.3
Trường Đại học Ngoại thương	205	32.0
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	196	30.6
Tổng	640	100.0

4. Trước khi học đại học, bạn sinh sống ở đâu: Thành phố/ thị xã, thị trấn/ Nông thôn/ Miền núi

	Số lượng	Tỉ lệ %
Thành phố	218	34.1
Thị xã/thị trấn	127	19.8
Nông thôn	256	40.0
Miền núi	39	6.1
Tổng	640	100.0

II. Tìm hiểu chung

Câu 1: Theo bạn, văn hóa học đường có vai trò như thế nào trong trường đại học?

Vai trò	Số lượng	Tỉ lệ %
Rất không quan trọng	59	9.2
Không quan trọng	1	0.2
Ít quan trọng	9	1.4
Quan trọng	193	30.2
Rất quan trọng	378	59.1
Tổng	640	100.0

III. Thực trạng Văn hóa học đường trong trường đại học

Phần A: Giá trị văn hóa học đường của trường đại học

Câu 2: Bạn biết đến các giá trị văn hóa học đường của trường mình qua kênh nào?

Nguồn thông tin	Số lượng	Tỉ lệ %
Qua các nội quy, quy định ở nhà trường	241	37.7
Qua tuần lễ sinh hoạt công dân	58	9.1
Qua kênh mạng xã hội	129	20.2
Qua bài giảng của giảng viên ở trên lớp, bài phát biểu của lãnh đạo nhà trường	173	27.0
Kênh khác	39	6.1
Tổng	640	100.0

Câu 3: Bạn có hiểu rõ về giá trị cốt lõi mà trường bạn công bố không?

	Số lượng	Tỉ lệ %
Hoàn toàn không hiểu rõ	9	1.41
Không hiểu rõ	24	3.75
Hiểu một phần	111	17.34
Hiểu rõ	407	63.59
Hoàn toàn hiểu rõ	89	13.91
Tổng	640	100.00

Câu 4: Giá trị cốt lõi được thể hiện trong các hoạt động của nhà trường như thế nào?

	Số lượng	Tỉ lệ %
Không tốt	21	3.28
Trung bình	56	8.75
Khá	127	19.84
Tốt	436	68.13
Tổng	640	100.00

Phần B: Chuẩn mực trong học đường

Câu 5: Theo bạn, chuẩn mực trong học đường được thể hiện như thế nào trong trường bạn? Xin vui lòng sử dụng thang đo từ 1-5, trong đó 1- hoàn toàn không đồng ý; 2- không đồng ý; 3- phân vân; 4- đồng ý; 5- hoàn toàn đồng ý

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C5.1.1 Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường luôn đổi mới, tích cực, sáng tạo, học hỏi, cầu tiến trong công tác chuyên môn	4.27	0.75	4.19	0.49	4.17	0.9	4.21	0.73

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sur phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C5.1.2 Cán bộ, giảng viên nhà, nhân viên trường luôn gương mẫu, có trách nhiệm cao, tận tình trong các hoạt động của nhà trường	4.32	0.76	4.24	0.52	4.23	0.83	4.26	0.72
C5.1.3 Giảng viên luôn cải tiến phương pháp dạy học, cải tiến nội dung bài giảng	4.18	0.7	4.17	0.61	4.16	0.85	4.17	0.72
C5.1.4 Giảng viên luôn phản hồi các thắc mắc của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tận tình	4.18	0.76	4.21	0.69	4.18	0.89	4.19	0.78
C5.1.5 Sinh viên thực hiện đúng các nội quy, quy định của trường và quy chế đào tạo	4.30	.77	4.29	.64	4.26	.88	4.28	.76
C5.1.6 Sinh viên chủ động, tích cực hợp tác với giảng viên trong hoạt động giáo dục	4.31	.77	4.22	.57	4.24	.88	4.26	.75
C5.1.7 Sinh viên có ý thức tự học, rèn luyện tư duy độc lập và tinh thần học tập suốt đời	4.30	.74	4.34	.61	4.24	.88	4.29	.75
C5.1.8 Sinh viên cầu tiến, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học	4.26	.76	4.22	.47	4.24	.88	4.24	.72
C5.1.9 Sinh viên phấn đấu trong học tập rèn luyện, tu dưỡng đạo đức	4.32	.76	4.37	.53	4.30	.86	4.33	.73

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sur phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C5.2.1 Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường tôn trọng sinh viên	4.28	.78	4.49	.55	4.34	.82	4.36	.73
C5.2.2 Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường đối xử công bằng, bình đẳng giữa các sinh viên	4.28	.78	4.37	.66	4.30	.82	4.32	.75
C5.2.3 Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường quan tâm đến sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt, giúp đỡ, động viên sinh viên vượt qua khó khăn hoàn thành nhiệm vụ	4.35	.75	4.44	.54	4.32	.84	4.37	.72
C5.2.4 Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường trung thực, tôn trọng, có tinh thần hợp tác, giúp đỡ, học hỏi lẫn nhau	4.36	.72	4.34	.69	4.34	.83	4.35	.75
C5.2.5 Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường giữ gìn đoàn kết nội bộ, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc	4.31	.72	4.44	.54	4.31	.82	4.35	.71

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C5.2.6 Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường giao tiếp đúng mực, thái độ lịch thiệp, giúp đỡ, hướng dẫn nhiệt tình với phụ huynh, khách và đối tác của nhà trường	4.33	.72	4.37	.62	4.35	.82	4.35	.72
C5.2.7 Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường tích cực hội nhập, tiếp thu chọn lọc các giá trị văn hóa nhân loại, giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc	4.34	.74	4.34	.61	4.36	.81	4.35	.72
C5.2.8 Sinh viên kính trọng, lễ phép, tôn trọng cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường	4.36	0.71	4.46	0.55	4.35	0.82	4.39	0.7
C5.2.9 Sinh viên đoàn kết, tương thân tương ái, đồng viên giúp đỡ nhau trong học tập và cuộc sống	4.31	0.73	4.41	0.49	4.27	0.88	4.33	0.72
C5.2.10 Sinh viên có thái độ trung thực, tinh thần trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội	4.19	0.7	4.18	0.49	4.2	0.83	4.19	0.69

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sur phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
	C5.2.11 Sinh viên tích cực tham gia các phong trào, hoạt động ở trường và các hoạt động thiện nguyện cộng đồng	4.26	0.74	4.39	0.54	4.31	0.84	4.32
C5.2.12 Sinh viên có thái độ lịch thiệp, hòa nhã, giúp đỡ nhiệt tình với khách, đối tác đến thăm, làm việc tại Trường	4.31	0.7	4.34	0.57	4.29	0.84	4.31	0.71
C5.2.13 Sinh viên ứng xử văn minh trên mạng xã hội	4.17	0.74	4.19	0.64	4.2	0.85	4.19	0.75
C5.3.1 Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường có trang phục phù hợp với môi trường học đường	4.31	.71	4.39	.54	4.30	.83	4.33	.70
C5.3.2 Cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường có ngôn ngữ đúng mục	4.31	.73	4.39	.58	4.26	.85	4.32	.73
C5.3.3 Cán bộ, giảng viên nhà trường có tác phong làm việc gương mẫu, luôn đến đúng giờ và đảm bảo đúng quy định về thời gian học tập trên lớp	4.30	.73	4.34	.57	4.26	.86	4.30	.73
C5.3.4 Sinh viên trong trường có trang phục phù hợp với môi trường học đường	4.27	.77	4.22	.68	4.23	.84	4.24	.77

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
	C5.3.5 Sinh viên sử dụng ngôn ngữ có phù hợp với lứa tuổi và môi trường học đường	4.27	.77	4.22	.72	4.22	.88	4.24
C5.3.6 Sinh viên có lên lớp đúng giờ, không có tình trạng trốn học, bỏ tiết	4.20	.88	4.17	.73	4.17	.89	4.18	.84

Phần C: Hoạt động văn hóa trong học đường

Câu 6: Bạn cho biết mức độ tham gia các hoạt động văn hóa trong trường của bạn như thế nào? Xin vui lòng sử dụng thang đo trong đó: 1- Không bao giờ; 2- Hiếm khi; 3-Thỉnh thoảng; 4- Thường xuyên; 5-Rất thường xuyên

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
	C5.1 Hoạt động đọc sách tại thư viện nhà trường, lớp học; tìm hiểu tri thức thông qua sách báo, tạp chí, các phương tiện truyền thông	3.82	.92	3.56	.74	3.83	.78	3.74
C5.2 Hoạt động nói chuyện chuyên đề về văn hóa xã hội; tìm hiểu các lĩnh vực lịch sử, văn hóa truyền thống dân tộc	3.83	.92	3.59	.70	3.89	.77	3.77	.82
C5.3 Hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, nghệ thuật, thể thao, trò chơi giải trí...	3.88	.95	3.93	.75	3.94	.85	3.91	.86

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Su phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C5.4 Hoạt động tuyên truyền, cổ động	3.81	.97	3.61	.82	3.91	.82	3.78	.89
C5.5 Hoạt động giao lưu giữa sinh viên trong và ngoài nước, các tổ chức xã hội khác	3.81	.96	3.73	.86	3.81	.92	3.78	.91
C5.6 Hoạt động biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, triển lãm, chiếu phim,... tổ chức gắn với các sự kiện, ngày hội, ngày lễ truyền thống	3.83	.95	3.93	.92	3.91	.82	3.89	.90
C5.7 Hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, nhân đạo, tình nguyện vì cộng đồng, bảo vệ môi trường	3.97	.81	3.78	.84	4.04	.75	3.93	.81
C5.8 Hoạt động khác	3.81	.96	3.68	.87	3.85	.89	3.78	.91

Câu 7: Nội dung của các hoạt động văn hóa mà bạn từng tham gia ở trên là gì? Tích vào “có” hoặc “không” với các nội dung sau:

Các hoạt động đã tham gia	Trả lời “có”		Trả lời “không”	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về văn hóa, ca ngợi thành tựu cách mạng Việt Nam	553	86.4%	87	13.60%
GD truyền thống tốt đẹp của DT, giá trị VH, chuẩn mực đạo đức xã hội, đạo lý làm người, ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân, lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc và LSVH VN	588	91.9%	52	8.10%

Các hoạt động đã tham gia	Trả lời “có”		Trả lời “không”	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Ca ngợi quê hương đất nước, con người Việt Nam; biểu dương vinh danh tấm gương điển hình tiên tiến, các nhân tố tích cực trong ngành giáo dục	602	94.1%	38	5.90%
Phát triển các loại hình văn hóa và giá trị nhân văn của văn hóa Việt Nam	557	87.0%	83	13.00%
Phản ánh tâm tư, nguyện vọng, tình cảm, trách nhiệm của tuổi trẻ với bản thân, gia đình, nhà trường, quê hương, đất nước	559	87.3%	81	12.70%
Tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị giữa các thế hệ sinh viên	581	90.8%	59	9.20%
Phê phán những biểu hiện lệch lạc, tiêu cực trong quan hệ giữa CN với CN và với MT xung quanh; biểu hiện lệch lạc, đua đòi, ham chơi, thích hưởng thụ; phòng chống TNXH, các HVBL và BBĐG trong học đường	572	89.4%	68	10.60%
Nội dung khác	417	65.2%	223	34.80%

Câu 8: Bạn có tham gia các câu lạc bộ nào dưới đây của nhà trường?

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		Tổng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
C8.1 Câu lạc bộ nghệ thuật (hội họa, âm nhạc,...)	35	14,6%	45	22,0%	43	21,9%	123	12.39%
C8.2 Câu lạc bộ nghiên cứu khoa học	24	10,0%	15	7,3%	44	22,4%	83	8.36%
C8.3 Câu lạc bộ ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Trung....)	25	10,5%	65	31,7%	23	11,7%	113	11.38%

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		Tổng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
C8.4 Câu lạc bộ thể thao	101	42,3%	30	14,6%	33	16,8%	164	25,6%
C8.5 Câu lạc bộ kỹ năng sống	27	11,3%	35	17,1%	23	11,7%	85	8.56%
C8.6 Câu lạc bộ tình nguyện	75	31,4%	35	17,1%	96	49,0%	206	20.75%
C8.7 Câu lạc bộ truyền thông	25	10,5%	25	12,2%	21	10,7%	71	7.15%
C8.8 Câu lạc bộ công tác xã hội	19	7,9%	15	7,3%	11	5,6%	45	4.53%
C8.9 Câu lạc bộ chuyên môn	37	15,5%	30	14,6%	36	18,4%	103	10.37%

Câu 9: Bạn tham gia các hoạt động trên nhằm mục đích gì? (có thể chọn nhiều phương án)

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		Tổng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
VAR00010 Học hỏi, giao lưu, tiếp thu những giá trị văn hóa vùng miền, tinh hoa văn hóa nhân loại.	186	77.8%	150	73.2%	166	84.7%	502	78.4%
VAR00009 Tìm hiểu thêm một lĩnh vực, một nội dung nào đó mà mình quan tâm	114	47.7%	135	65.9%	107	54.6%	356	55.6%
VAR00008 Nâng cao đời sống tinh thần, khả năng cảm thụ văn hóa nghệ thuật	112	46.9%	80	39.0%	97	49.5%	289	45.2%

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sur phạm Hà Nội		Tổng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
VAR00007 Hình thành lối sống lành mạnh, khoa học, có những thói quen tốt	110	46.0%	110	53.7%	109	55.6%	329	51.4%
VAR00006 Được cộng điểm thi	81	33.9%	55	26.8%	53	27.0%	189	29.5%
VAR00004 Làm đẹp hồ sơ sau khi tốt nghịệp	68	28.5%	100	48.8%	48	24.5%	216	33.8%
VAR00003 Thể hiện tài năng, giá trị bản thân	81	33.9%	85	41.5%	71	36.2%	237	37.0%
VAR00002 Tiếp cận các bạn khác giới	54	22.6%	15	7.3%	11	5.6%	80	12.5%
VAR00001 Lý do khác	44	18.4%	15	7.3%	17	8.7%	76	11.9%

Phần D: Biểu tượng, kiến trúc, cảnh quan học đường

Câu 10: Bạn có hiểu ý nghĩa logo, khẩu hiệu của trường mình không?

	Số lượng	Tỉ lệ %
Không hiểu rõ	28	4.38
Không hiểu	57	8.91
Hiểu một phần	182	28.44
Hiểu rõ	373	58.28
Total	640	100.0

Câu 11: Bạn có tự hào về các biểu tượng mang tính đặc trưng của trường mình không? (logo, màu áo, khẩu hiệu....)

	Số lượng	Tỉ lệ %
Rất không tự hào	18	2.8
Không tự hào	8	1.3
Bình thường	98	15.3
Tự hào	270	42.2
Rất tự hào	246	38.4
Total	640	100.0

Câu 12: Bạn hãy cho ý kiến về các hoạt động đối với kiến trúc, cảnh quan học đường bằng cách sử dụng thang đo sử dụng thang đo 1-5, trong đó 1- hoàn toàn không đồng ý; 2- không đồng ý; 3- phân vân; 4- đồng ý; 5- hoàn toàn đồng ý

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Su phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C12.1 Nhà trường bố trí cảnh quan, lớp học, khu phụ trợ phù hợp phục vụ cho các hoạt động học đường	4.17	.77	4.12	.67	4.16	.89	4.15	.78
C12.2 Giảng viên, nhân viên hỗ trợ luôn bảo vệ môi trường trong lớp học và khuôn viên nhà trường, giữ gìn cảnh quan nhà trường	4.23	.76	4.51	.50	4.25	.82	4.33	.72
C12.3 Sinh viên luôn bảo vệ môi trường trong lớp học và khuôn viên nhà trường, giữ gìn cảnh quan nhà trường	4.19	.79	4.29	.67	4.21	.81	4.23	.76

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C12.4 Giảng viên, nhân viên hỗ trợ sử dụng tiết kiệm đúng mức các thiết bị, tài sản chung của nhà trường	4.22	.76	4.47	.55	4.24	.80	4.31	.72
C12.5 Sinh viên sử dụng tiết kiệm đúng mức các thiết bị, tài sản chung của nhà trường	4.21	.76	4.37	.62	4.22	.77	4.26	.72

Phần E: Những yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa học đường trong trường đại học

Câu 13: Bạn cho biết mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sau đến văn hóa học đường trong trường đại học bằng cách sử dụng thang đo từ 1-5, trong đó: *1- hoàn toàn không ảnh hưởng; 2- ảnh hưởng ít; 3- ảnh hưởng trung bình; 4- ảnh hưởng nhiều; 5- hoàn toàn ảnh hưởng*

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C13.1 Quá trình giao lưu, hội nhập toàn cầu	4.04	.83	3.98	.75	3.94	.88	3.99	.82
C13.2 Sự phát triển đột phá của khoa học công nghệ	4.08	.85	4.06	.70	4.01	.81	4.05	.79
C13.3 Sự phát triển của kinh tế thị trường	4.09	.85	3.93	.78	3.91	.85	3.98	.83

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Su phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C13.4 Các xu hướng giáo dục đại học	4.10	.84	4.12	.77	4.04	.82	4.09	.81
C13.5 Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa, giáo dục	4.12	.82	3.92	.90	4.06	.82	4.04	.85
C13.6 Tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương	4.07	.85	4.02	.84	4.00	.85	4.03	.85
C13.7 Các yếu tố tích cực, hạn chế của văn hóa truyền thống dân tộc, địa phương, gia đình	4.08	.85	3.91	.79	4.00	.82	4.00	.82
C13.8 Các yếu tố thuộc về trường đại học như giảng viên, sinh viên, truyền thống lịch sử, cảnh quan, cơ sở vật chất....	4.22	.84	4.17	.66	4.24	.89	4.21	.80

Câu 14: Bạn có cảm thấy được an toàn trong môi trường học đường không?

	Số lượng	Tỉ lệ %
Rất không an toàn	14	2.2
Không an toàn	4	0.6
Bình thường	148	23.1
An toàn	296	46.3
Rất an toàn	178	27.8
Tổng	640	100.0

Câu 15: Theo bạn, cần làm gì để nâng cao chất lượng văn hóa học đường trong trường đại học? (có thể chọn nhiều đáp án)

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		Tổng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
VAR00011 Quy định chặt chẽ, rõ ràng hơn về các hoạt động trong trường, quy tắc ứng xử trong nhà trường	156	65.3%	140	68.3%	140	71.4%	436	68.1%
VAR00012 Phát huy vai trò của các câu lạc bộ, các hoạt động vì cộng đồng	124	51.9%	120	58.5%	115	58.7%	359	56.1%
VAR00013 Tăng cường giao lưu quốc tế và đa dạng văn hóa	119	49.8%	100	48.8%	103	52.6%	322	50.3%
VAR00014 Nâng cao mối quan hệ giữa giảng viên và sinh viên	122	51.0%	145	70.7%	104	53.1%	371	58.0%
VAR00015 Đầu tư cho cơ sở vật chất nhà trường	123	51.5%	125	61.0%	106	54.1%	354	55.3%
VAR00016 Đẩy mạnh giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên, đặc biệt là định hướng việc làm cho sinh viên	132	55.2%	125	61.0%	123	62.8%	380	59.4%

PHỤ LỤC 4
KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN,
NHÂN VIÊN NHÀ TRƯỜNG

I. Thông tin cá nhân**1. Tuổi:**

	Số lượng	Tỉ lệ %
< 35 tuổi	18	11
> 35 tuổi	146	89
Tổng	164	100

2. Giới tính: Nam/Nữ

	Số lượng	Tỉ lệ %
Nam	41	25
Nữ	123	75
Tổng	164	100

3. Chức vụ: Lãnh đạo/Giảng viên/Nhân viên

	Số lượng	Tỉ lệ %
Giảng viên	93	56.7
Lãnh đạo (cấp trường, khoa, ban..)	27	16.5
Nhân viên	44	26.8
Tổng	164	100

4. Học hàm, học vị: GS, PGS/Tiến sĩ/Thạc sĩ/Cử nhân/Khác

	Số lượng	Tỉ lệ %
Cử nhân	20	12.2
GS/PGS	11	6.7
Thạc sĩ	82	50
Tiến sĩ	51	31.1
Tổng	164	100

5. Đơn vị công tác: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội/ Trường Đại học Ngoại thương/ Trường Đại học Giao thông vận tải

	Số lượng	Tỉ lệ %
Trường Đại học Giao thông vận tải	52	31.7
Trường Đại học Ngoại thương	52	31.7
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	60	36.6
Tổng	164	100

6. Thâm niên công tác: Dưới 5 năm/ Từ 5 năm đến 10 năm/ Từ 10 năm đến 15 năm/ Trên 15 năm

	Số lượng	Tỉ lệ %
Dưới 5 năm	10	6.1
Trên 15 năm	89	54.3
Từ 10 đến 15 năm	49	29.9
Từ 5 năm đến 10 năm	16	9.8
Tổng	164	100

II. Tìm hiểu chung

Câu 1: Thầy/Cô đánh giá như thế nào về vai trò của văn hóa học đường trong trường đại học?

	Số lượng	Tỉ lệ %
Rất không quan trọng	10	6.1
Quan trọng	26	15.8
Rất quan trọng	128	78.1
Tổng	164	100

III. Thực trạng Văn hóa học đường trong trường đại học

Phần A: Giá trị văn hóa học đường của trường đại học

Câu 2: Thầy/Cô có hiểu rõ về giá trị cốt lõi mà nhà trường công bố không?

	Số lượng	Tỉ lệ %
Hoàn toàn không hiểu rõ	0	0.00
Không hiểu rõ	2	1.22
Hiểu một phần	14	8.54
Hiểu rõ	57	34.76
Hoàn toàn hiểu rõ	91	55.49
Tổng	164	100.00

Câu 3: Giá trị cốt lõi được thể hiện trong các hoạt động của nhà trường như thế nào?

	Số lượng	Tỉ lệ %
Không tốt	0	0.00
Trung bình	9	5.49
Khá	37	22.56
Tốt	118	71.95
Tổng	164	100.00

Phần B: Chuẩn mực trong học đường

Câu 4: Theo Thầy/Cô, chuẩn mực trong học đường được thể hiện như thế nào trong trường mình? Xin vui lòng sử dụng thang đo từ 1-5, trong đó 1- hoàn toàn không đồng ý; 2- không đồng ý; 3- phân vân; 4- đồng ý; 5- hoàn toàn đồng ý

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sur phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C4.1.1 Cán bộ. giảng viên. nhân viên nhà trường luôn đổi mới. tích cực. sáng tạo. học hỏi. cầu tiến trong công tác chuyên môn	4.31	0.61	4.24	0.49	4.28	0.53	4.28	0.54

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Su phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C4.1.2 Cán bộ, giảng viên nhà, nhân viên trường luôn gương mẫu, có trách nhiệm cao, tận tình trong các hoạt động của nhà trường	4.28	0.5	4.23	0.49	4.27	0.5	4.26	0.49
C4.1.3 Giảng viên luôn cải tiến phương pháp dạy học, cải tiến nội dung bài giảng	4.23	0.5	4.28	0.54	4.25	0.54	4.25	0.52
C4.1.4 Giảng viên luôn phản hồi các thắc mắc của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tận tình	4.36	0.5	4.22	0.58	4.23	0.59	4.27	0.56
C4.1.5 Sinh viên thực hiện đúng các nội quy, quy định của trường và quy chế đào tạo	4.14	0.67	4.32	0.59	4.23	0.6	4.23	0.62
C4.1.6 Sinh viên chủ động, tích cực hợp tác với giảng viên trong hoạt động giáo dục	4.21	0.57	4.31	0.6	4.2	0.6	4.24	0.59
C4.1.7 Sinh viên có ý thức tự học, rèn luyện tư duy độc lập và tinh thần học tập suốt đời	4.24	0.6	4.38	0.59	4.16	0.63	4.26	0.61
C4.1.8 Sinh viên cầu tiến, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học	4.17	0.48	4.28	0.5	4.23	0.6	4.23	0.53
C4.1.9 Sinh viên phấn đấu trong học tập rèn luyện, tu dưỡng đạo đức	4.16	0.63	4.16	0.57	4.2	0.65	4.17	0.62

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Su phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C4.2.1 Cán bộ. giảng viên. nhân viên nhà trường tôn trọng sinh viên	4.60	.50	4.58	.50	4.57	.50	4.58	.50
C4.2.2 Cán bộ. giảng viên. nhân viên nhà trường đối xử công bằng. bình đẳng giữa các sinh viên	4.62	.49	4.67	.47	4.63	.49	4.64	.48
C4.2.3 Cán bộ. giảng viên. nhân viên nhà trường quan tâm đến sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt. giúp đỡ. động viên sinh viên vượt qua khó khăn hoàn thành nhiệm vụ	4.54	.50	4.63	.49	4.60	.49	4.59	.49
C4.2.4 Cán bộ. giảng viên. nhân viên nhà trường trung thực. tôn trọng. có tinh thần hợp tác. giúp đỡ. học hỏi lẫn nhau	4.56	.50	4.62	.49	4.58	.50	4.59	.49
C4.2.5 Cán bộ. giảng viên. nhân viên nhà trường giữ gìn đoàn kết nội bộ. có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc	4.52	.58	4.60	.53	4.58	.50	4.57	.53
C4.2.6 Cán bộ. giảng viên. nhân viên nhà trường giao tiếp đúng mục. thái độ lịch thiệp. giúp đỡ. hướn dẫn nhiệt tình với phụ huynh. khách và đối tác của nhà trường	4.56	.57	4.62	.49	4.58	.50	4.59	.52

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Su phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C4.2.7 Cán bộ. giảng viên. nhân viên nhà trường tích cực hội nhập. tiếp thu chọn lọc các giá trị văn hóa nhân loại. giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc	4.42	.64	4.60	.50	4.57	.50	4.53	.55
C4.2.8 Sinh viên kính trọng. lễ phép. tôn trọng cán bộ. giảng viên. nhân viên nhà trường	4.34	0.64	4.28	0.61	4.37	0.59	4.33	0.61
C4.2.9 Sinh viên đoàn kết. trương thân tương ái. động viên giúp đỡ nhau trong học tập và cuộc sống	4.27	0.69	4.4	0.66	4.38	0.64	4.35	0.66
C4.2.10 Sinh viên có thái độ trung thực. tinh thần trách nhiệm với bản thân. gia đình. xã hội	4.16	0.64	4.15	0.61	4.22	0.6	4.18	0.61
C4.2.11 Sinh viên tích cực tham gia các phong trào. hoạt động ở trường và các hoạt động thiện nguyện cộng đồng	4.31	0.78	4.4	0.58	4.47	0.57	4.39	0.65
C4.2.12 Sinh viên có thái độ lịch thiệp. hòa nhã. giúp đỡ nhiệt tình với khách. đối tác đến thăm. làm việc tại Trường	4.35	0.81	4.34	0.58	4.45	0.6	4.38	0.67

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Su phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C4.2.13 Sinh viên ứng xử văn minh trên mạng xã hội	4.12	0.9	4.19	0.73	4.27	0.71	4.19	0.79
C4.3.1 Cán bộ. giảng viên. nhân viên nhà trường có trang phục phù hợp với môi trường học đường	4.44	.61	4.58	.54	4.52	.54	4.51	.56
C4.3.2 Cán bộ. giảng viên. nhân viên nhà trường có ngôn ngữ đúng mục	4.56	.50	4.54	.50	4.52	.50	4.54	.50
C4.3.3 Cán bộ. giảng viên nhà trường có tác phong làm việc gương mẫu. luôn đến đúng giờ và đảm bảo đúng quy định về thời gian học tập trên lớp	4.52	.67	4.52	.58	4.50	.57	4.51	.60
C4.3.4 Sinh viên trong trường có trang phục phù hợp với môi trường học đường	4.15	1.02	4.17	0.76	4.27	0.8	4.20	0.86
C4.3.5 Sinh viên sử dụng ngôn ngữ có phù hợp với lứa tuổi và môi trường học đường	4.1	0.96	4.2	0.69	4.24	0.73	4.18	0.8
C4.3.6 Sinh viên có lên lớp đúng giờ. không có tình trạng trốn học. bỏ tiết	4.04	1.03	4.19	0.79	4.26	0.76	4.16	0.86

Phần C: Hoạt động văn hóa trong học đường

Câu 5: Mức độ tổ chức các hoạt động văn hóa dưới đây trong trường Thầy/Cô như thế nào? Xin vui lòng sử dụng thang đo trong đó: 1- không bao giờ; 2- Hiếm khi; 3- Thỉnh thoảng; 4- Thường xuyên; 5-Rất thường xuyên

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C5.1 Hoạt động đọc sách tại thư viện nhà trường. lớp học; tìm hiểu tri thức thông qua sách báo. tạp chí. các phương tiện truyền thông	3.73	.74	4.06	.78	4.00	.76	3.93	.77
C5.2 Hoạt động nói chuyện chuyên đề về văn hóa xã hội; tìm hiểu các lĩnh vực lịch sử. văn hóa truyền thống dân tộc	3.71	.89	4.00	.74	3.88	.74	3.87	.80
C5.3 Hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa. văn nghệ. nghệ thuật. thể thao. trò chơi giải trí...	4.23	.65	4.31	.64	4.30	.62	4.28	.63
C5.4 Hoạt động tuyên truyền. cổ động	4.10	.66	4.23	.65	4.20	.66	4.18	.65
C5.5 Hoạt động giao lưu giữa sinh viên trong và ngoài nước. các tổ chức xã hội khác	4.04	.77	4.10	.75	4.02	.75	4.05	.75
C5.6 Hoạt động biểu diễn văn hóa. nghệ thuật. triển lãm. chiếu phim....tổ chức gắn với các sự kiện. ngày hội. ngày lễ truyền thống	3.90	.77	4.21	.70	4.13	.72	4.09	.74
C5.7 Hoạt động đền ơn đáp nghĩa. uống nước nhớ nguồn. nhân đạo. tình nguyện vì cộng đồng. bảo vệ môi trường	4.29	.70	4.21	.70	4.15	.71	4.21	.70
C5.8 Hoạt động khác	3.62	.99	4.00	.84	3.90	.80	3.84	.89

Câu 6: Theo Thầy/Cô, nội dung của các hoạt động văn hóa trên là gì? Tích vào “có” hoặc “không” với các nội dung sau:

Các hoạt động	Trả lời “có”		Trả lời “không”	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về văn hóa, ca ngợi thành tựu cách mạng Việt Nam	150	91.5%	14	8.50%
GD truyền thống tốt đẹp của DT, giá trị VH, chuẩn mực đạo đức xã hội, đạo lý làm người, ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân, lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc và LSVH VN	157	95.7%	7	4.30%
Ca ngợi quê hương đất nước, con người Việt Nam; biểu dương vinh danh tấm gương điển hình tiên tiến, các nhân tố tích cực trong ngành giáo dục	151	92.1%	13	7.90%
Phát triển các loại hình văn hóa và giá trị nhân văn của văn hóa Việt Nam	145	88.4%	19	11.60%
Phản ánh tâm tư, nguyện vọng, tình cảm, trách nhiệm của tuổi trẻ với bản thân, gia đình, nhà trường, quê hương, đất nước	153	93.3%	11	6.70%
Tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị giữa các thế hệ sinh viên	153	93.3%	11	6.70%
Phê phán những biểu hiện lệch lạc, tiêu cực trong quan hệ giữa CN với CN và với MT xung quanh; biểu hiện lệch lạc, đua đòi, ham chơi, thích hưởng thụ; phòng chống TNXH, các HVBL và BBĐG trong học đường	150	91.5%	14	8.50%
Nội dung khác	106	64.6%	58	35.40%

Câu 7: Thầy/Cô thể hiện ý kiến của mình về các hoạt động văn hóa trong trường mình bằng cách sử dụng thang đo trong đó: 1- hoàn toàn không đồng ý; 2- không đồng ý; 3-Phân vân; 4- đồng ý; 5- hoàn toàn đồng ý

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C7.1 Đúng chủ trương. đường lối của Đảng. chính sách pháp luật của nhà nước	4.52	.50	4.56	.50	4.50	.50	4.52	.50
C7.2 Bảo đảm tính thẩm mỹ. phù hợp với các giá trị văn hóa. chuẩn mực đạo đức xã hội; Tôn trọng đặc trưng văn hóa vùng miền. thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa Việt Nam	4.46	.50	4.54	.50	4.45	.50	4.48	.50
C7.3 Phù hợp với lứa tuổi. tâm sinh lý của sinh viên; gần gũi với sinh viên	4.52	.50	4.56	.50	4.45	.50	4.51	.50
C7.4 Việc tổ chức lễ hội. nghỉ lễ. ngày truyền thống. ngày kỉ niệm được coi trọng	4.60	.50	4.62	.49	4.52	.50	4.57	.50
C7.5 Nội dung hấp dẫn. đa dạng	4.12	.55	4.44	.57	4.33	.57	4.30	.58
C7.6 Tổ chức dưới nhiều hình thức phong phú	4.15	.50	4.44	.57	4.35	.55	4.32	.55
C7.7 Hoạt động thu hút được nhiều sinh viên tham gia	4.15	.57	4.42	.57	4.30	.56	4.29	.58
C7.8 Sinh viên hào hứng tham gia các hoạt động meeting kỷ niệm. hoạt động văn hóa. văn nghệ. thể thao...	4.23	.51	4.44	.54	4.37	.52	4.35	.53

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C7.9 Thầy/cô giáo hỗ trợ nhiệt tình trong các hoạt động của câu lạc bộ. các hoạt động văn hóa...	4.35	.59	4.44	.57	4.37	.55	4.38	.57
C7.10 Nhà trường khuyến khích. tạo điều kiện cho việc tổ chức các hoạt động văn hóa	4.40	.60	4.56	.54	4.47	.54	4.48	.56

Phần D: Biểu tượng, kiến trúc, cảnh quan học đường

Câu 8: Thầy/Cô cho ý kiến về các hoạt động đối với kiến trúc, cảnh quan học đường bằng cách sử dụng thang đo sử dụng thang đo 1-5, trong đó 1- hoàn toàn không đồng ý; 2- không đồng ý; 3- phân vân; 4- đồng ý; 5- hoàn toàn đồng ý

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C8.1 Nhà trường bố trí cảnh quan. lớp học. khu phụ trợ phù hợp phục vụ cho các hoạt động học đường	4.02	.80	4.40	.60	4.27	.63	4.23	.70
C8.2 Giảng viên. nhân viên hỗ trợ luôn bảo vệ môi trường trong lớp học và khuôn viên nhà trường. giữ gìn cảnh quan nhà trường	4.38	.60	4.48	.54	4.37	.55	4.41	.56

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C8.3 Sinh viên luôn bảo vệ môi trường trong lớp học và khuôn viên nhà trường. giữ gìn cảnh quan nhà trường	4.02	.70	4.35	.62	4.20	.66	4.19	.67
C8.4 Giảng viên. nhân viên hỗ trợ sử dụng tiết kiệm đúng mức các thiết bị. tài sản chung của nhà trường	4.31	.67	4.38	.60	4.27	.61	4.32	.62
C8.5 Sinh viên sử dụng tiết kiệm đúng mức các thiết bị. tài sản chung của nhà trường	4.04	.68	4.29	.61	4.13	.62	4.15	.64

Phần E: Những yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa học đường trong trường đại học

Câu 9: Thầy/Cô cho biết mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sau đến văn hóa học đường trong trường đại học bằng cách sử dụng thang đo trong đó: *1- hoàn toàn không ảnh hưởng; 2- ảnh hưởng ít; 3- ảnh hưởng trung bình; 4- ảnh hưởng nhiều; 5- hoàn toàn ảnh hưởng*

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Sư phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C9.1 Quá trình giao lưu. hội nhập toàn cầu	3.87	.79	4.00	.79	3.95	.75	3.94	.77
C9.2 Sự phát triển đột phá của khoa học công nghệ	4.15	.85	4.10	.87	4.03	.82	4.09	.84

	Trường Đại học Giao thông vận tải		Trường Đại học Ngoại thương		Trường Đại học Su phạm Hà Nội		Tổng	
	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
C9.3 Sự phát triển của kinh tế thị trường	4.19	.74	4.13	.86	4.08	.83	4.13	.81
C9.4 Các xu hướng giáo dục đại học	4.10	1.00	4.12	.83	4.05	.79	4.09	.87
C9.5 Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa, giáo dục	4.08	1.06	4.06	.92	4.05	.83	4.06	.93
C9.6 Kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương	4.08	1.06	4.04	.91	4.03	.82	4.05	.93
C9.7 Các yếu tố tích cực, hạn chế của văn hóa truyền thống dân tộc, địa phương, gia đình	3.96	.82	3.98	.78	3.98	.77	3.98	.78
C9.8 Các yếu tố thuộc về trường đại học như giảng viên, sinh viên, truyền thống lịch sử, cảnh quan, cơ sở vật chất....	4.33	.76	4.23	.78	4.18	.75	4.24	.76

PHỤ LỤC 5
PHIẾU PHỎNG VẤN SÂU
(Dành cho sinh viên)

Xin chào các bạn,

Chúng tôi đang triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu về **“Văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội”**. Để có những thông tin nhận diện, đánh giá thực trạng văn hóa học đường trong các trường đại học, nhóm nghiên cứu rất mong nhận được thông tin, ý kiến của các bạn qua các câu hỏi dưới đây. Chúng tôi cam kết bảo mật thông tin cá nhân của các bạn, và chỉ sử dụng thông tin trả lời vào mục đích nghiên cứu.

Câu 1: Theo các bạn văn hóa học đường vai trò gì đối với trường đại học không?

Câu 2: Bạn đã nghe đến hệ giá trị văn hóa học đường bao giờ chưa? Trên kênh thông tin nào? Bạn thấy giá trị nào được đề cao hơn cả và điều đó thể hiện như thế nào?

Câu 3: Bạn thấy sinh viên trường mình như thế nào trên các khía cạnh sau:

- Về học tập (có nghiêm túc lắng nghe, có phản biện trong giờ học, có tích cực tham gia đóng góp ý kiến, có tình trạng đi học muộn, ngủ gật trong giờ hay làm việc riêng, không quan tâm đến giờ giảng...không?

- Về mối quan hệ: sinh viên với sinh viên (có giúp đỡ nhau, có đoàn kết không? Có hiện tượng chia bè phái, phân biệt vùng miền không?...); sinh viên với giảng viên, cán bộ, nhân viên (có tôn trọng thầy, cô ở trên giảng đường và cả bên ngoài giảng đường không? Có hiện tượng chửi bậy, nói xấu thầy, cô giáo không? Có bức xúc gì với hành vi, ứng xử của các thầy, cô giáo không?...); sinh viên với các tổ chức khác ngoài nhà trường (gặp khách đến trường thì như thế nào? Với các tổ chức tuyển dụng hay hướng nghiệp thì như thế nào?...). Bạn có thể kể về một trải nghiệm tích cực hoặc tiêu cực mà mình trải qua?

- Về tác phong: có tuân thủ nội quy, quy chế nhà trường không? Có trình trạng đi học muộn không? Bạn thấy như thế nào về đồng phục nhà trường? có hiện tượng sinh viên nói tục chửi bậy, hay lói lóng không? Có thể kể về một vài hiện tượng mà bạn ấn tượng

Câu 4: Các bạn có hay tham gia các hoạt động văn hóa ở trường không? (các hoạt động đọc sách, hoạt động câu lạc bộ, hoạt động giao lưu sinh viên, hoạt động biểu diễn văn hóa nghệ thuật, hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng...). Bạn thấy cần phải tham gia các hoạt động này không và mục đích tham gia của bạn là gì? Bạn ấn tượng nhất với hoạt động nào mà nhà trường tổ chức? Hoạt động nào bạn thấy nhàm chán nhất mà vẫn phải tham gia?

Câu 5: Các bạn hiểu ý nghĩa logo và câu khẩu hiệu của trường mình không? Bạn có hài lòng với cảnh quan, kiến trúc của nhà trường trong phục vụ hoạt động dạy học, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng không? Theo các bạn có cần hoàn thiện gì thêm không?

Bạn ấn tượng nhất điểm gì trong cơ sở vật chất, cảnh quan, kiến trúc của trường mình?

Câu 6: Các bạn có gặp khó khăn gì trong việc hòa nhập với môi trường văn hóa học đường trong trường đại học không? Theo các bạn để cải thiện cần có những giải pháp gì?

Chân thành cảm ơn sự chia sẻ của bạn!

PHỤ LỤC 6
PHIẾU PHỎNG VẤN SÂU
(Dành cho cán bộ, giảng viên, nhân viên nhà trường)

Xin chào các Quý Thầy/Cô!

Chúng tôi đang triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu về “*Văn hóa học đường trong trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội*”. Để có thêm thông tin nhận diện, đánh giá đúng thực trạng xây dựng văn hóa học đường trong các trường đại học hiện nay, nhóm nghiên cứu rất mong nhận được thông tin, ý kiến của Quý Thầy/Cô qua các câu hỏi dưới đây. Chúng tôi cam kết bảo mật thông tin cá nhân của các Thầy/Cô, và chỉ sử dụng thông tin trả lời vào mục đích nghiên cứu.

Câu 1: Theo Thầy/Cô văn hóa học đường trong trường đại học được tạo nên bởi những nhân tố nào? Và nó có vai trò gì đối với sự phát triển của nhà trường?

Câu 2: Theo Thầy/Cô hệ giá trị văn hóa học đường của trường mình được thể hiện như thế nào?

Câu 3: Thầy/Cô có thể chia sẻ về các chuẩn mực trong trường mình được không? Và các chuẩn mực đó được thể hiện như thế nào (với giảng viên, sinh viên, nhà quản lý)? Giá trị, chuẩn mực nào được nhà trường mình coi trọng?

Câu 4: Hiện tại ở trường Thầy/Cô, các hoạt động văn hóa diễn ra như thế nào? Thầy/Cô có ấn tượng với hoạt động nào nhất không? Thầy/Cô có tham gia các hoạt động đó không?

Theo Thầy/Cô cần có biện pháp gì để khuyến khích các hoạt động văn hóa trong nhà trường và tăng cường kết nối giữa nhà trường với sinh viên và cộng đồng?

Câu 5: Thầy/Cô có hài lòng với cảnh quan, kiến trúc của nhà trường trong phục vụ hoạt động dạy học, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng không? Theo Thầy/Cô có cần hoàn thiện gì thêm không?

Câu 6: Để xây dựng và hình thành văn hóa học đường gắn với đặc trưng, sứ mệnh của nhà trường, kiến tạo bản sắc, thương hiệu của nhà trường trong bối cảnh mới, theo các thầy cô có những thời cơ và thách thức nào? Cần phải tiến hành những nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm nào?

Chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của các thầy cô!

PHỤ LỤC 7
DANH SÁCH PHÒNG VẤN SÂU (đã được mã hóa)

STT	Họ và tên		Địa chỉ	Mã hóa
1.	ThS	A	Giảng viên, Trường Đại học Giao thông vận tải	GV1
2.	TS	B	Giảng viên, Trường Đại học Giao thông vận tải	GV2
3.	PGS.TS	C	Phó Trưởng phòng, Trường Đại học Giao thông vận tải	CBQL1
4.	PGS.TS	D	Giảng viên, Trường khoa, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	CBQL2
5.	TS	M	Trưởng phòng, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	CBQL3
6.	TS.	N	Giảng viên, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	GV3
7.	TS..	P	Giảng viên, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	GV4
8.	TS	H	Trưởng khoa, Trường Đại học Ngoại thương	CBQL4
9.	ThS	T	Giảng viên, Trường Đại học Ngoại thương	GV5
10.	ThS	Q	Giảng viên, Trường Đại học Ngoại thương	GV6
11.		Đinh N.K.	Nam, 19 tuổi, sinh viên, Trường Đại học Giao thông Vận tải	SV1
12.		Nguyễn T.P.T	Nữ, 22 tuổi, sinh viên, Trường Đại học Giao thông Vận tải	SV2
13.		Đinh C.H.	Nam, 20 tuổi, sinh viên, Trường Đại học Giao thông Vận tải	SV3
14.		N.T.K.O	Nữ, 21 tuổi, sinh viên, Trường Đại học Ngoại thương	SV4
15.		D.N.N.A	Nữ, 23 tuổi, sinh viên, Trường Đại học Ngoại thương	SV5
16.		L.T.Q	Nam, 20 tuổi, sinh viên, Trường Đại học Ngoại thương	SV6
17.		B.T.H	Nữ, 20 tuổi, sinh viên, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	SV7
18.		H.V.H	Nam, 21 tuổi, sinh viên, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	SV8
19.		N.T.H.T	Nữ, 22 tuổi, sinh viên, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	SV9

PHỤ LỤC 8 MỘT SỐ HÌNH ẢNH

1. Trường đại học Sư phạm Hà Nội



Ảnh 1. Toàn cảnh trước nhà Hiệu bộ trường ĐHSPhN
(NCS chụp, tháng 8/2024)



Ảnh 2. Chùa Thánh Chúa trong khuôn viên trường ĐHSPhN
(NCS chụp, tháng 8/2024)



Ảnh 3. Trường ĐHSPTHN làm việc với đại diện đại học Auckland (New Zealand về các hoạt động giáo dục (nguồn: website Trường, 10/2024)



Ảnh 4. Hội thi nghiệp vụ sư phạm cấp trường của trường ĐHSPTHN (nguồn: fanpage hnuv, tháng 11/2024)



Ảnh 5. Một số hoạt động văn nghệ và thể thao của trường ĐHSPhN trong các dịp kỷ niệm của nhà trường (nguồn: fanpage hnuet, tháng 10/2024)

2. Trường đại học Ngoại thương



Ảnh 1. Diễn đàn Quốc tế hóa giáo dục đại học lần thứ 7 tổ chức tại trường ĐHTT
(nguồn: website Trường ĐHTT, tháng 11/2024)





Ảnh 2. Tổ chức tết cho sinh viên tại trường ĐHNT
(nguồn: fanpage ftu, tháng 1/2024)



Ảnh 3. Cuộc thi sinh viên khởi nghiệp cấp trường ĐHNT
(nguồn: fanpage FTU, tháng 1/2024)

3. Trường đại học Giao thông vận tải



Ảnh 1. Bức phù điêu “Giảng đường truyền thống” của Trường ĐHGTVT
(NCS chụp, tháng 8/2024)



Ảnh 2. Lễ tiếp nhận thiết bị tài trợ của công ty TNHH Siemens và công ty VBTECH cho trường ĐHGTVT (nguồn: website Trường, tháng 1/2024)



Ảnh 3. Hội nghị tổng kết nghiên cứu khoa học của sinh viên năm học 2023 -2024
(nguồn: fanpage utc, tháng 5/2024)